

MỤC LỤC TRA CỨU BỘ GIÁO ÁN DẠY THÊM VĂN 7
KẾT NỐI TRI THỨC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ - Lời ngỏ - Ôn tập văn bản Bầy chim chìa vôi - Ôn tập văn bản Đi lấy mật - Ôn tập văn bản Ngàn sao làm việc - Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ. - Tóm tắt văn bản có độ dài ngắn khác nhau - Nói và nghe trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm (Các văn bản có bài tập trắc nghiệm, nhiều bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình SGK)	1 15 24 35 47 53
2	BÀI 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN - Ôn tập văn bản Đồng dao mùa xuân - Ôn tập văn bản Gặp lá cơm nếp - Thực hành tiếng Việt Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh - Tập làm bài thơ 4, 5 chữ, rèn kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ 4 chữ, 5 chữ. - Nói và nghe trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.	64 76 88 92
3	BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG - Ôn tập văn bản Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ - Ôn tập văn bản Người thầy đầu tiên - Ôn tập văn bản Quê hương - Thực hành tiếng Việt Sử dụng số từ và phó từ - Rèn kĩ năng viết: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	102 118 135 139 145
4	BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC - Ôn tập văn bản: Mùa xuân nho nhỏ - Ôn tập văn bản: Gò me - Ôn tập văn bản Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi. - Thực hành tiếng Việt: Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh. - Rèn kĩ năng viết bài văn biểu cảm về sự việc, con người. - Nói và nghe: Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng	160 170 176 180 182 187
5	BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN	

	- Ôn tập văn bản Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt. - Ôn tập văn bản Chuyện cơm hến - Ôn tập văn bản: Hội lồng tồng - Thực hành tiếng Việt Từ ngữ địa phương - Nói và nghe trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại	197 204 213 218 223
6	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I - Hướng dẫn ôn tập, luyện đề theo ma trận đặc tả mới nhất (10 bộ đề ôn luyện)	250

MỤC LỤC BỘ DẠY THÊM VĂN 7 KẾT NỐI TRI THỨC KÌ II

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	BÀI 6 BÀI HỌC CUỘC SỐNG - Ôn tập văn bản Đẽo cày giữa đường - Ôn tập văn bảnẾch ngồi đáy giếng - Ôn tập văn bản Con mối và con kiến - Ôn tập văn bản Con hổ có nghĩa - Ôn tập văn bản Một số câu tục ngữ Việt Nam - Thực hành tiếng Việt: Thành ngữ, nói quá - Rèn kĩ năng viết bài văn nghị luận về vấn đề trong đời sống. - Hướng dẫn nói và nghe Kể lại mộ câu chuyện ngụ ngôn (Các văn bản có bài tập trắc nghiệm, nhiều bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình SGK)	1-9 17 23 33 43 54 62 65
2	BÀI 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG - Ôn tập văn bản Cuộc chạm trán trên Đại Dương - Ôn tập văn bản Đường vào trung tâm vũ trụ - Ôn tập văn bản Dấu ấn Hồ Khanh - Thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết, dấu câu (Nhận biết công dụng dấu chấm lửng...) - Ôn tập kĩ năng viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử. - Nói và nghe Thảo luận về vai trò công nghệ đối với đời sống con	66-77 92 97 100 104

	người. (Các văn bản có bài tập trắc nghiệm, nhiều bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình SGK)	
3	BÀI 8: TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH - Ôn tập văn bản bản đồ dẫn đường - Ôn tập văn bản bản Hầy cầm lấy mà đọc - Ôn tập văn bản bản Nói với con - Thực hành tiếng Việt Phương tiện liên kết, từ liên kết, thuật ngữ. - Rèn kĩ năng làm bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Hướng dẫn nói và nghe: Trình bày vấn đề về đời sống (Các văn bản có bài tập trắc nghiệm, nhiều bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình SGK)	
4	BÀI 9: HOÀ ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN - Ôn tập văn bản Thủy tiên tháng một - Ôn tập văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô - Ôn tập văn bản Bản tin về hoa Anh đào - Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những yếu tố Hán Việt đó - Rèn kĩ năng viết bài văn thuyết minh về quy tắc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Nói và nghe giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. (Các văn bản có bài tập trắc nghiệm, nhiều bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình SGK)	
5	BÀI 10: TRANG SÁCH CUỘC SỐNG - Ôn tập văn bản Vẻ đẹp giản dị chân thực của Quê nội Võ Quảng. - Ôn tập văn bản Mon và Mên đang ở đâu - Nói và nghe Ngày hội đọc sách (Các văn bản có bài tập trắc nghiệm, nhiều bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình SGK)	
6	ÔN TẬP HỌC KÌ II Các đề kèm ma trận đặc tả, Cấu trúc mới nhất theo đề của Bộ GD	

HỌC KÌ II

BÀI 6: BÀI HỌC CUỘC SỐNG

A. Mục tiêu cần đạt

- Ôn tập những kiến thức cơ bản về truyện ngụ ngôn: Đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật chủ đề.
- Ôn tập về tục ngữ: Số lượng câu, chữ, vần.
- Ôn tập về thành ngữ, tác dụng của phép tu từ nói quá.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề ý kiến của người viết đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng
- Biết kể lại một câu chuyện ngụ ngôn: Kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt hấp dẫn.
- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm dân gian của người xưa để rèn luyện đức tính: Khiêm tốn, cẩn thận, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

B. Nội dung

ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐẼO CÂY GIỮA ĐƯỜNG

(Truyện ngụ ngôn Việt Nam)

A. Tìm hiểu chung

1. Khái niệm về truyện ngụ ngôn

- Loại truyện dân gian kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện loài vật, đồ vật, hoặc con người để nói bóng gió kín đáo chuyện con người.
- Nhằm khuyên răn bài học bổ ích.

2. Đặc điểm

Ngụ ngôn là một kiểu truyện phúng dụ bằng thơ hoặc văn xuôi rất ngắn mang nội dung giáo dục đạo đức.

Đặc điểm của thể loại truyện ngụ ngôn:

- Phê phán thói hư tật xấu của con người trong xã hội: bệnh chủ quan, tham lam ích kỉ, đoán mò, thói huênh hoang,...
- Đả kích giai cấp (thống trị): nhất là trong xã hội cũ thói đời ngang ngược, những kẻ đạo đức giả nhân giả nghĩa. Tài liệu của Nhung tây
- Đưa ra những lời khuyên cho con người về cách đối nhân xử thế, về lối sống, sức mạnh của đoàn kết, vai trò của việc gắn liền lý thuyết với thực tiễn.

B. Nội dung

I. Tìm hiểu chung

- Tóm tắt: Truyện kể về một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng mua gỗ về để đẽo cày bán. Khi anh thực hiện công việc có nhiều người góp ý. Mỗi lần nghe người khác góp ý, anh ta lại sửa cái cày của mình. Cuối cùng anh làm những cái cày rất to phải sức voi mới kéo được. Kết cục anh chẳng bán được cái cày nào, vốn liếng cũng hết sạch.

a. Hoàn cảnh của người thợ mộc (5')

Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.

b. Việc đẽo cày của người thợ mộc

- Có rất nhiều người xem anh ta đẽo cày và mỗi người góp một ý khác nhau:

+ Lần 1: Phải đẽo cao, to mới dễ cày.

=> Cho là phải – đẽo

+ Lần 2: Phải đẽo nhỏ, thấp hơn.

=> Cho là phải – đẽo

+ Lần 3: Phải đẽo to gấp đôi, gấp ba cho voi cày.

=> Liền đẽo ngay

- Mỗi người góp một ý, anh thợ mộc đều cho là phải, thấy có lí và làm theo.

=> Anh thợ mộc không có chính kiến của bản thân mình, luôn bị động, thay đổi theo ý của người khác.

c. Kết quả của việc đẽo cày

- Anh ta bày đầy hàng ra nhưng không ai mua.

- Tất cả gỗ đẽo đều hỏng hết.

- Vốn liếng đi đời nhà ma. Tài liệu của Nhung tây

=> Anh thợ mộc hết vốn liếng, không đạt được kết quả mong muốn.

- Khi muốn làm gì, cần tìm hiểu rõ về cách làm, xác định mục đích rõ ràng.

- Con người cần biết cố gắng, nỗ lực để thực hiện những điều mình mong muốn.

- Mỗi người cần biết lắng nghe có chọn lọc, có chủ kiến của bản thân, kiên định, không nên cả tin người khác, ai nói gì cũng làm theo.

3. Đánh giá

+ Nghệ thuật

- Truyện ngụ ngôn. Kể chuyện ngôi 3.

- Tình tiết có mức độ tăng dần.

- Kết thúc truyện gắn với bài học sâu sắc trong cuộc sống

+ Nội dung

- Câu chuyện kể về người thợ mộc đeo cày theo ý người khác dẫn đến kết quả mất hết vốn liếng. Tài liệu của Nhung tây

- Qua đó, tác giả dân gian nhắc nhở mỗi người cần có chính kiến, kiên định, biết lắng nghe có chọn lọc, không nên vội vàng nghe theo lời người khác.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Trong cuộc sống con người bất kể làm việc gì dù lớn hay nhỏ, dù đại sự hay chuyện vặt vãnh nếu không có chính kiến thì sớm muộn cũng thất bại. Và chẳng nói đâu xa câu chuyện ngụ ngôn “Đeo cày giữa đường” chính là một ví dụ điển hình về chính kiến khiến nhiều người phải suy ngẫm. Tài liệu của Nhung tây

Câu chuyện ngụ ngôn kể về một anh chàng có được một khúc gỗ lớn. Anh ta định đeo nó thành một chiếc cày để tăng năng suất lao động hay bán đi kiếm lời. Thế nhưng chẳng biết do chủ quan hay yếu tố nào đó anh ta quyết định ngồi giữa đường để đeo cày. Nhưng cũng chính vì không biết giữ chính kiến của mình mà từ một khúc gỗ to anh có đã biến thành một cục gỗ vô dụng. Mỗi người qua đường một ý kiến, và ý kiến nào anh chàng cũng thấy đúng và làm theo. Rồi đến lúc chẳng còn lại gì nữa, và thất bại.

Thế mới biết rất chính kiến có vai trò vô cùng quan trọng đối với bất cứ ai và bất cứ việc gì. Con người có chính kiến và bảo vệ chính kiến của mình đến cùng thì mới có thể thành công được. Tài liệu của Nhung tây Bởi lẽ trong cuộc sống có rất nhiều ý kiến trái chiều, mười người yêu thì cũng có đến chín người ghét...nếu bạn không giữ vững tư tưởng dễ bị lung lay thì chẳng mấy chốc mà suy sụp.

Quay trở lại câu chuyện anh đeo cày trên giá như anh có chính kiến của mình không chịu tác động của người này người kia thì rất có thể thành quả của anh đã vô cùng ngọt ngào rồi. Con người sinh ra không phải ai cũng có một trí tuệ siêu phàm, một cái nhìn bao quát tất cả. Thế nhưng dù có ở trong bất kì hoàn cảnh nào thì kiên định phải đứng đầu. Phải biết bảo vệ ý kiến của mình đến cùng. Sự bảo vệ ý kiến này không phải mang tính tiêu cực là bảo thủ mà nên biết tiếp thu cái đúng, sửa chữa cho hoàn hảo đồng thời loại bỏ cái sai lệch.

Trong một tập thể thì biết dung hòa ý kiến bản thân với tập thể không phải nhất nhất nghe theo ý mình vì nó sẽ biến bạn trở nên chuyên quyền và độc đoán. Những người chuyên quyền độc đoán sẽ khó được thành công và dễ bị cô lập. Tài liệu của Nhung tây

Cuộc sống của con người chỉ sống có một lần vì thế thật đáng tiếc nếu chúng ta không sống vì mình. Sống chỉ nghe theo ý kiến của người khác sẽ biến chúng ta thành những người thụ động và ỉ lại, thiếu đi sự sáng tạo. Vì vậy chúng ta hãy trở thành những người vừa có chính kiến chủ quan vừa biết tiếp thu những cái mới một cách có chọn lọc nhất.

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Văn bản Đẽo cày giữa đường thuộc loại truyện?

A. Truyện truyền thuyết

B. Truyện ngụ ngôn

C. Truyện cổ tích

D. Truyện cười

Câu 2: Phương thức biểu đạt của văn bản?

A. Miêu tả

B. Tự sự

C. Nghị luận

D. Thuyết minh

Câu 3: Câu chuyện được kể theo ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất số ít

B. Ngôi thứ 2

C. Ngôi thứ 3

D. Ngôi 1 và ngôi 3

Câu 4: Hành động của người thợ mộc mỗi khi nhận được lời khuyên của người qua đường.

A. Khi người ta bảo đẽo cày nhỏ, anh đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp.

B. Khi người ta bảo đẽo cày to, anh đẽo cày vừa to, vừa cao.

C. Khi người ta bảo đẽo cày to gấp ba, anh ta liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy thứ bình thường.

D. Thực hiện cả 3 nội dung trên

Câu 5: Vì sao người thợ mộc không bán được cày?

A. Người thợ mộc không bán được cày vì anh ta đã nghe theo lời khuyên của rất nhiều người nhưng không có chính kiến riêng của mình nên đã mất cả cơ nghiệp.

B. Vì cày của anh không đẹp

C. Vì cày của anh không đáp ứng được nhu cầu của nhà nông

D. Người thợ mộc không bán được cày vì cày của anh không cày được ruộng

Câu 6: Bài học rút ra từ câu chuyện

A. Chúng ta nên học cách yêu thương san sẻ với mọi người. những điều nhỏ nhặt nhất với những người xung quanh.

B. Khi yêu thương san sẻ với mọi người, cuộc sống này sẽ trở nên vui vẻ và hạnh phúc hơn.

C. Trong cuộc sống cần phải biết chia sẻ giúp đỡ nhau để tồn tại và phát triển

D. Cả ba nội dung trên

Câu 7: Ý nghĩa của câu chuyện

A. Phê phán người không có chính kiến lập trường người thiếu kiên trì.

B. Phê phán những kẻ sống ỷ lại, dựa dẫm

C. Phê phán những kẻ coi thường người khác

D. Phê phán những kẻ hay khoe khoang

2. Dạng Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Cửa hàng anh ta ở ngay bên vệ đường. Người qua, kẻ lại thường ghé vào xem anh ta đẽo bắp cày.

Một hôm, một ông cụ nói:

- Phải đẽo cho cao, cho to thì cày mới dễ.

Anh ta cho là phải, đẽo cái nào cũng vừa to, vừa cao.

Mấy hôm sau, một bác nông dân rẽ vào, nhìn đống cày, lắc đầu nói:

- Đẽo thế này thì cày sao được! Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn mới dễ cày.
Nghe cũng có lí, anh ta liền đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp. Nhưng hàng đầy ra ở cửa, chẳng ai mua. Chợt có người đến bảo:

- Ở miền núi, người ta vỡ hoang, toàn cày bằng voi cả. Anh mau đẽo cày to gấp đôi, gấp ba như thế này thì bao nhiêu bán cũng hết, tha hồ mà lãi.

Nghe nói được nhiều lãi, anh ta đem hết số gỗ của nhà còn lại đẽo toàn loại cày để cho voi cày. Nhưng ngày qua, tháng lại, chẳng thấy ai đến mua cày voi của anh ta cả. Thế là bao nhiêu gỗ anh ta đẽo hỏng hết, cái thì bé quá, cái thì to quá. Vốn liếng đi đời nhà ma. Khi anh ta biết cả tin là dại thì đã quá muộn!

(Đẽo cày giữa đường, theo Trương Chính Sgk Ngữ văn 6 tập I, NXBGD)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện gì?

Câu 2. Em hiểu thế nào là “cả tin”?

Câu 3. Tại sao vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma”?

Câu 4. Nếu là anh thợ mộc, em sẽ làm gì khi nghe những lời mách bảo như trong truyện? Bài học em rút ra từ truyện trên là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Văn bản thuộc thể loại: Truyện ngụ ngôn

Câu 2: Giải nghĩa từ “cả tin”: Là tin ngay một cách dễ dãi mà không cần suy xét

Câu 3: Vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma” là vì:

- Anh ta làm việc không có chủ kiến.

- Quá cả tin, không suy xét kĩ lưỡng những lời góp ý của người khác.

Câu 4: * Nếu là anh thợ mộc khi nghe những lời mách bảo như trong truyện thì em có thể:

- Yên lặng lắng nghe, cảm ơn họ. Tài liệu của Nhung tây

- Suy nghĩ, tìm hiểu kĩ hơn những mách bảo đó có đúng và phù hợp với công việc của mình rồi mới làm theo nếu chưa phù hợp thì cần chỉnh sửa...

* Bài học rút ra từ truyện là:

- Khi làm việc phải có chủ kiến.

- Cần suy xét kĩ khi nghe ý kiến góp ý của người khác.

3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó như thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.”

(Trích Thầy bói xem voi)

Câu 1: Văn bản ấy thuộc thể loại nào của truyện dân gian, nêu khái niệm về thể loại đó? Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được? Hãy kể tên hai tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 6 cùng thể loại với văn bản đó?

Câu 2: Nhân vật chính trong văn bản em vừa tìm được là ai? Giữa họ có những điểm chung gì?

Câu 3: Cách xem voi của họ có gì đặc biệt ?

Câu 4: Tìm 2 cụm danh từ trong đoạn văn trên và sắp xếp vào mô hình cụm danh từ.

Câu 5: Văn bản em vừa tìm được đem đến bài học gì cho bản thân em?

Gợi ý trả lời

Câu 1

- Thể loại: Truyện ngụ ngôn

- Khái niệm: **Truyện ngụ ngôn:**

+ Là loại truyện dân gian kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

+ Nhân vật: Mượn chuyện về loài vật, con vật hay chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người.

+ Ý nghĩa: Nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

- PTBD chính: Tự sự

- Hai tác phẩm:Ếch ngồi đáy giếng, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

Câu 2:

- Nhân vật chính: 5 ông thầy bói

- Điểm chung: đều bị mù và chưa biết hình thù con voi

Câu 3:

- Điểm đặc biệt trong cách xem voi: Năm ông thầy bói “xem voi” bằng cách “sờ” con voi, con voi lại rất to nên mỗi thầy chỉ sờ một bộ phận của con voi mà thôi. Nhưng thầy nào cũng nghĩ mình đã xem đủ cả con voi rồi.

- Cách xem voi của năm ông thầy bói không phải là cách xem thông thường, rất chủ quan, phiến diện nên nhận thức của các thầy về con voi còn chưa đầy đủ. Cách xem voi đó rất dễ dẫn tới chỗ có những nhận định không đúng về đối tượng được xem. Năm ông thầy bói này đã đưa ra những kết luận sai lầm khi xem voi bằng cách đó. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4

2 CDT: Năm ông thầy bói, năm thầy

Câu 5

Bài học:

+ Muốn kết luận đúng về một sự vật, hiện tượng, cần xem xét toàn diện, nhìn nhận trên nhiều khía cạnh

+ Đối với các sự vật khác nhau, phải có cách xem xét sự vật phù hợp với từng đối tượng

+ Trong cuộc sống, con người không nên bảo thủ, cần lắng nghe ý kiến của người khác

+ Không nên dùng vũ lực để giải quyết vấn đề.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Đoạn, năm thầy ngồi bàn tán với nhau

Thầy sờ vòi bảo:

- Tưởng con voi nó thế nào, hoá ra nó sun sun như con đĩa.

Thầy sờ ngà bảo:

- Không phải! Nó dài dài như cái đòn càn.

Thầy sờ tai bảo:

- *Đâu có! Nó bè bè như cái quạt thóc.*

Thầy sờ chân cãi:

- *Ai bảo? Nó sừng sừng như cái cột đình.*

Thầy sờ đuôi lại nói:

- *Các thầy nói sai cả. Chính nó tua tua như cái chổi xể cùn.*

Năm thầy, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu.”

(Trích truyện ngụ ngôn Thầy bói xem voi)

Câu 1 Văn bản trên thuộc thể loại nào? Trình bày khái niệm thể loại đó.

Câu 2: Sai lầm của năm ông thầy bói ở đây là gì?

Câu 4: Tìm các cụm tính từ trong đoạn văn và xếp vào mô hình CTT

Câu 5: Trình bày giá trị nội dung của văn bản chứa đoạn văn trên. Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời

Câu 1

- Thể loại: Truyện ngụ ngôn

- Khái niệm: **Truyện ngụ ngôn:**

+ Là loại truyện dân gian kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

+ Nhân vật: Mượn chuyện về loài vật, con vật hay chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người.

+ Ý nghĩa: Nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

- PTBD chính: Tự sự

- Hai tác phẩm:Ếch ngồi đáy giếng, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

Câu 2:

Sai lầm của 5 ông thầy bói:

- Sai lầm trong cách xem voi: Mỗi người chỉ sờ một bộ phận thay vì toàn diện

- Sai lầm trong cách phán về voi: Tưởng bộ phận là toàn thể, không chịu lắng nghe ý kiến của người khác, khẳng định cho rằng ý kiến của mình là đúng

Sai lầm của họ là sai lầm trong cách nhận thức: Họ tưởng bộ phận là toàn thể, chủ quan cho rằng mình là đúng. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3

Nội dung văn bản:

- Truyện kể về năm ông thầy bói xem voi, mỗi người sờ một bộ phận rồi phán về cả coi voi, ai cũng cho mình là đúng, họ cãi nhau, chẳng ai chịu ai, cuối cùng dẫn đến đánh nhau toác đầu chảy máu

- Từ câu chuyện chế giễu cách xem và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện khuyên nhủ con người muốn nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng phải dựa trên nhiều khía cạnh

Câu 4:

- Viên Quan là người ra đố

- Nội dung câu đố: Trâu của cha em bé cày một ngày được mấy đường

Câu 5: Giá trị nội dung

3 CĐT: chưa biết trả lời thế nào hỏi vặn lại quan , cày một ngày được mấy đường

3. Dạng viết ngắn

Giải thích thành ngữ: Đẽo cày giữa đường

Câu thành ngữ này hàm ý chỉ kẻ hành động ngu ngốc, không có chủ kiến, luôn bị động nên hay thay đổi theo ý kiến người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì. Còn có câu: Đờ ba phải Mười rằm cũng ư, mười tư cũng gặt.

Chuyện kể:

Một người ngồi trên đường đẽo cày. Có người đi qua, trông thấy khuyên:

- Ồ, cái tay cày to quá, khó cầm. Anh nên đẽo cho nó nhỏ hơn có được không?

Anh thợ đẽo cày nghe theo, đẽo cái tay cày nhỏ đi.

Một lát, một người khác đi qua lại bảo:

- Ồ, cái ách cày to quá, kho vác. Anh nên đẽo nó nhỏ đi chút nữa. Anh thợ cày nghe theo lại đẽo nhỏ đi. Lát sau, một người qua đường nhìn thấy bảo:

- Ồ, cái lưỡi cày to quá, khó bầy được đất lên. Tài liệu của Nhung tây

Anh thợ cày làm theo, đẽo nhỏ đi. Người thứ tư qua đường lại bảo:

- Ồ, cái bàn cày phải nghiêng hẳn về một bên thì lật đất mới dễ.

Anh ta lại làm theo. Cứ thế, người nào góp ý anh cũng đẽo lại, cuối cùng cái cày chỉ còn bằng cái đĩa. (1)

Thời nay không ai đi đẽo cày kiểu đó, nhưng cũng còn nhiều người có quyền thì giao việc cho thư ký, trợ lý làm. Đến khi đó thì chủ kiến không còn nữa mà là ý của trợ lý, thư ký. Hơn nữa, có người thiếu tính chủ động, quyết đoán trong công việc nên ai nói cũng gặt, cũng cho là phải. Vậy có khác gì đẽo cày giữa đường.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

THỎ VÀ RÙA

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dẫn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.

Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:

- Đừng có đùa! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.

Rùa mỉm cười:

- Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.

Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.

Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thù khác ở dọc đường cổ võ¹.

Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện điều² chơi cho đỡ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa chiêm thiếp vừa lẩm bẩm:

- Ta cứ chợp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống, ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!

Thế rồi nó dạn chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ịch bò tới.

Nó bò qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.

Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.

(158 Truyện ngụ ngôn Aesop, Phan Như Huyền, 1995)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính và ngôi kể của văn bản.

Câu 2: Đề tài của văn bản trên là gì?

Câu 3: Xác định nhân vật, không gian, thời gian, tình huống của truyện?

Câu 4: Em hãy lí giải vì sao con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy? Tài liệu của Nhung tây

Câu 5: Câu chuyện trên đem đến cho chúng ta bài học gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Ngôi kể: ngôi thứ ba.

Câu 2:

Đề tài: Thất bại và sự kiêu ngạo, chủ quan.

Câu 3:

- Nhân vật: thỏ và rùa (loài vật).

- Không gian: Trong khu rừng, nơi có nhiều loài vật sinh sống.

- Thời gian: Ngày xưa (không xác định cụ thể).

- Tình huống truyện: Bị thỏ chê là chậm chạp, rùa thách thỏ chạy thi trước sự chứng kiến của bá thú. Thỏ ý mình chạy nhanh, xem thường đối thủ nên thua cuộc; rùa chăm chỉ chạy hết sức mình nên đã chiến thắng. Tài liệu của Nhung tây

=> Các yếu tố mang đặc điểm của truyện ngụ ngôn.

Câu 4: Con rùa chạy chậm hơn mà lại chiến thắng thỏ trong cuộc thi chạy vì:

+ Con rùa chăm chỉ, cần mẫn, tự tin, nhẫn nại nên dù chậm, mệt con rùa vẫn không dừng lại -> rùa về đích sớm hơn.

+ Con thỏ chạy nhanh nhưng kiêu ngạo, chủ quan, ỷ lại, trên đường đua còn mãi ngủ nên đã thua cuộc.

Câu 5: Bài học rút ra từ câu chuyện:

- Sự chăm chỉ, cần mẫn, tự tin có thể làm nên chiến thắng. Chậm mà chắc, tự biết sức mình còn hơn nhanh mà ỷ lại, kiêu ngạo, cần phải biết người, biết ta. Tài liệu của Nhung tây

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

ĐEO NHẠC CHO MÈO

Tự bao giờ đến giờ, mèo cứ xơi chuột mãi, nên chuột mới đẻ ra là đã sợ mèo rồi.

Nhưng, con giun xéo lắm cũng quăn, chuột ta lấy thế làm giân. Một hôm, mới hội cả nhau lại làm một làng chuột để chống mèo. Thôi thì đủ mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nổi thành câu ca; nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nên câu ví; nào lại ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đồ; ...

Khi làng dài rặng đã tề tựu đông đủ cả rồi, ông Cống mới lên giọng rằng:

- Cái giống quái kia sở dĩ nó chụp được anh em mình chỉ vì trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi. Bây giờ, bà con ta nên mua một cái nhạc buộc vào cổ nó, để khi nào nó đến, nghe tiếng nhạc, ta biết đường chạy trước, thì nó còn làm gì nổi ta nữa.

Cả làng chuột nghe nói, dẫu mồm, quật đuôi, đều lấy làm phục cái câu chí lí của ông Cống và đồng thanh ưng thuận.

Khi nhạc đã kiếm được rồi, hội đồng chuột lại họp. Con nào con nấy lao xao hớn hờ, bảo nhau đã sắp tới ngày thoát được cái ách ông Miu ranh mãnh rồi.

Nhưng kíp lúc hội đồng hỏi ai dám đem nhạc đeo vào cổ mèo, thì thấy cả hội đồng im

phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả.

Không biết cử ai nào việc đại sự ấy, bất đắc dĩ làng cắt ông Cống phải đi, vì chính ông Cống đã xướng lên cái thuyết đeo nhạc vậy. Tài liệu của Nhung tây

Ấy mới khốn! Nhưng Cống ta trong lòng tuy nao, mà ngoài mặt làm ra bộ bề vệ kẻ cả, nói rằng:

- Tôi đây, chẳng gì nhờ tổ ấm cũng được vào bậc ông Cống, ông Nghè, ăn trên ngồi trước trong làng, có đâu làng lại cắt tôi đi làm cái việc tầm thường ấy được! Trong làng ta nào có thiếu chi người! Tôi xin cử anh Nhắt, anh ấy nhanh nhẩu, chắc làm được việc.

Ấy mới hay! Nhưng Nhắt ta trở mặt láu, cãi lí rằng:

- Làng cắt tôi đi, tôi cũng xin vâng, không dám chối từ. Nhưng tôi, dù bé vậy, mà cũng còn ở chiếu trên, chưa đến nỗi nào. Ông Cống không đi, phải; tôi đây không đi, cũng phải. Để xin cắt anh Chù, anh ấy tuy chậm, nhưng chắc chắn, làng không lo hỏng việc.

Ấy mới không có gì lạ! Chù ta thật thà, không biết cãi sao, ụt ịt nói rằng:

- Tôi là đầy tớ làng, làng sai tôi đi là phải lắm. Nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi đến gần mèo mà mèo thịt tôi đi, thì rồi lấy ai thay tôi mà buộc nhạc được nữa.

Chuột Cống nhanh miệng bảo:

- Mèo nó có vờn là vờn chúng tao, vờn cái anh Nhắt kia, chớ chú mày hôi hám như thế, thì nó bắt mà thềm vào. Thôi cứ nhận đi ngay đi, không được nói lời thôi gì nữa.

Chuột Chù ì ạch phải nhận, vác nhạc đi tìm mèo thật. Khốn chưa trông thấy mèo, mới nghe thấy tiếng, Chù đã sợ run cả mình, không dám tiến. Nhưng sợ lệ làng, sau đánh bạo, phải lại gần, thì thấy mèo quả nhiên không thềm vờn đến thật. Song mèo cũng nhe nanh, giương vuốt, làm cho Chù cảm đầu, vác cái thân ì ạch chạy không chạy khổ về báo cho làng hay. Cả làng nghe báo cũng sợ, bỏ chạy tán loạn, chẳng ai hỏi đến cái nhạc, nó bon đi đâu, và bon tự bao giờ không biết.

Thành ra từ đó, chuột vốn sợ mèo, vẫn hoàn sợ mèo mãi.

Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, In trong sách Ngữ văn 6, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Mèo có biệt tài gì làm cho cả làng chuột phải khiếp sợ?

Câu 3. Trong truyện, tính cách của chuột Cống được bộc lộ như thế nào?

Câu 4. Bài học rút ra từ truyện Đeo nhạc cho mèo là gì?

Câu 5. Truyện Đeo nhạc cho mèo nhằm phê phán ai?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt: Tự sự

Câu 2: Mèo có biệt tài là Mèo có tài rình mò và khéo bắt lén

Câu 3. Trong truyện, tính cách của chuột Cống được bộc lộ: Là kẻ thích huênh hoang nhưng lại hèn nhát. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4. Bài học rút ra từ truyện Đeo nhạc cho mèo là: Ý tưởng phải có tính thực tiễn và tính khả thi cao.

- Kế hoạch đề ra thì phải có người thực hiện, nếu không thì chẳng mang lại kết quả gì.

- Trong cuộc họp, chỉ có một cá nhân thao túng dễ dẫn đến quyết định ảo tưởng, viển vông

Câu 5. Truyện *Đeo nhạc cho mèo* nhằm phê phán: Kẻ đề ra những ý tưởng viển vông, ham sống sợ chết, chỉ bàn mà không dám hành động, trút công việc khó khăn, nguy hiểm cho những người khác.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc câu chuyện sau và trả lời câu hỏi

Đom Đóm và Giọt Sương

Tối hôm đó không có trăng nhưng bầu trời đầy sao sáng. Đom Đóm bay từ bụi tre ngà ra ruộng lúa. Cây đèn của Đom Đóm cứ chớp lên trong đêm, trông đẹp như ngôi Sao Hôm đang nhấp nháy.

Đom Đóm sà xuống chân ruộng bắt mấy con Rầy Nâu hại lúa để ăn lót dạ. Sau đó, cậu ta bay lên một gò cao, đậu lên một bông cỏ may, vừa hóng gió thu về đêm, vừa làm cho cây đèn của mình sáng thêm. Bỗng Đom Đóm nhìn sang bên cạnh và thấy cô bạn Giọt Sương đang đứng trên lá cỏ. Đom Đóm thầm nghĩ: "Ôi! Bạn Giọt Sương thật là xinh đẹp!". Rồi Đom Đóm cất cánh bay quanh Giọt Sương. Lạ thật! Càng đến gần, Đom Đóm lại càng thấy Giọt Sương đẹp hơn. Đom Đóm cất tiếng:

- Chào bạn Giọt Sương, trông bạn lung linh, tỏa sáng như một viên ngọc vậy!

Giọt Sương dịu dàng nói:

- Bạn Đom Đóm ơi! Mình sáng đẹp thế này là vì mình phản chiếu ánh sáng từ các ngôi sao trên bầu trời, có khi còn mờ hơn ánh sáng cây đèn của bạn. Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất, sáng nhất, vì bạn sáng lên được từ chính bản thân mình. Bạn thật đáng tự hào!

Đom Đóm nói:

- Bạn Giọt Sương khiêm tốn quá! Nhưng mình xin cảm ơn bạn về những lời tốt đẹp bạn dành cho mình. Thôi, chào bạn! Mình đi bắt bọn Rầy Nâu hại lúa đây!

Đom Đóm bay đi, Giọt Sương còn nói với theo, giọng đầy khích lệ:

- Xin chúc bạn làm tròn nhiệm vụ của mình để đồng ruộng thêm tươi tốt nhé!

(<http://eTruyen.com>)

Câu 1. Chỉ ra ngôi kể và đặc điểm về cách kể trong truyện *Đom Đóm và Giọt Sương*? Xác định nhân vật chính?

Câu 2. Từ nhất trong câu: *Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất, sáng nhất, vì bạn sáng lên được từ chính bản thân mình* là:

Câu 3. Nghĩa của từ “*nhấp nháy*” trong câu: “*Cây đèn của Đom Đóm cứ chớp lên trong đêm, trông đẹp như ngôi Sao Hôm đang nhấp nháy*”. Em hiểu là gì?

Câu 4. Vì sao càng đến gần, Đom Đóm càng thấy Giọt Sương đẹp hơn?

Câu 5. Tính cách của nhân vật Đom Đóm được thể hiện qua phương diện:

Câu 6. Thái độ của em với nhân vật Giọt sương qua cuộc đối thoại với Đom Đóm. Vì sao em có thái độ đó?

Câu 7. Viết một đoạn văn (khoảng 6 đến 8 dòng) nêu lên bài học cho bản thân từ câu chuyện trên? (Có sử dụng tục ngữ hay thành ngữ và dấu chấm lửng.)

Gợi ý trả lời

Câu 1. Ngôi kể thuộc ngôi thứ 3

Nhân vật chính: Đom Đóm

Câu 2. Từ nhất trong câu: *Mình nghĩ bạn mới là người đẹp nhất, sáng nhất, vì bạn sáng lên được từ chính bản thân mình là: Số từ*

Câu 3. Nghĩa của từ “nhấp nháy” trong câu: “*Cây đèn của Đom Đóm cứ chớp lên trong đêm, trông đẹp như ngôi Sao Hôm đang nhấp nháy*”. là: Bụng Đom Đóm lóe sáng rồi tắt ngay một cách liên tiếp

Câu 4. Càng đến gần, Đom Đóm càng thấy Giọt Sương đẹp hơn vì: Giọt Sương được ánh sáng từ các ngôi sao trên bầu trời và cây đèn của Đom

Câu 5. Tính cách của nhân vật đom đóm được thể hiện thông qua: Ngoại hình; lời nói; hành động; ý nghĩ; đánh giá của nhân vật khác.

Câu 6. Thái độ: yêu mến

Vì bạn Giọt sương có nhiều phẩm chất tốt như cởi mở, chân thành, khiêm tốn, nói năng dịu dàng, lịch sự. Biết động viên, khích lệ người khác. Bạn cũng rất xinh đẹp.

Câu 7.

Bài học:

- Trong giao tiếp, cần nói năng lịch sự với thái độ cởi mở, chân thành.
- Tất cả mọi người, mọi vật đều có vẻ đẹp riêng và cùng góp ích cho cuộc sống này.
- Khi có tâm hồn đẹp, hành động đẹp, con người sẽ tự tỏa sáng

ÔN TẬP VĂN BẢN: ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG (Trang Tử)

I. Kiến thức cơ bản

a. Thể loại: Truyện ngụ ngôn

b. Nội dung

- Truyện "Ếch ngồi đáy giếng": Từ câu chuyện về cách nhìn thế giới bên ngoài chỉ qua miệng giếng nhỏ hẹp của chú ếch, truyện "Ếch ngồi đáy giếng" ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan kiêu ngạo. Tài liệu của Nhung tây
- Thành ngữ: "Ếch ngồi đáy giếng".

c. Bố cục

- Chia làm 2 phần
- Phần 1: từ đầu đến "như một vị chúa tể": Kể chuyện Ếch khi ở trong giếng.
- Phần 2: phần còn lại: Kể chuyện Ếch khi ra khỏi giếng.

II. Phân tích truyện

1. Ếch khi ở trong giếng

- Hoàn cảnh
- Xung quanh chỉ có vài con nhái, cua, ốc nhỏ.
- Hàng ngày, Ếch cất tiếng kêu "ôm ộp" khiến các con vật kia rất sợ.
- Không gian chật hẹp. Cuộc sống đơn giản, trì trệ.

⇒Ếch tự thấy mình oai như một vị chúa tể; bầu trời chỉ bằng cái vung.Ếch hiểu biết nông cạn nhưng lại huênh hoang, kiêu ngạo.

⇒ Môi trường hạn hẹp dễ khiến người ta kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.

2.Ếch khi ra khỏi giếng

- Không gian mở rộng
- Ếch có thể "đi lại khắp nơi".
- Nhàng nháo nhìn lên bầu trời, chẳng thèm để ý đến xung quanh.
- Ếch bị một con trâu giẫm bẹp. Tài liệu của Nhung tây

⇒ Không nhận thức rõ giới hạn của mình sẽ bị thất bại thảm hại.

3. Bài học và ý nghĩa

- Bài học rút ra
- Dù hoàn cảnh môi trường sống hạn chế cũng không được tự bằng lòng, ngộ nhận về mình mà phải cố gắng học tập để vươn lên.
- Ý nghĩa
- Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà lại huênh hoang.
- Khuyến nhủ con người phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo

III. Tổng kết

1. Giá trị nội dung

- Phê phán cách nhìn thế giới hạn hẹp củaẾch vì huênh hoang, kiêu ngạo nên có kết cục bi thảm

2. Giá trị nghệ thuật

- Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống.
- Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.
- Tình huống bất ngờ, hài hước, kín đáo.
- Kể chuyện tưởng tượng.
- Sử dụng ẩn dụ, nhân hóa, so sánh.
- Lời kể ngắn gọn nhưng thâm thúy.
- Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người.

DÀN Ý CHI TIẾT

1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về câu ngụ ngôn.
- Ngụ ngôn là truyện kể dân gian bằng văn xuôi hay bằng thơ, mượn chuyện về loài vật, đồ vật, cây cỏ ... làm ẩn dụ, hoặc chính chuyện của con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện đời, chuyện người, nhằm nêu lên bài học luân lý.
- Giới thiệu khái quát về truyệnẾch ngồi đáy giếng.
- Ếch ngồi đáy giếng là một câu chuyện quen thuộc, chứa đựng bài học mang ý nghĩa sâu sắc về cách làm người.

2. Thân bài

- Kể tóm tắt lại phần đầu câu chuyện: TruyệnẾch ngồi đáy giếng là một câu chuyện kể về một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nhỏ cùng với những loài vật như nhái, cua, ốc. Vì sống lâu ngày trong giếng và bị tách biệt với thế giới bên ngoài nên ếch ta rất kiêu ngạo. Sự

kiêu ngạo của ếch được thể hiện qua việc: “Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật bé nhỏ kia rất hoảng sợ”.

- Phân tích ý nghĩ tự cho mình là nhất của chú ếch.

- Vì sống lâu ngày trong một không gian hẹp cùng các loài sinh vật bé nhỏ nên ếch nghĩ mình là chúa tể, những con vật xung quanh đều phải khiếp sợ nó. Với ý nghĩ đó, ếch tự cho mình là nhất, không có một loài vật nào có thể chế ngự được nó. Và trong suy nghĩ của nó: trời chỉ bằng cái vung. Tài liệu của Nhung tây

- Đây là một suy nghĩ hoàn toàn sai lầm, sự sai lầm này thể hiện qua cái kết của câu chuyện.

- Kết truyện: nhờ một cơn mưa, nước trong giếng dâng lên, đưa ếch ta ra ngoài. Ếch được đến với một thế giới rộng lớn hơn, khác hẳn nơi đáy giếng chật hẹp kia, thế nhưng tính cách của ếch chưa bao giờ thay đổi. Nó vẫn muốn được làm chúa tể và huênh hoang đi lại khắp nơi, cất tiếng kêu ộp ộp. Thế nhưng cũng vì kiêu ngạo, không để ý đến xung quanh mà ếch ta đã bị con trâu đi qua dẫm bẹp.

- Ý nghĩa của kết truyện: vì tính huênh hoang mà ếch ta đã nhận phải một kết cục quá đau lòng.

- Bài học rút ra:

- Nhằm khuyên răn mọi người không nên có những lối sống cao ngạo, có cái nhìn thiên cận, không tìm hiểu thế giới bên ngoài.

- Giáo dục con người sống khiêm tốn, thật thà và phải biết học hỏi thêm về thế giới bên ngoài.

- Liên hệ thực tế:

- Trong cuộc sống vẫn còn rất nhiều người có tính cách tự cao, tự đại.

3. Kết bài

- Nêu suy nghĩ về truyện: đây là một câu chuyện chứa đựng nội dung sâu sắc, nêu lên bài học quý giá cho mọi người.

- Rút ra bài học cho bản thân: không nên kiêu căng, tự phụ, khiêm tốn khiêm nhường và luôn học hỏi, trau dồi kiến thức

BÀI MẪU THAM KHẢO

Truyện ngụ ngôn vốn là những câu chuyện đúc kết những bài học vô cùng giá trị của ông cha truyền lại cho đời sau. Đó đều là những lời răn dạy quý báu mà người đời sau cần đọc và học hỏi. Một trong số những câu chuyện ngụ ngôn làm em ấn tượng nhất đó là câu chuyện: Ếch ngồi đáy giếng. Một câu chuyện quen thuộc, đơn giản nhưng chứa đựng bài học sâu sắc về cách làm người. Tài liệu của Nhung tây

“Có một con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nhỏ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ.” Do đã sống lâu ngày trong cái giếng nhỏ, tách biệt với cuộc sống bên ngoài và chỉ tiếp xúc với những con vật nhỏ bé hơn mình nên ếch ta tỏ ra rất kiêu ngạo, bằng chứng là: “Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật nhỏ bé kia rất hoảng sợ.” Trong không gian chật hẹp nơi đáy giếng, ếch ta nghĩ mình là chúa tể, và những con vật xung quanh đều phải khiếp sợ mình. Để rồi ếch tự cho rằng mình là nhất, không loài vật nào có thể chế ngự được nó.

Thế nhưng suy nghĩ đó của chú ếch kia là hoàn toàn sai lầm. Nhờ một cơn mưa, nước trong giếng dâng lên, đưa ếch ta ra ngoài. Ếch được đến với một thế giới rộng lớn hơn, khác hẳn nơi đáy giếng chật hẹp kia, thế nhưng tính cách của ếch chưa bao giờ thay đổi. Nó vẫn muốn được làm chúa tể và huênh hoang đi lại khắp nơi, cất tiếng kêu ộp ộp. Thế nhưng cũng vì kiêu ngạo, không để ý đến xung quanh mà ếch ta đã bị một con trâu đi qua dẫm bẹp. Trong cuộc sống cũng vậy, có rất nhiều người có tính cách giống như chú ếch kia. Luôn luôn kiêu ngạo, tự cao tự đại, cho mình là hơn người. Thế nhưng, nơi chúng ta đang sống, những người chúng ta vẫn gặp chỉ chật hẹp và hạn chế giống như đáy giếng của chú ếch kia chỉ có vài con cua ốc bé nhỏ mà thôi.

Bài học rút ra từ câu chuyện là dù sống trong môi trường nào thì cũng nên là một người khiêm tốn, không nên kiêu căng ngạo mạn. Tài liệu của Nhung tây Vì dù có tài giỏi, có khả năng hơn người thì ngoài kia vẫn luôn có những người có tài năng hơn mình. Và nếu chúng ta tự kiêu như chú ếch kia, rất có thể một ngày nào đó sẽ phải chịu hậu quả “bị một con trâu giẫm bẹp” như vậy.

Truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng” tuy ngắn nhưng chứa đựng nội dung sâu sắc, là bài học cho không chỉ thế hệ học sinh chúng em noi theo mà dành cho tất cả mọi người. Đừng kiêu căng, tự phụ, hãy khiêm tốn khiêm nhường không ngừng học tập trau dồi kiến thức, mở mang tầm hiểu biết đừng như chú ếch coi trời bằng vung rồi phải chịu hậu quả nhớ đời.

Bài văn mẫu 2

Bài văn phân tích Ếch ngồi đáy giếng của học sinh giỏi văn

Trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam truyện ngụ ngôn là một thể loại đặc sắc, đem lại cho người đọc những bài học, những lời khuyên nhủ bổ ích. “Ếch ngồi đáy giếng” là một truyện ngụ ngôn có dung lượng ngắn, nhưng để lại cho người đọc bài học sâu sắc, khuyên nhủ con người không được chủ quan, kiêu ngạo phải không ngừng nỗ lực trau dồi bản thân.

Nhân vật chính của câu chuyện là một con ếch - một loài lưỡng cư có thể sống cả dưới nước và trên cạn. Tài liệu của Nhung tây Trong văn bản, ếch được giới thiệu sống trong một cái giếng, bạn bè hàng xóm của nó chỉ là những con cua, ốc,... nhỏ bé. Bởi vậy nó trở thành con vật to lớn nhất ở đó, cùng với tiếng kêu ồm ộp vang xa khiến các con vật khác đều phải khiếp sợ. Mọi sự hiểu biết của ếch chỉ giới hạn trong khoảng không gian nhỏ hẹp, thế giới bên ngoài với ếch chỉ là chiếc miệng giếng bé bằng cái vung. Bởi vậy, bản thân ếch luôn tự cho mình là chúa tể.

Nhưng năm ấy trời mưa lớn, nước dâng cao đã đưa ếch ra khỏi miệng giếng nhỏ bé chật hẹp. Bản tính vốn là một kẻ kiêu ngạo, hiểu biết nông cạn, lại luôn tự cho mình là nhất nên khi đến một môi trường mới ếch ta vẫn chẳng đề phòng, suy xét tiếp tục giữ tính ngông cuồng như trước. Ếch đi lại nghênh ngang nên đã bị một con trâu đi ngang qua dẫm bẹp. Đó là cái chết thảm thương nhưng cũng hoàn toàn thích đáng cho những kẻ có tầm nhìn hạn hẹp nhưng lại luôn hợm hĩnh, huênh hoang.

Câu chuyện đã đem đến cho người đọc những bài học hết sức ý nghĩa. Truyện trước hết phê phán thói chủ quan, kiêu ngạo, hiểu biết nông cạn, hạn hẹp nhưng lại luôn tự cho bản thân mình là tài giỏi, coi thường những người xung quanh. Không chỉ vậy, truyện còn đưa ra lời khuyên bổ ích cho mọi người, nếu muốn giỏi, muốn tiến bộ thì không thể ngồi mãi mới đáy giếng bé nhỏ mà phải vươn ra ngoài thế giới, không ngừng tích lũy tri thức, trau dồi năng lực của bản thân. Mỗi người phải ý thức được giới hạn, điểm yếu của mình và đưa ra những phương pháp vượt qua những giới hạn đó. Tài liệu của Nhung tây

Truyện kể hết sức ngắn gọn, cô đọng, súc tích dường như không có bất cứ một chi tiết thừa nào trong tác phẩm. Tình tiết và mạch truyện logic, chặt chẽ. Bên cạnh đó nhân vật ngụ ngôn được nhân hóa cùng với tình huống truyện phù hợp với chủ đề truyện đã tạo nên thành công cho văn bản.

Từ câu chuyện trên, người đọc đã tự rút ra cho mình những bài học khác nhau. Ếch ngồi đáy giếng không chỉ phê phán những kẻ hiểu biết nông cạn mà lại huênh hoang, mà còn đem đến lời khuyên nhủ phải luôn nỗ lực, cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của bản thân.

(Nguồn sưu tầm)

II. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

1. Thế nào là truyện ngụ ngôn?

A. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

B. Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.

C. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lý của cuộc sống.

D. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.

2. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết.

B. Thần thoại.

C. Truyện cổ tích.

D. Truyện ngụ ngôn.

3. Truyện nào dưới đây không phải là truyện ngụ ngôn?

A. Tấm Cám.

B. Thầy bói xem voi.

C. Đeo nhạc cho mèo.

D. Ếch ngồi đáy giếng.

4. Trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng*, con ếch sống trong một cái giếng nhỏ, chung quanh nó toàn là những con vật yếu đuối, điều này làm ếch có suy nghĩ thế nào?

A. Ếch tưởng trong thế giới này chỉ có những con vật nhỏ hơn nó.

B. Ếch cho rằng cái giếng là nơi sâu nhất.

C. Ếch tưởng bầu trời nhỏ bé bằng cái vung và nó là một vị chúa tể.

D. Ếch nghĩ nó không có bà con, họ hàng.

5. Khi nước tràn vào giếng và đưa ếch ra ngoài, thái độ của ếch như thế nào khi nhìn thấy cảnh vật chung quanh?

A. Rất lo lắng và sợ sệt vì mọi thứ quá xa lạ.

B. Đắc ý vì cảnh vật mới không bằng nơi nó sinh sống bấy lâu.

C. Nghênh ngang đi lại khắp nơi, dương dương tự đắc vì nghĩ mình là chúa tể của muôn loài.

D. Cười nhạo báng tất cả mọi thứ ếch gặp trên đường.

6. Trong truyện, thực chất ếch là con vật như thế nào?

A. Có tầm hiểu biết sâu rộng và có vốn sống dồi dào.

B. Có vốn sống bình thường nhưng luôn biết học hỏi.

C. Có tầm hiểu biết sâu rộng nhưng không chịu học hỏi những con vật khác ở chung quanh.

D. Có hiểu biết nông cạn, hời hợt nhưng lại thích huênh hoang.

7. Hậu quả của thái độ tự cao, tự đại của ếch là gì?

A. Ếch bị các con vật trên bờ cách li và phải trở về giếng cũ.

B. Ếch bị một con voi giẫm chết,

C. Ếch bị con người bắt và ăn thịt.

D. Ếch bị một con trâu đi qua giẫm cho bẹp dí.

8. Truyện Ếch ngồi đáy giếng phê phán điều gì?

A. Phê phán những kẻ ỷ quyền thế bắt nạt người khác.

B. Phê phán những người hiểu biết nông cạn mà thường tỏ ra huênh hoang, tự cho mình là nhất.

C. Phê phán những người thích khoa trương, cho mình là giàu có.

D. Phê phán những kẻ tham lam, độc ác, thích bòn rút của người khác.

9. Truyện Ếch ngồi đáy giếng khuyên chúng ta điều gì?

A. Phải biết cố gắng học tập, không ngừng mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.

B. Phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

C. Phải biết lượng sức mình, không nên làm những việc vô nghĩa.

D. Phải biết tránh xa những thói hư, tật xấu.

10. Thành ngữ Ếch ngồi đáy giếng thường được dùng để chỉ điều gì?

A. Những người quanh năm sống một chỗ, không đi đến nơi nào khác.

B. Những người không có gì nhưng lại thích khoe khoang.

C. Những người có hiểu biết nông cạn nhưng lại luôn cho mình là người hiểu biết.

D. Những người có vốn sống dồi dào nhưng không biết trau dồi bản thân.

2. Dạng bài tập Đọc - Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Có một con ếch sống lâu ngày trong một giếng nọ. Xung quanh nó chỉ có vài con nhái, cua, ốc, bé nhỏ. Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến con vật kia hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.”

(Ngữ văn 7- tập 1, trang 100)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc thể loại nào của truyện dân gian? Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được? Hãy kể tên hai tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 6 cùng thể loại với văn bản đó?

Câu 2: Nhân vật chính trong văn bản em vừa tìm được là ai? Trình bày ý nghĩa của hình tượng "giếng" và "bầu trời" có trong đoạn văn trên.

Câu 3: Tìm cụm danh từ trong đoạn văn trên và sắp xếp vào mô hình cụm danh từ.

Câu 4: Văn bản em vừa tìm được đem đến bài học gì cho bản thân em?

Gợi ý trả lời

Câu 1

- Văn bản:Ếch ngồi đáy giếng
- Thể loại: Truyện ngụ ngôn
- PTBD chính: Tự sự
- Hai tác phẩm: Thầy bói xem voi, Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

Câu 2:

- Nhân vật chính: Con ếch:
- Ý nghĩa hình tượng giếng và bầu trời:

a. Hình tượng "giếng"

- Là môi trường sống của ếch
- Là nơi có không gian hẹp, khó đi lại, khó có mối liên hệ với môi trường rộng lớn bên ngoài
- Ếch sống ở đáy giếng, một nơi càng hạn hẹp, không thay đổi hơn nữa=> giếng tượng trưng cho môi trường
- Hình tượng giếng tượng trưng cho cuộc sống hạn hẹp, đơn giản và trì trệ, cũng tượng trưng cho tâm hiểu biết bị hạn chế, những kẻ sống trong môi trường hạn hẹp, ở đáy giếng như con ếch dễ chủ quan, ảo tưởng về mình. Tài liệu của Nhung tây

b. Hình tượng bầu trời

- Là môi trường sống mà ếch được nhìn thấy và trải qua sau khi nó bị trận mưa đưa ra khỏi giếng
- Là nơi có không gian rộng lớn, từ giếng ra đến bầu trời, không gian đã được mở rộng, không gian đó chứa đựng những điều lớn lao hơn
- Bầu trời tượng trưng cho cuộc sống rộng lớn, luôn vận động và thay đổi, đó là nơi mà con người phải mở rộng tầm hiểu biết của mình mới có thể thích nghi.

Câu 3:

- Cụm danh từ: một con ếch, một giếng nọ; vài con nhái, cua, ốc, bé nhỏ; cả giếng; con vật kia bầu trời trên đầu; chiếc vung, một vị chúa tể

Câu 4

- Bài học về tinh thần học hỏi:
 - + Dù môi trường, hoàn cảnh sống có hạn hẹp, khó khăn, vẫn phải cố gắng mở rộng hiểu biết của mình bằng nhiều hình thức khác nhau.
 - + Phải biết những hạn chế của mình và phải biết nhìn xa trông rộng.
- => Có học hỏi, con người mới thích nghi được với sự thay đổi của hoàn cảnh
- Bài học về thái độ sống, về tính cách:
 - + Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường người khác. Nếu chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá đắt, thậm chí phải đổi bằng mạng sống.

3. Dạng ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài chương trình

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói ngồi chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó như thế nào. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm thầy chung nhau tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy thì sờ tai, thầy thì sờ chân, thầy thì sờ đuôi.”

(Trích Thầy bói xem voi)

Câu 1: Văn bản trên thuộc thể loại nào của truyện dân gian, nêu khái niệm về thể loại đó? Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được? Hãy kể tên hai tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 6 cùng thể loại với văn bản đó?

Câu 2: Nhân vật chính trong văn bản em vừa tìm được là ai? Giữa họ có những điểm chung gì? Tài liệu của Nhung tây

Câu 3: Cách xem voi của họ có gì đặc biệt?

Câu 4: Tìm 2 cụm danh từ trong đoạn văn trên và sắp xếp vào mô hình cụm danh từ.

Câu 5: Văn bản em vừa tìm được đem đến bài học gì cho bản thân em?

Gợi ý trả lời

Câu 1

- Thể loại: Truyện ngụ ngôn
- Khái niệm: Truyện ngụ ngôn:
 - + Là loại truyện dân gian kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.
 - + Nhân vật: Mượn chuyện về loài vật, con vật hay chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người.
 - + Ý nghĩa: Nhằm khuyên nhủ, răn dạy con người ta bài học nào đó trong cuộc sống.
- PTBD chính: Tự sự
- Hai tác phẩm:Ếch ngồi đáy giếng , Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

Câu 2:

- Nhân vật chính: 5 ông thầy bói
- Điểm chung: đều bị mù và chưa biết hình thù con voi

Câu 3: Điểm đặc biệt trong cách xem voi: Năm ông thầy bói “xem voi” bằng cách “sờ” con voi, con voi lại rất to nên mỗi thầy chỉ sờ một bộ phận của con voi mà thôi. Nhưng thầy nào cũng nghĩ mình đã xem đủ cả con voi rồi.

- Cách xem voi của năm ông thầy bói không phải là cách xem thông thường, rất chủ quan, phiến diện nên nhận thức của các thầy về con voi còn chưa đầy đủ. Cách xem voi đó rất dễ dẫn tới chỗ có những nhận định không đúng về đối tượng được xem. Năm ông thầy bói này đã đưa ra những kết luận sai lầm khi xem voi bằng cách đó. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4. 2 CDT: Năm ông thầy bói, năm thầy

Câu 5. Bài học:

- + Muốn kết luận đúng về một sự vật, hiện tượng, cần xem xét toàn diện, nhìn nhận trên nhiều khía cạnh
- + Đối với các sự vật khác nhau, phải có cách xem xét sự vật phù hợp với từng đối tượng
- + Trong cuộc sống, con người không nên bảo thủ, cần lắng nghe ý kiến của người khác
- + Không nên dùng vũ lực để giải quyết vấn đề.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

TREO BIỂN

1. Ở một cửa hàng bán cá làm cái biển, đề mấy chữ to tướng:

” Ở đây có bán cá tươi” ^[1].

Vừa treo biển lên, có người qua đường xem, cười bảo:

- Nhà này xưa nay quen bán cá ươn ^[2] hay sao mà bây giờ lại phải đề biển là “bán cá tươi”?

Chủ cửa hàng nghe nói thế, xóa ngay chữ “tươi” đi.

2. Hôm sau, có người khác đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Người ta chẳng nhẽ đến hàng mua cá hay sao mà phải đề là “ở đây”!

Chủ cửa hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ “ở đây” đi.

3. Cách vài hôm lại có một người khác đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là “có bán”?

Chủ cửa hàng nghe nói, lại bỏ ngay hai chữ “có bán” đi. Thành ra treo trên biển chỉ còn mỗi một chữ “cá”. Anh ta nghĩ bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ ^[3] gì nữa.

4. Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn lên biển, nói:

- Ôi dào, chưa đi đến đầu phố đã ngửi thấy mùi tanh. Đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá mà còn phải đề biển làm gì?

Thế là nhà hàng cất luôn nốt cái biển đi.

(Theo Truyện cười dân gian Treo biển Nguồn: Kể chuyện 5, trang 66, NXB Giáo dục - 1984)

Câu 1. Truyện Treo biển thuộc thể loại nào?

Câu 2. Xác định phó từ trong câu “ Ôi dào, chưa đi đến đầu phố đã ngửi thấy mùi tanh. Đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá mà còn phải đề biển làm gì?” ?

Câu 3. Trong truyện, sau mỗi lần có người góp ý, chủ cửa hàng đã làm gì? Qua đó em thấy ông chủ cửa hàng trong truyện là người như thế nào? Tài liệu của Nhung tây

Câu 4. Em có nhận xét gì về người chủ cửa hàng trong câu chuyện?

Câu 5. Truyện Treo biển nhắc nhở chúng ta điều gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Truyện Treo biển thuộc thể loại truyện ngụ ngôn

Câu 2. Trong câu “ Ôi dào, chưa đi đến đầu phố đã ngửi thấy mùi tanh. Đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá mà còn phải đề biển làm gì?”, phó từ là đã

Câu 3. Lập tức bỏ ngay chữ dư thừa trên tấm biển sau đó lại treo lên

- Ông chủ là người Thiếu tính quyết đoán, làm việc mà không có lập trường

Câu 4. - HS nêu được nhận xét: Ông chủ cửa hàng là người cả tin nghe theo lời người khác, mà không có chính kiến của mình.

Câu 5. - HS rút ra được bài học qua câu chuyện: Trong cuộc sống, khi làm một công việc gì cần suy nghĩ thấu đáo, phải có lập trường riêng, phải có tính quyết đoán. Đặc biệt phải có chính kiến khi tiếp thu ý kiến người khác

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày. Cửa hàng anh ta ở ngay bên vệ đường. Người qua, kẻ lại thường ghé vào xem anh ta đẽo bắp cày.

Một hôm, một ông cụ nói:

- Phải đẽo cho cao, cho to thì cày mới dễ.

Anh ta cho là phải, đẽo cái nào cũng vừa to, vừa cao.

Mấy hôm sau, một bác nông dân rẽ vào, nhìn đống cày, lắc đầu nói:

- Đẽo thế này thì cày sao được! Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn mới dễ cày.

Nghe cũng có lí, anh ta liền đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp. Nhưng hàng đầy ra ở cửa, chẳng ai mua. Chợt có người đến bảo:

- Ở miền núi, người ta vỡ hoang, toàn cày bằng voi cả. Anh mau đẽo cày to gấp đôi, gấp ba như thế này thì bao nhiêu bán cũng hết, tha hồ mà lãi.

Nghe nói được nhiều lần, anh ta đem hết số gỗ của nhà còn lại đẽo toàn loại cày để cho voi cày. Nhưng ngày qua, tháng lại, chẳng thấy ai đến mua cày voi của anh ta cả. Thế là bao nhiêu gỗ anh ta đẽo hỏng hết, cái thì bé quá, cái thì to quá. Vốn liếng đi đời nhà ma. Khi anh ta biết cả tin là dại thì đã quá muộn!

(Đẽo cày giữa đường, theo Trương Chính Sgk Ngữ văn 6 tập I, NXB GD)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện gì?

Câu 2. Em hiểu thế nào là “cả tin”?

Câu 3. Tại sao vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma”?

Câu 4. Nếu là anh thợ mộc, em sẽ làm gì khi nghe những lời mách bảo như trong truyện? Bài học em rút ra từ truyện trên là gì?

Gợi ý trả lời

Câu	Nội dung
Câu 1	- Văn bản thuộc thể loại: Truyện cười
Câu 2	- Giải nghĩa từ “cả tin”: Là tin ngay một cách dễ dãi mà không cần suy xét
Câu 3	Vốn liếng của anh thợ mộc lại “đi đời nhà ma” là vì: - Anh ta làm việc không có chủ kiến. - Quá cả tin, không suy xét kĩ lưỡng những lời góp ý của người khác.
Câu 4	* Nếu là anh thợ mộc khi nghe những lời mách bảo như trong truyện thì em có thể: Tài liệu của Nhung tây - Yên lặng lắng nghe, cảm ơn họ. - Suy nghĩ, tìm hiểu kĩ hơn những mách bảo đó có đúng và phù hợp với công việc của mình rồi mới làm theo; nếu chưa phù hợp thì cần chỉnh sửa... * Bài học rút ra từ truyện là: - Khi làm việc phải có chủ kiến. - Cần suy xét kĩ khi nghe ý kiến góp ý của người khác.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

HAI NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH VÀ CON GẤU

Có hai người bạn đường¹ đi trong rừng thì một chú gấu nhảy ra vồ. Tình cờ, người đi trước túm được một cành cây và ẩn mình trong đám lá. Người kia không biết trông cây vào đâu, đành nằm bẹp xuống đất, mặt vùi trong cát. Gấu đến gần dí mõm vào tai người này ngửi, ngửi mãi,... Nhưng cuối cùng, gấu hú lên một tiếng, lắc đầu rồi lững thững bỏ đi, vì gấu không ăn những con vật chết. Bấy giờ, người trên cây trèo xuống gặp bạn, cười và nói rằng: “Ông Gấu thì thăm gì với cậu điều gì đó?”

“Ông ấy bảo tớ rằng”, người kia nói, “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”

(Truyện ngụ ngôn Ê-dốp, Phạm Khải Hoàn dịch, NXB Văn học, 2013)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2: Xác định tình huống hiểm nghèo trong văn bản? Tình huống đó có tác dụng gì trong việc bộc lộ tính cách nhân vật?

Câu 3: Em hiểu thế nào về lời khuyên: “Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”

Câu 4: Bài học rút ra từ câu chuyện trên. Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: Tình huống hiểm nghèo: Con gấu nhảy ra vồ khi hai người bạn đang đi trong rừng

- Tình huống truyện làm bộc lộ hành động “bỏ bê” bạn bè trong cơn hoạn nạn của một trong hai nhân vật. Từ đó bộc lộ bản chất không tốt của nhân vật đó trong tình bạn này.

- Tình huống làm cho bài học của câu chuyện trở nên rõ ràng, thấm thía hơn.

Câu 3: - Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người không quan tâm đến sự an nguy của ta trong lúc khó khăn, hoạn nạn.

- Người bỏ rơi ta trong lúc hoạn nạn là người chỉ biết đến sự an toàn, lợi ích của bản thân mình.

Câu 4: Bài học rút ra từ văn bản:

- Trước tình huống cụ thể, cần nhận diện được bạn tốt, bạn chưa tốt.

- Cách ứng xử thông minh trước các tình huống nguy hiểm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CHÚ RÙA HỌC BAY

Bên bờ sông có một chú Rùa đang ra sức tập bay.

- Cố lên nào... 1, 2, 3... Cố lên...

Một con Chim Sẻ bay ngang qua, thấy thế liền hỏi:

- Anh Rùa ơi, anh đang làm gì thế?

Rùa thở dài đáp:

- Tôi đang tập bay đấy, Chim Sẻ ạ.

Nghe vậy, Chim Sẻ rất ngạc nhiên, hỏi lại Rùa:

- Sao cơ? Chẳng phải anh đã chiến thắng trong [cuộc thi chạy với Thỏ](#) đó sao? Tất cả là nhờ bốn chiếc chân của anh mà.

Rùa nhăn mặt trả lời:

- Thôi thôi, anh đừng nhắc nữa. Tôi và Thỏ đã thi lại lần nữa. Thỏ không ngủ quên giữa cuộc nữa nên đã dễ dàng thắng tôi. Lần này, khi tập bay được, tôi sẽ quyết đấu một trận nữa với

Thỏ. Tài liệu của Nhung tây

Chim Sẻ cười:

- Nhưng mà anh đâu có cánh!

Nhung Rùa vẫn không lay chuyển.

- Bất kể thế nào tôi cũng phải học bay cho bằng được, Chim Sẻ ạ!

Chim Sẻ lại nói:

- Nhưng anh đâu có cánh thì làm sao mà bay được, tôi khuyên anh nên từ bỏ ý định đó đi thì hơn. Thôi, tôi đi chơi đây!

Chim Sẻ bỏ đi rồi, Rùa đi kiếm về rất nhiều lông chim, may cho mình một đôi cánh tuyệt đẹp. Nó ra sức tập luyện, nhưng đã mấy ngày trôi qua mà vẫn không có gì tiến triển. Rùa nghĩ:

- Thế này không ổn. Mình phải đi mời thầy về dạy mới được.

Ngày hôm sau, Rùa lên đường đi tìm thầy dạy bay. Rong rã mấy ngày, nó đi đến một vách núi cheo leo, hi vọng sẽ tìm được thầy.

Một hôm, Rùa đi tới một vách đá, đột nhiên có một đôi cánh lớn liệng qua. Rùa ta vô cùng ngưỡng mộ, nghĩ bụng:

- Đây chính là người thầy mà mình đang tìm kiếm.

Rùa liền hét to:

- Đại Bàng ơi, xin hãy dạy tôi bay với!

Đại Bàng ân cần nhắc nhở Rùa:

- Tôi và Rùa không giống nhau. Rùa không có cánh, làm sao mà bay được!

Rùa cảm ra đôi cánh tự làm, liền tục xin:

- Đại Bàng xem, tôi có cánh rồi đây này. Xin anh hãy nhận tôi làm đồ đệ đi.

Đại Bàng đành phải chấp nhận lời thỉnh cầu của Rùa.

- Thôi được, nếu Rùa đã quyết thì tôi sẽ giúp. Nhưng tôi không chắc là Rùa sẽ bay được đâu nhé! Tài liệu của Nhung tây

Rùa tự lắp thêm đôi cánh, Đại Bàng nhắc bồng Rùa lên, bay cao hơn những ngọn cây. Rùa thích quá reo lên:

- A ha! Mình sắp biết bay rồi!

Đang bay trên không trung thì Đại Bàng bỏ Rùa ra. Rùa ta giống như điều đứt dây, rơi tự do xuống, mặc cho Rùa cố gắng vỗ đôi cánh tới tấp nhưng không ăn thua gì.

- Cứu với! Ai cứu tôi với...

Rùa rơi thẳng xuống một tảng đá to, khiến cho mai Rùa bị vỡ rạn.

Kể từ đó, trên mai của Rùa có những vết rạn ngang dọc, đó là dấu tích của lần [Rùa học bay với Đại Bàng](#).

Câu 1. Văn bản *Chú rùa học bay* thuộc thể loại truyện dân gian nào?

Câu 2. Để tập bay, Rùa đã chuẩn bị những gì? Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Dấu ba chấm trong câu sau có công dụng gì ?

- Cố lên nào... 1, 2, 3... Cố lên...

Câu 4. Lời khuyên của Chim Sẻ:

- Nhưng anh đâu có cánh thì làm sao mà bay được, tôi khuyên anh nên từ bỏ ý định đó đi thì hơn gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 5. Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ văn bản trên? (Trình bày bằng đoạn văn từ 5-7

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản *Chú rùa học bay* thuộc thể loại truyện ngụ ngôn

Câu 2. Để tập bay, Rùa đã chuẩn bị:

Kiểm thật nhiều lông chim, may cho mình đôi cánh, đi tìm thầy dạy bay

Câu 3. Thể hiện lời nói ngậm ngừ, bỏ dờ, ngắt quãng

Câu 4. - Học sinh trình bày được ý nghĩa lời khuyên của Chim Sẻ. Có thể trình bày ý sau:

+ Hãy nhìn vào thực tế, khả năng của bản thân, đừng ảo tưởng sức mạnh.

Câu 5. - Trình bày bằng một đoạn văn (có độ dài khoảng 5-7 câu)

- Học sinh có thể trình bày nhiều bài học mà bản thân tâm đắc rút ra từ câu chuyện trên, tuy nhiên phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Sau đây là một vài gợi ý: Bài học tâm đắc rút ra:

VD: Tài sản lớn nhất mà bạn có chính là năng lực thực tế của bản thân, chỉ có tự đi trên đôi chân của mình, chúng ta mới có thể vững vàng vượt qua sóng gió và đạt được thành công.

Hoặc: trong cuộc sống, thay vì mù quáng học theo những điều mà mình ngưỡng mộ từ người khác mà không phù hợp với khả năng của bản thân thì hãy phát huy hết sở trường, ưu thế của mình, tự đi trên con đường riêng của mình. Tài liệu của Nhung tây

Hoặc:

Cuộc sống muôn màu, mỗi người sinh ra mang một sắc màu khác nhau, một năng lực khác nhau hãy luôn cố gắng sống là chính mình, bước đi bằng chính đôi chân của mình, rồi thành công sẽ mỉm cười với bạn.

ÔN TẬP VĂN BẢN: CON MỐI VÀ CON KIẾN

(*Nam Hương*)

I. Tác giả tác phẩm

- Nam Hương (1899 - 1960) quê ở Hà Nội

- Ông sáng tác nhiều thơ ngụ ngôn, được in trong các tập *Gương thế sự* (1920), *Ngụ ngôn mới* (1935), *Thơ ngụ ngôn* (1937)...

- Ngoài ra ông còn có những tập thơ thiếu nhi được xuất bản như *Bài hát trẻ con* (1936) hoặc *Thỉnh thoảng có cho in đôi bài thơ trên báo Cậu ấm*.

- **Thể loại:** Thể loại thơ ngụ ngôn

Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

- Tác phẩm *Con mối và con kiến* được trích trong *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập III do Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thương biên soạn và tuyển chọn. Xuất bản tại NXB Giáo dục năm 1999, tr. 805. Tài liệu của Nhung tây

Phương thức biểu đạt: Văn bản *Con mối và con kiến* có phương thức biểu đạt là tự sự kết hợp với biểu cảm

+ **Tóm tắt:** Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ

lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.

+ Bố cục bài Con mỗi và con kiến:

Con mỗi và con kiến có bố cục gồm hai phần:

+2 khổ thơ đầu: Lời của con mỗi

+3 khổ thơ sau: Lời của con kiến

II. Tìm hiểu chi tiết tác phẩm

1. Thái độ của mỗi về lối sống của kiến

- Hoàn cảnh sống: bàn tròn, ghế chéo, nhà cao cửa rộng đầy đủ tiện nghi à sung sướng, no đủ.
- Thái độ: chê bai đàn kiến làm lụng cả ngày mà chẳng khấm khá lên được, thỏa mãn với hoàn cảnh sống của mình; ích kỷ, không sống vì cộng đồng
- Dự báo tương lai: cuộc đời ngắn hạn, dễ thất bại.

2. Hoàn cảnh sống của con kiến

- Hoàn cảnh sống: khó khăn, cực nhọc.
- Thái độ: không đồng tình trước lời nói của mỗi, thẳng thắn đưa ra quan điểm cá nhân; vẫn tiếp tục cần mẫn với công việc; luôn cố gắng vì cộng đồng.

3. Bài học và ý nghĩa

- Lối sống thụ động, nhàn hạ, lười biếng sẽ triệt tiêu cuộc sống của chúng ta.
- Hãy luôn cần cù, chăm chỉ để có một cuộc sống tốt hơn.

4. Đánh giá

+ Giá trị nội dung:

Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mỗi để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững.

+ Giá trị nghệ thuật:

- Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.
- Sử dụng nhân hóa.
- Lời thơ ngắn gọn nhưng thâm thúy.
- Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người.

II. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Nhà văn Nam Hương quê ở đâu?

- A. Phú Thọ B. Nam Định. C. Thanh Hoá **D. Hà Nội**

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ?

- A. Tự sự** B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

Câu 3: Văn bản con mỗi và con kiến thuộc thể loại gì?

- A. Thơ B. Truyện ngắn. **C. Thơ ngụ ngôn** D. Thơ tự do

Câu 4. Quan niệm sống của mỗi biểu hiện như thế nào?

- A. Tích cực chăm chỉ lao động
B. Không muốn lao động, sợ vất vả
C. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng
D. Cả ba nội dung trên đều đúng

Câu 5. Biểu hiện sống của kiến như thế nào?

- A. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng
- B. Vì nhận thức Sinh tồn là cuộc khó khăn nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững.
- C. Quan tâm đến muôn loài trên địa cầu
- D. Tất cả ba đáp án trên

Câu 6. Văn bản đề cập đến nội dung nào?

- A. Phê phán những hạng người lười lao động trong xã hội
- B. Phê phán những hạng người chỉ biết ăn chơi hưởng thụ
- C. Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay.
- D. Phê phán những con người hay khoe không có chính kiến

2. Ngữ liệu Đọc Hiểu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

*Con mối trong nhà trông ra
Thấy một đàn kiến đang tha cái mối
Mối gọi bảo: “ kiến ơi các chú
Tội tình gì lao khổ lắm thay!
Làm ăn tìm kiếm khắp ngày
Mà sao than thế vẫn gầy thế kia
Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc
Mà ồ ồ béo trực béo tròn
Ở ăn ghế chéo bàn tròn
Nhà cao cửa rộng, cửa nhà thiếu đâu?”
Kiến rằng: “Trên địa cầu muôn loại
Hễ có làm thì mới có ăn
Sinh tồn là cuộc khó khăn
Vì đàn vì tổ nên than gầy gò.
Các anh chẳng vun thu xứ sở
Cứ đục vào chỗ mà còn xơi
Đục cho rỗng hết mọi nơi
Nhà kia đổ xuống đi đời các anh”*

(Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập III, Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thường biên soạn và tuyển chọn, NXB Giáo dục, 1999, tr.805)

Câu 1. Xác định thể loại của ngữ liệu trên?

Câu 2. Trong truyện Con mối và con kiến, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ như thế nào qua các lời thoại của chúng?

Câu 3. Theo em thiện cảm của người kể chuyện dành cho Kiến hay cho Mối? Vì sao?

Câu 4. Câu chuyện nói về những người như nào trong xã hội? Qua đó tác giả muốn nói lên điều gì? Tài liệu của Nhung tây

Câu 5. Bài học ý nghĩa từ câu chuyện trên là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Thể loại Thơ ngụ ngôn

Câu 2:

Trong truyện Con mối và con kiến, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ qua các lời thoại của chúng:

- Mối: hưởng thụ, không cần làm cũng có ăn, đi đục khoét những thứ sẵn có.
- Kiến: có làm thì mới có ăn, nếu chỉ đục khoét thì rồi cũng hết của cải mà chết.

Câu 3. Thiện cảm của người kể chuyện được dành cho kiến.

- Biểu hiện qua việc miêu tả mối như một kẻ vị kỉ, lười biếng, chỉ biết hưởng thụ cho “béo trọc béo tròn”, còn kiến tuy gầy gò vất vả nhưng luôn chăm chỉ, cố gắng biết sống vì người người khác, biết lo cho cái chung, biết hướng tới tương lai vững bền, ...

Câu 4. Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững. Tài liệu của Nhung tây

Câu 5. Lối sống thụ động, nhàn hạ, lười biếng sẽ triệt tiêu cuộc sống của chúng ta.

- Hãy luôn cần cù, chăm chỉ để có một cuộc sống tốt hơn.

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

CHÓ SÓI VÀ CỪU NON

“Một con sói đi kiếm ăn cả ngày trong rừng và chưa kiếm được chút gì bỏ vào bụng. Mãi đến gần tối mới thấy một đàn cừu xuất hiện ở phía cửa rừng. Cuối đàn, một chú cừu non đi tụt lại đằng sau, vừa đi vừa nhớn nhợ gặm cỏ. Sói ta mừng quá, vội vàng lao tới áp sát chú cừu non. Thoáng thấy cặp mắt của sói đỏ khè như hai hòn lửa, cừu non hoảng hồn. Nhưng cừu non đã kịp thời nén được sợ hãi, ung dung bước tới trước mặt sói dữ, lễ phép nói:

- Thưa bác, anh chăn cừu sai tôi đến nộp mạng cho bác để tỏ lòng biết ơn bác cả ngày hôm nay không quấy nhiễu đàn cừu chúng tôi. Anh dặn tôi phải hát tặng bác một bài thật hay để bác nghe cho vui tai trước khi ăn thịt tôi cho ngon miệng.

Sói ta không ngờ mình được sự trọng đại như vậy, lấy làm thích chí và cảm động lắm liền cho phép cừu non trở tài ca hát. Cừu non rón hơi, rón sức be lên thật to, tiếng kêu be be lên bổng xuống trầm mỗi lúc một vang xa. Anh chăn cừu nghe được, lập tức vác gậy chạy lại, nện cho sói ta lúc ấy đang vênh tai nghe hát, một trận nện thân.

Cừu non thoát nạn nhờ nhanh trí và can đảm, còn chó sói no đòn, bỏ chạy, vừa chạy vừa than thân:

- Ai đời chó sói mà nghe ca hát! Mối kẻ bên miệng lại để mắc mưu cừu non, đau thật là đau!”

(Theo Võ Phi Hồng, Văn học 6, tập hai, NXB Giáo dục, 1995)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại nào?

Câu 2: Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

Câu 3: Nội dung của đoạn trích trên là gì ? Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: Nhân vật trong đoạn trích trên và trong truyện đồng thoại có điểm gì giống nhau?

Câu 5: Qua câu chuyện trên, em rút ra cho bản thân mình bài học gì?

Gợi ý đáp án

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại truyện ngụ ngôn

Câu 2: Nhân vật chính trong đoạn trích trên là con Sói và Cừu

Câu 3: Nội dung đoạn trích trên là: Đoạn trích ca ngợi sự thông minh, lòng dũng cảm; khuyên chúng ta không nên vội cả tin vào người khác.

Câu 4: HS trình bày được ý kiến của mình (nhân vật là động vật đã được nhân hóa ...)

Câu 5: - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.

- Lý giải được lý do nêu bài học ấy.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

NGƯỜI LÁI BUÔN VÀ CON LỪA

Người lái buôn phải thường xuyên vào thành để mua đồ, và chất lên vai Lừa để trở về nhà. Con Lừa của người lái buôn nghĩ rằng mình rất thông minh, lúc nào cũng thích động não, nghĩ mọi cách để có thể khiến cho đồ mình phải chở càng nhẹ càng tốt.

Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh. Đi được một lúc, người lái buôn và Lừa đi đến một con sông nhỏ, người lái buôn thúc Lừa lội xuống nước. Lừa không cẩn thận đã bị trượt chân, ngã xuống nước. Nước sông đã thấm vào miệng tải muối khiến cho muối bị tan ra rất nhiều.

Khi Lừa ta đứng dậy thì phát hiện ra tải muối mà mình chở đã nhẹ hơn rất nhiều, trong lòng cảm thấy thích chí lắm. Có được kinh nghiệm lần này, mỗi lần qua sông, Lừa ta đều giả vờ trượt chân ngã để cho bớt một ít đồ trên lưng xuống sông. Người lái buôn biết vậy, định bụng sẽ phạt Lừa. Người lái buôn vào trong thành mua một tải bông, và chất lên lưng Lừa. Lại một lần nữa đi qua con sông nhỏ, nhìn thấy sông, Lừa ta vui mừng thầm reo lên, không ngần ngại bước xuống sông. Khi đến giữa sông, Lừa ta lại giả vờ trượt chân ngã. Lừa sung sướng nghĩ: "Khi mà mình đứng lên chắc hẳn đồ trên lưng mình sẽ nhẹ hơn rất nhiều đây".

Nhưng khi Lừa ta vừa mới đứng dậy, đột nhiên thấy đồ trên lưng mình nặng hơn trước rất nhiều. Thì ra, tải bông sau khi hút nước đã trở nên nặng hơn trước rất nhiều. Lừa ta không ngờ trên lưng tải bông nặng như vậy, đành cúi đầu ngậm ngùi đi tiếp không dám than vãn gì.

(<https://sachhay24h.com/top-truyen-ngu-ngon-hay-va-y-nghia>)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện nào?

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

Câu 3. Phép liên kết nào được sử dụng trong hai câu sau: *Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh.* ?

Câu 4. Lừa đã nhận được lại điều gì khi giả vờ trượt chân ngã ở sông ?

Câu 5. Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây nói chính xác nhất về hậu quả của việc làm của Lừa?

Câu 6. Theo em cách phạt của người lái buôn với Lừa có đúng không? Vì sao?

Câu 7. Em rút ra bài học gì qua văn bản này?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện ngụ ngôn

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là Tự sự

Câu 3. Phép liên kết được sử dụng trong hai câu: “*Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh.*” Là phép thế.

Câu 4. Lừa đã nhận được lại điều gì giả vờ trượt chân ngã ở sông: Phải chở bông ngấm nước rất nặng mà không dám than vãn.

Câu 5. Thành ngữ, tục ngữ sau đây nói chính xác nhất về hậu quả của việc làm của Lừa: Ăn gian nó giàn ra đấy. Tài liệu của Nhung tây

Câu 6. HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức). Ví dụ:

- Đồng ý vì Lừa xứng đáng như vậy, cách làm của người lái buôn cho lừa một bài học thấm thía ...

Câu 7. Nêu được bài học phù hợp cho bản thân (có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau). Gợi ý:

- Trong cuộc sống, thành quả luôn đi kèm với nỗ lực, nỗ lực bao nhiêu thì thành quả đạt được bấy nhiêu,

- Không nên vì lười biếng mà gian trá, không cố gắng thực hiện đúng chức phận của mình. Lười biếng, thoái thác công việc sẽ phải nhận hậu quả thích đáng. ...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

RÙA VÀ THỎ

Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:

- Đỡ chậm như sên. Mà cũng đòi tập chạy à ?

- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?

Thỏ vênh tai tự đắc:

- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.

Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhõn nhõn trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thình thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.

Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cầm cố chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.

(Theo Truyện La Phong-ten)

Câu 1. Truyện Rùa và Thỏ thuộc thể loại nào?

Câu 2. Thỏ chế giễu Rùa như thế nào?

Câu 3. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?

Câu 4. Truyện *Thỏ và Rùa* phê phán điều gì?

Câu 5. Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

Câu 6. Qua câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì?

Câu 7. Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói: “*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”. Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời

Câu 1. Truyện *Rùa và Thỏ* thuộc thể loại Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Thỏ chế giễu Rùa: Bảo Rùa là chậm như sên.

Câu 3. Có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ là vì Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.

Câu 4. Truyện *Thỏ và Rùa* phê phán Phê phán những người lười biếng khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo.

Câu 5. Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo. Tài liệu của Nhung tây

Câu 6. Bài học: Chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng nhanh mà chủ quan kiêu ngạo. Chỉ cần chúng ta kiên trì chắc chắn thì sẽ thành công.

Câu 7. Qua câu nói trên ta nhận thấy: Thỏ là kẻ kiêu căng ngạo mạn, chủ quan, coi thường người khác.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

NGƯỜI LÁI BUÔN VÀ CON LỪA

Người lái buôn phải thường xuyên vào thành để mua đồ, và chất lên vai Lừa để trở về nhà. Con Lừa của người lái buôn nghĩ rằng mình rất thông minh, lúc nào cũng thích động não, nghĩ mọi cách để có thể khiến cho đồ mình phải chở càng nhẹ càng tốt.

Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đằng sau thúc Lừa đi nhanh. Đi được một lúc, người lái buôn và Lừa đi đến một con sông nhỏ, người lái buôn thúc Lừa lội xuống nước. Lừa không cẩn thận đã bị trượt chân, ngã xuống nước. Nước sông đã thấm vào miệng tải muối khiến cho muối bị tan ra rất nhiều.

Khi Lừa ta đứng dậy thì phát hiện ra tải muối mà mình chở đã nhẹ hơn rất nhiều, trong lòng cảm thấy thích chí lắm. Có được kinh nghiệm lần này, mỗi lần qua sông, Lừa ta đều giả vờ trượt chân ngã để cho bớt một ít đồ trên lưng xuống sông. Người lái buôn biết vậy, định bụng sẽ phạt Lừa. Người lái buôn vào trong thành mua một tải bông, và chất lên lưng Lừa. Lại một lần nữa đi qua con sông nhỏ, nhìn thấy sông, Lừa ta vui mừng thầm reo lên, không ngần ngại bước xuống sông. Khi đến giữa sông, Lừa ta lại giả vờ trượt chân ngã. Lừa sung sướng nghĩ: "Khi mà mình đứng lên chắc chắn đồ trên lưng mình sẽ nhẹ hơn rất nhiều đây".

Nhưng khi Lừa ta vừa mới đứng dậy, đột nhiên thấy đồ trên lưng mình nặng hơn trước rất nhiều. Thì ra, tải bông sau khi hút nước đã trở nên nặng hơn trước rất nhiều. Lừa ta không

ngờ trên lưng tải bông nặng như vậy, đành cúi đầu ngậm ngùi đi tiếp không dám than vãn gì.

(<https://sachhay24h.com/top-truyen-ngu-ngon-hay-va-y-nghia>)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện nào?

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

Câu 3. Phép liên kết nào được sử dụng trong hai câu sau: *Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đặng sau thúc Lừa đi nhanh. ?*

Câu 4. Lừa đã nhận được lại điều gì khi giả vờ trượt chân ngã ở sông ?

Câu 5. Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây nói chính xác nhất về hậu quả của việc làm của Lừa?

Câu 6. Theo em cách phạt của người lái buôn với Lừa có đúng không? Vì sao?

Câu 7. Em rút ra bài học gì qua văn bản này? Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện ngụ ngôn

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là Tự sự

Câu 3. Phép liên kết được sử dụng trong hai câu: *“Một lần, người lái buôn mua một tải muối. Ông ta buộc tải thật chặt, chất lên lưng Lừa, rồi đi đặng sau thúc Lừa đi nhanh.”* Là phép thế.

Câu 4. Lừa đã nhận được lại điều gì khi giả vờ trượt chân ngã ở sông: Phải chở bông ngâm nước rất nặng mà không dám than vãn.

Câu 5. Thành ngữ, tục ngữ sau đây nói chính xác nhất về hậu quả của việc làm của Lừa: Ăn gian nó giàn ra đấy.

Câu 6. HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức). Ví dụ:

- Đồng ý vì Lừa xứng đáng như vậy, cách làm của người lái buôn cho lừa một bài học thấm thía ... Tài liệu của Nhung tây

Câu 7. Nêu được bài học phù hợp cho bản thân (có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau). Gợi ý:

- Trong cuộc sống, thành quả luôn đi kèm với nỗ lực, nỗ lực bao nhiêu thì thành quả đạt được bấy nhiêu,

- Không nên vì lười biếng mà gian trá, không cố gắng thực hiện đúng chức phận của mình. Lười biếng, thoái thác công việc sẽ phải nhận hậu quả thích đáng. ...

ÔN TẬP VĂN BẢN: CON HỔ CÓ NGHĨA (Vũ Trinh)

I. Kiến thức chung

1. Khái niệm về truyện trung đại

- Truyện trung đại Việt Nam là thể loại truyện văn xuôi được viết bằng chữ Hán, ra đời trong khoảng từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX. Truyện trung đại nhiều khi gần với kí (ghi chép sự việc), với sử (ghi chép chuyện thật)

2. Đặc điểm của truyện trung đại

- Thường được tính từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX - Văn xuôi chữ Hán.
- Nội dung mang tính giáo huấn
- Vừa có loại truyện hư cấu, vừa có loại truyện gần với ký hay sử
- Cốt truyện đơn giản. Nhân vật thường được miêu tả chủ yếu qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể, qua hành động và ngôn ngữ thoại của nhân vật.

II. Tìm hiểu chung truyện Con Hổ có nghĩa

1. Tác giả tác phẩm

a. Tác giả

- Vũ Trinh (1759-1818)
- Tự là Duy Chu, hiệu là Nguyên Hanh Lan Trì Ngự Giả.
- Quê: trấn Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh)
- Ông đỗ hương cống năm 17 tuổi, làm quan cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn

b. Tác phẩm

- Thời gian: Thế kỷ X - thế kỷ XIX.
- Thể loại: Văn xuôi chữ Hán
- Nhân vật (Người, vật): Miêu tả trực tiếp qua ngôn ngữ của người kể.
- Cốt truyện: Đơn giản
- Nội dung: Thường mang tính giáo huấn
- Sự việc: Theo trình tự thời gian.
- Thể loại: Vừa có loại truyện hư cấu, vừa có loại truyện gần với kí, với sử.
- Xuất xứ: Trích từ tập “Lan trì kiến văn lục”
- Thể loại: Văn tự sự.
- Chủ đề: Truyện sử dụng nghệ thuật nhân hóa chủ yếu qua câu chuyện về loài hổ, để nói chuyện con người. Đề cao ân nghĩa trong cuộc sống hàng ngày.

c. Tóm tắt truyện

- Câu chuyện thứ nhất: Hổ cái đau đẻ, hổ đực đi tìm bà đỡ Trần ở huyện Đông Triều. Bà đỡ cho hổ cái uống thuốc, xoa bóp bụng và giúp hổ đẻ được. Hổ đực mừng rỡ và đền ơn bà cục bạc.
 - Câu chuyện thứ hai: Bác tiểu mỗ ở huyện Lạng Giang đang bới củi ở sườn núi thấy một con hổ bị hóc xương bèn giúp hổ lấy xương ra. Để tạ ơn, hổ đền ơn bác cả khi sống và khi chết.
- Các bạn đọc giả có thể tham khảo thêm bài

d. Bố cục

Chia làm 2 phần (2 câu chuyện)

- Phần 1. Từ đầu ... "mới sống qua được": Bà đỡ Trần đỡ đẻ cho con hổ cái, sau đó hổ tặng bà mười lạng bạc để trả ơn
- Phần 2. Còn lại: Bác tiểu giúp hổ khỏi bị hóc xương, sau đó hổ nhớ ơn mang súc vật tới nhà bác để cúng bác khi bác qua đời.

2. Đọc - hiểu văn bản Con Hổ có nghĩa

1. Hình ảnh con Hổ với ân nhân

Nội dung	Con hổ với bà đỡ Trần		Con hổ với bác tiểu mỗ	
Hoàn cảnh	Hổ cái sắp sinh con, hổ đực đi tìm bà đỡ		Hổ bị hóc xương	
Thái độ, hành động	* Con hổ Hành động: Khẩn trương, gấp gáp. Quan tâm cho hổ cái và đàn con. → Che chở, bảo vệ ⇒ Có tình với người thân Lưu luyến, trả ơn ân nhân → Có nghĩa với ân nhân	* Bà đỡ Trần Thái độ: Run sợ Hành động: Giúp hổ cái sinh con → Có lòng nhân từ, giàu tình thương	* Con hổ Bị hóc xương, đau đớn, vật vã → Tính mạng nguy hiểm. Cúi đầu, cầu cứu	* Bác tiểu mỗ Dùng tay thò vào cổ họng hổ Lấy xương ra → Hổ được cứu sống. ⇒ Hành động dũng cảm, cao đẹp.
Cách trả ơn	Biếu bà cục bạc		Ngay sau khi được cứu, biếu bác con nai Mười năm sau, khi bác tiểu mất, Hổ còn đến bên quan tài, tỏ lòng thương xót Vào những ngày giỗ bác Hổ lại mang dê, lợn đến tế	
Ý nghĩa	Đền ơn một lần (vật chất)		Đền ơn mãi mãi (vật chất + tinh thần)	

2. Ý nghĩa

- Truyện đề cao giá trị nhân đạo, cách làm người: Con vật còn có nghĩa có tình, huống gì là con người.

3. Tổng kết

a. Nội dung

- Biết hết lòng giúp đỡ những người hoạn nạn.
- Sống ân nghĩa, thủy chung, biết ơn người đã giúp đỡ mình.

b. Nghệ thuật

- Nhân hoá, mượn chuyện loài vật nói về loài người
- Xây dựng tình huống truyện.
- Miêu tả nhân vật qua ngôn ngữ kể chuyện.
- Diễn biến cốt truyện sinh động, đơn giản, có tính hư cấu.
- Diễn tả đời sống nội tâm và hành động của con hổ như con người.

4. Bài tập minh họa truyện Con Hổ có nghĩa

Đề bài: Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc xong truyện trung đại "Con Hổ có nghĩa".

1. Mở bài

- Con hổ có nghĩa của tác giả Vũ Trinh (sống vào cuối thế kỉ 18, đầu thế kỉ 19), là một truyện ngụ ngôn được lưu truyền rộng rãi trong dân gian.
- Nội dung mượn chuyện loài vật để đề cao đạo lí ân nghĩa của loài người.

2. Thân bài

a. Câu chuyện thứ nhất: Hổ đực nhờ bà đỡ Trần đã đẻ cho hổ cái

- Bà đỡ Trần nhà ở huyện Đông Triều, nổi tiếng đỡ đẻ mát tay.
- Một đêm, hổ đực tới nhà, cõng bà chạy vào rừng sâu, nhờ bà đỡ đẻ cho hổ cái.
- Hổ đực trả ơn bà
 - + Trả bằng mười lạng bạc
 - + Sau này nhờ số bạc đó, bà đỡ Trần sống qua cảnh mất mùa đói kém,

b. Câu chuyện thứ hai: Hổ trán trắng và bác tiều phu

- Bác tiều phu đang đốn củi ở sườn núi thì nhìn thấy dưới chân núi, cỏ cây lay động không ngớt.
- Bác xuống xem, thì ra hổ trán trắng bị hóc xương nên đau đớn giãy giụa
- Bác lấy xương ra giúp hổ. Tài liệu của Nhung tây
 - Hổ trả ơn
 - + Hôm sau, hổ cõng một con nai để ngay trước cửa nhà bác, đền ơn cứu mạng.
 - + Mười năm sau, bác tiều phu chết, hổ đến tận mộ vĩnh biệt.
 - + Năm nào cũng vậy, cứ đến ngày giỗ bác tiều phu là hổ lại mang lễ vật tới viếng.

c. Ý nghĩa giáo dục của truyện

- Tưởng tượng ra hai con hổ sống có nghĩa có tình đến như vậy là tác giả có mục đích giáo huấn rõ ràng: loài vật đã vậy, loài người phải sống ra sao cho đúng đạo làm người.

3. Kết bài

- Truyện Con hổ có nghĩa giáo huấn đạo đức bằng hình tượng nghệ thuật sinh động nên nhẹ nhàng, dễ tiếp thu
- Bài học đúc kết từ truyện là đề cao lòng biết ơn và nhắc nhở con người phải sống cho có tình có nghĩa.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Trong nền văn học nước ta, cũng như nhiều nước trên thế giới, song song với các tác phẩm dân gian truyền miệng, có các tác phẩm do những trí thức tài danh sáng tác bằng chữ viết. Ở Việt Nam, văn học viết xuất hiện sớm nhất trong thời kì trung đại, thời kì lịch sử tính từ thế kỷ X đến cuối thế kỉ XIX. Tài liệu của Nhung tây Do đó, cùng với một số áng văn xuôi dân gian đặc sắc như truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười,... chúng ta được thưởng thức

một số truyện trung đại cũng khá đặc sắc. Truyện trung đại Việt Nam thường được viết bằng chữ Hán, có nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn, có cách viết gọn gàng, đơn giản hơn truyện hiện đại. Tuy vậy, mỗi truyện đều có cốt truyện, có lời kể của tác giả, có nhân vật hành động và nói năng theo những tình huống, chi tiết khá hấp dẫn. Truyện Con hổ có nghĩa của Vũ Trinh trong tập Lan Trì kiến văn lục do Hoàng Hưng dịch là một áng văn xuôi như thế. Điều thú vị của truyện này là tác giả không kể chuyện con người mà kể về hai con hổ, hai chúa sơn lâm. Nhà văn đã dùng nghệ thuật nhân cách hoá với ngòi bút vừa hiện thực vừa pha chút lãng mạn, cường điệu. Kể chuyện hổ, nhưng để nói chuyện người. Nói chính xác, đây là câu chuyện về những con ác thú nhưng không độc ác, trái lại rất hiền lành và mang những đức tính tốt đẹp của con người.

Chuyện về vị chúa rừng ở Đông Triều Vị chúa rừng - ông hổ, ông ba mươi, con cọp này xuất hiện ở đầu truyện khiến người đọc sửng sốt, hãi hùng giống sự hãi hùng của bà đỡ Trần khi bị "hổ lao tới cổng đi... ôm lấy... chạy như bay... vào rừng ...". Ta tưởng hổ sẽ ăn thịt bà đỡ. Hoá ra không phải thế. Tài liệu của Nhung tây Đó là cách "ông chồng" đi đón thầy thuốc về nhà đỡ đẻ cho "vợ". Đây là "ông chồng" hổ nên đã hành động theo kiểu hổ... như thế. Song "ông" hổ này rất giàu tình cảm và có tấm lòng nhân nghĩa đáng khen. "Ông ta" biết "cầm tay" bà đỡ, rồi "nhìn hổ cái nhỏ nước mắt" vừa muốn cầu cứu bà đỡ vừa cảm thông thương xót "bà vợ" hổ đang "lăn lộn, cào đất", đau đẻ. Sau khi bà Trần đã đỡ cho hổ vợ, hổ con ra đời, hổ đực biết "mừng rỡ, đùa giỡn với con" như một người đàn ông hạnh phúc nhất.

Ngòi bút kể chuyện của tác giả khá tinh tế. Con ác thú bỗng trở thành một người hiền lành, mang tính cách của con người. Tính người của hổ biểu hiện rõ nhất, đẹp nhất là khi thấy vợ được mẹ tròn con vuông, đã "quỳ xuống bên một gốc cây, lấy chân đào lên một cục bạc" tặng bà đỡ Trần. Khi dẫn bà đỡ - ân nhân của gia đình, vị chúa rừng ấy còn biết "cúi đầu, vẫy đuôi làm ra vẻ tiễn biệt". Nhờ số bạc hổ cho, bà đỡ Trần đã vượt qua được năm đói kém, mất mùa. Từ đầu đến cuối truyện, con hổ không nói một câu, một lời nào, là hổ thì sao nói được tiếng người! Nhưng qua cử chỉ, nét mặt, chúng ta thấy con hổ ấy đã mang nhiều tính cách của người, ứng xử với bà đỡ Trần y như cách con người ứng xử với nhau. Là ác thú, vị chúa rừng Đông Triều có trái tim con người, biết thương vợ, biết đền ơn, đáp nghĩa người giúp đỡ mình qua khỏi việc khó khăn.

Chuyện về con hổ trán trắng ở Lạng Giang Câu chuyện này mở đầu khác hẳn với chuyện về vị chúa rừng ở Đông Triều. Không phải là việc hổ công người mà là người nhìn thấy hổ. Bác tiều phu ở Lạng Giang nhìn thấy một con hổ trán trắng đang "cào bới đất, nhảy lên, vọt xuống, thỉnh thoảng lấy chân móc họng, mở miệng nhe cái răng, máu me, nhớt dãi trào ra". Cảnh tượng thật đáng kinh sợ. Nếu là người nhút nhát, chắc bác tiều phu sẽ bỏ chạy. Vậy mà bác lại nhanh nhẹn trèo, lên cây kêu lên: "Cổ họng người đau phải không, đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho". Kết quả là bác tiều phu đã lấy được một chiếc xương bò to ra khỏi họng con hổ, cứu con hổ thoát một tai nạn nguy hiểm. Hành động ấy của bác mang tình người đẹp đẽ. Đáp lại, con hổ thoát nạn đã đối xử với bác cũng đậm chất... người. Hổ mãi ghi nhớ ơn cứu mạng của bác. Nó mang thịt nai tới cửa nhà bác, tặng bác, Khi bác tiều phu qua đời, hổ tới "dụi đầu vào quan tài, gầm lên, chạy quanh quan tài..." như khóc thương, nghiêng mình vĩnh biệt người thân, hay bè bạn. Không chỉ có thế, hằng năm "mỗi dịp ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa dê hoặc lợn đến để ở ngoài cửa nhà bác" như tỏ tấm lòng tưởng nhớ, biện chút lễ mọn cúng tế người quá cố.

Cách cư xử ấy của con hổ đúng là của một người chịu ơn và không bao giờ quên ơn, tìm mọi cách đền ơn, đáp nghĩa với ân nhân. Tuy là một ác thú, con hổ trán trắng ở Lạng Giang, mang suy nghĩ và đã hành động như con người, ác thú... mang tính người.

Thật kì lạ! Kể chuyện con hổ thứ hai này, tác giả đã xây dựng được những chi tiết nghệ thuật khác với chuyện con hổ thứ nhất. Đó là việc hổ vùng vẫy, quằn quại khi hóc xương, việc bác tiểu thông minh, nhanh nhẹn cứu hổ, việc hổ đền ơn đáp nghĩa ân nhân,... Do đó, càng về cuối, tác phẩm càng hấp dẫn. So sánh mức độ thể hiện cái "nghĩa" của hai con hổ, ta thấy rõ cái nghĩa ấy tuy giống nhau nhưng không trùng lặp mà được nâng cấp. Vị chúa rừng ở Đông Triều trả ơn một lần là xong. Còn con hổ trán trắng ở Lạng Giang đền ơn mãi, lúc ân nhân sống và cả lúc ân nhân qua đời. Câu chuyện ơn nghĩa thật đa dạng, kể mãi cũng không cùng. Chủ đề của tác phẩm càng về cuối càng rõ nét, tình huống truyện càng về cuối càng hấp dẫn.

Tóm lại, Con hổ có nghĩa thuộc loại truyện hư cấu, trong đó dùng một biện pháp nghệ thuật quen thuộc là mượn truyện loài vật để nói chuyện con người, nhằm đề cao ân nghĩa trong đạo làm người. Tài liệu của Nhung tây Nều suy ngẫm sâu hơn chút nữa, ta còn thấy một hàm ý khá tinh tế của tác giả. Nhà nho Vũ Trinh không trực tiếp viết về chuyện con người trả nghĩa cho nhau mà viết chuyện hổ đáp nghĩa đối với người. Trong thực tế, chúng ta vẫn thấy có những con vật rất gần bó với con người. Vì vậy, cụ Phan Bội Châu - một chí sĩ cách mạng đầu thế kỷ XX đã sáng tác mấy câu văn độc đáo ca ngợi một con chó có nghĩa. Ta hãy đọc những câu văn ấy trong Bia con Vá: "Vì có dũng, nên liều chết phấn đấu vì có nghĩa, nên trung thành với chủ. Nói thì dễ, làm thì khó, người còn vậy huống gì chó. Ôi con Vá này, đủ hai đức đó. Há như ai kia, mặt người lòng thú. Nghĩ thế mà đau, dựng bia mộ chó".

Với truyện "Con hổ có nghĩa", chúng ta hiểu rõ sau những lời kể chuyện về hai con hổ, như thì thầm tiếng nói của tác giả: con vật, con ác thú còn có nghĩa như thế, huống nữa là con người. Tuy là ác thú, nhưng hổ vẫn có lúc gặp nạn cần người khác giúp đỡ. Trong trái tim hổ có tình người. Người đọc ác vẫn có thể và có lúc trở nên hiền lành, giàu lòng nhân nghĩa... Biết bao ý hàm ẩn, bóng bẩy, sâu sắc thấp thoáng sau những từ, ngữ, câu văn của tác phẩm, đánh thức trí tuệ, lay động tâm hồn chúng ta.

(Nguồn sưu tầm)

II. Luyện tập

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Ý nghĩa nghĩa của truyện:

- A. Truyện đề cao tình cảm thủy chung giữa con người với con người.
- B. Truyện đề cao tình cảm giữa con người với loài vật
- C. Truyện đề cao cái nghĩa và khuyên con người biết tôn trọng ân nghĩa.**
- D. Truyện ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật.

Câu 2: Truyện Con hổ có nghĩa thuộc thể loại:

- A. Truyện cổ tích dân gian Việt Nam.
- B. Truyện Trung đại Việt Nam.**
- C. Truyện cười dân gian Việt Nam.
- D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 3: Thủ pháp nghệ thuật cơ bản nào bao trùm truyện Con hổ có nghĩa ?

- A. Hoán dụ
- B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa, ẩn dụ

D. Nhân hóa, hoán dụ

Câu 4: Sau đó con hổ đã trả nghĩa bà đỡ Trần như thế nào?

A. Hổ đực đào lên từ gốc cây một thỏi bạc và tặng bà đỡ.

B. Hai vợ chồng hổ thường mang tặng bà đỡ một vài con nai.

C. Hổ đực dẫn bà đỡ ra khỏi rừng.

D. Hổ đực tặng bà đỡ một thùng vàng to.

Câu 5: Vật con hổ tặng đã giúp được gì cho bà đỡ?

A. Chữa khỏi bệnh cho con bà đỡ.

B. Giúp bà sắm một số vật dụng trong nhà.

C. Giúp bà cầm cự qua một năm mất mùa, đói kém.

D. Giúp bà làm nghề tốt hơn.

Câu 6: Truyện Con hổ có nghĩa nhằm mục đích gì?

A. Đề cao tình cảm thủy chung giữa con người với nhau .

B. Đề cao cái nghĩa và khuyên con người luôn biết trọng ân nghĩa .

C. Đề cao tình cảm giữa loài vật với con người .

D. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật .

Câu 7: Truyện Con hổ có nghĩa đã:

A. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người.

B. Mượn chuyện con người để nói chuyện con người.

C. Mượn chuyện loài vật để nói chuyện loài vật.

D. Mượn chuyện con người để nói chuyện loài vật.

Câu 8: Chi tiết nào thể hiện rõ nhất cái nghĩa của con hổ thứ nhất.

A. Hổ đực cầm tay bà đỡ nhìn hổ cái ,nhỏ nước mắt.

B. Hổ đực đùa giỡn với hổ con mới sinh.

C. Bà đỡ Trần đỡ đẻ cho hổ .

D. Hổ đực tặng bạc cho bà đỡ .

Câu 9: Trong truyện, khi được bác tiều phu cứu sống, con hổ trắng đã tạ ơn bác bằng cách nào?

A. Con hổ chỉ cho bác tiều phu những nơi nhiều củi.

B. Hổ đem dê lợn đến để ngoài cửa nhà bác tiều.

C. Con hổ tặng cho bác tiều phu một thỏi bạc trắng.

D. Con hổ tặng cho bác tiều phu một con nai.

Câu 10: Chuyện con hổ thứ hai so với truyện con hổ thứ nhất có thêm ý nghĩa gì?

A. Đền ơn ngay người đã giúp mình .

B. Đền ơn khi ân nhân còn sống .

C. Đền ơn trong nhiều năm .

D. Đền ơn mãi ngay cả khi ân nhân đã chết .

Câu 11: Truyện Con hổ có nghĩa đề cao triết lí sống nào ?

A. Tri ân trọng nghĩa

B. Dũng cảm.

C. Không tham lam .

D. Giúp đỡ người khác

2. Bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Bà đỡ[1] Trần là người huyện Đông Triều[2]. Một đêm nọ nghe tiếng gõ cửa, bà mở cửa nhìn thì chẳng thấy ai, một lát, có con hổ chọt lao tới công bà đi. Ban đầu, bà sợ đến chết khiếp, khi tỉnh, thấy hổ dùng một chân ôm lấy bà chạy như bay, hễ gặp bụi rậm, gai góc thì dùng chân trước rẽ lối chạy vào rừng sâu. Tới nơi, hổ thả bà xuống. Thấy một con hổ cái đang lăn lộn, cào đất, bà cho là hổ định ăn thịt mình, run sợ không dám nhúc nhích.

Lúc sau hổ được cầm tay bà nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt. Bà nhìn kĩ bụng hổ cái như có cái gì động dậy, biết ngay là hổ sắp đẻ. Sẵn có thuốc mang theo trong túi, bà liền hoà với nước sôi cho uống, lại xoa bóp bụng hổ. Lát sau, hổ đẻ được. Hổ được mừng rỡ đùa giỡn với con, còn hổ cái thì nằm phục xuống, đáng mệt mỏi lắm. Rồi hổ được quỳ xuống bên một gốc cây, lấy chân đào lên một cục bạc. Bà đỡ biết hổ tặng mình, cầm lấy. Hổ được đứng dậy đi, quay nhìn bà, bà theo hổ ra khỏi rừng. Được mấy bước, trời sắp sáng, bà giơ tay nói: “Xin chúa rừng[3] quay về”. Hổ vẫn cúi đầu quấy đuôi, làm ra vẻ tiễn biệt. Bà đi khá xa, hổ liền gầm lên một tiếng rồi bỏ đi. Bà về đến nhà, cân bạc được hơn mười lạng. Năm ấy mất mùa, đói kém, nhờ có số bạc ấy mà bà mới sống qua được.

(Dương Tuấn Anh dịch, tạp chí văn học và tuổi trẻ, tháng 5 2021, tr47 - 49)

Câu 1. Văn bản “ Con hổ có nghĩa” thuộc thể loại nào?

Câu 2. Con hổ tìm bà đỡ Trần trong hoàn cảnh nào?

Câu 3. Con hổ trả ơn bà đỡ Trần như thế nào?

Câu 4. Đoạn truyện trên sử dụng thành công nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?

Câu 5. Chi tiết “Hổ được cầm tay bà đỡ nhìn hổ cái, nhỏ nước mắt.” giúp em hiểu điều gì?

Câu 6. Truyện đề cao lối sống nào của người Việt Nam? Tài liệu của Nhung tây

Chú thích:

[1] Người phụ nữ làm nghề đỡ đẻ (từ Hán: nữ hộ sinh).

[2] Một huyện thuộc tỉnh Quảng Ninh ở vùng Đông Bắc nước ta.

[3] Con vật được coi là mạnh nhất ở rừng, có khi gọi là chúa sơn lâm; ở đây chỉ loài hổ.

[4] Từ phiếm chỉ, dùng trong trường hợp không muốn nêu tên thật. Nói “tên mõ” giống như ngày nay nói tên A, B,... nào đó.

[5] Một huyện thuộc tỉnh Bắc Giang.

[6] Dài đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn núi.

[7] Người đón củi.

[8] Cách dùng từ phiếm chỉ giống như “tên mõ” ở chú thích trước.

[9] Cái hòm để đặt người chết vào.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản thuộc thể loại truyện trung đại.

Câu 2. Hoàn cảnh: Hổ cái sắp sinh con, hổ được đi tìm bà đỡ

Câu 3. Hổ trả ơn bà đỡ Trần bằng cách Biếu bà cục bạc

Câu 4. Biện pháp nghệ thuật cơ bản, bao trùm được sử dụng là nhân hóa. Dùng chuyện một loài vật hung dữ, chuyên ăn thịt người mà còn biết coi trọng nghĩa tình, mục đích của tác giả muốn người đọc so sánh với con người, để con người sống có nghĩa trước sau với nhau.

Câu 5. Đây là hành động của người chồng rất yêu thương vợ, rất lo lắng đến mạng sống của vợ trong cuộc sinh nở bất trắc. Hồ không nói được nhưng cử chỉ cầm tay bà đỡ rồi nhìn hồ cái là cách nói hay nhất mà nếu có lẽ là con người thì cách biểu hiện đó vẫn là hay nhất.

Câu 6. Truyện Con hổ có nghĩa đề cao, khuyến khích cách sống nghĩa tình trong cuộc sống của con người. Làm người phải biết giúp đỡ lẫn nhau khi hoạn nạn. Và người được giúp đỡ phải biết ghi nhớ ơn nghĩa, biết báo đáp ơn nghĩa cho ân nhân của mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Người kiếm củi tên mõ[4] ở huyện Lạng Giang[5], đang bổ củi ở sườn núi, thấy dưới thung lũng[6] phía xa, cây cỏ lay động không ngớt mới vác búa đến xem, thấy một con hổ trán trắng, cúi đầu cào bới đất, nhảy lên, vật xuống, thỉnh thoảng lấy chân móc họng, mở miệng nhe cái răng, máu me, nhớt dãi trào ra. Nhìn kĩ miệng hổ thấy có khúc xương mắc ngang họng, bàn chân hổ thì to, càng móc, khúc xương càng vào sâu.

Bác tiều[7] uống rượu say, mạnh bạo trèo lên cây kêu lên: “Cổ họng người đau phải không, đừng cần ta, ta sẽ lấy xương ra cho”. Hổ nghe thấy, nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiều ra dáng cầu cứu. Bác tiều trèo xuống lấy tay thò vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò, to như cánh tay. Hổ liếm mép, nhìn bác tiều rồi bỏ đi. Bác tiều nói to: “Nhà ta ở thôn mõ[8], hẳn được miếng gì lạ thì nhớ nhau nhé”. Tài liệu của Nhung tây Sau đó, bác tiều ra về. Một đêm nọ, nghe cửa ngoài có tiếng gầm dài mà sắc. Sớm hôm sau, có một con nai chết ở đó. Hơn mười năm sau, bác tiều già rồi chết. Khi chôn cất, hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhảy nhót. Những người đưa đám bỏ chạy cả. Từ xa, nhìn thấy hổ dùng đầu dụi vào quan tài[9], gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi. Từ đó về sau, mỗi dịp ngày giỗ bác tiều, hổ lại đưa dê hoặc lợn đến để ở ngoài cửa nhà bác tiều.

(Dương Tuấn Anh dịch, tạp chí văn học và tuổi trẻ, tháng 5 2021, tr47-49)

Câu 1. Con hổ gặp bác tiều phu trong hoàn cảnh nào?

Câu 2. Khi con hổ bị hóc xương nó đã làm gì để cầu cứu sự giúp đỡ của người khác?

Câu 3. Vậy con hổ đã trả ơn bác Tiều như thế nào? Tài liệu của Nhung tây

Câu 4. Chuyện gì đã xảy ra giữa bà đỡ Trần (người huyện Đông Triều) với con hổ thứ nhất và giữa bác tiều (ở huyện Lạng Giang) với con hổ thứ hai ? Trong mỗi chuyện, chi tiết nào em cho là thú vị ? Chuyện con hổ với bác tiều so với chuyện con hổ với bà đỡ Trần có thêm ý nghĩa gì ?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Con hổ bị hóc xương

Câu 2. Khi hổ bị hóc xương Bị hóc xương, đau đớn, vật vã Tính mạng nguy hiểm.

=>Cúi đầu, cầu cứu

Câu 3. Ngay sau khi được cứu, biểu bác con nai

- Mười năm sau, khi bác tiểu mất, Hồ còn đến bên quan tài, tỏ lòng thương xót

Vào những ngày giỗ bác Hồ lại mang dê, lợn đến tế

Câu 4. Chuyện xảy ra giữa bà đỡ Trần với con hổ thứ nhất là chuyện đỡ đẻ. Hồ cái đẻ khó. Hồ được đi đón bà đỡ Trần, nhỏ nước mắt cầu xin bà giúp đỡ. Bà đỡ Trần đã giúp hổ cái đẻ được và hổ được vui mừng đào bạc lên cảm ơn bà, lại đưa bà ra tận cửa rừng.

- Con hổ thứ hai thì bị hóc xương bò. Bác tiểu liền giúp móc xương ra. Hồ bắt nai về tạ ơn. Khi bác mất, hổ về viếng. Khi làm giỗ, hổ mang lễ về cho gia đình.

- Chi tiết bà đỡ Trần giúp hổ cái sinh con, hổ được vui mừng, tạ ơn bà là chi tiết thú vị. Với con hổ thứ hai, nó nghe lời bác tiểu " nằm phục xuống, há miệng nhìn bác tiểu ra dáng cầu cứu" là chi tiết hay.

- Con hổ thứ hai không chỉ trả ơn một lần. Khi ân nhân chết, nó còn về để viếng. Rồi sau đó còn tiếp tục mang lễ vật về làm giỗ. Câu chuyện này nhấn mạnh ý nghĩa của tư tưởng ân nghĩa. Trả nghĩa suốt đời.

3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Thầy Mạnh Tử, thuở nhỏ, nhà gần nghĩa địa, thấy người ta đào, chôn, lăn, khóc, về nhà cũng bắt trước đào, chôn, lăn khóc. Bà mẹ thấy thế nói: “Chỗ này không phải chỗ con ta ở được”. Rồi, dọn nhà ra gần chợ.

Thầy Mạnh Tử ở gần chợ, thấy người buôn bán điên đảo, về nhà cũng bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo. Bà mẹ thấy thế, lại nói: “Chỗ này cũng không phải là chỗ con ta ở được”. Bèn dọn nhà đến ở cạnh trường học.

Thầy Mạnh Tử ở gần trường học, thấy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở, về nhà cũng bắt chước học tập lễ phép, cắp sách vở. Bấy giờ bà mẹ mới vui lòng nói: “Chỗ này là chỗ con ta ở được đây”. Tài liệu của Nhung tây

Một hôm, thầy Mạnh Tử thấy nhà hàng xóm giết lợn, về hỏi mẹ: “Người ta giết lợn làm gì thế?”. Bà mẹ nói đùa: “Để cho con ăn đấy”. Nói xong, bà nghĩ lại hối rằng: “Ta nói lời mồm rồi”. Con ta thơ ấu, trí thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng ra ta dạy nó nói dối hay sao? Rồi bà đi mua thịt lợn về cho con ăn thật.

Lại một hôm thầy Mạnh Tử đang đi học, bỏ học về nhà chơi. Bà mẹ đang ngồi dệt cửi, trông thấy, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung, mà nói rằng: “Con đi học mà bỏ học thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy”.

Từ hôm đó thầy Mạnh Tử học tập rất chuyên cần rồi về sau thành một bậc đại hiền. Thế chẳng nhờ có cái công giáo dục quý báu của bà mẹ hay sao?

(Theo cổ học tinh hoa, quyển nhất, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và Tử An Trần Lê Nhân biên dịch, NXB Hà Nội 1953.

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích?

Câu 2. Đoạn trích trên viết theo phương thức biểu đạt nào?

Câu 3. Tại sao trong câu chuyện mẹ chuyện trên mẹ Mạnh tử lại quyết định chuyển nhà tới hai lần? Tài liệu của Nhung tây

- Câu 4.** Từ câu chuyện trên giúp em hiểu về người mẹ trong câu chuyện trên?
- Câu 5.** Từ cách dạy của bà mẹ trong câu chuyện trên đã mang lại kết quả như thế nào?
- Câu 6.** Từ chuyện mẹ thầy Mạnh Tử xưa, em có suy nghĩ gì về đạo làm con của mình.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Thể loại đoạn trích Truyện trung đại Việt Nam

Câu 2. Phương thức biểu đạt Tự sự

Câu 3. Mẹ Mạnh Tử quyết định chuyển nhà vì Chọn môi trường sống thuận lợi cho việc hình thành nhân cách sống của con.

Câu 4. - Bà là một người phụ nữ thông minh, khéo léo và quyết đoán.

- Bà luôn yêu thương con hết mực nhưng cũng rất nghiêm khắc khi con phạm lỗi.

- Bà biết lựa chọn những điều tốt, tuyệt vời cho con.

- Bà luôn dạy con cách sống thành thật.

Câu 5. Nhờ cách dạy đầy ý nghĩa đó, Mạnh Tử đã trở nên nghiêm túc và chăm chỉ hơn trong học tập. Hành động của Mạnh mẫu vừa thể hiện sự thương yêu, vừa thể hiện trí tuệ và sự kiên quyết trong việc dạy con của người mẹ. Đúng là nếu không có một bà mẹ vĩ đại, thầy Mạnh Tử sẽ không bao giờ có thể trở thành một nhà hiền triết vĩ đại được. Tài liệu của Nhung tây

Câu 6. Chuyện mẹ con thầy Mạnh Tử khiến chúng ta phải suy nghĩ về đạo làm con. Làm con, thiết nghĩ trước hết phải lấy việc tôn kính cha mẹ làm đầu. Không những thế, để làm vui lòng cha mẹ, mỗi chúng ta cần phải ra sức học hành. Con cái học hành chăm chỉ, giỏi giang, đó cũng là ước nguyện, là niềm hi vọng trọn đời của cha mẹ. Học hành chăm chỉ, giỏi giang, thiết nghĩ đó cũng là cách đền đáp công ơn có ý nghĩa nhất của con cái đối với cha mẹ của mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Cụ tổ bên ngoại của Trùng, người họ Phạm, húy là Bân, có nghề y gia truyền, giữ chức Thái y lệnh để phụng sự Trần Anh Vương. Tài liệu của Nhung tây

Ngài đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo. Gặp kẻ bệnh tật cơ khổ, ngài cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị. Dẫu bệnh có dâm dề máu mủ, ngài cũng không hề né tránh. Bệnh nhân đến chữa tới khi khỏe mạnh rồi đi. Cứ như vậy, trên giường không lúc nào vắng người.

Bỗng liền năm đói kém, dịch bệnh nổi lên, ngài lại dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người. Ngài được người đương thời trọng vọng.

Một lần, có người đến gõ cửa, mời gấp:

- Nhà có người đàn bà, bỗng nhiên nguy kịch, máu chảy như xôi, mặt mày xanh lét.

Nghe vậy, ngài theo người đó đi ngay. Nhưng ra tới cửa thì gặp sứ giả do vương sai tới, bảo rằng:

- Trong cung có bậc quý nhân bị sốt, vương triệu đến khám.

Ngài nói:

- Bệnh đó không gấp. Nay mệnh sống của người nhà này chỉ ở trong khoảnh khắc. Tôi hãy cứu

họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ. Tài liệu của Nhung tây

Quan Trung sử tức giận nói:

Phận làm tôi, sao được như vậy? Ông định cứu tính mạng người ta mà không cứu tính mạng mình chẳng?

Ngài đáp:

- Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. Tội tôi xin chịu.

Nói rồi, đi cứu người kia. Họ quả được cứu sống. Lát sau, ngài đến yết kiến, vương quở trách.

Ngài bỏ mũ ra, tạ tội, bày rõ lòng thành của mình.

Vương mừng nói:

- Người thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đồ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi.

Về sau, con cháu của ngài làm quan lương y đến hàng ngũ phẩm, tứ phẩm có tới hai ba vị.

Người đời đều khen ngợi họ không để sút sa nghiệp nhà.

(Hồ Nguyên Trừng, Nam ông mộng lục, Ưu Đàm – La Sơn soạn dịch, chú giải Nguyễn Đăng Na giới thiệu NXB văn học Hà Nội 1999)

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích?

Câu 2. Đoạn trích trên viết theo phương thức biểu đạt nào?

Câu 3. Trong đoạn trích trên giúp em hiểu Vị thái y lệnh là người thế nào?

Trong những hành động của ông, điều gì làm em cảm phục nhất và suy nghĩ nhiều nhất?

Câu 4. Trước cách xử lý của Thái y lệnh, thái độ của Trần Anh Vương diễn biến như thế nào?

Qua đó nhân cách của Trần Anh Vương được thể hiện ra sao?

Câu 5. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng có thể rút ra cho những người làm nghề y hôm nay và mai sau bài học gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Thể loại đoạn trích Truyện trung đại Việt Nam

Câu 2. Phương thức biểu đạt Tự sự

Câu 3. Vị Thái y lệnh cứu người trên nguyên tắc y học, bệnh nặng, bệnh nguy kịch phải cứu trước, bệnh nhẹ để sau. Trước lời đe dọa của Trung sử, Thái y không run sợ, lấy tính mạng ra để gìn giữ y đức, nguyên tắc cứu người của mình. Thái y lệnh là một người thầy thuốc hết sức nhân từ, thương người nghèo, dùng tiền của của mình để cứu chữa cho những người nghèo mà không đòi hỏi được đền ơn hay trả công.

Câu 4. Thái độ của Trần Anh Vương:

- Lúc đầu: quở trách vị thái y

- Lúc sau: khen ngợi vị lương y, tỏ rõ sự hài lòng, mừng rỡ của mình vì đất nước có được người thầy thuốc giỏi. Tài liệu của Nhung tây

- Nhận xét về nhân cách của Trần Anh Vương: là vị vua anh minh, công bằng, biết lo lắng cho dân cho nước, trọng người đức hạnh, tài giỏi.

Câu 5. Bài học rút ra:

- Thầy thuốc phải thương yêu bệnh nhân

- Thầy thuốc phải hết lòng vì bệnh nhân

- Thầy thuốc phải giữ đúng nguyên tắc cứu người
- Thầy thuốc chữa bệnh không phân biệt giàu nghèo, địa vị xã hội
- Thầy thuốc không chịu khuất phục trước quyền uy

BÀI 6 ÔN TẬP VĂN BẢN: MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM

I. Tìm hiểu chung

a. Khái niệm

- *Tục ngữ*: câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh đúc kết từ kinh nghiệm của nhân dân. phẩm chất và lối sống con người cần phải có.

Những kinh nghiệm, thái độ của nhân dân đối với thiên nhiên, lao động sản xuất, con người, xã hội: Tài liệu của Nhung tây

- Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên và trong lao động sản xuất.

- Tục ngữ về con người và xã hội luôn tôn vinh giá trị con người, đưa ra nhận xét, lời khuyên về những

- *Xuất xứ*: Trích *Kho tàng tục ngữ người Việt, tập 1 và tập 2* do Nguyễn Xuân Kính (chủ biên) – Nguyễn Thúy Loan – Phan Lan Hương – Nguyễn Luân.

- *Thể loại*: **tục ngữ**

- *Bố cục*:

+ Câu 1 đến câu 5: chủ đề về kinh nghiệm thời tiết

+ Câu 6 đến câu 8: chủ đề về kinh nghiệm sản xuất

+ Câu 9 đến câu 15: chủ đề kinh nghiệm về đời sống xã hội.

II. Phân tích văn bản

1. Những câu ca dao về kinh nghiệm thời tiết (Câu 1-5)

Câu 1. Gió heo may chuồn chuồn bay thì bão

- Miền Bắc nước ta có bão từ tháng 6 đến tháng 8, và bão mạnh dần lên, tháng bảy ta (tháng 7 âm lịch) trùng với tháng 8 (hay trong khoảng thời gian này) tháng 7 (âm lịch) có gió heo may (gió se se lạnh) nghĩa là có độ ẩm cao kết hợp với hiện tượng chuồn chuồn bay hàng đàn ra khỏi tổ thì theo kinh nghiệm dân gian chắc tới 90% là có bão.

- Câu tục ngữ chỉ sự đúc kết kinh nghiệm của cha ông ta trong việc quan sát các hiện tượng thời tiết.

Câu 2.

Kiến cánh vỡ tổ bay ra

Bão táp mưa sa gần tới

- Một kinh nghiệm dự đoán thời tiết là kiến cánh bay ra nhiều, dọn tổ lên chỗ cao báo hiệu sắp có mưa hoặc bão lụt.

Câu 3. Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang

Mây kéo lên ngàn thì mưa như chút

- Vào mùa Đông có gió đông bắc khi gió này thổi vào Bắc Trung Bộ hay Đồng bằng sông Hồng, từ biển vào đồng bằng sông Hồng hay vào Bắc Trung Bộ thì mang theo nhiều hơi nước hình

thành những đám mây lớn cho mưa (mây kéo lên ngàn - tức là lên núi - vì Bắc trung Bộ liền với Trường Sơn). Tài liệu của Nhung tây

- Còn vào mùa hè, gió tây nam khi từ Lào xuống sẽ ra biển Đông và mang theo không khí khô (đã trút hết mưa bên Tây Trường Sơn) vì thế thấy mây kéo từ núi xuống ra bể (biển) thì sẽ nắng khô.

Câu 4. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng

Ngày tháng mười chưa cười đã tối

- Câu tục ngữ liên quan đến hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.
- Tháng 5 là thời kì mùa hè ở Việt Nam (bán cầu Bắc), lúc này bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, Mặt Trời di chuyển từ chí tuyến Bắc xuống Xích đạo nên ngày dài hơn đêm.
- Tháng 10 là thời kì mùa đông ở Việt Nam (bán cầu Bắc), lúc này bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời, Mặt Trời di chuyển từ chí tuyến Nam xuống Xích đạo nên có ngày ngắn hơn đêm.

Câu 5. Nắng chóng trưa, mưa chóng tối

- Nắng, mưa: Là các hiện tượng thiên nhiên quen thuộc trong cuộc sống con người.
- Trưa, tối: Là những khoảng thời gian diễn ra trong một ngày. Tài liệu của Nhung tây
- Chóng: Là một tính từ chỉ sự mau, nhanh nhẩu, chóng vánh.

Như vậy, câu tục ngữ “Nắng chóng trưa mưa chóng tối” ý muốn nói, khi nắng trời nắng ráo tưởng là đã trưa, khi mưa thì trời âm u, tối sầm lại cỡ ngỡ là sắp tối đến nơi.

Hiểu nông na thì vào ngày nắng, chúng ta thường cảm thấy buổi trưa đến sớm hơn vì thời tiết nóng gắt, ngột ngạt. Còn những ngày mưa, cảnh vật thường u ám nên cảm giác tối đến sớm hơn. Giống như ông bà ta vẫn thường hay nói rằng, nhìn trời chiều khó lòng đoán được thời gian, bởi nắng chóng trưa còn mưa thì chóng tối.

2. Chủ đề về kinh nghiệm về sản xuất

Câu 6. Nhất nước nhì phân, tam cần, tứ giống

Câu tục ngữ "Nhất nước nhì phân tam cần tứ giống" muốn thể hiện kinh nghiệm trồng lúa nước nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung. “Nước”, “phân”, “cần” và “giống” là 4 yếu tố quan trọng, không thể thiếu khi canh tác.

- **“Nhất nước”**: Để canh tác, chúng ta phải có nguồn nước tưới tiêu. Nước là yếu tố quan trọng nhất, được ông cha ta đặt lên hàng đầu. Tương tự như việc chúng ta ăn uống hằng ngày để có năng lượng sống, nước chính là thứ mà cây trồng cần nhất. Tài liệu của Nhung tây
- **“Nhì phân”**: Thực tế, chỉ nước thôi là không đủ để cung cấp chất dinh dưỡng giúp cây trồng phát triển, chống lại sâu hại và dịch bệnh. Tuy nhiên, phân bón phải được bón đúng loại, đúng liều lượng, đúng thời vụ thì mới cho ra được kết quả tốt. Đồng thời, chúng ta cũng không được lạm dụng quá nhiều thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu hay là thuốc tăng trưởng để kích thích cây trồng. Điều đó sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng và sức khỏe của người tiêu dùng.
- **“Tam cần”**: Tiếp theo là “cần” trong cần cù, cần mẫn, chuyên cần. Tức là cần phải có sức lao động và sự chăm sóc kỹ càng, tỉ mỉ của người nông dân thì cây trồng mới có thể phát triển, cho kết quả tốt. Mở rộng ra, yếu tố lao động còn cần có chuyên môn và kinh nghiệm, lao động có kỹ thuật càng cao thì kết quả cho ra càng chất lượng.
- **“Tứ giống”**: Cuối cùng là hạt giống. Chất lượng hạt giống ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng cây trồng sau này. Hạt giống có khỏe thì cây mới có điều kiện để phát triển. Người nông dân cần phải dựa trên yêu cầu và mục đích của mình để tiến hành chọn lựa hạt giống sao cho phù hợp. Tài liệu của Nhung tây

Câu 7. Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa

Câu tục ngữ “Nắng tốt dưa mưa tốt lúa” đã truyền lại kinh nghiệm của người xưa trong việc lựa chọn giống cây trồng sao cho phù hợp với thời tiết tuy nhiên bên cạnh đó câu tục ngữ cũng là một lời an ủi cho những ai đang buồn rầu chán nản vì bản thân. An ủi họ rằng thời thế có lúc thay đổi, bản thân có thể gặp thất bại nhưng cái quan trọng là biết nhìn ra thất bại và chuẩn bị sẵn sàng cho những cơ hội tiếp theo. Nếu không chuẩn bị kỹ lưỡng để khi thời cơ đến lại để tuột mất mà không tận dụng được mới đáng để trách móc và thời cơ đến mà con người không sẵn sàng thì cũng không để làm gì. Con người cũng cần biết nhìn nhận thời cuộc để tính toán và sáng suốt lựa chọn hướng đi và quyết định đúng đắn.

Bên cạnh câu “Nắng tốt dưa mưa tốt lúa” cũng còn rất nhiều câu tục ngữ đúc kết kinh nghiệm của cha ông ta trong lĩnh vực này như: “Bao giờ đơm đóm bay ra. Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng”, “Cơm ăn một bát sao no. Ruột cày một vụ sao cho đành lòng. Sâu cây lúa cạn gieo bông. Chẳng ước được đỗ thì trồng ngô khoai”.....và còn rất nhiều câu tục ngữ khác nữa, cho thấy những đúc kết kinh nghiệm hết sức chính xác và quý báu của cha ông.

Câu 8.

Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa

Làm ruộng có năm được mùa có năm mất mùa, chăn tằm có lứa tốt có lứa xấu.

Việc làm ăn có lúc thành công, có lúc thất bại.

Câu 9. Người sống hơn đồng vàng

Vậy câu tục ngữ: “Người sống, đồng vàng” có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống này. Tác giả dân gian đề cao giá trị của con người bằng việc so sánh con người với đồng vàng thể hiện ta có giá trị lớn. “Người sống” chính là nói về giá trị của con người kể cả mặt sức lao động chân tay mà còn nhắc tới về giá trị trí tuệ của họ. Còn “Đồng vàng” ở đây chỉ chung những thứ có giá trị to lớn về mặt tiền bạc. Tài liệu của Nhung tây

Câu tục ngữ này có ý nghĩa coi trọng mạng sống con người, còn con người là còn tất cả (mạng sống con người quý báu như đồng vàng). Tuy nhiên, xét ở một khía cạnh khác, "người sống" còn phải xem xét xem người ấy có phải là người hiền lành, lương thiện, có ích cho xã hội hay không? Con người là "thứ" đáng quý hơn tất cả của cải vật chất hiện có trên thế gian, vì vậy 1 con người bằng cả đồng vàng.

Câu 10. Đói cho sạch rách cho thơm

“Đói cho sạch, rách cho thơm” mang ý nghĩa: **dù đói rách, cùng khổ hay gặp khó khăn vất vả cũng phải biết gìn giữ nhân cách và phẩm chất tốt đẹp, sống ngay thẳng, trong sạch.** -

Giá trị của câu tục ngữ: Là đạo lý giáo hóa, khuyên răn sâu sắc giúp con người gìn giữ nhân phẩm và đạo đức.

3. Chủ đề kinh nghiệm về đời sống xã hội.

Câu 11. Không thầy đố mày làm nên

- Ý nghĩa câu tục ngữ: Nếu như không có người thầy định hướng đúng đắn, dạy dỗ và chỉ bảo cho ta từng bước đi thì ta sẽ không bao giờ có cơ hội đạt được tới thành công. Câu tục ngữ như một lời thách thức "đố mày" đồng thời cũng là lời răn dạy mang tính khẳng định vị trí, vai trò của người thầy đối với sự thành đạt của người học trò.

Câu 12. Học thầy chẳng tày học bạn

- Học thầy không tày học bạn là gì? Câu tục ngữ đề cao quá trình học hỏi từ bạn bè, không chỉ học những bài học trên trường lớp của thầy cô.
- Học tập là một quá trình tích lũy kiến thức. Quá trình này đòi hỏi phải luôn luôn diễn ra trong cuộc sống mỗi con người. “Học, học nữa, học mãi” bởi vì tri thức nhân loại là vô tận, chúng ta phải học để trở thành người hiểu biết, để trưởng thành và có bước đi vững chắc trên con đường đời.

Câu 13. Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi

Đây là câu tục ngữ có ý nhắc nhở và khuyên nhủ của người xưa về cách sống và làm việc ở đời. “Lành nghề” là từ ngữ ý chỉ sự thành thạo, giỏi giang đối với một công việc, một ngành nghề hay rộng hơn là một lĩnh vực nào đó. “Nề” là không né tránh, không ngại, cố gắng và chịu khó. Còn “học hỏi” là việc tiếp thu, học tập và rèn luyện để trau dồi vốn tri thức, nâng cao năng lực của bản thân. Tài liệu của Nhung tây

Như vậy, câu tục ngữ trên muốn thay lời của thế hệ trước nhắc nhở thế hệ sau của chúng ta những bài học sâu sắc và hữu ích. Muốn thành thạo, giỏi giang thì phải ham học hỏi, có ý chí cầu tiến, khiêm nhường, không ngại khó, ngại học, học hỏi từ tất cả mọi người xung quanh, kể cả bạn bè của mình.

Cuộc sống có rất nhiều giai đoạn khó khăn và việc học hỏi bất kì một điều gì đó cũng không phải là chuyện dễ dàng. Người thiếu ý chí và nghị lực dễ dàng từ bỏ khi gặp việc khó nhưng người kiên trì thì không như vậy. Càng khó khăn, họ càng phấn đấu nhiều hơn để nhanh chóng đạt được ước mơ và mục tiêu của mình. Nhìn thấy người khác giỏi giang, bạn cũng mong muốn được như thế nhưng mong muốn thôi chưa đủ. Bạn phải hành động, tích cực học hỏi để biến sự giỏi giang đó về với bản thân mình. Tài liệu của Nhung tây

Câu 14. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

- Nghĩa đen: Khi được ăn quả ngọt, cần nhớ đến người trồng cây, chăm sóc để tạo ra chúng.
- Nghĩa bóng: Nhắc nhở con người phải có lòng biết ơn, có nhớ đến người đã giúp đỡ ta trong lúc khó khăn hoạn nạn.

Câu 15. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Nghĩa đen: Nếu chỉ có một cái cây nhỏ bé thì sẽ không làm nên khu rừng rộng lớn.

- Nghĩa bóng:
- “Một cây”: Chỉ sự tồn tại riêng lẻ, đơn độc
- “Ba cây”: Chỉ một tập thể to lớn
- “chụm lại”: Sự đoàn kết, hợp nhất một lòng
- “núi cao”: đích đến, thành công hay thắng lợi

=> Như vậy, câu tục ngữ trên đề cao vai trò của sự đoàn kết trong cuộc sống.

Một cây làm chẳng nên non ba cây chụm lại nên hòn núi cao - Từ xưa đến nay ông cha ta đã sử dụng câu tục ngữ này để dạy con cháu đức tính đoàn kết, tương trợ lẫn nhau thì mới hoàn thành được việc lớn. Từ lâu tinh thần đoàn kết từ lâu đã thấm nhuần tư tưởng của người dân Việt Nam, chính vì vậy mà trải qua bao cuộc chiến chống giặc ngoại xâm nhân dân ta đều có thể đánh tan kẻ thù bảo vệ nền độc lập tự chủ của nước nhà.

II. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Tục ngữ là một thể loại của bộ phận văn học nào ?

A. Văn học dân gian.

B. Văn học viết

C. Văn học thời kì kháng chiến chống Pháp

D. Văn học thời kì kháng chiến chống Mĩ.

Câu 2: Em hiểu thế nào là tục ngữ ?

A. Là những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh.

B. Là những câu nói thể hiện kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt.

C. Là một thể loại văn học dân gian

D. Cả ba ý trên.

Câu 3: Câu nào sau đây không phải là tục ngữ ?

A. Khoai đất lạ, mạ đất quen

B. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa

C. Một nắng hai sương

D. Thứ nhất cày ải, thứ nhì vãi phân

Câu 4: Nhận xét nào sau đây giúp phân biệt rõ nhất tục ngữ và ca dao ?

A. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, còn ca dao, câu đơn giản nhất cũng phải là một cặp lục bát (6/8).

B. Tục ngữ nói đến kinh nghiệm lao động sản xuất còn ca dao nói đến tư tưởng tình cảm của con người.

C. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, ổn định, thiên về lí trí, nhằm nêu lên những nhận xét khách quan còn ca dao là thơ trữ tình, thiên về tình cảm, nhằm phô diễn nội tâm con người.

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 5: Câu “Chuồn chuồn bay thấp thì mưa. Bay cao thì nắng bay vừa thì râm” thuộc thể loại văn học dân gian nào ?

A. Thành ngữ.

B. Tục ngữ

C. Ca dao

D. Về

Câu 6: Nội dung những câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất nói về điều gì ?

A. Các hiện tượng thuộc về quy luật tự nhiên

B. Công việc lao động sản xuất của nhà nông.

C. Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người

D. Những kinh nghiệm quý báu của nhân dân lao động trong việc quan sát các hiện tượng tự nhiên và trong lao động sản xuất.

Đáp án: D

Câu 7: Những kinh nghiệm được đúc kết trong các câu tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất có ý nghĩa gì ?

A. Là bài học dân gian về khí tượng, là hành trang, “túi khôn” của nhân dân lao động, giúp cho họ chủ động dự đoán thời tiết và nâng cao năng suất lao động

B. Giúp nhân dân lao động chủ động đoán biết được cuộc sống và tương lai của mình.

C. Giúp nhân dân lao động có một cuộc sống vui vẻ, nhàn hạ và sung sướng hơn.

D. Giúp nhân dân lao động sống lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống và công việc của mình.

Câu 8: Em hiểu câu tục ngữ “Tắc đất tắc vàng” như thế nào ?

- A. Đê cao, khẳng định sự quý giá của đất đai.
- B. Cuộc sống và công việc của người nông dân gắn với đất đai đồng ruộng, đất sản sinh ra của cải, lương thực nuôi sống con người, bởi vậy đối với họ, tấc đất quý như vàng.
- C. Nói lên lòng yêu quý, trân trọng từng tấc đất của những người sống nhờ đất.

D. Cả ba ý trên.

Câu 9: Các câu tục ngữ trong bài học Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất nói riêng và tục ngữ nói chung nên được hiểu theo nghĩa nào ?

- A. Nghĩa đen.
- B. Nghĩa bóng
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 10: Những câu tục ngữ đồng nghĩa là những câu tục ngữ như thế nào ?

- A. Có ý nghĩa gần giống nhau
- B. Có ý nghĩa trái ngược nhau
- C. Có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau
- D. Có ý nghĩa mâu thuẫn với nhau.

Câu 11: Câu tục ngữ nào trong các câu sau đồng nghĩa với câu

“Thâm đông, hồng tây, dựng mây. Ai ơi ở lại ba ngày hãy đi ?

- A. Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.
- B. Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt
- C. Trăng quầng trời hạn, trăng tán trời mưa

D. Mồng đông, vòng tây, chẳng mưa dây cũng bão giạt

Câu 12: Những câu tục ngữ trái nghĩa là những câu có ý nghĩa như thế nào với nhau ?

- A. Hoàn toàn trái ngược nhau
- B. Bổ sung ý nghĩa cho nhau
- C. Hoàn toàn giống nhau
- D. Mâu thuẫn với nhau

Câu 13: Câu nào trái nghĩa với câu tục ngữ “Rét tháng ba bà già chết cồng” ?

- A. Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

B. Bao giờ cho đến tháng ba,

Hoa gạo rụng xuống bà già cất chần.

- C. Mưa tháng ba hoa đất

Mưa tháng tư hư đất.

- D. Bao giờ cho đến tháng ba

Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vùng.

Câu 14: Trường hợp nào cần bị phê phán trong việc sử dụng câu tục ngữ “Tấc đất, tấc vàng” ?

A. Phê phán hiện tượng lãng phí đất

- B. Đê cao giá trị của đất ở một vùng đất được ưu đãi về thời tiết, địa hình nên dễ trồng trọt, làm ăn.

- C. Cổ vũ mọi người khai thác các nguồn lợi từ đất một cách bừa bãi

- D. Kêu gọi mọi người hãy tiết kiệm và bảo vệ đất.

Câu 15: Theo em, các câu tục ngữ có cách nói “thứ nhất, thứ nhì ...” được dùng để nhấn mạnh thứ tự các yếu tố được coi là quan trọng đúng hay sai ?

- A. Đúng.
- B. Sai

Câu 15: Tục ngữ về con người xã hội được hiểu theo những nghĩa nào?

- A. Nghĩa đen
- B. Nghĩa bóng
- B. Nghĩa đen + nghĩa bóng
- C. Tất cả đều sai

Câu 16: Câu tục ngữ nào trong bài nói về lao động sản xuất?

A. Câu 2

B. Câu 2 và 4

C. Câu 1 và 3

D. Câu 4

Câu 17: Từ ngữ nào trong câu “Cái răng, cái tóc là góc con người” sử dụng hình ảnh hoán dụ?

A. Cái răng

B. Cái tóc

C. Cái răng, cái tóc

D. Góc

Câu 18: Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu “Đói cho sạch, rách cho thơm”?

A. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm

B. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh

C. Giấy rách phải giữ lấy lề

D. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may

Câu 19: Câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.” phù hợp với nội dung học tập nào sau đây?

A. Học nói

B. Học ăn

C. Học mở

D. Học gói

2. Đọc - hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

- Tấc đất tấc vàng

- Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ

- Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa

- Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ

(Ngữ văn 7- tập 2)

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của những câu trên. Trình bày khái niệm thể loại đó.

Câu 2: Liệt kê những phép tu từ được sử dụng trong ngữ liệu.

Câu 3: Trong những câu trên, câu nào là câu rút gọn và rút gọn thành phần nào?

Câu 4: Giải thích ý nghĩa câu: “Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ”

Câu 5: Tìm trong chương trình một câu em đã học có cùng thể loại và ý nghĩa với câu em vừa giải thích. Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Thể loại: Tục ngữ

- PTBD chính: Nghị luận

- Khái niệm tục ngữ: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày

Câu 2:

- Những phép tu từ được sử dụng trong ngữ liệu: so sánh, điệp ngữ

Câu 3:

- Các câu rút gọn là: Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ, Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa, Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ. Tài liệu của Nhung tây

- Rút gọn thành phần chủ ngữ

Câu 4:

- Ý nghĩa câu: “Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ” Màu mỡ gà theo kinh nghiệm của ông cha là màu trời báo bão. Vậy nên nếu nhìn trời ráng mỡ gà thì phải lo dựng nhà cho chắc, che đậy những chỗ hỏng hóc, chỗ tụt mái để không bị bão làm cho sập nhà.

Câu 5:

HS tìm một câu cùng nói về kinh nghiệm thiên nhiên:

Mống đông vòng tây, chẳng mưa dây cũng bão giạt

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

- *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*
- *Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông*
- *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*
- Ngày tháng mười chưa cười đã tối*

(Ngữ văn 7- tập 1, trang 3- 5)

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của những câu trên. Trình bày khái niệm thể loại đó

Câu 2: Những câu tục ngữ trên viết về chủ đề gì?

Câu 3: Những câu trên có sử dụng cùng một phép tu từ, em hãy cho biết đó là phép tu từ nào? Tại sao trong tục ngữ, nhân dân ta thường sử dụng phép tu từ ấy?

Câu 4: Giải thích ý nghĩa câu: «*Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*
Ngày tháng mười chưa cười đã tối»

Câu 5: Tìm một câu tục ngữ có cùng chủ đề với những câu tục ngữ trên mà em biết

Gợi ý trả lời**Câu 1:**

- Thể loại: Tục ngữ
- PTBD chính: Nghị luận
- Khái niệm tục ngữ: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày

Câu 2:

- Những câu tục ngữ trên viết về chủ đề: Thiên nhiên và lao động sản xuất

Câu 3:

- Các câu trên cùng sử dụng biện pháp tu từ: điệp ngữ (điệp cấu trúc)
- Trong tục ngữ, nhân dân ta thường sử dụng phép tu từ ấy bởi tục ngữ là những sáng tác dân gian nhằm thể hiện kinh nghiệm đời sống nên sử dụng phép tu từ này sẽ có tác dụng hiệu quả trong nhấn mạnh, tạo ấn tượng, liên tưởng, cảm xúc, tạo nhịp điệu dễ thuộc, dễ nhớ nên nhân dân (ngay cả người lao động) cũng có thể thuận lợi nhớ và áp dụng

Câu 4:

- Ý nghĩa câu: “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối”

Dựa trên cơ sở quan sát và trải nghiệm thực tế, câu tục ngữ đưa đến một kinh nghiệm về thời gian: mùa hè ngày dài đêm ngắn hơn, mùa đông ngày ngắn đêm dài hơn giúp con người có ý

thức chủ động để sử dụng thời gian hợp lí cho công việc, sức khỏe vào những thời điểm khác nhau trong năm. Tài liệu của Nhung tây

Câu 5:

HS tìm một câu cùng nói về chủ đề thiên nhiên và lao động sản xuất:

- + Rét tháng ba bà già chết cồng
- + Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.
- + Vàng mây thì gió, đỏ mây thì mưa

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

- *Chết trong còn hơn sống đục*
- *Đói cho sạch, rách cho thơm*
- *Thương người như thể thương thân.*
- *Học ăn, học nói, học gói, học mở.*

(Ngữ văn 7- tập 1, trang 12 - 14)

Câu 1. Các câu tục ngữ trên thuộc thể loại văn học nào? Trình bày khái niệm của thể loại văn học đó.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của những câu tục ngữ đó là gì?

Câu 3: Liệt kê những phép tu từ được sử dụng trong mỗi câu tục ngữ trên.

Câu 4. Giải thích nghĩa câu tục ngữ: “*Đói cho sạch, rách cho thơm*”

Câu 5. Tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với câu tục ngữ vừa được giải thích ở trên

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Thể loại: Tục ngữ
- Khái niệm tục ngữ: Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày. Tài liệu của Nhung tây

Câu 2:

- PTBD chính: Nghị luận

Câu 3:

- Các phép tu từ được sử dụng trong những câu tục ngữ: so sánh, điệp ngữ, liệt kê

Câu 4:

- Ý nghĩa câu: “*Đói cho sạch, rách cho thơm*”:
 - + Nghĩa đen: Dù đói vẫn phải ăn sạch, sống sạch, dù rách vẫn phải thơm tho
 - + Nghĩa bóng: dù rơi vào bất kì hoàn cảnh khó khăn nào vẫn phải sống trong sạch, lương thiện
- Câu tục ngữ giáo dục con người về lòng tự trọng, khuyên con người phải sống ngay thẳng không bao giờ được làm liều ngay cả khi khó khăn thiếu thốn. Tài liệu của Nhung tây

Câu 5:

HS tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự

- + Giấy rách phải giữ lấy lề
- + Chết đứng còn hơn sống quỳ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc các câu tục ngữ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo
- Không thầy đố mày làm nên
- Học thầy không tày học bạn
- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

(Ngữ văn 7- tập 2)

Câu 1. Các câu tục ngữ trên thuộc thể loại văn học nào và viết về chủ đề gì?

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của những câu tục ngữ đó.

Câu 3: Câu tục ngữ : Ăn quả nhớ kẻ trồng cây đã được rút gọn thành phần nào? Việc rút gọn câu như vậy nhằm mục đích gì? Tài liệu của Nhung tây

Câu 4. Ý nghĩa khuyên răn trong hai câu tục ngữ: *Không thầy đố mày làm nên* và *Học thầy không tày học bạn* mâu thuẫn hay bổ sung cho nhau? Vì sao?

Câu 5. Tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với câu tục ngữ: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Thể loại: Tục ngữ
- Chủ đề: Tục ngữ về con người và xã hội

Câu 2:

- PTBD chính: Nghị luận

Câu 3:

- Câu tục ngữ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây đã được rút gọn thành phần chủ ngữ
- Rút gọn như vậy mang đến tác dụng:
 - + Làm trở nên ngắn gọn, thông tin nhanh, dễ thuộc dễ nhớ (phù hợp với đặc điểm của tục ngữ)
 - + Ngụ ý kinh nghiệm trong câu tục ngữ muốn nói đến là chung cho tất cả mọi người

Câu 4:

- Ý nghĩa khuyên răn trong hai câu tục ngữ: *Không thầy đố mày làm nên* và *Học thầy không tày học bạn* bổ sung cho nhau
- Lí giải: + Câu tục ngữ thứ nhất đề cao vai trò của người thầy, đề cao việc học tập và tiếp thu kiến thức từ thầy- những người có kĩ năng, kiến thức, kinh nghiệm
- + Câu tục ngữ thứ hai đề cao việc học tập từ bạn bè xung quanh
- Việc đề cao vai trò, ý nghĩa của việc học bạn không hạ thấp việc học thầy mà muốn nhấn mạnh tới một đối tượng khác, phạm vi khác con người cần học hỏi. Chính bởi vậy, hai câu tục ngữ bổ sung, hoàn chỉnh ý nghĩa cho nhau: con người cần biết học hỏi từ nhiều kênh khác nhau: từ thầy cô, bạn bè,.. để nâng cao khả năng của mình. Tài liệu của Nhung tây

Câu 5:

- HS tìm một câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự
- + Uống nước nhớ nguồn

3. Dạng viết ngắn

BÀI 6 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: THÀNH NGỮ, NÓI QUÁ

I. LÍ THUYẾT

1. Thành ngữ là một loại cụm từ có cấu tạo ổn định. Nghĩa của thành ngữ có tính hình tượng, biểu trưng và giàu cảm xúc.

2. Thành ngữ có khả năng hoạt động ngữ pháp như từ, tức có thể thay thế cho từ trong câu. Ví dụ:

- Nó nói **dai**.

- Nó nói **dai như đĩa**.

Sử dụng thành ngữ, người nói, viết có khả năng thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của mình đối với sự vật, hiện tượng v.v... So sánh :

Măng - *măng như tát nước vào mặt*;

- *măng vượt mặt không kịp*.

3. Nghĩa của thành ngữ thường được suy ra từ nghĩa đen của các từ tạo nên thông qua các phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...

- Đặc biệt, tính biểu trưng hoá, tức lấy tính chất của sự vật, sự việc cụ thể để biểu thị các tính chất, đặc điểm khái quát là đặc trưng ngữ nghĩa nổi bật của thành ngữ. Ví dụ :

- Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* với nghĩa đen chỉ một sự việc cụ thể (ếch sống dưới giếng, nhìn lên bầu trời qua miệng giếng, lầm tưởng bầu trời chỉ là một khoảng nhỏ như chiếc vung) được dùng để biểu thị đặc điểm khái quát: “hiểu biết ít, tầm nhìn bị hạn chế, do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp”.

- Thành ngữ *Mèo nhỏ bắt chuột con* có nghĩa đen chỉ một việc cụ thể được dùng để biểu thị việc làm vừa phải, phù hợp với khả năng và sức lực của mình:

- Thành ngữ *Mèo mù vớ cá rán* được dùng để biểu thị sự may mắn bất ngờ, ngoài khả năng.

4. Mỗi thành ngữ thường chỉ nêu một khía cạnh nào đó của đặc điểm, tính chất. Ví dụ:

- *Dai như chảo* - thiên về biểu thị tính chất dai vật lí, khó kéo đứt;

- *Dai như đĩa* - thiên về sự bền bỉ, đeo đẳng không thôi. Tài liệu của Nhung tây

5. Thành ngữ có cấu tạo rất đa dạng.

Thông thường, thành ngữ có cấu tạo là một cụm từ (nhưng cũng có thể có cấu tạo là một câu, ví dụ: *Ma cũ bắt nạt ma mới*). Ví dụ: *Chậm như rùa*, *Yếu như sên*, *Một nắng hai sương*, *Ruộng cả ao liền* v.v...

6. Cấu tạo của thành ngữ có tính ổn định, song, trong sử dụng, một số ít thành ngữ có thể bị biến đổi chút ít. Ví dụ: *học như cuốc kêu* có thể bị biến đổi thành *học như cuốc kêu ra rả mùa hè đi guốc trong bụng* có thể bị biến đổi thành *đi dép trong bụng, lê dép trong bụng* v.v...

II. NÓI QUÁ

1. LÍ THUYẾT

1. Khái niệm

- Tên gọi khác: *ngoa dụ, thậm xưng, khoa trương, phóng đại, cường điệu, ngoa ngữ, nói ngoa*.

- Là phép tu từ phóng đại quy mô, tính chất, đặc điểm của đối tượng nhằm làm nổi rõ đặc trưng bản chất của đối tượng miêu tả, gây sự chú ý, tăng cường sức biểu cảm. Tài liệu của Nhung tây
Ví dụ: *Thương em chẳng biết để đâu*

Để quán quán đồ, để cầu cầu xiêu.

(Ca dao)

2. Cấu tạo

- Nói quá được diễn tả bằng hình ảnh miêu tả có tính chất cường điệu, phóng đại.

- Nói quá chỉ có một vế: vế hình ảnh miêu tả (B). Vế nội dung cần nói tới, cần nhấn mạnh (A) ẩn đi, phải ngầm nghĩ mới hiểu.
- Nói quá thường được biểu hiện qua hình thức so sánh phóng đại hoặc một sự miêu tả phi thực.

3. Phân loại

Xét theo phương diện được phóng đại của đối tượng, chúng ta có các loại sau:

a. Nói quá quy mô, kích thước của sự vật, hiện tượng

Con rận **bằng con ba ba**
 Nửa đêm **nó ngáy cả nhà thất kinh.**

Hàng xóm vác gậy đi rình
 Té ra con rận trong mình bò ra.

(Ca dao)

b. Nói quá tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng

Ví dụ:

(1) Nói ngọt **lọt đến xương.**
 (Tục ngữ)

(2) *Nghe đồn bác mẹ anh hiền,*
Căn cơm không bế, căn tiền bế hai.
 (Ca dao)

4. Tác dụng

- Nói quá có tác dụng nhận thức, tác dụng biểu cảm và gây ấn tượng.
- Cách diễn tả khác thường, nhiều khi rất vô lý của phép nói quá gây sự chú ý, tạo ra sức hấp dẫn đặc biệt.

Ví dụ: *Tên lửa của chúng tôi có thể **bắn trúng mắt một con ruồi bay trong vũ trụ.***

(Nhiệm vụ Khrushôp, Tổng Bí thư ĐCS Liên Xô, trả lời phóng viên phương Tây, 1961)

- Nói quá được dùng nhiều trong sử thi, anh hùng ca, thơ văn trữ tình, thơ văn châm biếm, trào phúng.

Ví dụ: *Độc ác thay, **trúc Nam Sơn không ghi hết tội,***
*Dơ bẩn thay, **nước Đông Hải không rửa sạch mùi!***
 (Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)

- Nói quá cũng hay được dùng trong khẩu ngữ tiếng Việt.

*Nghe hẩn nình **sượng** cả mặt.*
 (Khẩu ngữ)

*Làm **mưa mặt** vẫn không xong.*
 (Khẩu ngữ)

II. CÁC DẠNG BÀI TẬP VỀ THÀNH NGỮ

Bài 1: Tìm và giải thích thành ngữ trong các câu sau:

a. Hai bên ý hợp tâm đầu

Khi than chẳng lọ là cầu mới thân.

b. Pha kể đầu đuôi cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe.

Gợi ý trả lời

Bài 1

- a. Ý hợp tâm đầu: chỉ sự hòa hợp, đồng lòng trong tính cách, suy nghĩ của hai người, thường nói về tình cảm trai gái
- b. Tai bay vạ gió: chỉ điều không may xảy đến bất ngờ mà nguyên nhân không do mình trực tiếp gây ra.

Bài 2: Tìm những thành ngữ có cấu trúc đối xứng trong các thành ngữ sau đây:

Một nắng hai sương, dai như đĩa dói, mèo mả gà đồng, miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sông ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rơm vạ đá, đàn gảy tai trâu.

Gợi ý trả lời

Bài 2: Thành ngữ có cấu trúc đối xứng được in đậm:

*Một nắng hai sương, dai như đĩa dói, mèo mả gà đồng, **miệng hùm gan sứa**, ruột để ngoài da, **xanh vỏ đỏ lòng**, vào sông ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, **quyền rơm vạ đá**, đàn gảy tai trâu.*

Bài 3: Em hãy thêm các yếu tố để các thành ngữ sau được hoàn chỉnh.

Đem con...; nôi da....; rán sành...; hồn xiêu....; một mất...; chó cắn...; tiến thoái....; thắt lưng....

Gợi ý trả lời

Bài 3: *Đem con bỏ chợ; nôi da nấu thịt.; rán sành ra mỡ; hồn xiêu phách lạc; một mất một còn; chó cắn áo rách ;tiến thoái lưỡng nan; thắt lưng buộc bụng.*

Bài 4: Tìm và nêu ý nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:

- a. Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào gió vào nhà trống. Tài liệu của Nhung tây
- b. Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu.
- a. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn gan vàng dạ sắt không khai nửa lời.

Gợi ý trả lời

Bài 4:

- a. Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào **gió vào nhà trống**.
- b. Năm Thọ vốn là một thằng **đầu bò đầu bướu**.
- c. Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn **gan vàng dạ sắt** không khai nửa lời.

* Ý nghĩa

- a. Chỉ sự tổn công vô ích
- b. Chỉ những đối tượng có tính giang hồ, hay gây gổ.
- c. Chỉ sự sắc son, vững chí của con người.

Bài 5. Hoàn thành những câu thành ngữ sau và giải thích ý nghĩa:

1. Nam.....nữ tú
2. Trai tài gái.....
3. Cầu được ước
4. Ước củamùa
5. Đứng núi này.....núi nọ.
6. Non xanh nước
7. Kề vaicánh.

8. Muôn người như.....
9. Đồng cam.....khổ
10. Bốn biển một.....

Gợi ý trả lời

Bài 5.

1. Nam thanh nữ tú
2. Trai tài gái sắc
3. Cầu được ước thấy
4. Ước của trái mùa
5. Đứng núi này trông núi nọ.
6. Non xanh nước biếc
7. Kề vai sát cánh.
8. Muôn người như một
9. Đồng cam cộng khổ
10. Bốn biển một nhà.

Bài 6: Hoàn thành những câu thành ngữ, tục ngữ dưới đây, chọn 2 câu để đặt câu

1. Đồng hợp lực.
2. Đồng sức đồng
3. Một miếng khi bằng một gói khi no.
4. Đoàn kết là, chia rẽ là chết.
5. Thật thà làquỷ quái.
6. Câykhông sợ chết đứng.
7. Trẻ cậy cha, già cậy.....
8. Trẻ giàmọc
9. Trẻ người.....dạ
10. Trẻ trồng na, già trồng

Gợi ý trả lời

Bài 6:

1. Đồng tâm hợp lực.
2. Đồng sức đồng lòng
3. Một miếng khi đói bằng một gói khi no.
4. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.
5. Thật thà là cha quỷ quái.
6. Cây ngay không sợ chết đứng.
7. Trẻ cậy cha, già cậy con
8. Trẻ già măng mọc
9. Trẻ người non dạ
10. Trẻ trồng na, già trồng chuối

Đặt câu:

1. Chúng ta phải đồng sức đồng lòng thì mới vượt qua khó khăn trong giai đoạn này.
2. Tôi không lo người ta vu oan, cây ngay không sợ chết đứng mà.

Bài 7. Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

a. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.

b. Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.

(Báo Văn nghệ)

c. Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

Bài 7. Các thành ngữ trong các câu đã cho như sau :

a. Ruột nóng như cào: rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.

b. Ruột để ngoài da: (có tính) đênth đoảng, hay quên, vô tâm vô tính.

c. Nhắm mắt làm ngơ: cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức. Tài liệu của Nhung tây

Bài 8. Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu: *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

Gợi ý trả lời

Bài 8. Tham khảo các câu sau:

- Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi **mặt nặng mày nhẹ**. (Trung Đông)

- Rõ ràng người **mặt hoa da phấn**, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng. (Vũ Tú Nam)

- Trông lên **mặt sắt đen sì** / Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời. (Nguyễn Du)

Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim...*

Bài 9. Cũng yêu cầu như bài tập 2 với các thành ngữ có từ mắt sau đây : *Mắt nhắm mắt mở, Mắt sắc như (hơn) dao (cau), Mắt phượng mày ngài.*

Gợi ý trả lời

Bài 9. Tham khảo các câu sau:

- Gà mới gáy độ vài lần đã mãi một choàng dậy, **mắt nhắm mắt mở** cuốc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội. (Nam Cao)

- Chị nom rõ dáng người đàn bà lạ mặt, khăn mỏ quạ, áo cánh phin gụ, hai con mắt sắc hơn dao cau. (Nguyễn Thị cầm Thanh)

- Lưng ong **mắt phượng mày ngài**/ cổ cao ba ngón kém ai trong đời. (Hoàng Trừu)

Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mắt như sau : *Mắt cú vọ, Mắt la mày lét, Mắt lơ mày lão...*

Bài 10. Dựa vào các văn bản đã học, hãy giải thích các thành ngữ sau : *Con Rồng cháu Tiên, Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi.*

Gợi ý trả lời

Bài 10. Đọc lại các truyện: *Con Rồng cháu Tiên*, để giải thích nghĩa của các thành ngữ.

- **Con rồng cháu tiên:** *Con Rồng cháu Tiên* là một huyền thoại về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. *Con Rồng cháu Tiên* là tên xưng hô đầy tính tự hào của tất cả dân tộc Việt Nam xuất phát từ quan niệm của họ về xuất thân liên quan đến truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên*

- **Ếch ngồi đáy giếng:** Đồng nghĩa với câu "ếch ngồi đáy giếng" là câu "coi trời bằng vung". Ý nghĩa câu thành ngữ ếch ngồi đáy giếng nghĩa là không coi ai ra gì tính tình tự cao tự đại luôn luôn cho rằng mình giỏi hơn tất cả và luôn luôn khinh thường người khác tầm nhìn thì hạn hẹp mà luôn luôn tỏ ra thông thái và biết tất cả mọi thứ

- **Thầy bói xem voi:** Ý chỉ không nên xem xét một việc gì đó chỉ ở một khía cạnh mà cần phải phân tích đa chiều, nhiều mặt của vấn đề.

Bài 11. Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 13 câu có sử dụng ít nhất một thành ngữ.

(GV yêu cầu học sinh tự viết)

II. CÁC DẠNG BÀI TẬP NÓI QUÁ

Bài 1. Tìm biện pháp nói quá trong các câu sau:

1. Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

(Nguyễn Hồng)

2. Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái lằm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục dưới sa mạc.

(Nguyễn Hồng)

3. Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

(Ngô Tất Tố)

4. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi.

(Nam Cao)

5. Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông.

(Ca dao)

6. Ngó lên nuộc lạt mái nhà,

Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu.

(ca dao)

7. Thương em chẳng biết để đâu

Để quán quán đồ, để cầu cầu xiêu.

(Ca dao)

8. Con rận bằng con ba ba

Nửa đêm nó ngáy cả nhà thất kinh.

Hàng xóm vác gậy đi rình

Té ra con rận trong mình bò ra.

(Ca dao)

9. Nói ngọt lọt đến xương.

(Tục ngữ)

10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,

Cẩn cơm không bữa, cẩn tiền bữa hai.

(Ca dao)

11. Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!
(Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)
12. Nghe hăn ninh sượng cả mặt.
(Khẩu ngữ)
13. Làm mưa mặt vẫn không xong.
(Khẩu ngữ)
14. [...] Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hăn vào nhà xơi nước.
(Nam Cao, Chí Phèo)
15. Lỗ mũi mười tám gánh lông,
Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.
Đêm nằm thì ngáy o o,
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.
(Ca dao)
16. Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu
(Phan Bội Châu)
17. Tiếng hát trong như suối Ngọc Tuyền
Êm như hơi gió thoảng cung tiên.
(Thế Lữ)
18. Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
(Hồ Chí Minh)
19. Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ mảnh.
(Nguyễn Du)
20. Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân.
(Tố Hữu)
21. Miệng cười như thể hoa ngâu
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen
22. Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi
(Ca dao)
23. Rồi Đăm Săn múa khiên. Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả...
24. Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sục lở. Mỗi bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiên thổi bật tung gốc. Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao như những vệt sao băng chớp sáng...

10. Nghe đồn bác mẹ anh hiền,
Căn cơm không bế, căn tiền bế hai.
(Ca dao)
11. Độc ác thay, **trúc Nam Sơn không ghi hết tội,**
Dơ bẩn thay, **nước Đông Hải không rửa sạch mùi!**
(Nguyễn Trãi, Bình Ngô đại cáo)
12. Nghe hăn ninh **sượng** cả mặt.
(Khẩu ngữ)
13. Làm **mưa mặt** vẫn không xong.
(Khẩu ngữ)
14. [...] Cái cụ bá **thét ra lửa** ấy lại xử nhữn mời hăn vào nhà xơi nước.
(Nam Cao, Chí Phèo)
15. **Lỗ mũi mười tám gánh lông,**
Chồng yêu, chồng bảo tơ hồng trời cho.
Đêm nằm thì ngáy o o,
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.
16. **Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế,**
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu
(Phan Bội Châu)
17. Tiếng hát **trong như suối Ngọc Tuyền**
Êm như hơi gió thoảng cung tiên.
(Thế Lữ)
18. Tiếng suối **trong như tiếng hát xa**
Trắng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
(Hồ Chí Minh)
19. Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rẽ mảnh.
(Nguyễn Du)
20. Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân.
(Tố Hữu)
21. Miệng cười **như thể hoa ngâu**
Cái khăn đội đầu **như thể hoa sen**
22. Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi
23. Rồi Đăm Săn múa khiên. **Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả...**
24. Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sục lở. Mỗi

bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiến thổi bật tung gốc. Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao **như những vệt sao băng chớp sáng...**

25. Bài toán này khó quá **nghĩ nát óc** không ra.

26. Tây Thi có **vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành**.

27. Mấy cô má đỏ hây hây

Đội bông như thể đội mây về làng.

28. **Đội trời, đạp đất ở đời**

Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.

29. Dân công đỏ đuốc từng đoàn

Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay

30. Bác ơi **tim Bác mệnh mông thế**

Ôm cả non sông mọi kiếp người

Bài 2. Tìm các thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá để diễn đạt các ý sau. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

a. Chắt lọc, lấy cái quý giá, cái tốt đẹp, tinh túy trong những cái tạp chất khác.

b. Cả gan hay làm điều gì kém cỏi, vụng về trước người hiểu biết, tinh thông tài cán hơn mình.

c. Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét.

d. Luôn kề cạnh bên nhau hoặc gần bó chặt chẽ, khăng khít với nhau.

e. Gan dạ, dũng cảm, không nao núng trước khó khăn, nguy hiểm.

g. Giống hệt nhau, đến mức tưởng chừng như cùng một thể chất.

Gợi ý trả lời

Bài 2. Tham khảo cách đặt câu sau:

a. Thành ngữ: **đãi cát tìm vàng**

Đặt câu: Tuyển dụng được người giỏi như công việc **đãi cát tìm vàng**.

b. Thành ngữ: **Đánh trống qua cửa nhà sấm**

Đặt câu: Tôi chỉ nghĩa sao nói vậy chứ đâu dám **đánh trống qua cửa nhà sấm** chứ.

c. Thành ngữ: **Mặt cắt không còn giọt máu**

Đặt câu: Tướng giặc nghe uy danh quân ta thì **khiếp đảm mặt cắt không còn giọt máu**.

d. Thành ngữ: **Như hình với bóng**.

- Đặt câu: Chúng tôi luôn bên cạnh nhau **như hình với bóng**

e. Thành ngữ: **Gan vàng dạ sắt**. Tài liệu của Nhung tây

- Đặt câu: Hắn ta nổi tiếng là một tay **gan vàng dạ sắt** trong giới.

g. Thành ngữ: **giống nhau như hai giọt nước**

- Đặt câu: Hai đứa **giống nhau như hai giọt nước**.

Bài 3. Tìm 5 thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá. Đặt câu với mỗi thành ngữ đó.

Gợi ý trả lời

Bài 3.

a. Đen như than: Hắn ta ở ngoài đời **đen như than**

b. Lớn nhanh như thổi: Mấy năm không gặp mà con bé đã **lớn nhanh như thổi**.

c. mạnh như chẻ tre: Khí thế quân ta mỗi lúc một **mạnh như chẻ tre**.

d. chết như ngã rạ: Trên chiến trường, hàng vạn quân **giặc chết như ngã rạ**.

e. Nghĩ nát óc: Bài hóa này em nghĩa **nát óc** mà vẫn không có cách giải.

Bài 4. Thay những từ ngữ nói quá trong các câu sau bằng từ ngữ thông thường mà tương ứng về nghĩa cơ bản để thấy rõ tác dụng biểu cảm của câu văn giảm sút do không dùng biện pháp nói quá. Tài liệu của Nhung tây

- a. Khi gặt xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt **chóng lớn như thổi**.
- b. Thằng ấy vào loại **rán sành ra mỡ** đấy.
- c. Năm ấy mất mùa, **gạo châu củi quế**, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.
- d. Trại giặc im lìm, chúng đang **ngủ say như chết**.

Gợi ý trả lời

Bài 4. Tham khảo cách thay sau:

- a. *Khi gặt xong, sẵn thóc rơi vãi ngoài ruộng, đàn vịt **chóng lớn như thổi**.*
 - Thay bằng: lớn rất nhanh
- b. *Thằng ấy vào loại **rán sành ra mỡ** đấy.*
 - Thay bằng: keo kiệt
- c. *Năm ấy mất mùa, **gạo châu củi quế**, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ.*
 - Thay bằng: giá cả đắt đỏ, đời sống khó khăn
- d. *Trại giặc im lìm, chúng đang **ngủ say như chết**.*
 - Thay bằng: ngủ rất say

Bài 5. Viết đoạn văn ngắn từ 10 đến 15 câu, có sử dụng phép nói quá, gạch chân chú thích dưới câu có chứa phép nói quá đó.

(Học sinh tự luyện tập theo yêu cầu đề bài)

BÀI 6 RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. LÝ THUYẾT

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài

- Đề tài được chọn phải thoả mãn các điều kiện: phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết, có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá; có thể xác định thái độ dứt khoát đối với vấn đề đó.

Ví dụ: Tài liệu của Nhung tây

- Thành công và thất bại.
- Ham mê trò chơi điện tử.
- Đồ dùng bằng nhựa.

b. Tìm ý

- Vấn đề bàn luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?
- Giải thích thế nào là trò chơi điện tử.
- Trình bày thực trạng ham mê trò chơi điện tử.
- Nguyên nhân hiện tượng ham mê trò chơi điện tử.
- Hậu quả ham mê trò chơi điện tử.
- Lựa chọn nên hay không nên ham mê trò chơi điện tử.
- Những lí lẽ và bằng chứng: trong cuộc sống, ...

c. Lập dàn ý

- Dàn ý là kết quả của việc sắp xếp hợp lí các ý đã tìm được ở trên, phân bố chúng vào từng phần khi viết bài.

DÀN Ý THAM KHẢO

Đề bài 1: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

1. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

2. Thân bài: Tài liệu của Nhung tây

a. Giải thích

+ Trò chơi điện tử là gì

+ Hiện tượng học sinh quá đam mê trò chơi điện tử

b. Thực trạng

+ Học sinh ham mê trò chơi điện tử bỏ bê học tập, nói dối phụ huynh

+ Ham mê trò chơi điện tử trên diện rộng, học sinh bắt chước nhau

+ Các quán net mọc lên như nấm từ cổng trường cho đến các khu dân phố, mở cửa 24/7 luôn sẵn sàng phục vụ

c. Nguyên nhân

+ Do mãi chơi

+ Do quá căng thẳng việc học tập

+ Do bị dụ dỗ

d. Hậu quả

+ Học hành chểnh mảng

+ Nói dối để được đi chơi điện tử

+ Hành vi ăn cắp, ăn trộm tiền để đi chơi điện tử

+ Đàn đúm, đua đòi, tốn thời gian tiền bạc, dễ bị lừa bởi tội phạm công nghệ cao

e. Mở rộng vấn đề: Chơi game cũng là nghề kiếm tiền

3. Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận

2. Viết bài

- Triển khai các ý đã có trong dàn ý.

Đề bài: Viết bài văn trả lời cho câu hỏi: "Thế nào là lối sống giản dị?"

1. Mở đoạn

Bên cạnh đức tính khiêm tốn thì giản dị cũng là lối sống được nhiều người đề cao trân trọng vì nó có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống.

2. Thân đoạn

a. Giải thích

- Sống giản dị là một lẽ sống phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội, giản dị là không xa hoa, lãng phí, không cầu kì, kiểu cách, không chạy theo, không đua với những nhu cầu lớn về vật chất và hình thức bên ngoài. Tài liệu của Nhung tây

- Sự giản dị không chỉ thể hiện qua hình thức bên ngoài mà còn thể hiện qua lời ăn, tiếng nói, quan điểm, cách nghĩ, cách ứng xử của con người trong mọi hoàn cảnh và trước mọi vấn đề.

b. Ý nghĩa của lối sống giản dị

- Lối sống giản dị giúp con người không bị lệ thuộc vào những ham muốn vật chất, biết tự kiềm chế bản thân, hòa hợp mọi vấn đề trong cuộc sống để từ đó sống vui khỏe và thanh thản.
- Lối sống giản dị giúp con người hòa đồng với thiên nhiên và mọi người có khả năng và điều kiện để quan tâm nhiều hơn đến thế giới xung quanh. Tài liệu của Nhung tây
- Lối sống giản dị có một sức hấp dẫn riêng và tạo ra giá trị bền lâu.
- Lối sống giản dị của mỗi người có khả năng tạo dựng một xã hội văn minh có chiều sâu. Trong một xã hội mọi người đều có ý thức xây dựng lối sống giản dị thì xã hội sẽ bớt cái xấu, hướng tới một xã hội văn minh tốt đẹp. tài liệu của nhung tây

c. Chứng minh

- Bác Hồ vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam người là tấm gương sáng về lối sống giản dị, mặc dù là một vị là một vị lãnh tụ nhưng người sống giản dị như bao người Việt Nam khác từ bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống...Bác còn giản dị trong lời nói, bài viết hàng ngày. Chính lối sống giản dị đã làm lên một vĩ nhân như Bác

d. Phản đề

- Nếu sống giản dị là lối sống đẹp được mọi người ngợi ca trân trọng thì trong xã hội vẫn còn không ít những người chạy theo lối sống vật chất, ham hưởng thụ mà lười lao động, thích ăn chơi đua đòi, xa hoa, lãng phí. Đây là một trong những nguyên nhân khiến con người dễ rơi vào cám dỗ, vi phạm pháp luật

d. Bài học nhận thức

- Nhận thức: Lối sống giản dị có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống nó mang lại nhiều giá trị to lớn cho con người và xã hội
- Bài học: là một học sinh chúng ta cần rèn luyện đức tính giản dị hàng ngày ngay từ những việc nhỏ nhất, giản dị trong ăn mặc, thực hiện tốt nội quy nhà trường, không đua đòi, sống phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh gia đình

3. Kết đoạn

Sống giản dị không chỉ thể hiện sự văn minh, mà còn là lối sống cho tương lai phát triển bền vững. Có thể khẳng định sống giản dị là chìa khóa dẫn đến sự thành công.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Bên cạnh đức tính khiêm tốn thì giản dị cũng là lối sống được nhiều người đề cao trân trọng vì nó có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống. Vậy giản dị là gì? Giản dị là không xa hoa, lãng phí, không cầu kì, kiêu cách, không chạy theo, không a dua với những nhu cầu lớn về vật chất và hình thức bên ngoài. Sự giản dị không chỉ thể hiện qua hình thức bên ngoài mà còn thể hiện qua lời ăn, tiếng nói, quan điểm, cách nghĩ, cách ứng xử của con người trong mọi hoàn cảnh và trước mọi vấn đề. Tài liệu của Nhung tây Lối sống giản dị giúp con người không bị lệ thuộc vào những ham muốn vật chất, biết tự kiềm chế bản thân, hòa hợp mọi vấn đề trong cuộc sống để từ đó sống vui khỏe và thanh thản, giúp con người hòa đồng với thiên nhiên và mọi người có khả năng và điều kiện để quan tâm nhiều hơn đến thế giới xung quanh. Lối sống giản dị của mỗi người có khả năng tạo dựng một xã hội văn minh có chiều sâu. Trong một xã hội mọi người đều có ý thức xây dựng lối sống giản dị thì xã hội sẽ bớt cái xấu, hướng tới một xã hội văn minh tốt đẹp. Bác Hồ vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam người là tấm gương sáng về lối sống giản dị, mặc dù là một vị là một vị lãnh tụ nhưng người sống giản dị như bao người Việt Nam khác từ bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống.... Chính lối sống giản dị đã làm lên một vĩ nhân như Bác. Tài liệu của Nhung tây Tuy nhiên trong xã hội hiện nay còn

không ít những người chạy theo lối sống vật chất, ham hưởng thụ mà lười lao động, thích ăn chơi đua đòi, xa hoa, lãng phí. Đây là một trong những nguyên nhân khiến con người dễ rơi vào cám dỗ, vi phạm pháp luật. Lối sống giản dị có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống nó mang lại nhiều giá trị to lớn cho con người và xã hội. Là một học sinh chúng ta cần rèn luyện đức tính giản dị hàng ngày ngay từ những việc nhỏ nhất, giản dị trong ăn mặc, không đua đòi, sống phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh gia đình. Sống giản dị không chỉ thể hiện sự văn minh, mà còn là lối sống cho tương lai phát triển bền vững. Có thể khẳng định sống giản dị là chìa khóa dẫn đến sự thành công.

2. Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm

Đề 1: Hiện tượng bàn luận: Trò chơi điện tử: lợi hay hại?

Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ, các trò chơi điện tử ngày càng đa dạng và phổ biến hơn. Đây là một hình thức giải trí vừa có ưu và nhược điểm rõ rệt.

Trò chơi điện tử chính là giúp người chơi được giải trí, thư giãn đầu óc. Sau các giờ học tập, làm việc mệt nhọc, thì việc được chơi trò chơi yêu thích sẽ giúp giảm bớt căng thẳng, đem đến cảm giác vui vẻ và dễ chịu. Tài liệu của Nhung tây Đặc biệt là khi chơi trò chơi cùng lúc với những người bạn bè của mình. Tình cảm bạn bè sẽ theo đó trở nên gắn bó và gần gũi hơn.

Ngoài ra, các trò chơi điện tử còn giúp chúng ta làm quen và kết bạn thêm với những người bạn mới, ở các khoảng cách địa lý xa xôi, hiểm trở. Chỉ cần cùng chơi một trò chơi, tham gia cùng một hoạt động đoàn đội, là những con người ở những nơi khác nhau, chưa từng gặp gỡ cũng có thể trở nên thân thiết hơn. Điều đó giúp cho người chơi không cần phải đi xa mà vẫn có thể có thêm nhiều bạn bè. Tài liệu của Nhung tây

Đặc biệt, các trò chơi điện tử hiện nay còn giúp phát triển trí tuệ cho người chơi, đặc biệt là các bạn thanh thiếu niên. Bởi vì các trò chơi điện tử cũng cần có sự tư duy, sắp xếp, nghiên cứu làm sao để phát triển nhân vật, và chiến thắng trong các cuộc thi. Vì vậy, chơi trò chơi giúp cho người chơi phát triển tư duy và phản xạ. Đồng thời còn giúp tăng khả năng hợp tác, làm việc nhóm với người khác.

Trò chơi điện tử có rất nhiều lợi ích tốt nhưng bên cạnh đó, nó cũng tồn tại nhiều tác hại cần phải lưu ý. Tài liệu của Nhung tây Đầu tiên, việc chơi trò chơi điện tử có thể tiêu tốn rất nhiều thời gian của người chơi. Đặc biệt, nó còn dễ khiến người chơi bị sa vào, không thể kiểm soát được. Từ đó, khiến cho thời gian dành cho trò chơi tăng lên, và thời gian cho các công việc khác trong ngày bị thu hẹp lại, khiến cho hiệu suất học tập, làm việc bị giảm đi.

Đồng thời, các trò chơi với sự hấp dẫn lớn sẽ dễ dàng chiếm trọn tâm trí người chơi. Khiến họ lúc nào cũng nghĩ về trò chơi, về những điều sắp xảy ra, về chiến lược làm sao để nhanh tăng cấp. Từ đó vô tình khiến cho họ luôn nghĩ về trò chơi mà chệnh mảng trong học tập và rèn luyện. Khiến hiệu quả của việc học giảm sút. Tài liệu của Nhung tây

Cùng với đó, cũng không ít người còn tiêu tốn tiền bạc vào các trang bị, sự kiện của trò chơi. Và số tiền đó nhiều khi là không hề nhỏ. Đôi khi nó khiến người chơi - nhất là các bạn nhỏ có các hành vi không đúng để có tiền nạp game. Như trộm tiền mẹ, cướp tiền của bạn học, ghi nợ... Đó đều là những điều vô cùng tiêu cực.

Đặc biệt, nhiều người chơi trò chơi điện tử vì quá đắm chìm vào thế giới ảo đó, mà quên đi cuộc sống thực tại bên ngoài. Họ thỏa mãn với nhân vật trong trò chơi, với những người bạn ở trên

đó dù chưa gặp một lần. Rồi ít nói và giao tiếp với những người xung quanh hơn, lúc nào cũng cắm mặt vào điện thoại, máy tính. Dần dần trở nên o bế và cô độc.

Như vậy, trò chơi điện tử có những tác hại đáng ngại nhưng cũng có nhiều lợi ích tốt. Vì vậy chúng ta phải biết cân đối giữa việc chơi game và cuộc sống thực, để phát huy tối đa các lợi ích tốt và giảm thiểu hết mức các tác hại mà nó đem lại.

Đề 2: Ham mê trò chơi điện tử mà sao chẳng học tập trong học sinh hiện nay

Ham mê trò chơi điện tử mà sao chẳng học tập trong học sinh đang là vấn đề khá nhức nhối, được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt là các bậc phụ huynh có con nhỏ "nghiện" điện tử. Tài liệu của Nhung tây

Hiện nay, trò chơi điện tử đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của các bạn trẻ trên toàn thế giới. Bất kì nơi nào, bất kì ở đâu, các quán cho thuê máy tính để chơi game với giá vài nghìn đồng, hay còn gọi là quán net, cũng hoạt động hết sức công khai và rầm rộ. Trong quán net thậm chí còn phục vụ cả đồ ăn thức uống, chỗ ngủ qua đêm cho những thượng đế được hoàn toàn tập trung vào công cuộc "cứu thế giới". Từ cổng trường tập trung nhiều học sinh đến những con ngõ nhỏ hẻo lánh, hình thức kinh doanh này đều có đất làm ăn. Với bản tính tò mò, muốn tìm hiểu, thử nghiệm cái hay, cái mới, cùng áp lực học tập từ trường lớp, các bạn học sinh tìm đến trò chơi điện tử với mong muốn xây dựng hình tượng và có cơ hội thể hiện bản thân qua game.

Việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ dẫn tới hành động như gian lận, trốn học lên ra quán net, nhịn ăn sáng để có tiền chơi game, thậm chí là lừa đảo, ăn cắp tiền đi chơi. Chơi với một nhóm bạn nghiện game, chắc chắn học sinh cũng sẽ đua đòi giống nhau, dẫn đến một hệ thống bao che, dối trá để được cùng nhau trót lọt. Cách đây gần một thập kỉ, cụm từ "cứu net" đã mang lại nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với các bậc phụ huynh khi những thành phần bất hảo như My Sói, Hùng Gấu cầm đầu nhóm học sinh lớp 8, lớp 9 đi gây sự, đánh nhau, bắt ép những học sinh cả nam và nữ không đủ tiền trả tiền net, ép nữ sinh bán dâm trả nợ. Đã có biết bao nhiêu nạn nhân của băng nhóm xã hội đen mới lớn này, và hơn thế nữa, những học sinh được cứu net lại quay lại làm đồng bọn, tay sai cho dân anh chị để được bảo kê, lên mặt với đời. Tài liệu của Nhung tây

Nghiện trò chơi điện tử bắt nguồn từ bản thân ý thức mỗi học sinh. Có những bạn vì học hành áp lực, quá căng thẳng mệt mỏi hoặc cảm thấy bản thân bất tài, vô dụng thường tìm đến game như một con đường giải thoát. Sau một màn hình máy tính, các bạn được thoải mái, mặc sức đâm chém, xây dựng cả một đế chế cho mình. Nằm bắt được tâm lý này, các nhà phát triển game không ngừng trau chuốt hình ảnh, đồ họa, mở thêm nhiều cấp độ mới, đồ dùng, trang thiết bị ảo mà phải dùng tiền mới mua được, khiến các bạn ngày càng hiểu thẳng, lún sâu vào con đường nghiện ngập. Sự mãi chơi, bị dụ dỗ bởi bạn bè xấu cùng tính hấp dẫn của trò chơi điện tử khiến hiem học sinh nào có thể từ chối được. Giống như một loại ma túy tinh thần, các bạn chơi game sẽ không thể sống nếu không được chơi, được thỏa mãn đam mê giao đấu, chiến thắng trong thế giới ảo.

Hậu quả của việc nghiện game đã quá rõ ràng. Từ thể chất, các bạn học sinh sẵn sàng bỏ ăn, bỏ ngủ, nhịn ăn sáng lấy tiền chơi game, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Về mặt tinh thần, người chơi game quá nhiều thường có dấu hiệu ảo tưởng, choáng váng do tiếp xúc với máy tính quá lâu, không thể phân biệt thật giả. Chấn hấn không ai quên được vụ án thương tâm tại An Giang, cháu cắt cổ bà ngoại vì nghĩ bà có thể hồi sinh như trong trò chơi điện tử. Đó là

dấu hiệu của bệnh tâm thần phân liệt, con người không thể sống là chính bản thân mình. Ngoài ra, những sự việc như ăn cắp ăn trộm, cướp của giết người để có tiền chơi game, những người nghiện game tập trung sống thành bầy đàn, quan hệ tập thể, ăn uống và phóng uế tại chỗ,... vẫn ngày ngày được đưa lên các mặt báo để cảnh tỉnh về việc nghiện game vô độ. Ai dám khẳng định bản thân sẽ không bao giờ có thể nghiện game và chỉ chơi một lần cho biết? Sức hấp dẫn của trò chơi điện tử có thể đánh gục bất cứ một ai đã sa chân vào nó. Ngoài ra, việc tương tác với những người chơi khác trên mạng rất dễ dẫn đến việc bị dụ dỗ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì nhẹ dạ cả tin, cung cấp thông tin cá nhân mà không hề đề phòng rủi ro có thể gặp phải. Tài liệu của Nhung tây

Nghiện game là một căn bệnh, muốn chấm dứt cần có sự can thiệp về tâm lý của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Các bậc phụ huynh cần quản lý giờ giấc và thói quen sinh hoạt của con em chặt chẽ, nhà trường cần quán xuyến, đồng thời tổ chức những trò chơi, giao lưu hoạt động thể chất lành mạnh thu hút sự chú ý của các em. Đặc biệt, mỗi học sinh cần tự có ý thức tiết chế bản thân, tìm đến game với đúng mục đích giải trí, tăng cường tư duy của nó. Game không có tội, người nghiện game mới có tội nên hãy nhìn lại bản thân, uốn nắn và điều chỉnh kịp thời trước khi quá muộn.

Phải thừa nhận, trò chơi điện tử có cả mặt lợi và mặt hại, tuy nhiên, việc quá đam mê điện tử để sao nhãng học tập thì hoàn toàn sai, nhất là lứa tuổi học sinh, độ tuổi còn cần tập trung rèn luyện kỹ năng sống và học tập. Là công dân toàn cầu tương lai, là mầm non của xã hội, đừng núp mình và làm nô lệ cho công nghệ, hãy chinh phục game và áp dụng nó vào đời sống, để trò chơi điện tử trở thành đúng bản chất giải trí lành mạnh ban đầu.

Đề 3: Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta

Bảo vệ môi trường thiên nhiên chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Đây là một ý kiến hết sức đúng đắn.

Môi trường thiên nhiên là toàn bộ điều kiện tự nhiên xung quanh như đất, nước, không khí, hệ sinh thái... Bảo vệ môi trường thiên nhiên nghĩa là bảo vệ các yếu tố này và đồng thời đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người. Tài liệu của Nhung tây

Môi trường thiên nhiên đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Không khí đem lại nguồn thối thở vô tận cho con người, cung cấp khí oxy duy trì sự sống cho vạn vật. Nguồn nước sạch phục vụ con người sinh hoạt hằng ngày, đóng vai trò chính trong nông nghiệp, ngư nghiệp. Rừng giúp cân bằng hệ sinh thái, ngăn lũ, xói mòn, điều hòa khí hậu. Đất cung cấp nơi ở, nơi trồng trọt chăn nuôi. Cuộc sống của con người sẽ bị đe dọa khi môi trường dần bị hủy hoại. Trái đất nóng lên khiến băng tan, mực nước biển dâng cao có thể nhấn chìm một số nơi. Tầng ozone bị chọc thủng ngăn cản việc bảo vệ con người khỏi các tia bức xạ. Đất đai, nguồn nước bị ô nhiễm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Tài nguyên rừng có nguy cơ bị cạn kiệt do nạn chặt phá rừng bừa bãi, gây ra hiện tượng lũ quét, sạt lở đất đe dọa đến tính mạng của con người.

Để bảo vệ cuộc sống của con người, chúng ta cần phải ý thức bảo vệ môi trường cao hơn. Trồng cây, gây rừng, phủ xanh đồi trọc. Thu gom rác thải, đổ rác đúng nơi quy định, tái chế rác thải đúng cách. Tài liệu của Nhung tây Sử dụng điện nước tiết kiệm, vệ sinh nơi ở thật sạch sẽ. Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường.

Như vậy, bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của con người. Là một học sinh, em ý thức rõ được trách nhiệm của bản thân cần phải giữ gìn và bảo vệ môi trường ngày càng xanh sạch đẹp hơn. Tài liệu của Nhung tây

Đề 4: Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích

Việc học hành có tầm quan trọng đặc biệt với mỗi người. Nhưng một số bạn học sinh lại lơ là không biết được rằng: nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích! Những bạn học sinh ấy cần sửa đổi chịu khó học hành để giúp ích cho cuộc sống. Tài liệu của Nhung tây

Như chúng ta đã biết, ai sinh ra và lớn lên cũng đều mong sau này sẽ trở thành người có ích. Để làm được điều đó, con người cần phải có tri thức - lĩnh vực đòi hỏi con người phải học tập chăm chỉ, không ngừng tích lũy mới có được. Vậy chúng ta cần hiểu: học tập là gì? “Học tập” là quá trình tiếp thu tri thức, kỹ năng,... vốn có của nhân loại thông qua nhà trường và cuộc sống. Mục đích của việc học là không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết nhằm phục vụ cho bản thân, gia đình và xã hội. “Học” còn là quá trình bồi đắp tâm hồn, rèn giũa nhân cách của mỗi cá nhân. Việc học phải tiến hành ngay từ khi ta còn trẻ. Bởi có tri thức và nhân cách tốt, sau này mới có thể làm được việc có ích, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong lớp có nhiều bạn đã xác định đúng đắn mục đích học tập, đạt thành tích cao khiến cha mẹ, thầy cô vui lòng. Tài liệu của Nhung tây Nhưng bên cạnh đó còn một số bạn chưa hiểu hết ý nghĩa của việc học dẫn đến chểnh mảng, lơ là trong học tập. Các bạn còn mãi chơi, bỏ học, trốn tiết, ham đánh điện tử, lười làm bài tập,... nên kết quả ngày càng thấp kém, làm mọi người buồn lòng. Các bạn ấy phải nhanh chóng thay đổi, nếu không sau này sẽ hối tiếc.

Bởi lẽ, tuổi trẻ là lứa tuổi mà cha mẹ, xã hội tạo mọi điều kiện để cho ta học tập. Tuổi trẻ cũng là lứa tuổi nhanh nhạy, dễ dàng tiếp thu kiến thức, cái mới nhất. Càng lớn tuổi, việc học sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Ví dụ cứ thử so sánh việc học ngoại ngữ của một em bé Tiểu học với một người lớn tuổi sẽ thấy sự khác biệt lớn như thế nào. Cha ông ta thường nói: “Ấu bất học, lão hà vi” (Trẻ không học, già chẳng làm được gì). Học tập lúc còn trẻ chính là rèn luyện, tạo khả năng học tập sau này. Tài liệu của Nhung tây Hay nói cách khác, tuổi trẻ mà không học sẽ khó trở thành người có ích. Nếu lơ là học tập khi còn nhỏ, lớn lên, ta sẽ không có đủ kiến thức vào đời. Thử hỏi cuộc sống của một người trưởng thành sẽ ra sao nếu không tự mình viết nổi một lá đơn xin việc hay thực hiện những phép tính đơn giản? Học tập là một quá trình lâu dài theo một hệ thống từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ cơ bản đến phát triển nâng cao. Trong đó, các lớp dưới là gốc rễ, là nền tảng. Nếu ta không nắm bắt được kiến thức cơ bản thì càng học cao, ta lại càng không hiểu gì. Chính vì vậy, ngay từ đầu, ta phải chịu khó học tập vì nếu ta lơ là thì kiến thức sẽ bị mai một dần, không có nền tảng. Thực tế, có rất nhiều bạn đến lớp không chú ý nghe giảng, không chịu khó đầu tư suy nghĩ, phụ thuộc nhiều vào những bài làm mẫu dẫn đến đầu óc trì trệ, thiếu tính sáng tạo. Trình độ học vấn thấp dẫn đến trình độ suy nghĩ, tiếp thu kém, do đó không có khả năng làm tốt bất cứ công việc nào. Ví như người nông dân dù cần mẫn trên đồng ruộng đến đâu, nếu không có tri thức về cách gieo trồng, chăm sóc cây, cải tạo đất đai, không biết áp dụng khoa học kỹ thuật thì không thể đạt được năng suất cao, thậm chí mất mùa, đói kém. Tài liệu của Nhung tây Trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay, nếu không học, chúng ta sẽ không thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của

xã hội, không thể khẳng định được bản thân. Tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm, thường dễ sa ngã. Học hành không tới nơi tới chốn, bị bạn xấu rủ rê, sa vào tệ nạn xã hội dần dần sẽ hạn chế trong cách sống, cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh, thậm chí dần mất đi nhân cách, mất khả năng làm việc, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Thế hệ trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước. Mỗi cá nhân nếu tích cực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ góp phần rất lớn vào sự phát triển của nước nhà. Có biết bao tấm gương ham học, chủ động sáng tạo đã thành công, mang lại vinh quang cho cá nhân và là niềm tự hào của gia đình, quê hương, đất nước. Ở nước ta, thời Trần có Nguyễn Hiền vốn chỉ là một cậu bé nhà nghèo nhưng vì ham học, biết tận dụng mọi thời gian, kiên trì vươn lên để học tập mà mười ba tuổi đã đỗ Trạng nguyên, trở thành Trạng nguyên trẻ tuổi nhất nước ta. Gần đây, năm 2005, Ngô Bảo Châu đã được phong hàm vị giáo sư. Vị giáo sư trẻ tuổi nhất Việt nam này còn được tặng giải thưởng Fields – giải thưởng Toán học cao quý nhất thế giới. Thành công ấy cũng nhờ sự siêng năng tìm tòi sáng tạo, lòng nhiệt huyết trong học tập, nghiên cứu mà có được. Nhìn ra thế giới cũng có nhiều tấm gương rất đáng khâm phục về tinh thần tự học, tự vươn lên trong học tập như: nhà khoa học người Pháp Lu-i Pa-xơ lúc học phổ thông chỉ là một học sinh trung bình, về môn Hóa ông đứng hạng 15 trong số 22 học sinh của lớp. Nhưng với lòng kiên trì, ham học, ông đã trở thành một nhà khoa học nổi tiếng – người đặt nền móng cho ngành vi sinh vật học cận đại. Một tấm gương nữa là Lep Tôn-xtôi, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Chiến tranh và hòa bình” bị đình chỉ học đại học vì “vừa không có ý chí học tập, vừa không có năng lực” nhưng vẫn vươn lên trở thành một nhà văn vĩ đại. Ngày nay, yêu cầu học tập đặt ra với tất cả mọi người, kể cả người tàn tật. Ở nước ta không thiếu những tấm gương sáng về tinh thần hiếu học, ham học hỏi và ý chí vươn lên trở thành người có ích. Tài liệu của Nhung tây Anh Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả hai tay từ thừa nhỏ nhưng nhờ kiên trì vượt khó, nỗ lực học tập mà đã trở thành nhà giáo ưu tú, được bao thế hệ học trò quý trọng, mến yêu. Cô gái Việt Anh bị hỏng cả hai mắt nhưng không cam chịu số phận, đã tự mình vươn lên đã trở thành chủ nhân của hai chiếc bằng đại học loại giỏi và là chuyên gia công nghệ thông tin của Hội người mù tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, nỗ lực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ mang lại thành công lớn cho cuộc đời.

Từ những dẫn chứng trên, chúng ta có thể thấy rằng thế hệ trẻ phải chủ động, tích cực học tập. Không học tập sẽ không thể tự trang bị cho mình bất kì kiến thức nào để tự tin bước vào đời. Mỗi tấm gương là một bài học để chúng ta học tập và noi theo. Bản thân mỗi người cần thấy rõ việc học tập là thường xuyên, suốt đời. Có nhiều con đường để học tập thành công : học ở thầy, học ở bạn, học từ thực tế cuộc sống, tự học... Bản thân chúng ta cần thấy rõ việc học tập để trở thành người có ích cho tương lai vừa là quyền lợi, trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của bản thân, đặc biệt trong thời đại nhân loại bước vào nền kinh tế tri thức và đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại, việc học là rất cần thiết để sống có ích, có ý nghĩa. Thế hệ trẻ ngày nay cần phải học tập tự giác, tích cực, xây dựng phong trào học tập không ngừng... để khẳng định được giá trị của bản thân, góp phần vào sự tiến bộ của quê hương, đất nước.

Đề 5: Hiện tượng bàn luận: Thần tượng một ai đó nên hay không nên?

Văn hóa thần tượng hiện nay vô cùng phát triển ở nước ta cũng như trên toàn thế giới, đặc biệt là với lứa tuổi thanh thiếu niên. Tài liệu của Nhung tây Như vậy, thì việc thần tượng một ai đó là nên hay không nên?

Việc chúng ta thần tượng một người nào đó là việc nên làm, bởi nó đem đến rất nhiều lợi ích cho bản thân mình. Bởi thường những người được chọn để thần tượng sẽ là người đạt được thành tích nào đó nổi bật trong cuộc sống. Như một diễn viên nổi tiếng, một học sinh giỏi xuất sắc, một cô công an tài giỏi... Sự thành công của họ khiến chúng ta ngưỡng mộ và kính mến, nên dần thần tượng họ. Việc này khiến chúng ta trở nên khao khát được lại gần và trở nên tài giỏi như thần tượng của mình. Từ đó, thôi thúc chúng ta học tập và rèn luyện chăm chỉ hơn, đạt được các thành tích tốt hơn để có thể xứng đáng với thần tượng của mình.

Ngoài ra, việc có một thần tượng xuất chúng, còn khiến các bạn trẻ có động lực học tập, làm việc hơn trong cuộc sống. Họ sẵn sàng học hành chăm chỉ hơn, làm việc hiệu suất hơn trước để có thể nhận được những phần quà, phần thưởng là các món đồ lưu niệm liên quan đến thần tượng, hay được đến các buổi giao lưu, gặp gỡ thần tượng. Hiệu ứng ấy vô tình khiến cho hiệu suất và hiệu quả của việc học tập, làm việc tăng lên đáng kể. Điều này rất dễ gặp ở xung quanh chúng ta. Như các em học sinh vì muốn được bố mẹ mua cho album của thần tượng, mà quyết tâm học tập ngày đêm để đạt được điểm cao trong kì thi theo mục tiêu bố mẹ đề ra. Đây thực sự là một kết quả tích cực. Tài liệu của Nhung tây

Cùng với đó, việc có một thần tượng cho bản thân mình. Để hâm mộ, yêu thương và theo dõi bước chân của họ mỗi ngày cũng giúp chúng ta có thêm niềm vui trong cuộc sống. Nó giống như một hoạt động giải trí, đem đến những giờ phút vui vẻ rất riêng biệt. Đồng thời, nó còn giúp chúng ta có thêm nhiều bạn bè hơn nữa - đó là những người cùng chung thần tượng với chúng ta. Việc cùng yêu thích một người nổi tiếng, sẽ giúp gắn kết mọi người lại với nhau, trở nên thân thiết hơn.

Bên cạnh các lợi ích như vậy, việc có một thần tượng cũng đem đến một số tác hại đáng kể đến. Đầu tiên, là việc tiêu tốn thời gian và tiền bạc. Việc có một thần tượng để yêu quý và theo dõi, sẽ khiến chúng ta mất khá nhiều thời gian trong ngày để ngắm bắt các hoạt động và sự kiện mà họ tham gia. Đặc biệt là các mùa giải mà họ thi đấu, cần cạnh tranh với các đối thủ khác. Khi đó các cuộc cạnh tranh về lượt xem, lượt bình chọn diễn ra quyết liệt khiến các người hâm mộ tốn nhiều công sức, thời gian. Đồng thời, việc mua các món đồ lưu niệm, món đồ do thần tượng tham gia đại ngôn cùng các vé xem sự kiện, buổi biểu diễn của thần tượng cũng tốn không ít tiền bạc. Khiến rất nhiều bạn trẻ lâm vào hoàn cảnh khó khăn, dẫn đến trộm cắp tiền của bố mẹ, hay lấy tiền học, tiền sinh hoạt để sử dụng.

Cùng với đó, có một bộ phận các bạn trẻ đã có sự thần tượng quá mức, đến không thể kiểm soát được bản thân. Trở thành fan cuồng có các hành động tiêu cực khiến người xung quanh khó chịu. Như sưu tầm mọi đồ vật liên quan đến thần tượng mặc kệ giá cả. Bảo vệ thần tượng bất chấp lí do, hậu quả, dù họ đã làm sai chuyện gì. Xem thường, chửi mắng, hạ thấp thần tượng của người khác để nâng cao thần tượng của mình lên. Các hành động ấy đều khiến cho bản thân chúng ta bị mọi người chán ghét. Tài liệu của Nhung tây

Như vậy, việc có một thần tượng cho bản thân vừa có ưu vừa có nhược điểm. Vì vậy, chúng ta vẫn nên có một thần tượng nhưng cần phải biết kiểm soát bản thân để các ưu điểm được phát huy hết mức có thể và giảm tải tối đa những nhược điểm của nó.

3. Chỉnh sửa bài viết

Rà soát, chỉnh sửa các phần, các đoạn của bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:

Nội dung rà soát	Hướng dẫn chỉnh sửa
Ý kiến về vấn đề đời sống đã nêu rõ ràng chưa?	Nếu ý kiến chưa nêu rõ trong phần mở bài thì phải bổ sung.
Đã khẳng định được sự tán thành ý kiến chưa?	Nếu sự tán thành ý kiến thể hiện chưa rõ thì phải chỉnh sửa về cách diễn đạt.
Việc tán thành ý kiến đã có sức thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu có phù hợp với nội dung nghị luận không?	Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục.
Đã rút ra được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa?	Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn mờ nhạt.
Việc sử dụng từ ngữ, câu văn, cách liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài đã đạt yêu cầu chưa?	Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc.

BÀI 6 HƯỚNG DẪN NÓI VÀ NGHE KỂ LẠI MỘT CÂU TRUYỆN NGỤ NGÔN

Đề bài: Kể lại truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”.

1. Trước khi nói

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).
- Xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”
- Chuẩn bị các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.
- Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,... cho phù hợp với sự việc, nội dung câu chuyện.
- Chuẩn bị các phương tiện như tranh ảnh, video...và máy chiếu, màn hình (nếu có)

b. Tìm ý, lập dàn ý

- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

- + Truyện ngụ ngôn kể về sự kiện gì? (Truyện kể về sự kiện: ếch ở dưới giếng lâu ngày nên chỉ thấy bầu trời thông qua miệng giếng và thấy bầu trời bé bằng chiếc vung.)
- + Truyện có nhân vật chính nào? (Nhân vật chính: chú ếch)
- + Diễn biến câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao? (Diễn biến câu chuyện: Mở đầu: giới thiệu chú ếch và hoàn cảnh sống => phát triển: chú ếch kêu to, ra oai với mọi người và nghĩ mình là nhất. Một hôm ra khỏi giếng vẫn giữ thói hung hang ngang tàng -> kết thúc: bị trâu giẫm bẹp.)
- + Bài học rút ra từ câu chuyện là gì? (Môi trường sống nhỏ hẹp, tù túng, không giao lưu làm hạn chế hiểu biết về thế giới xung quanh. Sống lâu trong môi trường nhỏ hẹp sẽ dần hạn chế sự

hiếu biết. Từ những hiểu biết hạn hẹp, dễ trở nên nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá rất đắt). Tài liệu của Nhung tây

- Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

+ Mở đầu

Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.

+ Nội dung chính

Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* theo một trình tự hợp lí.

+ Kết thúc

Nhận xét, đánh giá chung về nhân vật con ếch trong câu chuyện.

Nêu ý nghĩa và bài học cho bản thân từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.

c. Luyện tập nói

d. Chỉnh sửa bài nói

BÀI THAM KHẢO

1. Mở đầu bài nói

Chào hỏi giới thiệu!

Kính thưa thầy/ cô và các bạn, em tên là....lớp....trường...

Xin kính chào thầy cô và các bạn, trong tiết học ngày hôm nay mình rất vui được kể lại câu chuyện mình yêu thích cho thầy cô và các bạn nghe câu chuyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”. Câu chuyện xin phép được bắt đầu.

Truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng là một trong những truyện dân gian hay. Tác giả dân gian mượn chuyện loài vật để nêu lên bài học sâu sắc đối với con người.

2. Nội dung bài nói

Các bạn ạ!

Truyện kể về con ếch sống lâu ngày dưới giếng, chung quanh nó chỉ có những con vật bé nhỏ và sợ chú ếch, chú lấy làm oai vệ và uy phong coi trời bằng vung. Một ngày nọ chú ra khỏi cái giếng, vẫn giữ thói hung hăng, ngang tàng như môi trường chật hẹp đó và đã bị trâu giẫm bẹp.

Qua nhân vật ếch, truyện ngụ ngôn đem lại một bài học đắt giá là môi trường sống nhỏ hẹp, tù túng, không giao lưu làm hạn chế hiểu biết về thế giới xung quanh. Sống lâu trong môi trường nhỏ hẹp sẽ dần hạn chế sự hiểu biết. Từ những hiểu biết hạn hẹp, dễ trở nên nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá rất đắt. Tài liệu của Nhung tây

3. Kết thúc bài nói

Trên đây là câu chuyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng vô cùng ý nghĩa mà em đã kể cho thầy/ cô và các bạn nghe. Cảm ơn thầy/ cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ thầy cô và các bạn. Xin trân trọng cảm ơn!

Đề 2: Kể lại câu chuyện mà em yêu thích

1. Mở đầu bài nói

Xin chào cô (thầy) và các bạn. Em tên là...

Hôm nay, em sẽ kể lại cho cô cùng các bạn nghe một truyện ngụ ngôn mà em ấn tượng. Câu chuyện mang tên "Hai người bạn đồng hành và con gấu".

Mở đầu của chuyện là hình ảnh hai người bạn đang rảo bước đi trong rừng sâu. Đang cùng nhau đi trên con đường tỏa mát bởi bóng cây như vậy, hai người bất ngờ gặp phải một con gấu.

2. Nội dung bài nói

Trước tình huống nguy hiểm như vậy, người bạn đi trước đã nhanh chân trèo lên một cành cây và ẩn mình trong đám lá xanh tươi tốt. Người bạn còn lại đứng bối rối mà không thể trông cậy ai khác, đành nằm bẹp xuống đất, mặt thì vùi trong cát. Con gấu ngày càng đi đến gần, và khi nó thấy người bạn kia nằm ra đất, nó tiến đến ngửi mũi, ngửi mũi. Tưởng người kia đã chết nên nó hú lên, rồi lắc đầu lững thững mà bỏ đi. Sau khi con gấu đi xa, người bạn từ trên cành cây mới trèo xuống mà thắc mắc rằng "Ông Gấu thì thâm với cậu điều gì đó?". Trước câu hỏi của người bạn, người nằm vùi mình trong đất đã thông minh mà trả lời rằng "Ông ấy bảo tớ rằng không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè". Tài liệu của Nhung tây

Câu chuyện đến đây là kết thúc rồi. Thông qua câu chuyện này, em rút ra được một bài học sâu sắc về tình bạn chân thành. Một người bạn tốt là người luôn đồng hành cùng ta dù chặng đường phía trước có thể hạnh phúc hoặc khó khăn.

3. Kết thúc bài nói

Em xin cảm ơn cô và các bạn đã lắng nghe câu chuyện "Hai người bạn đồng hành và con gấu".

Để kể lại một truyện ngụ ngôn nào đó, em cần nắm chắc nội dung câu chuyện. Cuối cùng, em phải rút ra bài học sâu sắc được gửi gắm. Em có thể luyện tập thêm bằng cách kể lại các truyện kể khác cho bạn bè, người thân nghe nhé.

=====

BÀI 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Ôn tập một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: Đề tài, sự kiện tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.
- Rèn kĩ năng viết cho học sinh: Học sinh viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.
- Biết thảo luận vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất hoặc khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận
- Biết khao khát và ước mơ: Có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

B. NỘI DUNG

BÀI 7 ÔN TẬP VĂN BẢN: CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG

(Trích hai vọn dậm dưới biển, Giuyn Véc-Nơ)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Khái niệm:

- Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng tượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học công nghệ.

**Lưu ý:*

- Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tự nhiên tại thời điểm tác phẩm ra đời.

2. Đặc điểm

+ **Đề tài:** Đa dạng, phong phú thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất.

+ **Sự kiện:** Từ sự kiện có thật nhà văn tưởng tượng ra nội dung câu chuyện (sự kiện thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện diễn ra trong thế giới giả định trong quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ). Tài liệu của Nhung tây

Ví dụ: Từ việc bắt đầu cố tàu ngầm thơ sơ, Véc- Nơ đã tưởng tượng ra con tàu No-ti-lót(Nautilus) có đặc điểm như một tàu ngầm hiện đại.

+ **Tình huống:** Đột ngột bất ngờ, có phần li kì mạo hiểm (tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay mâu thuẫn cần giải quyết trong thế giới giả tưởng).

+ **Cốt truyện:**

- Gắn với các sự kiện khoa học công nghệ.

- Các sự kiện “đi trước thời gian”.

- Những tình huống táo bạo bất ngờ.

+ **Nhân vật:**

- Những con người thông thái(nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế, người ngoài hành tinh, quái vật...).

+ **Bối cảnh không gian, thời gian:** Gắn với đề tài của truyện (Mang tính giả định, chẳng hạn như thời gian trộn lẫn quá khứ, hiện tại và tương lai, không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển...).

Ví dụ: Câu chuyện trong tiểu thuyết “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*” diễn ra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm, ở một không gian biển cả rộng lớn(hai vạn dặm) hoành tráng và bí hiểm.

Hay truyện “*Đường vào trung tâm vũ trụ*” (Trích “*Thiên Mã*”, Hà Thủy Nguyên) Câu chuyện diễn ra trong hai không gian: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị.

3. Yêu cầu khi đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng:

Nhận biết các yếu tố:

- Đề tài.

- Tình huống.

- Cốt truyện.

- Nhân vật.

- Bối cảnh.

- Cơ sở khoa học.

- Sự kiện.

4. Tác giả tác phẩm

- GiuynVéc-nơ (1828-1905), Pháp

- Tâm hồn bay bổng cộng với trí tưởng tượng phong phú

=>Dành nhiều thời gian để tập tành sáng tác các tác phẩm kịch, thơ văn

- Dùng ngòi bút của mình để viết lên những chuyến phiêu lưu để thỏa mãn đam mê.

- Người đi tiên phong trong thể loại văn học Khoa học viễn tưởng và được coi là một trong những "cha đẻ" của thể loại này.

- Có các tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.

1. Tìm hiểu chung

a. Xuất xứ

Trích tiểu thuyết *Hai vạn dặm dưới biển* (1868), ông tin rằng ước mơ chinh phục đại dương của con người sớm muộn sẽ được thực hiện, và chiếc tàu ngầm lí tưởng của ông hoàn toàn không phải là ý tưởng viễn vông. Tài liệu của Nhung tây

b. Bố cục (3 phần)

- Phần 1 (từ đầu đến “nhưng nó vẫn phớt lờ”): Sự xuất hiện của cá thiết kình.

- Phần 2 (tiếp theo đến “khi rơi xuống nước”): Cuộc chạm trán trên biển.

- Phần 3 (còn lại): Con tàu ngầm xuất hiện.

c. Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng

d. Phương thức biểu đạt: tự sự kết miêu tả, biểu cảm

2. Giá trị nội dung, nghệ thuật

a. Giá trị nội dung

Thể hiện khát vọng chinh phục đại dương, chinh phục khoa học, làm chủ thế giới bí ẩn của con người

b. Giá trị nghệ thuật

- Giọng văn kể chuyện hấp dẫn, cách diễn đạt hài hước, dí dỏm.

- Lối viết đơn giản, dễ hiểu.

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản cuộc trạm chán trên Đại Dương thuộc thể loại?

A. Truyện ngắn

B. Truyện ngụ ngôn

C. Tùy bút

D. Truyện khoa học viễn tưởng

Câu 2. Tác giả GiuynVéc-nơ là người nước nào?

A. Pháp

B. Mĩ

C. Đức

D. Anh

Câu 3. Văn bản được chia bố cục làm mấy phần?

A. 2 phần

B. 3 Phần

C. 4 Phần

D. 5 phần

Câu 4. Nội dung văn bản đề cập đến vấn đề gì?

A. Chinh phục thiên nhiên vũ trụ

B. Chinh phục Đại dương

C. Chinh phục loài người

D. Cả ba nội dung trên

Câu 5. Xác định ngôi kể trong chuyện

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ 3

D. Ngôi thứ nhất và thứ 3

Câu 6. Thông điệp mà tác giả gửi đến qua văn bản này

A. Cùng chung tay bảo vệ động vật hoang dã

- B. Cùng chung tay bảo vệ nguồn nước
- C. Cùng chung tay bảo vệ môi trường Trái Đất, môi trường biển.
- D. Chung tay bảo vệ sự sống của con người trên trái đất

2. Ngữ liệu Đọc Hiểu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Cuộc chạm trán trên đại dương

(Trích Hai vạn dặm dưới biển, Giuyn Véc-nơ)

Trước rạng đông, chúng tôi đã sẵn sàng nghênh chiến. Lưới đánh cá voi đã xếp ở hai thành tàu. Thuyền phó ra lệnh chuẩn bị loại súng bắn xa một hải li và cả loại súng bắn đạn phá có thể hạ được những con thú lớn nhất. Nét Len (Ned Land) mài sắc mũi lao, một thứ vũ khí khó diệt cá voi lợi hại trong tay anh ta.

Sáu giờ, trời hừng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!

Đến tám giờ sáng, những dải sương mù dày đặc bắt đầu trôi trên sóng và từ từ bốc lên cao. Chân trời được mở rộng và sáng rõ. Tài liệu của Nhung tây

Bỗng lại có tiếng Nét Len nói:

- Nhìn xem kia! Nó ở phía bên trái đuôi tàu!

Mọi người phóng mắt nhìn về phía đó.

Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá Báo cáo của tàu Hen-vơ-chi-a (Helvetia) và San-nông (Shannon) hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.

- Báo cáo, đủ!

- Tăng áp lực! Cho tàu chạy hết tốc độ.

Trong khi tôi quan sát con vật lạ, thì từ hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét. Giờ đây tôi mới hình dung được đôi chút về cách thở của cá thiết kình.

(Giuyn Vecno, hai vạn dặm dưới biển, Đỗ ca Sơn dịch, NXB văn học Hà Nội, 2020)

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên?

Câu 2. Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng lạ lùng của con cá thiết kình trong phần (1) của đoạn trích? Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Cuộc chạm trán trên đại dương dẫn ba nhân vật Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len vào cuộc phiêu lưu trong không gian nào? Lúc ấy, không gian này quen thuộc hay xa lạ với họ?

Câu 4. Theo em, nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực nào?

Câu 5. Nhan đề Hai vạn dặm dưới biển đã thể hiện ước mơ gì của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa như thế nào

Gợi ý trả lời

Câu 1. Đoạn trích thuộc truyện Khoa học viễn tưởng

Câu 2. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt.

- Màu đen, nổi lên mặt nước độ một mét.
- Không dài quá tám mét. Cả ba chiều đều cân đối.
- Lỗ mũi to, vọt lên hai cột nước cao tới bốn mét.
- Tốc độ nhanh hơn tốc độ của tàu.

Câu 3. Cuộc chạm trán trên đại dương dẫn ba nhân vật Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len vào cuộc phiêu lưu ở không gian trên mặt biển, cụ thể là trên một con tàu ngầm.

- Lúc ấy, không gian này xa lạ với họ.

Câu 4. Nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực:

- Tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển của Véc-nơ ra đời năm 1870.
- Khi đó, tàu ngầm đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai.

Câu 5. Nhan đề Hai vạn dặm dưới biển đã thể hiện ước mơ khám phá tận sâu dưới đáy biển – nơi còn nhiều bí ẩn của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông.

- Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa: con người có thể lặn sâu xuống dưới biển, đã có những tàu ngầm, con người đã có nhiều hiểu biết về đại dương.

3. Ngữ liệu Đọc - Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Tàu No- ti- lốt lặn xuống sâu hai, ba ngàn mét và ngày 20 tháng 4 lại nổi lên cách mặt biển một ngàn năm trăm mét. Gần chúng tôi nhất là quần đảo Lu-cai(Lucayes). Từ đáy biển nổi lên những mỏm đá lớn dựng đứng, phủ đầy những loại tảo khổng lồ. Khoảng 11h trưa, Nét len lưu ý tôi giữa đám tảo đỏ có một con vật gì đó rất đáng sợ. Tôi nói:

- Đúng, ở đây có nhiều hang thích hợp với bạch tuộc. Nếu có gặp những quái vật đó ở đây tôi cũng chẳng ngạc nhiên chút nào[...] Năm 1861, về phía tây bắc Tê-nê-ríp(Tenerife), cũng ở khoảng vĩ độ này, thủy thủ tàu A-lếch-tơn (Alec ton) phát hiện ra một con bạch tuộc khổng lồ đang bơi cùng tuyến đường. Thuyền trưởng Bu-ghê(Bauguer) cho tàu chạy sát con vật và dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn đều xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông. Sau mấy lần thất bại, cánh thủy thủ bèn dùng thông lọng để bắt. Thông lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được. Lúc đó, mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra. Thế là nó lặn xuống, biến mất. Tài liệu của Nhung tây

- Thế nào dài bao nhiêu?- Nét hỏi.

- Có phải chừng sáu mét không?- Công xây hỏi. Anh ta đứng bên cửa sổ và nhìn vào các hốc đá.

Công-xây hỏi tiếp:

- Có phải trên đầu nó có tám vòi, ngo ngoáy trong nước biển như một bầy rắn không?

- Đúng vậy, Công-xây ạ.

- Có phải hai hàm của nó rất giống mỏ vịt, nhưng lớn hơn nhiều không?

- *Rất đúng. Tài liệu của Nhung tây*
- *Thế thì, thưa giáo sư, có phải nó kia không ạ?*
Tôi nhìn Công - xây, còn Nét thì lao đến cửa sổ.
Con vật khủng khiếp quá!- Nét la lên.

(Trích “Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Véc- nơ)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt và người kể chuyện, ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Đoạn trích cho em biết tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*” viết về đề tài gì? Nó được viết dựa trên cơ sở nào?

Câu 3. Trong đoạn trích, người kể chuyện gọi “bạch tuộc” là gì?

Câu 4. Tìm trong đoạn trích những chi tiết nói về hình ảnh của bạch tuộc? Qua đó em hình dung đó là con vật như thế nào?

Câu 5. Văn bản “Bạch tuộc” có chứa đoạn trích trên trên kể về kiện gì? Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống nào?

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.
- Người kể: Xưng “tôi”- kể ngôi thứ nhất.

Câu 2.

- Đề tài: Khám phá đại dương đầy bí ẩn.
- Căn cứ: Những hiểu biết và thành tựu khoa học:
 - + Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm.
 - + Bạch tuộc đã được phát hiện.

*Lưu ý: Tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*” của Véc-nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai; bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Người kể chuyện gọi bạch tuộc là “quái vật”.

Câu 4. Hình ảnh con bạch tuộc xuất hiện qua lời kể, trò chuyện của các nhân vật:

- Qua lời kể của nhân vật tôi:
 - + *Con bạch tuộc khổng lồ*;
 - + *Dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông*;
 - + *thòng lọng mắc vào thân bạch tuộc nhưng tới vây đuôi mới thắt lại được... mọi người cố sức kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bạch tuộc bị đứt ra.*
- Qua cuộc trò chuyện của Nét, Công-xây với giáo sư A-rôn-nác:
 - + *Con bạch tuộc dài chừng sáu mét*;
 - + *Trên đầu có tám cái vòi, ngo ngoay trong nước biển như một bầy rắn*;
 - + *Hai hàm của nó rất giống mỏ vịt, nhưng lớn hơn nhiều*.

=> Những con bạch tuộc là con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương.

Câu 5:

- Đoạn trích “*Bạch tuộc*” kể lại sự kiện chiến đấu của những người trên tàu ngầm No-ti-lớt với những con bạch tuộc. Tài liệu của Nhung tây
- Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Tôi cũng đưa mắt nhìn qua ô cửa bất giác lùi lại. Trước mắt tôi, một quái vật đang bơi tới. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. Nó bơi lùi rất nhanh về phía tàu. Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy. Tám cánh tay hay đúng hơn, tám chân từ đầu mọc ra phải gấp đôi thân và luôn luôn uốn con. Nhìn thấy rõ hai trăm rưỡi cái giá ở phía trong vôi. Hai hàm răng bạch tuộc giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại. Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhin, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai trăm tấn. Màu sắc nó thay đổi rất nhanh từ màu xám chỉ sang màu nâu đỏ. Tài liệu của Nhung tây

Vì sao con bạch tuộc tức giận. Hẳn là vì sự xuất hiện của tàu No-ti-lớt to lớn hơn nó và vì vôi cũng như hai hàm răng của nó chẳng làm nên chuyện gì...

Được gặp một con bạch tuộc như thế này đối với tôi thật là một dịp may hiếm có, nên tôi không bỏ lỡ cơ hội nghiên cứu nó cận kề. Tôi cố nén sự sợ hãi mà cầm bút chì vẽ nó.

- Có lẽ đây là con bạch tuộc mà tàu A-lếch-tơ đã gặp? - Công-xây hỏi.
- Không, - Nét trả lời - con này còn nguyên vẹn, con kia đã mất đuôi.
- Không phải thế đâu - Tôi phản đối - Vôi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại.[...]

Tàu No-ti-lớt bỗng dừng lại, toàn thân tàu rung lên.

Chẳng lẽ chúng ta lại vấp phải cái gì? - Tôi hỏi.

- Nét trả lời: Tài liệu của Nhung tây
- Dù có vấp phải cái gì ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong.

Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong, nhưng đứng yên không nhúc nhích. Chân vịt không quay nữa rồi. Một phút trôi qua. Thuyền trưởng Nê-mô và viên thuyền phó bước vào phòng khách. Đã mấy hôm nay tôi không gặp Nê-mô. Ông ta không nói chuyện với chúng tôi, có lẽ chẳng nhìn thấy chúng tôi nữa. Ông ta bước tới cửa sổ, nhìn lũ bạch tuộc rồi nói mấy câu với thuyền phó. Ông này đi ra. Cửa sổ lập tức đóng lại. Đèn trên trần bật sáng.

(Trích “*Hai vạn dặm dưới đáy biển*” - Giuyn Véc- nơ)

Câu 1. Xác định nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2. Tìm trong đoạn trích chi tiết về “*Quái vật đang bơi tới*” theo lời của nhân vật tôi. Nêu nhận xét về con vật đó.

Câu 3. Tìm trong đoạn trích một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.

Câu 4. Văn bản có đoạn trích trên kể về tình huống tàu No-ti-lớt gặp phải theo em đó là tình huống nào? Trong tình huống đó các thủy thủ trên con tàu đã làm gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Nội dung: Đoạn trích kể về sự xuất hiện của bạch tuộc và tình huống tàu No-ti-lớt gặp phải.

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

Câu 2: Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế:

- + Dài chừng tám mét.
- + Nó bơi lùi rất nhanh.
- + Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.
- + Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.
- + Có hai trăm rươi cái giắc ở trong vòi.
- + Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.
- + Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.
- + Thân hình thoi.
- + Nặng chừng hai mươi, hai trăm tấn.
- + Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.
- + Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.
- Các chi tiết miêu tả rất cụ thể, rõ ràng, cho thấy bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu với các bộ phận đáng sợ, đe dọa trực tiếp tới tính mạng của người trên tàu cũng như các sinh vật khác dưới đáy đại dương.

Câu 3. Chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:

- Bạch tuộc dài tám mét, mắt màu xanh xám nhìn thẳng không động đậy với tám chân mọc dài gấp đôi thân và luôn uốn cong.
- Hai hàm răng bạch tuộc cứng cáp, giống cái mỏ vẹt bằng sừng, nhọn và rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.
- Thân hình đồ sộ nặng hai mươi, hai trăm tấn, màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.

Câu 4. Văn bản có đoạn trích kể về tình huống con tàu gặp phải:

- Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa.
- Những người trên tàu ngầm No-ti-lốt chiến đấu với những con bạch tuộc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Nhưng Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc đang bò trên thành tàu. Thật là khủng khiếp! Có lúc, tôi tưởng người bị nạn sắp được cứu thoát khỏi sức hút của vòi bạch tuộc. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt vào người thủy thủ và ngoe nguẩy trên không. Khi Nê-mô và thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mày chẳng nhìn thấy gì. Khi đám “mây” đó tan đi thì quái vật đã biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi. Tài liệu của Nhung tây

Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc. Ai nấy đều sôi sục căm thù! Trên boong tàu và ở thành tàu có độ mười, mười hai con. Chúng bị chém đứt và quăng quai trong mái xanh và “mực đen”. Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật, lần nào cũng trúng đích. Tuy vậy, khi anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta... Nhưng Nê-mô đã đến trước tôi. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngáp mũi lao vào tìm kẻ thù.

- Tôi có bốn phận trả ơn ông!- Nê-mô bảo Nét. Nét chỉ nghiêng mình đáp lại.

Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu. Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhuốm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê-mô ứa lệ. Tài liệu của Nhung tây

(Trích “Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Véc- nơ)

Câu 1. Đoạn văn kể về sự việc gì? Sự việc đó liên quan đến những nhân vật nào?

Câu 2. Tìm trong đoạn trích các chi tiết nói về tinh thần dũng cảm, tinh thần đồng đội của các thủy thủ. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn nào? Em học tập được điều gì trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả?

Câu 4. Tại sao mắt Nê-mô ứa lệ?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Sự việc: Kể về phần cuối cuối cuộc giao chiến của các thủy thủ trên tàu Na-ti-lốt với bạch tuộc và kết quả cuộc giao chiến.

Câu 2. Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:

+ Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.

+ Thái độ nuôi tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.

Câu 3:

- Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn “*Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu*”.

- Học tập nghệ thuật kể chuyện của tác giả:

+ Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, kịch tính, hấp dẫn.

+ Sử dụng những từ ngữ giàu sức biểu cảm cùng những câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của người tham gia cuộc chiến.

=>Giúp người đọc hình dung rõ được sự cam go, nguy hiểm của cuộc chiến.

Câu 4. Mắt Nê- mô ứa lệ vì: một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi. Đó là biểu hiện tình yêu thương với người đồng đội xấu số.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

Thuyền trưởng Nê-mô cáo từ rồi đi ra. Tôi ở lại với những ý nghĩ của mình. Tôi nghĩ về Nê- mô. Liệu sau này tôi có biết được quốc tịch của con người bí ẩn đã từ bỏ Tổ quốc mình không? Cái gì đã khiến ông ta căm ghét loài người, một lòng căm ghét, khao khát trả thù? Phải chăng ông ta là một trong số những nhà bác học không được thừa nhận, là một thiên tài “bị người đời hắt hủi”, như Công-xây nói? Chẳng ai biết! Số phận đã ném tôi lên tàu ông ta, tính mệnh tôi nằm trong tay ông ta. Ông ta tiếp đón chúng tôi một cách lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo. Chưa lần nào ông ta bắt tay tôi. Cũng chưa lần nào đưa tay cho tôi bắt.

Tôi suy nghĩ liên miên suốt một tiếng đồng hồ và cố gắng đi sâu vào bí mật của con người ấy. Mắt tôi vô tình dừng lại nơi tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi lần ngón tay trên

bản đồ và tìm thấy giao điểm k độ kinh và độ vĩ mà thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ. Các đại dương cũng như cũng các lục địa đều có những dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu rất dễ nhận ra theo màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng kể nhất là Gơn-xtow-rim(Gulf Stream). Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.

Tàu No-ti-lốt chạy theo một hải lưu kể trên, có cái tên Nhật Bản là Xư-rô-xi-ô(Kuroshio), nghĩa là “Sông Đen”. Ra khỏi vịnh Băng-gan (Bengal) được những tia nắng đứng của mặt trời sưởi nóng, hải lưu này chảy qua eo Ma-lắc-ca(Malacca), dọc theo bờ biển châu Á rồi vòng theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út(Aleutian). Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới, màu xanh thắm của hải lưu ấm áp khác hẳn với nước đại dương lạnh ngắt.

(Trích “Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Vec-nơ)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt và nội dung chính của đoạn trích.

Câu 2: Đoạn trích có những nhân vật nào? Nêu tình huống mà các nhân vật gặp phải.

Câu 3. Tìm trong văn bản một số chi tiết về nhân vật Nê-mô và điền vào cột thứ 2 của bảng sau (làm vào vở):

Nhân vật Nê- mô	Chi tiết biểu hiện
Cử chỉ, hành động của Nê-mô	...
Thái độ của A- rô- nác về Nê-mô	...
Thái độ của Công xây về Nê-mô	...
Thái độ của Nét len về Nê-mô	...

Từ những chi tiết đó, em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật Nê-mô?

Câu 4. Theo lời của người kể khoa học đã ghi vào bản đồ thế giới mấy dòng hải lưu lớn nhất? Đó là những dòng hải lưu nào?

Câu 5. Dựa vào hành trình mà giáo sư A-rô-nác đã kể, em hãy giải thích lí do giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen”?

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.
- Nội dung: Kể lại suy nghĩ của tôi về thuyền trưởng Nê-mô và giới thiệu về dòng Sông Đen.

Câu 2: Đoạn trích có các nhân vật:

- + Giáo sư: A-rô-nác(nhà nghiên cứu sinh vật học).
- + Công- xây(Conseil) người cộng sự của giáo sư nhận lời mời tham gia đoàn thám hiểm của Lin-côn(Loncoln) để truy tìm quái vật biển.
- + Nét Len(Ned Land) thợ săn cá voi.
- + Thuyền trưởng Nê-mô.
- Tình huống: Ba nhân vật giáo sư A-rô-nác, Công-xây, NétLen rơi vào con tàu Nau-ti-lốt(No-ti-lôt) hiện đại với một người thuyền trưởng bí ẩn họ không thể biết được điều gì đón đợi họ ở phía trước.

Câu 3:

Nhân vật Nê-mô	Chi tiết biểu hiện
Cử chỉ, hành động của Nê-mô	Đón tiếp 3 người họ lạnh lùng nhưng vẫn chu đáo.
Thái độ của A-rô-nác về Nê-mô	Suy nghĩ rất nhiều và cảm thấy khó hiểu về ông Nê-mô.
Thái độ của Công-xây về Nê-mô	Gọi ông Nê-mô là một thiên tai “bị người đời hắt hủi”.
Thái độ của Nét Len về Nê-mô.	Hỏi A-rô-nác về lai lịch, ý đồ của ông Nê-mô.

Câu 4: Khoa học đã ghi vào bản đồ Trái Đất năm hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, thứ hai ở phía nam Đại Tây Dương, thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở phía nam Ấn Độ Dương.

Câu 5. Tác giả lại đặt tên chương truyện có đoạn trích này là “Dòng Sông Đen” vì:

- + Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới màu xanh thẫm của hải lưu ấm áp, khác hẳn với nước đại dương lạnh ngắt. Tài liệu của Nhung tây
- + Nó mất hút giữ Thái Bình Dương mênh mông.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Tôi nghiên cứu đường đi của hải lưu trên bản đồ và thấy nó bị mất hút giữa Thái Bình Dương mênh mông. Óc tưởng tượng đã làm tôi say sưa đến nỗi Nét Len và Công-xây vào phòng khách lúc nào không hay.

Nét và Công-xây sững sờ trước cảnh huyền diệu đang hiện ra trước mắt.

-Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không?

- Các bạn của tôi ơi,- Tôi mời họ xích lại gần- Không phải các bạn đang ở Ca-na-đa(Canada)hay ở Pháp đâu, mà đang ở trên tàu No-ti-lót dưới mặt biển năm mươi mét.

- Giáo sư đã nói vậy thì phải tin thôi! Công-xây đáp- Nhưng xin thú thật rằng phòng khách có thể làm cho một người Phơ-le-mít (Plemish) như tôi cũng phải ngạc nhiên.

- Anh bạn ơi, bạn cứ ngạc nhiên đi và hãy xem kĩ những tủ kính này. Ở đây bạn sẽ thấy nhiều điều kì lạ đối với một người chuyên phân loại như bạn.

Công-xây thì chẳng cần phải cố vũ nhiều. Anh ta cúi xuống xem xét và lăm bắm những thuật ngữ sinh vật học.

Trong khi đó Nét Len, vì không thạo lắm về nhuyễn thể học nên hỏi han tôi về cuộc gặp gỡ vừa qua với thuyền trưởng Nê-mô, về lai lịch ông ta, về ý đồ của ông ta. Tóm lại, anh ta hỏi tôi liên miên làm tôi không kịp trả lời.

Tôi nói lại với Nét tất cả những gì tôi biết, đúng hơn là những gì tôi không biết. Rồi tôi lại hỏi Nét về những điều anh ta nghe và thấy được.

Tôi chẳng nghe, chẳng nhìn thấy gì cả- Nét trả lời- Thậm chí chẳng thấy một bóng thủy thủ nào. Chẳng nhẽ thủy thủ cũng bằng điện? Tài liệu của Nhung tây

-Bằng điện sao được!

- Ấy ấy, có thể bằng điện lắm chứ! Nhưng thưa ngài A-rô-nác,- Nét bị ý nghĩ của mình ám ảnh,- Ngài có thể cho tôi biết số người trên tàu này không? Mười người, hai mươi người, năm mươi người, một trăm người?

- Ông Nét ơi, tôi không thể trả lời ông được đâu! Ông hãy nghe tôi, hãy từ bỏ ngay cái ý định đoạt tàu No-ti-lót, hay bỏ trốn đi. Chiếc tàu này là một kì công của kĩ thuật hiện đại và tôi sẽ rất ân hận nếu không được tìm hiểu nó kĩ càng. Có lẽ nhiều người mong được ở vào địa vị

chúng ta để được ngó qua những kì quan này! Vì vậy, ông hãy bình tĩnh lại, chúng ta cũng quan sát những gì đang xảy ra xung quanh.

- Quan sát những cái gì!- Nét hét lên- Trong cái ngục tù bằng sắt này thì còn thấy gì nữa mà quan sát! Chúng ta đang đi như những thằng mù. Tài liệu của Nhung tây

(Trích “Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Vec- nơ)

Câu 1. Qua lời kể của người kể chuyện trong đoạn trích em thấy tàu Nau-ti-lux đang ở vị trí nào dưới lòng đại dương?

Câu 2. Xác định tình huống, nhân vật, không gian, thời gian trong văn bản.

Câu 3. Các câu văn “-Chúng ta đang ở đâu thế này? Ở đâu? - Nét kêu lên- Có phải ở Viện bảo tàng Quê-bếch (Que bec) không?” thể hiện tâm trạng, thái độ nào của Nét? Vì sao Nét có thái độ, tâm trạng đó?

Câu 4. Tàu Nau-ti-lux được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng, trong khi vào thời điểm tác phẩm ra đời, điện năng chưa phải là năng lượng chủ yếu trong công nghiệp. Tàu Nau-ti-lux có thể lặn xuống bất cứ độ sâu nào mà không bị vỡ cửa kính. Những khả năng vượt trội như vậy của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu thêm điều gì về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng?

Câu 5. Tác giả để cho giáo sư A-rô-nác và Nét Len tranh luận về vấn đề gì? Nêu quan điểm của mỗi người về vấn đề đó. Em đồng tình với cách giải quyết vấn đề của nhân vật nào? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Theo lời của người kể chuyện trong đoạn trích, tàu Nau- ti-lux đang ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

Câu 2:

- Tình huống: cuộc tranh luận đầy mâu thuẫn của giáo sư A-rô-nác và Nét Len trong con Nau-ti-lux của thuyền trưởng bí ẩn Nê-mô dưới lòng đại dương.

- Nhân vật: giáo sư A-rô-nác, Nét Len, Công-xây.

- Không gian: dưới lòng đại dương.

Câu 3: Các câu văn thể hiện thái độ ngỡ ngàng, ngạc nhiên của Nét về những điều kì diệu anh nhìn thấy khi ở độ sâu dưới mặt biển năm mươi mét.

Câu 4: Những khả năng vượt trội của tàu Nau-ti-lux giúp em hiểu về đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng: được viết theo thể hư cấu về một điều giả định được dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của người viết truyện. Tài liệu của Nhung tây

*** Lưu ý:** Với tài năng và trí tưởng tượng của mình Giuyn Vec-nơ đã thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục đại dương của con người lúc bấy giờ. Và sau gần hai thế kỉ chiếc tàu ngầm và nguồn năng lượng điện năng đã không còn xa lạ đối với nhân loại và điều đó đã chứng minh lý tưởng của ông, ước mơ của ông, khát vọng của ông không phải là những ý tưởng viễn vông.

Câu 5: Cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả: Để giáo sư A- rô- nác không đồng tình với Nét Len khuyên anh từ bỏ ý định đó.

- Ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình:

+ Em đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này: Nét Len có cơ hội chiêm ngưỡng vẻ đẹp dưới đáy biển. Nếu bỏ trốn khỏi con tàu, anh sẽ không thấy và không thể trải nghiệm hành trình khám phá hai vạn dặm dưới biển.

+ Không đồng tình với cách giải quyết của tác giả vì với cách giải quyết này, mâu thuẫn trong Nét Len không được giải quyết, chỉ tạm lắng xuống khi Nét Len bị hấp dẫn bởi vẻ đẹp của đại dương bí ẩn. Trên thực tế, vào cuối cuộc hành trình, Nét Len, giáo sư A-rô-nác, Công-xây đã bỏ trốn khỏi tàu *No-ti-lôt*.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

“Chúng tôi đi chừng nửa tiếng đồng hồ. Đáy biển ngày càng nhiều đá. Những con sò, các lớp giáp xác nhỏ li ti phát ra ánh sáng lân tinh yếu ớt. Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín. Chân tôi trượt trên tấm thảm thực vật dính nhơm nhớp và nếu không có gậy thì tôi đã bị ngã nhiều lần. Quay lại, tôi vẫn thấy ánh sáng đèn pha tàu *Nau-ti-lux*. Chúng tôi càng đi xa thì ánh sáng đó càng mờ đi. Những đồng đá dưới đáy đại dương mà tôi vừa nói trên mang dấu vết một sự sắp đặt nhất định mà tôi không giải thích nổi. Ngoài ra còn một số hiện tượng kỳ lạ nữa. Tôi cảm thấy dưới đế giày bằng chì của tôi đang lạo xạo những xương khô. Phải chăng chúng tôi đang bước trên mảnh đất đầy xương?... Ánh sáng soi đường cho chúng tôi ngày càng rực đỏ, tựa như ánh lửa của đám cháy phía chân trời. Lửa cháy trong nước kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Có phải đó là ánh điện không? Hay là tôi đang được chứng kiến một hiện tượng của thiên nhiên mà các nhà bác học chưa hề biết? Tôi thoáng có ý nghĩ: biết đâu cái lò lửa ngầm dưới biển này không do bàn tay con người duy trì? Biết đâu tôi chẳng gặp ở đây những người bạn, những người đồng chí của *Nê-mô*, đang sống một cuộc đời độc đáo như *Nê-mô*? Biết đâu tôi chẳng gặp cả một đám người vì chán ghét những ràng buộc trên mặt đất mà đi tìm độc lập tự do dưới đáy biển? Những ý nghĩ vớ vẩn, mung lung cứ ám ảnh tôi mãi. Trong trạng thái bị kích thích cao độ ấy, nếu có gặp một thành phố xây dưới nước như *Nê-mô* hằng mơ ước, thì tôi cũng sẽ cho là chuyện rất tự nhiên. Con đường chúng tôi đi ngày càng sáng tỏ. Một ánh hào quang trắng trắng phát ra từ phía sau ngọn núi cao hơn đáy biển hai trăm mét. Nhưng ánh hào quang đó chỉ phản ánh những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển. Bản thân cái nguồn phát sáng thì ở bên kia ngọn núi. Thuyền trưởng *Nê-mô* vững bước giữa những đồng đá ngổn ngang. ông ta rất thông thạo con đường này. Tôi yên tâm đi theo *Nê-mô*. Đối với tôi, *Nê-mô* giống như một vị thần biển! Tôi ngắm nhìn vóc người cao lớn của *Nê-mô* in trên ánh hồng. Một giờ đêm chúng tôi tới chân núi. Nhưng muốn trèo lên sườn núi dốc đứng thì phải theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa rừng cây rậm rạp. Đây đúng là một rừng cây đã chết, trụi hết lá, đã hóa đá vì tác động của muối biển... Cảnh tượng thật chẳng lời lẽ nào tả xiết! Thuyền trưởng *Nê-mô* vẫn đi trước. Tôi không muốn bị tụt lại nên cố theo sát *Nê-mô*. Chiếc gậy rất được việc. Chỉ cần bước hụt là có thể lao xuống vực thẳm nằm kề bên những con đường hẹp. Tôi nhảy qua những khe núi sâu mà nếu ở trên cạn thì tôi đành chịu không dám vượt...”

(Trích Chương 33-Hai vạn dặm dưới đáy biển- Junles Verne; Lê Anh - Đỗ Ca Sơn) dịch từ bản tiếng Nga; NXB Văn học)

Câu 1: Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc thể loại nào?

Câu 2: Điều gì kích thích tính tò mò của nhân vật “tôi” đến cao độ?

Câu 3: Đoạn văn trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

Câu 4: Vì sao thuyền trưởng Nê-mô lại tự tin trong cuộc thám hiểm ở dưới đáy biển được nêu trong đoạn trích?

Câu 5: Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?

“Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”

Câu 6: Theo em, việc khám phá, thám hiểm những miền đất lạ có quan trọng đối mỗi người hay không? Vì sao?

Câu 7: Em hãy nêu hai đến ba cách để có thể khám phá được những vùng đất mới lạ.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc kiểu truyện khoa học viễn tưởng

Câu 2: Điều kích thích tính tò mò của nhân vật tôi lên đến cao độ là Lửa cháy trong nước.

Câu 3: Đoạn trích thuộc ngôi kể thứ nhất. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: Thuyền trưởng Nemo tự tin thám hiểm dưới đáy biển Ông đã từng thám hiểm ở vị trí này

Câu 5: Câu sau dùng cụm chủ-vị để mở rộng thành phần nào?

“Tôi thoáng thấy những đồng đá được hàng triệu động vật giống như những bông hoa và tảo phủ kín”

Mở rộng thành phần vị ngữ.

Câu 6: HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp.

Câu 7: HS nêu được ít nhất 02 cách thức khám phá những vùng đất mới lạ.

BÀI 7 ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ

(Trích Thiên mã - Hà Thủy Nguyên)

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Tên: Hà Thủy Nguyên
- Năm sinh: 1986
- Quê quán: Hà Nội
- Thể loại sáng tác: tiểu thuyết, thơ ca
- Tác phẩm tiêu biểu: *Điện nhạc trần gian* (2004), *Bên kia cánh cửa* (2005), *Thiên Mã* (2010), ...

- + Hà Thủy Nguyên là một trong những nữ tác giả tiểu thuyết nổi tiếng và trẻ tuổi tại Việt Nam.
- + Vì coi trọng cái cổ điển, nên tác phẩm đầu tay của cô có tính cổ điển, nó đã định hướng cho nghiên cứu và sáng tác của cô sau này. Tài liệu của Nhung tây
- + Khi là thủ lĩnh tinh thần của Book Hunter và ước ao một cuộc thay đổi, thức tỉnh tinh thần ở giới trẻ, cô đã mở dần phạm vi cuộc chiến tinh thần của mình thành cuộc chiến với thực tại bên ngoài.

2. Tác phẩm

- Trích trong *Thiên Mã*

Văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ* nằm ở chương 2 cuốn tiểu thuyết *Thiên Mã* (gồm 10 chương), nói về việc các nhân vật chính quyết định đi tới Hy Lạp để giải câu đố viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ (Hebrew) trên phiến đá, nhằm tìm được lối vào trung tâm vũ trụ. Tài liệu của Nhung tây.

- Xuất xứ: Trích “Thiên Mã”

- Thể loại: Truyện khoa học viễn tưởng

- Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu ... như chốn không người chủ: Tìm đường vào trung tâm vũ trụ.

+ Phần 2: Từ Chưa đầy nửa tiếng sau ... một chiều không gian thứ tư: Ở trung tâm vũ trụ.

+ Phần 3: Từ Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve đến hết: Khám phá không gian trung tâm vũ trụ.

- Không gian diễn ra câu chuyện: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian tâm vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị.

II. Đọc và tìm hiểu chi tiết văn bản

1. Tìm đường vào trung tâm vũ trụ

+ Hai nhân vật bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại.

+ Khám phá thánh địa và phát hiện “rốn vũ trụ”.

+ Thần Đồng quay trở về bảo tàng “mượn chìa khoá”.

2. Khái quát về trung tâm vũ trụ

- Đó là một thung lũng lọt thỏm dưới những núi đá vôi cao vờn vờn, không biết đến tận cùng.

- Không có mây, không có mặt trời cũng chẳng có sao.

- Không có gì cả ngoài một tầng cao hoăm hoăm.

- Xung quanh được thắp sáng bằng bột lân binh.

=> Cảnh sắc khá kì lạ.

3. Khám phá không gian vũ trụ

- Theo nhà văn Giuyn Véc-nơ: Tâm Trái Đất là “một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất” như: “những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm,...”.

- Theo nhân vật Thần Đồng, Tâm Trái Đất chỉ có khoáng chất, không có sinh vật sống; Tâm Vũ Trụ là nơi có sự sống của các loài động vật, thực vật kì lạ. => Tâm Trái Đất đó chính là Tâm Vũ Trụ. Tài liệu của Nhung tây

=> Truyện khoa học viễn tưởng không chỉ dẫn người đọc vào những cuộc phiêu lưu kì thú mà còn thôi thúc niềm đam mê khám phá để người đọc tự mình trải nghiệm những điều kì diệu của cuộc sống.

- “Bước nhảy không gian” đã đưa ba nhân vật chính trở lại thời cổ đại, cách thời điểm câu chuyện được kể khoảng một trăm sáu mươi triệu năm

* Các loài vật ở trung tâm vũ trụ

- Chim cánh cụt: cao 1,5 m

- Con cóc địa ngục: nặng 4,5kg

- Loài chuột khổng lồ: Nặng 1 tấn

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen).
- Các sự việc li kì diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại.

2. Nội dung

- Truyện kể về các sự việc li kì diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại.

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngắn
B. Tiểu thuyết
C. Truyện khoa học viễn tưởng
D. Truyện dài

Câu 2. Văn bản “Thiên mã” nằm ở chương mấy của cuốn tiểu thuyết?

- A. Chương II
B. Chương 3
C. Chương IV
D. chương V

Câu 3. Xác định ngôi kể

- A. Ngôi thứ nhất
B. Ngôi thứ 2
C. Ngôi thứ 3
D. Ngôi 1 và ngôi 3

Câu 4. Văn bản trên viết về đề tài nào?

- A. Khám phá Đại Dương
B. Khám phá mặt trời
B. Đề tài thám hiểm vũ trụ.
D. Khám phá những vùng đất mới

Câu 5. Không gian diễn ra câu chuyện?

- A. Không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp
B. Không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị. - Sơ đồ cốt truyện.
C. Không gian dưới đại dương
D. Cả A và B đều đúng

Câu 6. Bước nhảy “ Không gian kì diệu” đã đưa các nhân vật chính trở lại với khoảng thời gian nào?

- A. Thời cổ đại
B. Thời trung đại
C. Thời cận đại
D. Thời hiện đại

2. Ngữ liệu Đọc Hiểu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi

[...]Chúng tôi dừng chân ở một bãi cỏ vắng người phía bên kia đền và trốn trong rừng. Sẽ rất bất tiện nếu để khách du lịch phát hiện ra một con ngựa có cánh đang lai vãng dần khu thánh địa của Hy Lạp! Chúng tôi thả Thần Thoại trong rừng và nó cũng đủ thông minh để biết cách tự bảo vệ mình. Thần Đồng rủ tôi đi xuống bảo tàng dưới chân núi, nơi trưng bày bức tượng Nhân Sư quý giá. Tài liệu của Nhung tây

Pho tượng đã bị bào mòn, không còn sắc nét nhưng vẫn nguyên vẹn vẻ cao ngạo và thần thánh. Trong khi tôi xem xét pho tượng để tìm kiếm manh mối thì hẫng lại lang thang ở quây tạt phẩm. Tính mua quà lưu niệm chắc! Hừ! Hẫng thật rảnh rồi, chẳng biết lo công việc gì cả! Tôi đành cặm cũi làm một mình vậy. Mất một lúc lâu tôi vẫn không tìm thấy dấu vết gì.

Bộp! Tôi bị giáng một cú vào đầu đau điếng trong khi đang cúi xem từng vết tích. Hửn! Và một cuốn sách!

- Làm cái quái gì vậy? Sao lại đánh người ta!

Hửn nhún vai như không có gì, chia cho tôi xem quyển sách.

- Xem đi... Đây là nơi đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ!

“Trung tâm của vũ trụ”? Tôi lặp lại lời hửn. Câu đó cũng nhắc tới “trung tâm của vũ trụ”. Tôi không thể hình dung trung tâm của vũ trụ sẽ như thế nào! Nhưng cũng chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả. Có thể đây chỉ là bản cốp-pi mà người xưa tạo nên để đánh lạc hướng thiên hạ chẳng!

-Tớ nghĩ rằng, phiến đá đó vẫn nằm đâu đó trong đền thờ! Để tớ vào đó xem... Thần Đồng bậm môi suy tính. Tài liệu của Nhung tây

- Chúng tôi phải đợi đến lúc tối mù mịt mới dắt Thần Thoại đột nhập đền. Dưới Trăng, những cột đá hoa cương ánh lên sắc sáng bạch như những ngọn nến trắng khổng lồ. Theo sơ đồ, chúng tôi lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ. Chẳng hiểu thật giả thế nào nhưng đâu đó đã đề cập thì hẳn phải có một manh mối nào đó.

Theo truyền thuyết, thần Dớt(Zeus) cho hai con đại bàng bay theo chiều vuông góc với nhau, một con bay dọc và một con bay ngang, điểm giao nhau giữa chúng chính là “cái rốn” của vũ trụ. Cả Thần Đồng và tôi đều tin “cái rốn: ấy hẳn vẫn còn trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia. Chúng tôi lần mò từng góc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô(Apollo) đến thánh đường A-then na Pờ-rô-naia (Athena peo naia), thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát... bên bờ xối Cát-xta-lic(Castatlic)

(Hà Thủy Nguyên, Thiên Mã, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt và ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Qua lời của người kể chuyện, em hãy hình dung về con ngựa có cánh.

Câu 3. Văn bản trên viết về đề tài nào?

Câu 4. Xác định bối cảnh không gian, thời gian của câu chuyện

Câu 5. Tôi có suy nghĩ như nào về hòn đá Ôm-phe-lốt?

Câu 6. Trong văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ* có nhân vật con ngựa có cánh Thần Thoại, được tạo ra bằng công nghệ cấy ghép gen của thiên nga vào phôi ngựa. Nếu như ý tưởng công nghệ này thành hiện được điều đó có ý nghĩa gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. Ngôi kể: Ngôi 1.

Câu 2. Hình ảnh con ngựa có cánh:

- Tự biết bảo vệ bản thân mình.
- Rủ nhân vật tới đền bảo tàng dưới chân núi.
- Con ngựa có cánh.

Câu 3. Đề tài thám hiểm vũ trụ.

Câu 4. Câu chuyện diễn ra trong hai không gian: không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị. Tài liệu của Nhung tây

Câu 5. Hòn đá trung tâm của vũ trụ “chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng trung tâm vũ trụ gì cả”.

Câu 6. Nếu công nghệ gen trở thành hiện thực, những thí nghiệm nếu thành công sẽ mở ra triển vọng cứu sống hàng triệu người trên thế giới đang chờ thay tạng, ghép tạng mỗi năm.

Câu 7. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản.

- Cốt truyện: Tưởng tượng, dựa trên giả thuyết về công nghệ gen.

- Sự việc: li kì.

- Không gian: Ngoài trái đất (tâm vũ trụ).

- Thời gian: Dịch chuyển giữa hiện tại và cổ đại.

- Nhân vật: Có trí thông minh, ưa phiêu lưu, mạo hiểm; nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh, ...)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi chạy lại những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp. Đặt nhẹ tay lên đó, rồi cổ thật mạnh một cái để kiểm chứng, tôi nói một lời như thuyết trình.

- *Giuyn Véc- nơ là tác giả tiểu thuyết khoa học viễn tưởng vĩ đại nhất thế giới. Từ thế kỉ XIX ông đã có thể tiên tri về viễn cảnh những tàu điện ngầm, những tòa cao ốc, thậm chí cả việc con người đặt chân lên Mặt Trăng. Ông ta từng viết một quyển sách nhan đề “Hành trình vào Tâm Trái Đất”. Trong đó kể về những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm... Nói chung, cái gọi là Tâm Trái Đất ấy cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất.*

- *Thần đồng mê mải những lời giảng giải của tôi. Hẳn là nhà khoa học. Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hẳn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những “hiện vật” này? Hẳn cũng sờ lên thân cây để chắc chắn đó không phải là hư ảnh được thời gian lưu giữ tại một chiều không gian thứ tư.*

Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve của côn trùng đang đến gần. Ngẩng lên, chúng tôi thấy một con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắn, đập nhanh như cánh quạt. Đứng giữa khu rừng cổ sinh này, chúng tôi chẳng khác gì loài vật kí sinh nhỏ bé, thậm chí, còn chẳng to hơn một con côn trùng.

(Hà Thủy Nguyên, Thiên Mã, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011)

Câu 1. Người kể chuyện kể ở ngôi mấy? Vì sao em biết?

Câu 2. Tâm trái đất theo như miêu tả của Giuyn Véc-nơ như thế nào?

Câu 3. Tìm trong đoạn trích chi tiết thể hiện trí tưởng tượng phong phú của tác giả về hình ảnh sự vật ở “Tâm Vũ Trụ”.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Người kể chuyện ở ngôi 1. Dấu hiệu: Xưng “tôi”.

Câu 2. Theo như Giuyn Véc-nơ, tâm Trái Đất cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất như là những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long, những con chim điện quý hiếm,....

Câu 3.

+ *Những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp;*

+ *Con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với sải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khỏe khoắn, đập nhanh như cánh quạt.*

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

ĐỊA ĐÀNG TRẦN GIAN

Rồi cả Peter Gilles và tôi lên tiếng xin Raphael tiên sinh cho nghe chuyện. Thấy chúng tôi thực lòng, tiên sinh bèn để một lúc để sắp xếp câu chuyện trong đầu, rồi bắt đầu kể như sau:

RAPHAEL: Ta bắt đầu nhé. Hòn đảo ấy rộng nhất ở quãng giữa, chừng hai trăm dặm từ bờ này sang bờ kia. Những chỗ khác cũng chẳng hẹp hơn là bao, chỉ trừ hai đầu là thu hẹp dần và lượn vòng như thế vẽ bằng com-pa, nổi toàn bộ đảo thành ra như một vòng tròn có đường kính khoảng năm trăm đến dặm vậy. Đúng hơn hãy tưởng tượng nó như một hình lưỡi liềm rất cong có hai mỏm chóp chỉ cách nhau bởi một eo biển rộng xấp xỉ mười một dặm. Biển tràn vào trong lòng đảo qua eo này, làm thành một vùng hồ mệnh mông giữa đảo. Được bao bọc khắp xung quanh, nước hồ lúc nào cũng êm ả. Vậy là cái vịnh yên tĩnh ngay giữa lòng đảo ấy trở thành một hải cảng lớn rất thuận tiện, thuyền bè có thể dong buồm ngang dọc trên đó theo đủ mọi hướng. Vùng eo biển hẹp thì lại rất hiểm trở với đầy những doi cát và đá ngầm. Một hòn núi đá nhô cao hẳn lên mặt nước ở ngay giữa eo, và người ta xây một pháo đài ở trên đó, lúc nào cũng có lính canh. Chỉ có những hoa tiêu địa phương mới biết rõ vùng đá ngầm nguy hiểm đó và có thể đưa tàu bè ra vào một cách an toàn. Không có hoa tiêu người Utopia thì tàu thuyền ngoại quốc không thể nào vào được trong đảo. Tài liệu của Nhung tây

Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ. Ý tưởng là vừa tránh cho bệnh viện bị quá tải, vừa tạo điều kiện tốt cho việc cách li những chứng bệnh lây lan truyền nhiễm. Những bệnh viện này được quản lí rất chu đáo, luôn đầy đủ thuốc men và thiết bị với những đội ngũ bác sĩ và hộ lý xứng đáng là "lượng y kiêm từ mẫu" đến nỗi hễ ốm đau là ai cũng muốn vào bệnh viện chứ không muốn nằm nhà.

[...] Đất đai của họ không phải lúc nào cũng màu mỡ, và khí hậu không phải là hoàn toàn thuận lợi nhưng nhờ một chế độ dinh dưỡng cân bằng mà họ xây dựng được sức đề kháng của mình chống lại những điều kiện khắc nghiệt của thời tiết, và bằng công việc canh tác rất chu đáo, họ đã chinh đốn được những khiếm khuyết của đất đai. Kết quả là họ đã phá vỡ mọi kỉ lục về sản xuất, và chăn nuôi gia súc, tuổi thọ trung bình của họ là cao nhất thế giới, và tỉ lệ mắc bệnh là thấp nhất. Như vậy là với những phương pháp khoa học, họ đã làm nên những điều thần kì ở một vùng thiên nhiên vốn nghèo nàn cạn kiệt.

(T. More, Utopia - Địa đàng trần gian, NXB Hội Nhà văn và Nhã Nam, 2006, tr. 86, 87, 88, 108, 110, 152)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

Câu 2. Đoạn trích nói về đề tài nào?

Câu 3. Địa hình tự nhiên của đất nước Utopia có gì đặc biệt?

Câu 4. Xác định số từ trong câu “Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ.”

Câu 5. Vì sao đất nước Utopia lại được xem như một thiên đường cho con người?

Câu 6. Theo em, viết về một xã hội lí tưởng như Utopia, tác giả T.More muốn thể hiện điều gì?

Câu 7. Trình bày những điều em cho là đẹp nhất của xã hội Việt Nam hiện nay.

Gợi ý đáp án

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại Truyện khoa học viễn tưởng

Câu 2. Đoạn trích nói về đề tài một xã hội lí tưởng

Câu 3. Địa hình tự nhiên của đất nước Utopia đặc biệt vì: Chỉ có những hoa tiêu địa phương mới biết rõ vùng đá ngầm nguy hiểm đó và có thể đưa tàu bè ra vào một cách an toàn.

Câu 4. Số từ trong câu “Mỗi bệnh viện lớn bằng khoảng một thành phố nhỏ.” là: một

Câu 5. Đất nước Utopia lại được xem như một thiên đường cho con người vì:

Y tế được đảm bảo, tuổi thọ trung bình của họ là cao nhất thế giới, và tỉ lệ mắc bệnh là thấp nhất. Địa hình giúp con người tránh được sự xâm lược của kẻ thù từ bên ngoài. Đất đai được canh tác hợp lí nên không bị cằn cỗi. Tài liệu của Nhung tây

Câu 6. Theo em, viết về một xã hội lí tưởng như Utopia, tác giả T.More muốn thể hiện thái độ phủ nhận của mình trước xã hội ông đang sống, đồng thời thể hiện ước mơ về một xã hội đẹp theo quan điểm của ông. Qua đó cũng nhắc nhở con người hành động để xã hội họ sống ngày một tốt đẹp hơn.

Câu 7. Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân, đảm bảo tính thực tế, phù hợp, không vi phạm quy định về đạo đức và pháp luật.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

HOANG MẠC CHÂU PHI

Đứng ở giữa phòng bếp, chị nhìn cái bếp tự động đang kêu ro ro chuẩn bị bữa ăn tối cho bốn người. - Anh hiểu không, cái phòng trẻ đã thay đổi, nó hoàn toàn không còn là cái phòng như trước nữa. - Thôi được, chúng ta cùng vào xem sao.

Họ cùng đi theo hành lang của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” mà họ đã mua với giá ba mươi ngàn đô-la (với đầy đủ trang thiết bị), - ngôi nhà biết mặc quần áo cho họ, nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, hát cho họ nghe và chơi đùa với họ. Khi chỉ còn cách phòng trẻ năm bước chân, có một tiếng “tách” vang lên và đèn trong phòng bật sáng. Cả ở ngoài hành lang lúc họ đang đi cũng vậy, những bóng đèn cứ tự động lần lượt bật lên rồi tắt đi từng cái một.

[...] - Em cũng không biết nữa... - Chị lau nước mắt, ngồi vào chiếc ghế bành, chiếc ghế lập tức tự động lắc lư nhẹ. - Có thể, tại em có quá ít việc phải làm. Có thể, vì có quá nhiều thời gian để nghĩ ngợi. Tại sao chúng mình không khóa trái toàn bộ ngôi nhà trong vài ngày và đi đến một nơi nào đó nhỉ? Tài liệu của Nhung tây

- Em muốn nói là em sẵn sàng rán trứng cho anh? - Vâng. - Chị gật đầu.

- Và mang tất cho anh? - Vâng. - Chị lại gật đầu lia lịa, mắt đầm đìa nước mắt.

- Rồi tự tay dọn dẹp nhà cửa? - Vâng, vâng... tất nhiên rồi.

- Còn anh thì cứ nghĩ rằng chúng ta mua ngôi nhà này chỉ cốt để không phải tự tay làm việc gì.

- Đúng thế. Nhưng trong ngôi nhà này em hầu như không còn ý nghĩa gì nữa. Vì ngôi nhà này vừa là người vợ, người mẹ, và người hầu. Lẽ nào em có thể đua tranh với cái hoang mạc Châu Phi. Lẽ nào em có thể tắm rửa cho các con nhanh và sạch bằng cái máy tắm tự động? Em không thể. Và vấn đề không phải chỉ ở mình em. Cả anh cũng thế. Thời gian gần đây em thấy anh căng thẳng một cách đáng sợ. - Có lẽ vì anh hút thuốc quá nhiều.

- Anh có cái vẻ như người không biết chui trốn vào đâu trong ngôi nhà này. Từ sáng sớm anh đã hút thuốc nhiều hơn mọi khi một chút, buổi tối anh cũng uống rượu nhiều hơn trước một chút, còn ban đêm anh phải uống hai viên thuốc ngủ, thay vì một viên như trước đây. Anh cũng bắt đầu cảm thấy anh là người thừa trong ngôi nhà này.

- Anh ấy à.... - Anh im lặng để cổ thử nhìn lại mình từ con mắt người khác.

(Trích Hoang mạc châu Phi - Ray Bradbury)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

Câu 2. Đoạn trích nói về đề tài nào?

Câu 3. Những công dụng đặc biệt của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” là gì?

Câu 4. Xác định phó từ trong câu “Còn anh thì cứ nghĩ rằng chúng ta mua ngôi nhà này chỉ cốt để không phải tự tay làm việc gì.”

Câu 5. Công dụng của dấu chấm lửng trong câu “Em cũng không biết nữa...” là gì?

Câu 6. Theo em, trong tương lai, khi cuộc sống con người đã đủ đầy và con người không phải làm bất cứ việc gì thì họ có thực sự hạnh phúc không? Những dự cảm của tác giả Bradbury về tương lai con người trong truyện là đúng hay sai? Tài liệu của Nhung tây

Câu 7. Theo em, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại truyện khoa học viễn tưởng

Câu 2. Đoạn trích nói về đề tài Ngôi nhà hiện đại kiểu “Tất cả cho hạnh phúc”

Câu 3. Những công dụng đặc biệt của ngôi nhà cách âm kiểu “Tất cả cho hạnh phúc” là Ngôi nhà biết mặc quần áo cho họ, nấu nướng cho họ ăn, ru họ ngủ, hát cho họ nghe và chơi đùa với họ. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4. Phó từ trong câu “Còn anh thì cứ nghĩ rằng chúng ta mua ngôi nhà này chỉ cốt để không phải tự tay làm việc gì.” là từ còn

Câu 5. Công dụng của dấu chấm lửng trong câu “Em cũng không biết nữa...” Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

Câu 6. HS trả lời theo quan điểm cá nhân song phải đưa ra những lí lẽ hợp lí để bảo vệ quan điểm đó. Tài liệu của Nhung tây

Câu 7. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích:

Không phải cuộc sống đầy đủ tiện nghi hiện đại thì con người sẽ được hạnh phúc. Hạnh phúc đến từ lao động, sự yêu thương và sẻ chia từ các thành viên trong gia đình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Sáng 18 tháng 11, tôi thức dậy, người khoan khoái. Tôi lên boong tàu và lại thấy viên thuyền phó đang nói câu mà tôi đã nghe được nhiều lần. Tôi bỗng hiểu nghĩa câu nói đó. Đúng là ông ta nói rằng "biển bình yên vô sự". Biển bát ngát, mênh mông, chẳng thấy một cánh buồm, cũng chẳng thấy những mỏm đá của đảo Crét-xpô! Biển đã nuốt tất cả màu sắc của quang phổ mặt trời, chỉ còn lại một màu xanh ngắt! Tôi đang mãi ngắm cảnh đẹp của đại dương thì thuyền trưởng Nê-mô lên boong và bắt đầu quan sát thiên văn. Hình như ông ta không để ý gì đến tôi. Sau đó, Nê-mô từ tay lên buồng lái và dăm dăm nhìn về phía xa khơi. Lúc này độ hai mươi thủy thủ bước lên boong. Họ kéo lưới mà họ đã quăng đêm trước.

[...]Tôi định ninh là tàu sắp lặn, nên muốn trở về phòng. Nhưng lúc đó thuyền trưởng Nê-mô quay về phía tôi và nói:

- Thưa ngài giáo sư, ngài hãy nhìn xem biển có phải là một sinh vật không? Biển lúc thì giận dữ, khi thì dịu hiền. Ban đêm biển cũng ngủ như chúng ta và giờ đây đang tỉnh dậy, khoan khoái sau một giấc ngủ ngon! Nê-mô chẳng chào hỏi gì. Hình như con người bí hiểm này đang tiếp tục một câu chuyện bị bỏ dở, ông ta nói:

- Giáo sư nhìn xem: đại dương tỉnh giấc dưới ánh nắng dịu hiền. Nó bắt đầu cuộc sống ban ngày. Thật kỳ thú khi quan sát những biểu hiện đầy sức sống của cơ thể nó! Biển có tim, có mạch máu, và tôi hoàn toàn đồng ý với nhà bác học Mô-ri, người đã phát hiện ra rằng nước ở đại dương cũng tuần hoàn, hết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể sống. Nê-mô chẳng đợi trả lời, và tôi cũng thấy nếu ngắt lời ông ta bằng nhiều câu “vâng”, “tất nhiên”, “rất đúng” trống rỗng thì thật là thừa. Ông ta như tự nói với mình và sau mỗi câu lại im lặng hồi lâu. Tài liệu của Nhung tây

Nê-mô im lặng và chăm chú nhìn biển cả, môi trường mà ông ta đang cố sức nghiên cứu cặn kẽ. Một lát sau, ông ta nói:

- Biển chứa một lượng muối đáng kể. Nếu như có thể tập trung tất cả muối bị hòa tan trong đại dương lại thì nó sẽ chất thành một khối bằng bốn triệu rưỡi dặm khối. Và nếu trải đều trên mặt đất thì nó sẽ tạo thành một lớp dày hơn mười mét. Nhưng ngài chớ tưởng rằng muối chứa trong nước biển là do sự trái tính của thiên nhiên. Không phải đâu! Muối làm giảm sự bốc hơi của nước biển và giúp các miền khí hậu ôn hòa tránh được mưa nhiều. Vai trò làm cân đối hoạt động của thiên nhiên trên trái đất thật quan trọng, thật vinh quang!

[...] Và cuộc sống thật sự là ở đây, chỉ ở đây thôi! Tôi tin là có khả năng xây dựng những thành phố ngầm, những tòa nhà ngầm dưới biển cứ mỗi sáng lại nổi lên mặt nước để dự trữ không khí trong lành giống như tàu Nau-ti-lux. Những thành phố độc lập, những thành phố tự do...

(Trích Chương 18 - Hai vạn dặm dưới đáy biển)

Câu 1. Đoạn trích nói về đề tài gì?

Câu 2. Đoạn trích trên có cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

Câu 3. Xác định phó từ trong câu “Ông ta như tự nói với mình và sau mỗi câu lại im lặng hồi lâu.”

Câu 4. Công dụng của dấu ngoặc kép trong câu “Nê-mô chẳng đợi trả lời, và tôi cũng thấy nếu ngắt lời ông ta bằng nhiều câu “vâng”, “tất nhiên”, “rất đúng” trống rỗng thì thật là thừa.” là gì? Tài liệu của Nhung tây

Câu 5. Vì sao nhân vật Nê - mô cảm thấy kỳ thú khi quan sát những biểu hiện đầy sức sống của biển?

Câu 6. Nhân vật “tôi” trong đoạn trích có nói: “Tôi tin là có khả năng xây dựng những thành phố ngầm, những tòa nhà ngầm dưới biển cứ mỗi sáng lại nổi lên mặt nước để dự trữ không khí trong lành giống như tàu Nau-ti-lux”. Hiện nay điều này đã trở thành hiện thực chưa?

Câu 7. Nếu có cơ hội tham gia chuyến đi biển đầy mạo hiểm song cũng hết sức thú vị như các nhân vật trong tác phẩm thì em có tham gia không? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Đoạn trích nói về đề tài Bốn ngàn dặm dưới Thái Bình Dương

Câu 2. Đoạn trích trên có cuộc đối thoại của nhân vật: Nhân vật Nê-mô và giáo sư

Câu 3. Phó từ trong câu “Ông ta như tự nói với mình và sau mỗi câu lại im lặng hồi lâu.” là từ mỗi

Câu 4. Công dụng của dấu ngoặc kép trong câu “Nê-mô chẳng đợi trả lời, và tôi cũng thấy nếu ngắt lời ông ta bằng nhiều câu “vâng”, “tất nhiên”, “rất đúng” trông rỗng thì thật là thừa.” là để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật. Tài liệu của Nhung tây

Câu 5. Nhân vật Nê - mô cảm thấy kỳ thú khi quan sát những biểu hiện đầy sức sống của biển -

- Vì biển có tim, có mạch máu

- Vì nước ở đại dương cũng tuần hoàn, hết như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể sống

- Vì biển cũng như một sinh vật, lúc thì giận dữ, khi thì dịu hiền

Câu 6. Câu nói của nhân vật “tôi” hiện nay đã trở thành hiện thực. Tàu ngầm đã được phát minh và giúp ích cho con người trong cuộc sống. Tàu ngầm cũng được sử dụng cho vận chuyển hàng hải và nghiên cứu khoa học ở đại dương cũng như ở vùng nước ngọt, giúp đạt tới độ sâu vượt quá khả năng lặn của con người.

Câu 7. Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân, đảm bảo tính thực tế, phù hợp, không vi phạm quy định về đạo đức và pháp luật.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

MỘT TRĂM DẠM DƯỚI MẶT ĐẤT

“Cuộc du hành vào lòng đất” (1864) là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Giuyn Véc-nơ. Câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tên là Li-den-trúc (Lidenbrock) tin rằng từ những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất. Ông cùng đứa cháu Irai A-xen (Axel) và người dẫn đường Han xơ (Hans) đã trải qua những chuyến phiêu lưu như vì. Sau đây là một đoạn trích từ tác phẩm.

[...] Tôi được biết cái ngã “may mắn” đã hất tôi xuống một đường hầm gần như thẳng đứng. Cuộc di chuyển kinh khủng ấy đã ném tôi vào tay giáo sư, bất tỉnh và máu me đầy người.

- A-xen này, - Giáo sư nói - bị một tai nạn như vậy mà không ảnh hưởng gì đến tính mạng, chủ cũng thấy lạ Nhưng từ nay chúng ta không nên rời nhau kéo có ngày không còn nhìn thấy nhau nữa đâu!

“Chúng ta không nên rời nhau!”. Như vậy cuộc hành trình chưa kết thúc? Thấy tôi tròn mắt ngạc nhiên, chú tôi hỏi:

- Sao vậy, A-xen?

- Chúng ta không phải đang ở trên mặt đất sao?

Không!Ồ! Không lẽ cháu bị điên vì cháu thấy ánh sáng Mặt Trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa. Tài liệu của Nhung tây

- Chú sẽ không giải thích gì hết vì đó là điều không thể giải thích nổi. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết.

[...] Trên bãi thoai thoải này, ở cách mép sông một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đã như xé toạc bờ biển, đâm ra khơi thánh những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương. Đây quả thật là một đại dương

với đường nét bờ biển thật thường hệt như ở những biển trên mặt đất, nhưng vắng vẻ và hoang dã một cách kinh khủng. Sở dĩ tôi có thể phóng tầm mắt ra tít ngoài khơi vì mọi chi tiết trên biển đều được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt, không phải ánh sáng Mặt Trời với những tia nắng huy hoàng rực rỡ, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo, nhợt nhạt và mờ ảo của Mặt Trăng. Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra. Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây ông ánh đổi màu chuyển động. Tôi cứ ngỡ dưới một áp suất lớn như vậy của khí quyển, nước không thể bay hơi được, nhưng vì một lí do nào đó, trên cao lại dày đặc những đám mây lớn.

[...]Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy! Tôi đứng lặng ngẫm tất cả những kì quan này mà tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi. Điều này cũng dễ hiểu, vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ấm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn! [...]

Câu 1. Nội dung chính của 5 dòng đầu ngữ liệu *Một trăm dặm dưới mặt đất* là gì?

Câu 2. Đoạn trích trên có cuộc đối thoại của những nhân vật nào?

Câu 3. Vì sao biển ngầm trong đoạn trích lại có tên là Lin-đen-brốc?

Câu 4. Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học?

Câu 5. Xác định số từ trong câu “Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ấm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!”.

Câu 6. Nhận xét về cách viết của tác giả trong đoạn trích trên?

Câu 7. Vì sao ở đoạn cuối, nhân vật “tôi” ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Nội dung chính của 5 dòng đầu ngữ liệu *Một trăm dặm dưới mặt đất* Giới thiệu khái quát tiểu thuyết Cuộc du hành vào lòng đất của Véc-nơ

Câu 2: Đoạn trích trên có cuộc đối thoại của những nhân vật Nhân vật A-xen và giáo sư

Câu 3. Biển ngầm trong đoạn trích trên có tên là Lin-đen Lấy tên vị giáo sư đã khám phá ra nó

Câu 4. Câu văn nào thể hiện rõ người viết dựa vào kiến thức khoa học Khả năng chiếu sáng, sự khuếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ,..., tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra. Tài liệu của Nhung tây

Câu 5. Số từ trong câu “Sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ấm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!” là: Bốn mươi bảy, một

Câu 6. Nhận xét về cách viết của tác giả trong đoạn trích: Người viết Sử dụng nhiều chi tiết tưởng tượng, nhưng có cơ sở khoa học. Đây là đặc trưng của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

Câu 7. Ở đoạn cuối đoạn trích nhân vật “tôi” lại “ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sững sốt và kinh hãi!” là bởi nhân vật đã trải qua một sự kiện bất ngờ là lọt vào trong một cái đường hầm gần như thẳng đứng khiến nhân vật tôi bất tỉnh. Cậu còn được tận mắt chứng kiến vòm đá hoa cương ở cửa hang giống như những đám mây óng ánh chuyển màu. Tài liệu của Nhung tây Tuy nhiên ở đây ánh sáng không phải ánh mặt trời mà là ánh điện

nên “tôi” cảm thấy u sầu và ảm đạm. Trở lại thực tại là nhân vật “tôi” đang bị giam trong một cái hang không ước được diện tích và trước mặt là biển cả. Tất cả những điều đó khiến cho nhân vật “tôi” sùng sốt và kinh hãi.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

RƯỢT ĐUỐI VÀ KHÁM PHÁ

Tất cả xô tới chỗ Nét : thuyền trưởng, các sĩ quan, anh em, thủy thủ. Thật chỉ các kĩ sư và thợ đốt lò cũng bỏ máy và lò mà chạy lên. Pha-ra-gút ra lập tức hãm tàu lại và chiếc tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính.

Trời tối như mực. Tôi rất ngạc nhiên không hiểu vì sao Nét có thể nhìn thấy một vật gì đó trong đêm dày đặc như thế này. Tim tôi đập mạnh như vỡ ra. Nhưng Nét không lầm. Một lát sau, mọi người đã nhìn thấy cái mà Nét chỉ. Tài liệu của Nhung tây

Cách tàu Lin-côn gần bốn trăm mét, biển hình như được chiếu sáng từ trong ra. Đó không phải là hiện tượng biển có ánh sáng như thường gặp. Ca quái vật nổi lên những lớp nước phía trên và đang nghi.

Từ thân nó toả ra cái ánh sáng rực rỡ khó tả mà nhiều thuyền trưởng đã nói đến trong báo cáo của họ. Những cơ quan phát sáng của con vật phổ mạnh mẽ thế nào mới phát ra được ánh hào quang lộng lẫy như vậy! Con vật đó có hình bầu dục lớn, thon dài, ở giữa đặc biệt sáng và giảm dần ở hai đầu.

- Đó chỉ là nơi tập trung những chất hữu cơ phát sáng thôi! - một sĩ quan nói.

- Ngài lầm rồi, - tôi kiên quyết phản đối, - Động vật chẳng bao giờ phát ra chất sáng như vậy. Đó là ánh sáng điện... Kìa nhìn xem, nhìn xem kìa! Ánh sáng đang chuyển động khi gần khi xa. Nó đang hướng về phía chúng ta đây.

Có tiếng kêu la trên boong.

Nghiêm! – Thuyền trưởng Pha-ra-gút hô.

- Cho tàu lùi! Mọi người chạy về vị trí của mình. Kẻ thì về buồng lái, người thì về buồng máy. Tàu Lin-côn về một nửa vòng tròn trên mặt biển.

- Lái sang phải! Cho tàu chạy thẳng! - Pha-ra gút ra lệnh.

Chiếc tàu chiến tăng tốc độ và bắt đầu tránh ra xa điểm sáng.

Tôi đã lầm. Chiếc tàu muốn lảng tránh, nhưng con quái vật đuổi theo với tốc độ lớn hơn.

Chúng tôi nín thở. Có lẽ chẳng phải vì sợ hãi mà vì ngạc nhiên mà chúng tôi cứ đứng sững tại chỗ. Con vật rượt theo chúng tôi như đùa giỡn. Nó lượn quanh tàu lúc ấy đang chạy nhanh mười bốn hải lí một giờ. Nói rồi ánh sáng điện vào tàu rồi trong chớp mắt lại bơi ra cách tàu hai, ba hải lí và để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh trông tựa những cuộn khói từ một đầu tàu chạy nhanh phun ra. Bỗng nhiên từ phía sau đường chân trời đen thẫm, con quái vật lấy đà lao thẳng tới tàu Lin-côn với một tốc độ ghê người. Nhưng đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt điện. Không, nó không lặn xuống, vì nếu lặn thì ánh sáng phải giảm đi dần dần. Đứng này nó tắt phụt, tựa như nguồn ánh sáng bỗng bị cạn. Con quái vật lại xuất hiện ở phía bên kia tàu, chẳng biết là đã vòng qua hay chui luồn phía dưới. Từng giây phút có thể xảy ra tai nạn đâm vào nhau. Tài liệu của Nhung tây Tôi ngạc nhiên về thái độ của con tàu. Nó bỏ chạy chứ không giao chiến. Chính con tàu có nhiệm vụ tìm diệt quái vật, thế mà giờ đây

quái vật lại rượt theo tàu! Tôi lưu ý thuyền trưởng Pha-ra-gút về việc đó. Trên khuôn mặt gan góc của ông ta lộ rõ vẻ hoang mang cao độ.

(Trích Hai vạn dặm dưới đáy biển - J. Verne)

Câu 1. Trong phần đầu của đoạn trích, con quái vật (sau này giáo sư mới biết là tàu ngầm) đã xuất hiện trong không gian nào?

Câu 2. Việc xây dựng không gian như trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 3. Những chi tiết được tưởng tượng có trong đoạn trích trên là gì?

Câu 4. Số từ trong câu “Nhưng đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt điện.” bổ sung ý nghĩa gì?

Câu 5. Tìm phó từ trong câu “Một lát sau, mọi người đã nhìn thấy cái mà Nét chỉ.”

Câu 6. Đoạn trích trên nói đến hình ảnh con tàu. Theo em, hình ảnh con tàu mà tác giả nhắc đến có giống tàu ngầm trong thực tế không? Vì sao? Tài liệu của Nhung tây

Câu 7. Nếu có cơ hội tham gia chuyến đi biển đầy mạo hiểm song cũng hết sức thú vị như các nhân vật trong tác phẩm thì em có tham gia không? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Trong phần đầu của đoạn trích, con quái vật (sau này giáo sư mới biết là tàu ngầm) đã xuất hiện trong không gian Đêm trời tối như mực, biển khơi tối đen

Câu 2. Việc xây dựng không gian như trong đoạn trích có tác dụng Kích thích trí tò mò của các nhân vật, làm cho câu chuyện hấp dẫn. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Những chi tiết được tưởng tượng có trong đoạn trích là: Con quái vật phát ra ánh sáng đuổi theo tàu của giáo sư

Câu 4. Số từ trong câu “Nhưng đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt điện.” bổ sung ý nghĩa Chỉ số lượng

Câu 5. Phó từ trong câu “Một lát sau, mọi người đã nhìn thấy cái mà Nét chỉ.” Là Mọi, đã.

Câu 6. Hình ảnh con tàu mà tác giả nhắc đến trong đoạn trích giống tàu ngầm hiện nay về hình dáng, tốc độ, cấu trúc...

Câu 7. Học sinh chia sẻ theo cảm nhận của cá nhân, đảm bảo tính thực tế, phù hợp, không vi phạm quy định về đạo đức và pháp luật.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Tôi cũng đưa mắt nhìn qua ô cửa bất giác lùi lại. Trước mắt tôi, một quái vật dường như bơi tới. Đó là một con bạch tuộc dài chừng tám mét. Nó bơi lùi rất nhanh về phía tàu. Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy. Tám cánh tay hay đúng hơn, tám chân từ đầu mọc ra phải gấp đôi thân và luôn luôn uốn con. Nhìn thấy rõ hai trăm rưỡi cái giá ở phía trong vôi. Hai hàm răng bạch tuộc giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại. Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm. Thân nó hình thoi phình ở giữa, là một khối thịt nặng chừng hai mươi, hai trăm tấn. Màu sắc nó thay đổi rất nhanh từ màu xám chỉ sang màu nâu đỏ.

Vì sao con bạch tuộc tức giận. Hẳn là vì sự xuất hiện của tàu No-ti-lốt to lớn hơn nó và vì vôi cũng như hai hàm răng của nó chẳng làm nên chuyện gì...

Được gặp một con bạch tuộc như thế này đối với tôi thật là một dịp may hiếm có, nên tôi

không bỏ lỡ cơ hội nghiên cứu nó cận kề. Tôi cố nén sự sợ hãi mà cầm bút chì vẽ nó.

- Có lẽ đây là con bạch tuộc mà tàu A-lếch-tơ đã gặp?- Công-xây hỏi .

- Không,- Nét trả lời- con này còn nguyên vẹn, con kia đã mất đuôi.

- Không phải thế đâu- Tôi phản đối- Vòi và đuôi bạch tuộc có khả năng mọc lại.[...]

Tàu No-ti-lớt bỗng dừng lại, toàn thân tàu rung lên.

Chẳng lẽ chúng ta lại vấp phải cái gì?- Tôi hỏi.

- Nét trả lời:

- Dù có vấp phải cái gì ta cũng không ngại vì tàu đang đỗ ở chỗ nước trong.

Đúng là tàu đang đỗ ở chỗ nước trong, nhưng đứng yên không nhúc nhích. Chân vịt không quay nữa rồi. Một phút trôi qua. Thuyền trưởng Nê- mô và viên thuyền phó bước vào phòng khách. Đã mấy hôm nay tôi không gặp Nê-mô. Ông ta không nói chuyện với chúng tôi, có lẽ chẳng nhìn thấy chúng tôi nữa. Ông ta bước tới cửa sổ, nhìn lữ bạch tuộc rồi nói mấy câu với thuyền phó. Ông này đi ra. Cửa sổ lập tức đóng lại. Đèn trên trần bật sáng.

(Trích “Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Véc- nơ)

Câu 1. Xác định nội dung và phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2. Tìm trong đoạn trích chi tiết về “Quái vật đang bơi tới” theo lời của nhân vật tôi. Nêu nhận xét về con vật đó.

Câu 3. Tìm trong đoạn trích một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.

Câu 4. Văn bản có đoạn trích trên kể về tình huống tàu No-ti-lớt gặp phải theo em đó là tình huống nào? Trong tình huống đó các thủy thủ trên con tàu đã làm gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Nội dung: Đoạn trích kể về sự xuất hiện của bạch tuộc và tình huống tàu No-ti-lớt gặp phải.

- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.

Câu 2: Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế:

+ Dài chừng tám mét.

+ Nó bơi lùì rất nhanh.

+ Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.

+ Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.

+ Có hai trăm rudi cái giác ở trong vòi.

+ Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.

+ Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.

+ Thân hình thoi.

+ Nặng chừng hai mươi, hai trăm tấn.

+ Màu sắc thay đổi từ xám chì sang nâu đỏ.

+ Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.

- Các chi tiết miêu tả rất cụ thể, rõ ràng, cho thấy bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu với các bộ phận đáng sợ, đe dọa trực tiếp tới tính mạng của người trên tàu cũng như các sinh vật khác dưới đáy đại dương.

Câu 3. Chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:

- Bạch tuộc dài tám mét, mắt màu xanh xám nhìn thẳng không động dậy với tám chân mọc dài gấp đôi thân và luôn uốn cong. Tài liệu của Nhung tây
- Hai hàm răng bạch tuộc cứng cáp, giống cái mỏ vẹt bằng sừng, nhọn và rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.
- Thân hình đồ sộ nặng hai mươi, hai trăm tấn, màu sắc thay đổi từ xám chì sang nâu đỏ.

Câu 4. Văn bản có đoạn trích kể về tình huống con tàu gặp phải:

- Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa.
- Những người trên tàu ngầm Na-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Nhưng Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vòi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc đang bò trên thành tàu. Thật là khủng khiếp! Có lúc, tôi tưởng người bị nạn sắp được cứu thoát khỏi sức hút của vòi bạch tuộc. Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt vào người thủy thủ và ngoe nguẩy trên không. Khi Nê-mô và thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mày chẳng nhìn thấy gì. Khi đám “mây” đó tan đi thì quái vật đã biến mất, mang theo cả người đồng hương xấu số của tôi.

Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc. Ai nấy đều sôi sục căm thù! Trên boong tàu và ở thành tàu có độ mười, mười hai con. Chúng bị chém đứt và quần quai trong máu xanh và “mực đen”. Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật, lần nào cũng trúng đích. Tuy vậy, khi anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đối thủ dùng vòi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta... Nhưng Nê-mô đã đến trước tôi. Lưỡi rìu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật. Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tìm kẻ thù.

- Tôi có bốn phạm trả ơn ông!- Nê-mô bảo Nét. Nét chỉ nghiêng mình đáp lại.

Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu. Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhuộm đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê-mô ứa lệ.

(Trích “Hai vạn dặm dưới đáy biển”- Giuyn Véc- nơ)

Câu 1. Đoạn văn kể về sự việc gì? Sự việc đó liên quan đến những nhân vật nào?

Câu 2. Tìm trong đoạn trích các chi tiết nói về tinh thần dũng cảm, tinh thần đồng đội của các thủy thủ.

Câu 3. Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn nào? Em học tập được điều gì trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả?

Câu 4. Tại sao mắt Nê-mô ứa lệ?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Sự việc: Kể về phần cuối cuối cuộc giao chiến của các thủy thủ trên tàu Na-ti-lớt với bạch tuộc và kết quả cuộc giao chiến.

Câu 2. Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:

+ Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.

+ Thái độ nuôi tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.

Câu 3:

- Kết quả trận giao chiến của các thủy thủ với bạch tuộc thể hiện qua câu văn “*Cuộc chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu*”.

- Học tập nghệ thuật kể chuyện của tác giả:

+ Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, kịch tính, hấp dẫn.

+ Sử dụng những từ ngữ giàu sức biểu cảm cùng những câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của người tham gia cuộc chiến. Tài liệu của Nhung tây

=>Giúp người đọc hình dung rõ được sự cam go, nguy hiểm của cuộc chiến.

Câu 4. Mắt Nê- mô ứa lệ vì: một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi. Đó là biểu hiện tình yêu thương với người đồng đội xấu số.

BÀI 7 ÔN TẬP VĂN BẢN: DẤU ẤN HỒ KHANH

(*Nhật Văn*)

I. Kiến thức chung

Tác giả: Nhật Văn

- Xuất xứ: báo điện tử Quảng Bình, ngày 21/7/2014

- Thể loại: Văn bản thông tin

- Phương thức biểu đạt: Thuyết minh

- Nhan đề: những dấu ấn mà Hồ Khanh tạo nên. Nhan đề văn bản thông tin phải ngắn gọn, xúc tích, thể hiện được nội dung của văn bản.

- Bố cục: 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu ... “Phát hiện ra những hang động đẹp.”

(Giới thiệu chung về Hồ Khanh.)

+ Phần 2: tiếp theo... “Chuyến thử nghiệm hang Sơn Đoòng...”.

(Dấu ấn Hồ Khanh trong công việc khám phá hang động.)

+ Phần 3: Còn lại

(Đam mê phiêu lưu, khám phá của Hồ Khanh.)

II. Tìm hiểu chi tiết văn bản

1. Vẻ đẹp hang Sơn Đoòng

- Không khí mát mẻ lạ thường, có thể nghe tiếng gió rít qua vách đá.

- Càng đi sâu vào hang, vẻ đẹp kì vĩ càng cuốn hút.

- Phía trên là ánh sáng mặt trời, phía dưới hang là con sông ngầm sâu hun hút.

- Không khí mát lạnh, nước chảy cuồn cuộn, trong vắt giữa những rặng thạch nhũ điệp trùng.

→ Trở thành hang động lớn nhất thế giới.

2. Nhân vật Hồ Khanh

Xuất thân: Thợ sơn Tràng chuyên nghiệp, sống bằng nghề đi rừng.

Yêu thiên nhiên: Khác với những người đi rừng khác, Hồ Khanh dành nhiều thời gian để chiêm ngưỡng các hang động đá vôi bởi vẻ đẹp hiếm có muôn hình đủ dạng à Nhờ vậy mà anh có cơ may phát hiện ra những hang động đẹp.

Người có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình vì công việc

+ Nhờ vào sự thông thuộc địa hình, nhạy bén nên Hồ Khanh có cơ duyên được làm việc cùng các nhà khoa học.

+ Lấy được cảm tình từ Hiệp hội hang động Hoàng gia Anh nhờ vào sự nhiệt tình, chu đáo và cả sự đam mê với khám phá hang động của anh.

+ Anh luôn đồng hành, trở thành người dẫn đường chuyên nghiệp cho các đoàn làm phim, các nhà khoa học trên toàn thế giới làm nên giá trị độc đáo của Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

→ Chỉ với nhiệt huyết và niềm đam mê cùng tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công việc, chúng ta có thể đóng góp công lớn trong việc khám phá, phát triển thế giới.

3. Những điều rút ra từ tác phẩm

- Củng cố được những điều đã học về VB thông tin: nhan đề, nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung đó.

- Hiểu được cảm hứng phiêu lưu và khám phá thế giới cũng có thể đến từ câu chuyện có thật của những con người bình dị đang sống quanh ta. Bằng ý chí, niềm đam mê, khát vọng, các em có thể biến ước mơ thành hiện thực. Tài liệu của Nhung tây

II. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản Dấu ấn Hồ Khanh thuộc văn bản?

A. Văn bản thông tin

B. Văn bản nhật dụng

C. Truyện Khoa học viễn tưởng

D. Tiểu thuyết

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản

A. Miêu tả

B. Tự Sự

C. Nghị Luận

D. Thuyết minh

Câu 3. Vẻ đẹp của hang Sơn Đoong được miêu tả như thế nào?

A. Không khí mát mẻ lạ thường, có thể nghe tiếng gió rít qua vách đá.

B. Càng đi sâu vào hang, vẻ đẹp kì vĩ càng cuốn hút.

C. Phía trên là ánh sáng mặt trời, phía dưới hang là con sông ngầm sâu hun hút.

D. Cả ba ý trên đều đúng

Câu 4. Văn bản trên đã đưa tới những thông tin cơ bản về Hồ Khanh:

A. Tên, quê quán, nghề nghiệp, sở thích.

B. Công việc khác ngoài nghề sơn tràng.

C. Sự đóng góp trong việc khám phá ra những hang động lớn.

D. Cả ba nội dung trên

Câu 5. Theo em phẩm chất quan trọng để trở thành nhà thám hiểm là gì?

A. Tìm tòi, ham học hỏi

B. Thích khám phá mọi thứ

C. Dúng cảm tích tìm tòi

D. Các nội dung trên

2. Ngữ liệu Đọc Hiểu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Nói đến du lịch Quảng Bình là người người ta nghĩ ngay đến di sản thiên nhiên thế giới vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, xứ sở được ví như vườn quốc gia của hệ thống hang động. Trong hành trình tìm kiếm khám phá và quảng bá các hang động ở Quảng Bình của các nhà thám hiểm có sự đóng góp không nhỏ của một người dân vùng di sản. Đó là Hồ Khanh một người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ẩn tượng khác.

Quê hương của Hồ Khanh (Thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch) được thiên nhiên ưu đãi ban tặng cho nhiều cảnh quan hiên nhiên cùng hệ thống hang động tuyệt mỹ. Trước đây, khi du lịch chưa được khai thác mạnh, những người dân trong làng của Hồ Khanh đều sống bằng nghề đi rừng tìm trầm và Hồ Khanh cũng là thợ sơn tràng chuyên nghiệp. Tài liệu của Nhung tây

Chỉ khác là trong mỗi chuyến đi, người ta chỉ lo việc kiếm tiền còn Hồ Khanh lại dành nhiều thời gian hơn để chiêm ngưỡng các hang động đá vôi bởi vẻ đẹp hiếm có muôn hình đủ dạng được tạo ra từ các khối thạch nhũ. Cũng từ cái công việc nay đây mai đó ấy và tính tò mò thích khám phá mà Hồ Khanh tình cờ phát hiện ra hang động đẹp.

Song ẩn tượng nhất là có một lần đi rừng gặp mưa, Hồ Khanh ghé vào một hang đá để trú tạm và điều hết sức đặc biệt là từ hang đá này, anh cảm nhận được bầu không khí mát mẻ lạ thường, có thể nghe rõ tiếng rõ rít qua vách đá. Đó là khoảng năm 1989. Và sự phát hiện này đã làm thay đổi cuộc đời Hồ Khanh.

(Theo Nhật Văn, báo điện tử Quảng Bình, ngày 21/7/2014)

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản?

Câu 2. Văn bản trên đã đưa tới những thông tin cơ bản nào về nhân vật Hồ Khanh?

Câu 3. Theo em, phẩm chất quan trọng nhất để trở thành một nhà thám hiểm là gì?

Câu 4. Thời điểm và sự kiện quan trọng nào đã làm thay đổi cuộc đời Hồ Khanh?

Câu 5. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao kết quả thu được của Hồ Khanh là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản thông tin

Câu 2. Văn bản trên đã cung cấp rất nhiều thông tin cơ bản về nhân vật Hồ Khanh:

- Quê hương của Hồ Khanh: thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Nghề nghiệp: thợ sơn tràng
- Đặc điểm tính cách: thích tò mò và khám phá
- Khẳng định Hồ Khanh chính là người đã phát hiện ra hang Sơn Đoòng, nhiều hang động ẩn tượng khác. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Một nhà thám hiểm tài ba phải là sự kết hợp của rất nhiều phẩm chất và tính cách khác

nhau. Thế những phẩm chất được xem là quan trọng nhất đối với một nhà thám hiểm đó chính là sự hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên. Khi bạn say sưa tìm tòi, khám phá thì bạn sẽ luôn thấy được những điều mới lạ trong thế giới này.

Câu 4. Năm 1989, khi tìm chỗ trú mưa trong rừng, Hồ Khanh tình cờ phát hiện ra một cái hang lớn với bầu không khí mát mẻ lạ thường. Năm 2009, Hồ Khanh đã dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh vào cái hang đá lớn và kì lạ năm xưa. Hồ Khanh đã trở thành người Việt Nam đầu tiên phát hiện ra hang Sơn Đoòng - hang động cao và rộng nhất thế giới.

Câu 5. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và bằng cả niềm say mê nên Hồ Khanh được ông Hồ - oát Lim - Bơ hết mực yêu mến tin cậy. anh trở thành người bạn đồng hành của các nhà khoa học trên hành trình khám phá, làm phong phú hơn những giá trị độc đáo của di sản thiên nhiên thế giới. Tài liệu của Nhung tây

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

SÔNG HƯƠNG

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh gồm nhiều đoạn mà mỗi đoạn đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau: màu xanh thắm của da trời, màu xanh biếc của lá cây, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước.

Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm.

(Theo: Đất nước ngàn năm)

Câu 1. Sông Hương đã được miêu tả ở những thời điểm nào? Tác dụng của việc lựa chọn đó?

Câu 2. Gọi tên cho các cụm từ sau: *một bức tranh phong cảnh, trở nên trong lành, những tiếng ồn ào, ửng hồng cả phố phường.* Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Phân tích cấu tạo và cho biết câu văn được in đậm trong phần trích thuộc kiểu câu gì?

Câu 4. Chỉ ra các biện pháp tu từ có trong phần trích và cho biết tác dụng của một biện pháp tu từ đó.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Thời điểm miêu tả : Mùa hè đến, những đêm trăng sáng.

Câu 2. Học sinh xác định được các cụm từ: (mỗi cụm từ chính xác được 0.5 điểm)

- *một bức tranh phong cảnh* - Cụm danh từ
- *trở nên trong lành* – cụm động từ
- *những tiếng ồn ào* - cụm danh từ
- *ừng hồng cả phố phường* - cụm động từ

Câu 3. *Những đêm trăng sáng, dòng sông // là một đường trăng lung linh dát vàng.*

TN

CN

VN

⇒ Câu trần thuật đơn có từ “là”

Câu 4.

*** Phép tu từ so sánh:**

- Trong câu văn: *“Sông Hương là một bức tranh phong cảnh gồm nhiều đoạn mà mỗi đoạn đều có vẻ đẹp riêng của nó.”.*

=> Tác dụng: gợi ra vẻ đẹp phong phú của sông Hương.

- Trong câu văn: *“Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.*

=> Tác dụng: gợi tả vẻ đẹp lung linh, huyền ảo của sông Hương vào những đêm trăng sáng

- Trong câu văn: *“Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm”*

=> Tác dụng: khẳng định ý nghĩa của sông Hương trong cuộc sống của thành phố Huế.

*** Phép tu từ nhân hóa:**

- Trong câu văn: *“Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.”*

=> Tác dụng: gợi tả vẻ đẹp mềm mại, tươi trẻ, dịu dàng, thướt tha...

Ngoài ra nếu học sinh phát hiện và nêu tác dụng của phép tu từ liệt kê, điệp ngữ và nêu tác dụng thích hợp giáo viên vẫn cho điểm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

HAI BIỂN HỒ

Người ta bảo ở bên Paletxin có hai biển hồ. Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết. Đúng như tên gọi, không có một sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ này. Nước trong hồ không có một loài cá nào có thể sống nổi mà người uống phải cũng bị bệnh. Ai ai cũng đều không muốn sống ở gần đó. Biển hồ thứ hai là biển Galilê. Đây là biển hồ thu hút nhiều khách du lịch nhất. Nước ở biển hồ lúc nào cũng trong xanh mát rượi, con người có thể uống được và cá cũng sống được. Nhà cửa được xây cất rất nhiều ở nơi đây. Vườn cây xung quanh tốt tươi

nhờ nguồn nước này.

Nhưng điều kì lạ là cả hai biển hồ này đều được đón nhận nguồn nước từ sông Jordan. Nước sông Jordan chảy vào biển Chết. Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Galilê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muông thú và con người.

Một định lí trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình: một ánh lửa sẻ chia là một ánh lửa lan tỏa. Một đồng tiền kinh doanh là một đồng tiền sinh lợi. Đôi môi hé mở mới thu nhận được nụ cười. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập niềm vui sướng. Thật bất hạnh cho ai cả cuộc đời chỉ biết giữ riêng cho mình. Sự sống trong họ rồi cũng sẽ chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết.

(Theo Cửa sổ tâm hồn)

Câu 1: Xác định những phương thức biểu đạt trong văn bản trên.

Câu 2: Cho biết điểm giống nhau và khác nhau giữa biển hồ Galilê và biển hồ Chết.

Câu 3: Anh/chị hãy đặt một nhan đề khác cho văn bản.

Câu 4: Viết một đoạn văn ngắn (5 - 7 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/chị về lối sống chỉ biết giữ cho riêng mình.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Những phương thức biểu đạt: tự sự, thuyết minh, miêu tả, nghị luận.

Câu 2. Điểm giống nhau: cả hai biển hồ này đều được đón nhận nguồn nước từ sông Jordan.

Điểm khác nhau:

- Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát.
 - Biển hồ Galilê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muông thú và con người. Tài liệu của Nhung tây
- (Thí sinh có thể trả lời: không có một sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ Chết. Ngược lại, biển hồ Galilê đem đến sự sống cho thiên nhiên, con người,...)

Câu 3. Đặt lại nhan đề: Cho và nhận; Lối sống cao thượng; Bài học từ hai biển hồ,...

Câu 4.

- Lối sống chỉ biết giữ cho riêng mình là gì?
- Lối sống đó được biểu hiện như thế nào?
- Sống chỉ biết giữ cho riêng mình để lại hậu quả như thế nào?
- Nên phê phán hay ca ngợi lối sống?
- Bài học?

BÀI 7 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT - DẤU CÂU (NHẬN BIẾT CÔNG DỤNG DẤU CHẤM LỬNG)

I. KIẾN THỨC CHUNG

1. Mạch lạc và liên kết

a. Mạch lạc trong văn bản là gì?

- Trong văn bản, mạch lạc là sự tiếp nối các ý theo một trình tự hợp lí. Sự tiếp nối hợp lí giữa các ý thể hiện ra ở sự tiếp nối hợp lí của các câu, các đoạn, các phần trong văn bản. Xem xét ví dụ sau đây:

Cắm bờ một mình trong đêm. Đêm tối như bừng không nhìn rõ mặt đường. Trên con đường ấy, chiếc xe lăn bánh rất êm. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trắng. Trăng bỗng bành nổi lên qua dãy Pú Hồng. Dãy núi này có ảnh hưởng quyết định đến gió mùa đông bắc ở miền Bắc nước ta. Nước ta bây giờ của ta rồi; cuộc đời bắt đầu hừng sáng.

2. Dấu chấm lửng

+ **Khái niệm:** Dấu chấm lửng, còn gọi là dấu lửng hay dấu ba chấm, là dấu có ba chấm đặt nối tiếp nhau theo hàng ngang.

Dấu chấm lửng có tác dụng sau:

a. Phản ánh trạng thái của hiện thực như khoảng cách về không gian, thời gian, âm thanh kéo dài, đứt quãng...

Ừ...ừ...ừ...Tâm một lượt.

(Võ Huy Tâm)

b. Biểu thị lời nói đứt quãng vì xúc động

Chàng chợt nhớ, chạy vòng xuống nhà ngang, gọi vui về:

- Cô Nga...

(Thạch Lam)

c. Biểu thị lời nói không tiện nói ra.

Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại...

(Đào Vũ)

d. Để chỉ ra rằng người nói chưa nói hết, đặc biệt khi nêu ví dụ, liệt kê:

Ngoài ra, biển còn nhiều thứ cá nổi tiếng như cá đế, cá nhụ, cá nục, cá song và nhiều tôm, sò...

(Trúc Mai)

e. Biểu thị chỗ ngắt dài giọng với ý châm biếm, hài hước (biểu thị chỗ dẫn nhịp điệu câu văn chuẩn bị cho sự xuất hiện từ ngữ có nội dung bất ngờ, hài hước, châm biếm). Ví dụ:

Té ra công sự chỉ là công...toi.

(Tú Mỡ)

g. Để chỉ rằng lời nói trực tiếp bị lược bớt một số câu. Trường hợp này, dấu chấm lửng thường đặt trong dấu ngoặc đơn () hoặc dấu ngoặc vuông [].

[...] Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.

2. Dấu chấm phẩy là dấu câu gồm một dấu chấm ở trên, dấu phẩy ở dưới. Dấu chấm phẩy có tác dụng sau:

a. Đánh dấu ranh giới các vế của câu ghép có cấu tạo phức tạp:

Chị Thuận nấu cơm cho anh em ăn, làm người chị nuôi tần tảo; chị chăm sóc anh em ốm và bị thương, làm người hộ lí dịu dàng.

(Nguyễn Trung Thành)

b. Đánh dấu các yếu tố trong chuỗi liệt kê có cấu tạo phức tạp

Phải thực hiện bằng được chủ trương hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông: đẩy mạnh tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp; đẩy mạnh cải tạo giống gia súc và cây trồng nhằm thực hiện thâm canh trên toàn bộ diện tích trồng trọt.

2. Mạch lạc và liên kết

II. CÁC DẠNG BÀI TẬP

Bài 1. Hãy cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong các đoạn trích sau:

1. Thầy Dần lè lưỡi ra:

- Eo! Mẹ ơi!...

- Thật...không có thể, cứ cố con mà chặt!

2. Rú...rú...rú...máy bắt đầu mở, bắt đầu xúc than

(Võ Huy Tâm)

3. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời:

- Bấm...quan lớn...đê vỡ mất rồi!

(Phạm Duy Tốn)

4. Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp rang rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoát cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây...Bốn giây...Năm giây...Lâu quá!

(Vũ Tú Nam)

5. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, băng khuâng, có tiếc thương ai oán.

(Hà Ánh Minh)

6. - Anh này lại say khướt rồi.

- Bấm không ạ, bấm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù, mà nếu không được thì...thì...thưa cụ. Tài liệu của Nhung tây

(Nam Cao)

7. Chim bay vút lên khoe trăm màu áo đan chéo nhau trong không trung: nâu, trắng, mun, vàng, xám, tím biếc...

(Võ Văn Trực)

8. Núp định ra chặn hỏi. Nhưng...có được không?...Nó có bắt mình nộp cho Pháp...chắc không đâu, Pháp làm nó khổ thế này, bụng nó chắc không thương Pháp đâu.

(Nguyễn Ngọc)

9. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng. [...] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc.

(Đặng Thai Mai)

Gợi ý trả lời

Bài 1.

1. Eo! Mẹ ơi!...(biểu thị phần ý không được diễn đạt bằng lời, sự ngắt quãng trong lời nói)

- Thật...

(Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói)

2. Biểu thị sự kéo dài của âm thanh
3. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói
4. Biểu thị tâm lí chờ đợi
5. Biểu thị sự liệt kê chưa hết.
6. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, tạo tâm lí đe dọa.
7. Biểu thị sự liên kết chưa hết.
8. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, khoảng cách của những suy nghĩ.
9. Biểu thị sự lược bỏ trong trích dẫn.

Bài 2. Nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong các câu sau:

1. Cơn dông tan. Gió lặng. Cây gạo xơ xác hằn đi, nom thương lắm. Nhưng chẳng có điều gì đáng lo cả; cây gạo bền bỉ làm việc đêm ngày, chuyên cần lấy từ đất, nước và ánh sáng nguồn nghị lực và sức trẻ vô tận.

(Vũ Tú Nam)

2. Tôi rất yêu những bông hoa giấy. Chúng có một đặc điểm khác nhiều loài hoa khác: Hoa giấy rời cành khi vẫn còn đẹp nguyên vẹn, hoa rụng mà vẫn còn tươi nguyên; đặt trên lòng bàn tay, những cánh hoa mỏng tàn rung rinh, phập phồng run rẩy như đang thở, không có một mảy may biểu hiện của sự tàn úa.

(Trần Hoài Dương)

Gợi ý trả lời

Bài 2.

- a. Tác dụng đánh dấu ranh giới của vế câu có quan hệ bổ sung, giải thích lẫn nhau.
- b. Đánh dấu ranh giới của các vế câu có cấu tạo phức tạp.

Bài 3. Trong những đoạn trích dưới đây, có một số dấu chấm phẩy bị thay thế bằng dấu phẩy. Tìm dấu phẩy đã thay thế cho dấu chấm phẩy đó.

1. Cần phải nói với bạn rằng, ở xứ pro-văng-xơ theo lệ thường, cứ đến mùa nóng bức là người ta lừa gia súc lên núi An-pơ. Vật và người sống năm sáu tháng liền trên vùng cao ở ngoài trời, cỏ ngập đến tận bụng, rồi vừa mới chớm gió heo may đầu thu là người ta xuống núi, trở về trang trại và bầy gia súc lại quay về gặm cỏ thành thoi trên những sườn đồi màu xám thơm nức mùi cây hương thảo.

(A. Đô-đê)

(Đoạn này có một dấu chấm phẩy bị thay thế)

2. Cả con đường cũng dường như rình rịch theo bước chân đi của chúng. Đi đầu là những con cừu đực già, sừng giương ra phía trước, và dừ tợn, đằng sau chúng là đông đảo họ nhà cừu, những cừu mẹ đáng hơi mệt mỏi, lũ cừu con chạy quần dưới chân, những con la cái đeo ngù trang trí màu đỏ, mang những chiếc giỏ đựng các chú cừu non mới đẻ, chiếc giỏ lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi, rồi đến những con chó đằm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất và sau cùng là hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng. Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời

Bài 3. Xác định các ý lớn hoặc các nhóm ý lớn. Dấu phẩy giữa các ý lớn cần được thay bằng dấu chấm phẩy. Cụ thể:

1. Cần phải nói với bạn rằng, ở xứ pro-văng-xơ theo lệ thường, cứ đến mùa nóng bức là người ta lùa gia súc lên núi An-pơ. Vật và người sống năm sáu tháng liền trên vùng cao ở ngoài trời, cỏ ngập đến tận bụng [;] rồi vừa mới chớm gió heo may đầu thu là người ta xuống núi, trở về trang trại và bày gia súc lại quay về gặm cỏ thành thoi trên những sườn đồi màu xám thơm nức mùi cây hương thảo.

(A. Đô-đê)

(Đoạn này có một dấu chấm phẩy bị thay thế)

2. Cả con đường cũng dường như rình rịch theo bước chân đi của chúng. Đi đầu là những con cừu đực già, sừng giương ra phía trước, và dừ tợn [;] đằng sau chúng là đông đảo họ nhà cừu, những cừu mẹ dáng hơi mệt mỏi, lũ cừu con chạy quẩn dưới chân [;] những con la cái đeo ngù trang trí màu đỏ, mang những chiếc giỏ đựng các chú cừu non mới đẻ, chiếc giỏ lắc lư như ru chúng ngủ theo nhịp bước đi [;] rồi đến những con chó đằm mồ hôi, lưỡi lè dài sát đất và sau cùng là hai chú chăn cừu lực lưỡng khoác áo choàng bằng len thô màu đỏ hoe, dài chấm gót như chiếc áo thụng.

BÀI 7 ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT LỊCH SỬ

1. Lập dàn ý cho bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

a. Mở bài:

- Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại
- Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan

b. Thân bài:

- Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/ sự kiện:
- Câu chuyện, huyền thoại liên quan
- Dấu tích liên quan
- Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử
- Bắt đầu - diễn biến - kết thúc
- Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn...)
- Kết hợp kể chuyện với miêu tả
- Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/ sự kiện lịch sử

c. Kết bài:

- Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc

2. Kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử Ngắn nhất

Trong những câu chuyện kể về Bác Hồ, em đặc biệt ấn tượng về việc Bác tự tay trồng nên một chiếc rễ đa tròn thú vị. Tài liệu của Nhung tây

Hôm đó là một buổi sáng đẹp trời sau đêm mưa bão. Khi Bác đang đi bộ trong vườn thì phát hiện một chiếc rễ đa khá dài bị rút xuống trên mặt cỏ. Thế là Bác đã cầm chiếc rễ đa ấy lên và nhờ chú cần vụ cùng mình trồng cây. Đầu tiên Bác cuốn chiếc rễ đa ấy thành một vòng tròn, rồi nhờ chú cần vụ buộc hai đầu của rễ vào hai chiếc cọc nhỏ. Sau đó mới trồng hai đầu rễ đó xuống đất, đồng thời cắm chắc cọc cho cây được vững vàng. Nhờ sự sáng tạo ấy của Bác, mà sau này các em thiếu nhi khi đến vườn Bác, đã có một cây đa với dáng tròn đặc biệt để tổ chức trò chơi.

Qua sự kiện ấy, em càng cảm nhận sâu sắc hơn về sự quan tâm và yêu thương của Bác dành cho các em thiếu nhi.

3. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu Siêu ngắn

Một trong những trận đánh lịch sử mà em đặc biệt ấn tượng chính là trận đánh trên sông Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền.

Với sự thông minh, tài trí của mình, Ngô Quyền đã lợi dụng địa hình trên sông Bạch Đằng với sự chênh lệch của mực nước khi thủy triều lên xuống. Từ đó, ông cho lính đóng những chiếc cọc gỗ lớn với phần đầu nhọn xuống đáy sông. Để khi nước lên thì không nhìn thấy cọc, nhưng khi nước rút thì những đầu cọc nhọn hoắt đó sẽ nhô lên thành một nơi đáng sợ. Tài liệu của Nhung tây Sau đó, Ngô Quyền chỉ huy một nhóm quân ra ứng đối với quân Nam Hán. Quân ta giả vờ thua trận, dụ địch vào bãi cọc và dăng co ở đó. Rồi khi thủy triều rút, bãi cọc nhô lên. Những chiếc thuyền lớn của giặc bị cọc đâm thủng hết và kẹt lại. Quân ta lúc đó mới xông lên, sử dụng những chiếc thuyền nhỏ linh hoạt, đánh giặc thua tan tác.

Chiến thắng vẻ vang ấy đến nay vẫn khiến nhân dân ta không thôi tự hào về sự thông minh tài trí của vua Ngô Quyền.

BÀI 7: NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN VỀ VAI TRÒ CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

1. Chuẩn bị bài nói

- Xác định mục đích nói và người nghe.

+ Mục đích nói: Chia sẻ thông tin, ý tưởng và hiểu sâu sắc hơn một vấn đề vốn gây nhiều tranh cãi.

+ Người nghe: thầy cô, bạn bè, những người cùng chung mối quan tâm và muốn được thảo luận về vấn đề này.

- Lựa chọn nội dung bài nói.

+ Tìm thêm thông tin liên quan đến nhiều nguồn

+ Tìm ý bằng cách đặt ra các câu hỏi và tự trả lời

+ Sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý theo trật tự: nêu vấn đề – hai mặt tích cực và tiêu cực của vấn đề đó - nêu quan điểm cá nhân.

- Tập luyện

DÀN Ý BÀI NÓI

- Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

+ **Mở đầu**

Giới thiệu khái quát về vấn đề thảo luận,

- Vai trò của công nghệ đối với cuộc sống con người.

+ **Nội dung chính**

Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí

+ **Kết thúc**

Nhận xét, đánh giá chung về vai trò công nghệ đối với cuộc sống con người.

Nêu ý nghĩa và vai trò của công nghệ đối với cuộc sống con người.

c. Luyện tập nói

d. Chỉnh sửa bài nói

BÀI NÓI THAM KHẢO

1. Mở đầu bài nói

Chào hỏi giới thiệu!

Kính thưa thầy/ cô và các bạn, em tên là....lớp....trường...

Xin kính chào thầy cô và các bạn, trong tiết học ngày hôm nay mình rất vui được trình bày vấn đề: Vai trò của công nghệ đối với cuộc sống con người. Như các bạn đã biết chính sự phát triển của ngành công nghệ thông tin, đã đánh dấu con người bước vào một giai đoạn phát triển mới. Hiện đại hơn, thông minh hơn, tiện ích hơn. Thế nhưng bên cạnh những tiện ích mà công nghệ mang lại, cũng tồn tại những ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống chúng ta. Vậy công nghệ có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống con người. Hãy cùng chúng tôi tìm hiểu qua bài viết dưới đây nhé. Tài liệu của Nhung tây

2. Nội dung bài nói

Các bạn ạ!

Sự ra đời của khoa học công nghệ, cùng với những phát minh khoa học tiên tiến đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt đời sống con người. Điện thoại thông minh, máy tính, điều hòa,

người máy, thanh toán bằng thẻ, bằng điện thoại di động, ô tô, máy bay tự lái,...là những phát minh tiên tiến, thông minh của loài người. Tài liệu của Nhung tây Đánh dấu một kỷ nguyên phát triển mới trong lịch sử loài người.

Sự ra đời của các thiết bị công nghệ, khoa học tiên tiến đã thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển hơn. Những thiết bị này, giúp con người giải quyết công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả mà không phải bỏ ra quá nhiều sức lao động.

Điện thoại không chỉ giúp chúng ta kết nối lại với nhau, giữ liên lạc với nhau, mà còn giúp chúng ta giải trí, kinh doanh, trả tiền,..Điện thoại thông minh trở thành phương tiện không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta. Tài liệu của Nhung tây Không chỉ điện thoại, sự ra đời của máy tính đã giúp con người giải quyết công việc một cách nhanh chóng. Hơn nữa máy tính chính là công cụ giúp con người kiểm thiện hiệu quả, tuy nhiên không thể thiếu mạng internet. Internet là công cụ trợ giúp đắc lực để con người tạo ra nguồn thu .Vì vậy, điện thoại, máy tính, internet không thể tách rời nhau và phải luôn đi với nhau.

Với những phát minh hiện đại như máy bay, ô tô tự lái hay cửa hàng tiện lợi không có người bán, đã mang lại cho con người nhiều lợi ích. Chính những phát minh này đã đánh dấu con người bước vào một thời kì phát triển mới. Các thiết bị công nghệ tiên tiến, dần thay thế con người làm việc, không người bán, không người lái, làm việc nhà đã có robot, tắt , bật bóng đèn đã có thiết bị tự động,.. Tài liệu của Nhung tây

Bên cạnh những tích cực mà công nghệ mang lại, chúng ta không thể phủ nhận. Thế nhưng bên cạnh những mặt tích cực luôn tồn tại những mặt tiêu cực.Công nghệ làm bạn trở nên lười nhác hơn, đôi khi khiến bạn trở nên ích kỷ và ” điên khùng” . Bạn không muốn làm việc nhà, bạn sử dụng robot làm việc thay bạn, trong khi đó bạn ngồi nghe nhạc, xem phim . Bạn trở nên ích kỷ và điên khùng khi máy tính, điện thoại ” đơ”, vào mạng chậm và load không được. Điều đó làm bạn tức giận và nổi khùng vô cớ với điện thoại, máy tính.

Công nghệ làm bạn mất đi giấc ngủ, phá hủy đồng hồ sinh học của bạn. Bởi con người luôn có thói quen sử dụng điện thoại trước khi đi ngủ, hay xem phim trước khi đi ngủ. Chính thói quen đó đã lấy đi giấc ngủ của bạn, thói quen ngủ muộn sẽ phá hủy đồng hồ sinh học của bạn. Không chỉ giấc ngủ, sức khỏe của bạn cũng bị ảnh hưởng trầm trọng, nguy cơ ung thư cao, xuất hiện bệnh béo phì, trầm cảm, tâm lý không ổn định và giảm trí nhớ.

Công nghệ – nguy cơ thất nghiệp , thiếu việc làm. Không cần người làm giúp việc nhà, không cần thuê người lái xe, lái máy bay, không cần người bán hàng, thu tiền. Tất cả dường như được thay thế bằng công nghệ, điều đó làm ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều người, thất nghiệp, không có việc làm đồng nghĩa với việc không kiếm được tiền để trang trải cuộc sống.

3. Kết thúc bài nói

Qua đây ta thấy được rằng, sự phát triển công nghệ đã mang lại cho con người sự thay đổi hoàn toàn mới. Thế nhưng nó cũng mang lại cho con người nhiều hệ lụy không đáng có, ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống , tinh thần của con người. Vì vậy, chúng ta phải biết cách sử dụng công nghệ như thế nào cho hợp lý, để không gây ảnh hưởng đến sức khỏe, cũng như tinh thần, đời sống của bạn.

(Nguồn sưu tầm)

BÀI THAM KHẢO SỐ 2

1. Mở đầu bài nói

Chào hỏi giới thiệu!

Kính thưa thầy/ cô và các bạn, em tên là....lớp....trường...

Xin kính chào thầy cô và các bạn, trong tiết học ngày hôm nay mình rất vui được trình bày vấn đề: Vai trò của công nghệ đối với cuộc sống con người. Như các bạn đã biết trong những thập niên gần đây, công nghệ đã có nhiều bước tiến vượt bậc. Thành tựu của công nghệ đã giúp cho con người có niềm tin và động lực biến ước mơ thành hiện thực. Tài liệu của Nhung tây Vai trò của công nghệ đối với đời sống là không thể thay đổi và phủ nhận.

2. Nội dung bài nói

Các bạn ạ!

Công nghệ được hiểu là những phát minh, những thành tựu mang tính khách quan của vật chất và xã hội tư duy. Đó là những sản phẩm, giúp cho con người có thể áp dụng thực tiễn đời sống, gia tăng giá trị, chất lượng của cuộc sống. Công nghệ vốn là một thuật ngữ có nguồn gốc từ Hy Lạp có nghĩa là công cụ kỹ năng. Thế nhưng trong cuộc sống hiện đại công nghệ có thể được hiểu là một hệ thống những phương pháp kỹ thuật tiên tiến hay quy trình tạo ra sản phẩm.

Với một xã hội phát triển như này thì chúng ta luôn luôn hiểu được tầm quan trọng lớn của các phát minh công nghệ. Những ứng dụng các thiết bị công nghệ vào việc sử dụng các ngành nghề khác nhau, các lĩnh vực trong đời sống xã hội đang ngày càng trở nên phổ biến. Vai trò của công nghệ là rất lớn đối với đời sống tinh thần của mỗi con người. Những thiết bị công nghệ, những sản phẩm điện tử đã làm cho cuộc sống của người dân trở nên hiện đại hơn. Sức lao động của con người đã không còn được sử dụng nhiều như trước mà thay thế vào đó là những máy móc thông minh, tiện lợi hơn. Chúng ta có thể kể đến như những thiết bị được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày đó là: điện thoại, máy tính, thiết bị tự động,... Mỗi thời điểm giai đoạn khác nhau thì công nghệ lại có một thành tựu khác nhau, cứ thế nó không ngừng phát triển và biến đổi không ngừng. Ngày càng trở nên tiên tiến và hiện đại hơn để phục vụ con người một cách toàn diện hơn. Tài liệu của Nhung tây Chỉ bằng một cú click chuột bạn sẽ mang cả thế giới thu vào trong tầm mắt mình điều mà những tưởng không thể nào có được trong quá khứ.

Tuy nhiên con người đang ngày càng phát triển công nghệ nhưng cũng đồng thời lệ thuộc và nó, bị nó chi phối. Công nghệ hiện diện trong mọi lĩnh vực của đời sống và đem đến cho chúng ta những lợi ích không thể phủ nhận. Cuộc sống chúng ta ngày một tốt hơn, tiết kiệm sức lao động, Tuy nhiên, cũng có những ảnh hưởng tiêu cực khi sự lệ thuộc vào công nghệ ngày càng cao. Điều đó dẫn đến việc lười suy nghĩ, lười vận động, những mối quan hệ cũng trở nên lạnh lùng, khô cứng khi đa số lựa chọn việc duy trì việc gặp gỡ, trò chuyện, quan tâm chỉ qua những lời nhắn bằng mạng xã hội. Thế giới công nghệ còn khiến con người dễ rơi vào trạng thái ảo tưởng.

3. Kết thúc bài nói

Có thể nói công nghệ là một phần của cuộc sống có vai trò vô cùng khác biệt, tạo nên một cuộc sống muôn màu cũng như là tạo cơ hội cho chúng ta có thể tiếp cận đến các nền kinh tế phát triển trong và ngoài khu vực. Chúng ta hãy là những người sử dụng thông minh để có thể ứng dụng công nghệ vào phát triển đời sống.

=====

BÀI 8: TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Ôn tập đặc điểm các văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản.
- Kể được những trải nghiệm ngắn gọn trong cuộc sống.
- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản, nhận biết và hiểu được đặc điểm chức năng của thuật ngữ.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống: Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.
- Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

B. NỘI DUNG

ÔN TẬP VĂN BẢN: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG (Đa-Ni-En Gốt-Li-Ép)

I. Kiến thức chung

1. Tác giả

- Đa-ni-en Gốt-li-ép (1946)
- Là nhà tâm lý học thực hành, bác sĩ tâm lí gia đình đồng thời là chuyên gia sức khỏe gia đình, người Mỹ
- Tác phẩm chính: *Tiếng nói của xung đột* (2001), *Những bức thư gửi cháu Sam* (2006), *Tiếng nói trong gia đình* (2007),....

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ

Trích từ cuốn sách *Những bức thư gửi cháu Sam*.

b. Bố cục

- Phần 1: Từ đầu...*phải bước vào bóng tối*: Câu chuyện ngụ ngôn.
- Phần 2: Tiếp theo...*bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó*: Vai trò, khó khăn của việc tìm kiếm bản đồ của người ông.
- Phần 3: Còn lại: Lời nhắn của ông dành cho cháu.

c. Thể loại: Nghị luận xã hội

d. Tóm tắt

Tác phẩm kể về hành trình tìm kiếm tấm bản đồ dẫn đường cho cuộc đời mình. Cùng với đó ông đã giải thích cho cháu thấy về vai trò, những khó khăn của “tấm bản đồ dẫn đường”. Người ông mở đầu bức thư bằng câu chuyện mình đã quên chìa khóa nhà tại công ty và buộc phải tìm chìa khóa dự phòng. Thay vì tìm tại ngay cạnh cửa ra vào, ông lại tìm loanh quanh chỗ đèn đường. Điều đó chợt khiến ông nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường, chúng ta thường tìm kiếm câu trả lời nơi sáng sủa trong khi cái chúng ta cần tìm là phải bước vào bóng tối. Tấm bản đồ dẫn đường là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn về con người, không chỉ vậy tấm bản đồ còn bao gồm cả cách nhìn nhận về bản thân chúng ta nữa. Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình, quyết định thành bại của chúng ta trong cuộc sống. Người ông chia sẻ về tấm bản đồ của mình. Khác với quan điểm tiêu cực của bố mẹ ông về cuộc sống này, ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh. Bản thân ông tự thấy lúc đó bản đồ của mình rất

bế tắc và kể cả sau này tấm bản đồ này vẫn không thay đổi. Suy cho cùng, cách duy nhất để tìm bản đồ khác là sẵn sàng tìm kiếm trong bóng tối. Hãy vẽ nên tấm bản đồ bằng chính kinh nghiệm của mình.

II. Tìm hiểu chi tiết văn bản

1. Cách mở đầu độc đáo

- Mở đầu bằng câu chuyện ngụ ngôn:
- + Kể về người đàn ông tìm kiếm chiếc chìa khóa nhưng ông chỉ tìm ngoài sáng, không tìm trong tối nên ông không tìm được chìa khóa
- + Bài học rút ra là trong khi tìm đồ vật nói riêng và trong cuộc sống của mỗi người nói riêng đừng mãi tìm nơi dễ, ngoài sáng mà biết đâu trong bóng tối mới có món đồ bạn đang tìm kiếm
- Đặt vấn đề , dẫn dắt cho những lời người ông sắp nói
- + Giúp người cháu hiểu được những lời tiếp theo của người ông
- => *Giá trị nhân văn của câu chuyện mở đầu như là bài học đầu tiên của ông giành cho cháu.*

2. Hình ảnh “tấm bản đồ dẫn đường”

- Tấm bản đồ dẫn đường được lí giải:
- + Là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn con người
- + Cách nhìn nhận cuộc đời theo người ông được di truyền từ đời bố mẹ được điều chỉnh qua hoàn cảnh sống, tôn giáo, kinh nghiệm của mỗi người
- + Tấm bản đồ bao gồm cách nhìn nhận của mỗi người
- Vai trò của tấm bản đồ trong hướng đi của mỗi người:
- + Tấm bản đồ quyết định cách nhìn nhận của chúng ta với cuộc sống, với chính bản thân và xã hội
- + Quyết định trong thành công và thất bại của mỗi người
- + Ông đưa ra dẫn chứng về người mẹ của mình luôn nhìn cuộc đời đầy hiểm nguy
- + Bà luôn đề phòng, cảnh giác
- Những khó khăn của ông khi tìm kiếm bản đồ của cuộc đời mình:
- + Ông luôn cảm thấy yêu mến, tin tưởng mọi người xung quanh
- + Ông cảm nhận cuộc sống luôn bình yên, an toàn
- + Ông khác biệt so với gia đình mình
- + Ông không có quan điểm chung với mẹ
- + Điều này làm ông bế tắc
- Kết thúc văn bản:
- + Những lời nhắn nhủ của ông giành cho cháu gái
- + Phải tự vẽ bản đồ riêng cho cuộc đời mình

3. Tổng kết

a. Về nội dung

Văn bản nhấn mạnh vai trò của tấm bản đồ dẫn đường đối với cuộc đời của mỗi con người. Mỗi chúng ta cần tìm ra “tấm bản đồ” cho riêng mình để có thể xác định phương hướng, nhìn nhận lại chính mình rồi tự đó hoàn thiện bản thân.

b. Về nghệ thuật

- Mang lại giá trị nhân văn sâu sắc
- Mở đầu bằng câu chuyện có tính chất ngụ ngôn
- Ngôn ngữ giản dị, giàu tình cảm

III. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản Bản “Bản đồ dẫn đường” thuộc thể loại gì?

- A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Thuyết minh

Câu 2. Vì sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?

A. Để làm phương tiện đi lại

B. Để tìm địa chỉ khi đến miền đất lạ

C. Vì miền đất lạ là nơi họ chưa quen thuộc địa hình, có một tấm bản đồ sẽ giúp họ dễ dàng xác định phương hướng, tránh lạc đường, đến được nơi cần đến.

D. Cả ba phương án trên

Câu 3. Hình ảnh tấm bản đồ lí giải được điều gì?

A. Là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn con người

B. Là cách nhìn nhận cuộc đời theo người ông được di truyền từ đời bố mẹ được điều chỉnh qua hoàn cảnh sống, tôn giáo, kinh nghiệm của mỗi người

C. Tấm bản đồ bao gồm cách nhìn nhận của mỗi người

D. Tất cả nội dung trên

Câu 4. Vai trò của tấm bản đồ trong hướng đi của mỗi người là

A. Tấm bản đồ quyết định cách nhìn nhận của chúng ta với cuộc sống, với chính bản thân và xã hội

B. Quyết định trong thành công và thất bại của mỗi người

C. Ông đưa ra dẫn chứng về người mẹ của mình luôn nhìn cuộc đời đầy hiểm nguy

D. Cả ba nội dung trên đều đúng

2. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Thế giới của chúng ta có muôn vàn điều thú vị để khám phá. Cho dù bạn đang ở độ tuổi nào, bạn cũng nên phá vỡ các giới hạn của nhận thức và luyện cho mình kỹ năng quan sát bằng cách ra khỏi nhà, ra ngoài thiên nhiên và chú ý tới mọi điều xung quanh. Hãy đặt cho bản thân những câu hỏi như: “Tại sao...?” Tại sao không...?” và thử tự tìm các câu trả lời hay sự trợ giúp của những người quen biết. Đừng bao giờ tự cao tự đại nói rằng: “Tôi biết hết rồi, anh/chị sẽ không chỉ cho tôi được điều gì mới đâu!”. Vì chỉ khi chúng ta nhận thức được rằng vẫn còn nhiều điều có thể học, chúng ta mới có thể bổ sung được nhiều kiến thức mới.

Hãy nghe nhạc cổ điển, đến thăm các viện bảo tàng và các phòng trưng bày nghệ thuật, hãy đọc sách về nhiều chủ đề khác nhau, hãy có những sở thích như khiêu vũ, chơi đàn, hội họa hay tập luyện một bộ môn thể thao. Dù bạn chọn cho mình một bộ môn nào đi nữa, bạn cũng nên theo học đến cùng và tìm hiểu không ngừng nghỉ cho đến khi đạt được kiến thức sâu sắc về lĩnh vực đó mới thôi. Đừng chỉ “chạm đến một lần rồi bỏ xó”. Hãy quyết tâm rèn luyện và củng cố trí tò mò để nó trở thành một phần cá tính của bạn. Biết đâu, trong một lần tò mò hay thắc mắc như vậy, bạn sẽ tìm ra được niềm đam mê cho bản thân. Có khát vọng khám phá và tìm tòi là một trong những động lực giúp bạn tiếp cận với thế giới và vươn ra biển lớn”

(Trích Tìm kiếm niềm đam mê, Hộ chiếu xanh đi quanh thế giới, Nhà xuất bản Thế giới, 2017, tr 17, 18 - NXB Hội nhà văn 2019, tr.68 - 69)

Câu 1: Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?

Câu 2: Xác định phó từ trong câu văn “*Hãy quyết tâm rèn luyện và củng cố trí tò mò để nó trở thành một phần cá tính của bạn*” ?

Câu 3. Theo tác giả, chúng ta có lợi ích khi “nhận thức được rằng vẫn còn nhiều điều có thể học” ?

Câu 4. Nêu chủ đề của đoạn trích trên?

Câu 5. Theo em, mỗi chúng ta có cần phải học hỏi, khám phá để nâng cao kiến thức không? Vì sao?

Câu 6. Em rút ra được bài học gì cho bản thân từ đoạn trích trên?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Em hãy cho biết đoạn trích trên thuộc loại văn bản nghị luận

Câu 2 : Phó từ trong câu văn “*Hãy quyết tâm rèn luyện và củng cố trí tò mò để nó trở thành một phần cá tính của bạn*” là từ *Hãy*

Câu 3. Theo tác giả, chúng ta có lợi ích khi “nhận thức được rằng vẫn còn nhiều điều có thể học” là Bổ sung được nhiều kiến thức mới

Câu 4. Chủ đề của đoạn trích trên là Khát vọng và khám phá

Câu 5. HS trả lời có hoặc không, có lý giải phù hợp.

Câu 6. HS nêu được ít nhất 02 bài học cho bản thân

Ví dụ : Mỗi con người cần không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức cho bản thân để có thể biết được nhiều điều mới mẻ hơn.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

“Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người. Lòng nhân ái có được là do sự góp công của mỗi gia đình và nhà trường tạo lập cho các em thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, sẻ chia, “đau với nỗi đau của người khác”... Và lòng nhân ái của các em Trường Quốc tế Global đã được hình thành như thế,...].

Lòng nhân ái là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS và thực tế, lòng nhân ái rất cần trong đời sống, đó là nét văn hóa, là cốt cách của mỗi một con người. Các hoạt động từ thiện đã và đang diễn ra tại Trường Quốc tế Global đã góp phần giúp các em học sinh xây dựng tính cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, sẻ chia với mọi người và giúp người khi khó khăn hoạn nạn, phát triển toàn diện tri thức và đạo đức để trở thành những công dân ưu tú, có ích cho xã hội, gìn giữ được bản sắc văn hóa Việt Nam.”

(Trích Dạy trẻ lòng nhân ái ở trường quốc tế Global - theo Dân trí - ngày 14/ 2/ 2015).

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên?

Câu 2. Theo bài viết, lòng nhân ái của mỗi học sinh được hình thành từ đâu?

Câu 3. Chỉ ra tính mạch lạc trong các câu văn sau: “Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người.” ?

Câu 4. Trong mục tiêu giáo dục của trường GIS, lòng nhân ái biểu hiện như thế nào ?

Câu 5. Để phát huy lòng nhân ái của học sinh, Trường Quốc tế Global đã làm gì ?

Câu 6. Nêu một số biểu hiện về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống (ít nhất 02 biểu hiện) ?

Câu 7. Từ đoạn trích trên hãy rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em ?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt Nghị luận

Câu 2. Theo bài viết, lòng nhân ái của mỗi học sinh được hình thành Thông qua các hoạt động trải nghiệm rèn luyện, học tập, chia sẻ

Câu 3:. Chỉ ra tính mạch lạc trong các câu văn sau: “*Lòng nhân ái không phải tự sinh ra con người đã có. Lòng nhân ái là một trong những phẩm chất hàng đầu, là văn hóa của mỗi một con người.*” - Phép lặp

Câu 4: Trong mục tiêu giáo dục của trường GIS, lòng nhân ái Là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của trường GIS

Câu 5: Để phát huy lòng nhân ái của học sinh, Trường Quốc tế Global đã C. Tổ chức các hoạt động từ thiện cho học sinh tham gia

Câu 6. HS nêu được ít nhất 02 biểu hiện về lòng nhân ái trong đời sống con người, phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật

+ Quan tâm đến những người xung quanh

+ Chia sẻ, cảm thông với những nỗi đau của người khác

+ Giúp đỡ về vật chất khi người khác rơi vào hoàn cảnh bần cùng, bế tắc,....

Câu 7. HS nêu được 01 thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân về lòng nhân ái trong đời sống con người, phải phù hợp với nội dung đoạn trích và phải phù hợp chuẩn mực đạo đức và pháp luật

+ Việc giáo dục lòng nhân ái cho HS là việc làm quan trọng, cần thiết đối với người làm giáo dục và đối với nhà trường

+ Là HS cần rèn luyện cho bản thân lòng nhân ái, sẵn sàng đùm bọc, chia sẻ, cảm thông trước những khó khăn của con người trong cuộc sống,...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những ước mơ rồ dại nhất trong lứa tuổi học trò - lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dẫn vật bạn mỗi ngày.

(...)

Sống một cuộc đời cũng như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn đang sử dụng, thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không nó có thể là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn.

Dan Zadra viết rằng: “Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn”. Vậy thì hãy tìm ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim ta đó, như một ngọn núi lửa chờ đợi được đánh thức...”

(Phạm Lữ Ân, Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội nhà văn, 2013)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Theo tác giả, nếu không theo đuổi ước mơ, con người sẽ rơi vào trạng thái tâm lí nào?

Câu 3: Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: *“Sống một cuộc đời cũng như vẽ một bức tranh vậy”*.

Câu 4: Thông điệp nào từ đoạn trích trên có ý nghĩa nhất với em? Tại sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là: Nghị luận

Câu 2: Theo tác giả, nếu không theo đuổi ước mơ, “chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dẫn vật bạn mỗi ngày”.

Câu 3: - Phép tu từ so sánh trong câu văn: việc “sống một cuộc đời” được so sánh với việc “vẽ một bức tranh”

- Tác dụng:

+ Giúp người đọc hình dung được sự cần thiết của lối sống chủ động để có thể biến ước mơ của mình thành hiện thực.

+ Làm cho lời văn sinh động, giàu hình ảnh

Câu 4: - Lí giải thuyết phục, hợp lí, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Chẳng hạn: Hãy theo đuổi ước mơ của mình vì :

+ Ước mơ sẽ định hướng mục tiêu để con người vươn tới, tiếp thêm cho con người sức mạnh và nghị lực để vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

+ Ước mơ, khát vọng còn giúp cho cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa. Lửa xuất hiện khi có tương tác, ít ra là hai vật thể tạo lửa. Lửa là kết quả của số nhiều. Cô bé bán diêm là số đơn. Cô đã chết vì thiếu lửa. Để rồi từ đó loài người đã cảnh giác thắp nến suốt mùa Giáng sinh để cho không còn em bé bán diêm nào phải chết vì thiếu lửa.

Nước Việt hình chữ “S”, hiện thân của số nhiều, lẽ nào không biết nuôi lửa và truyền lửa, lẽ nào thiếu lửa? Không có lửa, con rồng chẳng phải là rồng, chỉ là con giun, con rắn. Không có

lửa làm gì có “nồng” nàn, “nhiệt” tâm! Làm gì có “sốt” sáng, “nhiệt” tình, đước tuệ! Làm gì còn “nhiệt” huyết, “cháy” bỏng! Sẽ đâu rồi “lửa” yêu thương? Việc mẹ cha, việc nhà, việc nước, làm gì với đôi vai lạnh lẽo, ơ hờ? Không có lửa em lấy gì “hun” đúc ý chí, “nấu” sử sôi kinh? Em... sống đời thực vật vô tri như lưng cây, mắt lá, đầu cành, thân cỏ... Cho nên: Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội. Thế nhưng: Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”.

(Trích Thắp mình để sang xuân, Nhà văn Đoàn Công Lê Huy)

Câu 1. Xác phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2. Cho biết ý nghĩa của từ “lửa” được in đậm trong hai câu văn sau: “Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa”.

Câu 3. Tại sao tác giả lại nói: “Biết ủ lửa để giữ nhân cách - người, nhân cách - Việt”?

Câu 4. Thông điệp có ý nghĩa nhất được rút ra từ đoạn văn bản trên là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên: Nghị luận

Câu 2: Từ “lửa” được nói đến trong câu văn mang ý nghĩa ẩn dụ, nó là: nhiệt huyết, đam mê, khát vọng, ý chí, niềm tin, là tình yêu thương mãnh liệt... ngọn lửa ấy được con người nuôi dưỡng trong tâm hồn và có thể lan truyền từ người này sang người khác.

Câu 3: “Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt” “Biết ủ lửa” tức là biết nhen nhóm, nuôi dưỡng lửa trong tâm hồn mình. Có ngọn lửa của đam mê, khát vọng mới dám sống hết mình, dám theo đuổi ước mơ hoài bão. Có ngọn lửa của ý chí, nghị lực sẽ có sức mạnh để vượt qua khó khăn trở ngại, đến được cái đích mà mình muốn. Có ngọn lửa của tình yêu thương sẽ sống nhân ái, nhân văn hơn, sẵn sàng hi sinh vì người khác. Ngọn lửa ấy giúp ta làm nên giá trị nhân cách con người.

Câu 4: HS có thể rút ra những thông điệp khác nhau từ đoạn văn bản trên và trình bày suy nghĩ thẩm thía của mình về thông điệp đó.

Ví dụ : không có lửa cuộc sống con người chỉ còn là sự tồn tại.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

"(...) Chúng ta hãy biết trân quý vẻ đẹp tâm hồn, bởi đó là yếu tố tiên quyết làm nên giá trị chân chính của một con người. Con người là tổng hòa của vẻ đẹp hình thức bên ngoài lẫn tâm hồn bên trong (...). Với tôi, vẻ đẹp đáng được nâng niu, trân trọng được ngưỡng mộ hơn hết vẫn là nét đẹp toát lên từ tâm hồn mỗi người.

Vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp tổng hòa của cảm xúc, nhận thức, lý trí và khát vọng của lòng nhân ái, bao dung, thấu hiểu và sẻ chia, của sự chân thành, hiểu biết, thái độ, cách suy nghĩ và sự lắng nghe trong cuộc sống. Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích. Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất.

(...) Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán. Vẻ đẹp hình thức của một con người cũng vậy. Dẫu đẹp, dẫu ấn tượng đến mấy rồi cũng sẽ dễ dàng bị xóa nhòa nếu người đó chỉ là một con người nhạt nhẽo, vô duyên, hay

ích kỷ, xấu xa... Nhưng vẻ đẹp tâm hồn thì khác. Nó luôn tạo nên được sức thu hút vô hình và mạnh mẽ nhất, là giá trị thực sự lâu bền của bản thân mỗi người. Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy. Và muốn có được vẻ đẹp tâm hồn, mỗi người cần phải trải qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng, học hỏi một cách thường xuyên (...)

(Nguyễn Đình Thi, Trích “Vẻ đẹp tâm hồn”, Nguồn:
<http://baolaocai.vn/baivietcu/20180518090329594-ve-dep-tam-hon>)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2: Chỉ ra quan hệ từ giữa hai câu văn sau: “Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất”.

Câu 3: Em hiểu như thế nào về nội dung của câu văn: “Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích”?

Câu 4: Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy”. Em có đồng tình với quan điểm này của tác giả không? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2: Quan hệ từ Tuy...nhưng, bởi vậy.

Câu 3: Học sinh có thể giải thích theo ý hiểu của mình, có lý giải

“Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích” là nhận định chính xác bởi khi có một tâm hồn đẹp con người không chỉ biết yêu thương mà còn biết sẻ chia có thái độ và cách suy nghĩ thấu đáo,... nhờ vậy lối sống trở thành sống đẹp, cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.

Câu 4: Học sinh trình bày quan điểm của mình, có lý giải.

Đồng tình Lý giải: Vẻ đẹp tâm hồn tạo nên sức hút vô cùng mạnh mẽ và bền vững. Nó chính là một trong yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp hình thức hoàn thiện nhất.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Tình yêu thương chân thật thường rất vị tha. Người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ nhiều đến hạnh phúc của người khác hơn là của bản thân mình. Tình yêu ấy làm cho chúng ta thay đổi bản thân và ngày một trưởng thành hơn. Tình yêu thương chân thành và sâu sắc bao giờ cũng trường tồn ngay cả sau khi người đó đã từ giã cõi đời. Tuy nhiên, yêu thương không được bày tỏ thì không bao giờ đạt được ý nghĩa đích thực của nó (..)

Hãy bày tỏ tình yêu thương với mọi người xung quanh ngay khi chúng ta còn hiện diện trong cuộc sống này. Hãy nhớ rằng tình yêu thương là ngọn lửa sưởi ấm cuộc đời của mỗi chúng ta. Bạn đừng ngần ngại khi muốn nói với ai đó rằng bạn rất yêu quý họ!

(Trích Cho đi là con mãi, Azim Jamal & Harvey McKinnon, NXB Trẻ, 2010, tr. 56-57)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ gì?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: “*Hãy nhớ rằng tình yêu thương là ngọn lửa sưởi ấm cuộc đời của mỗi chúng ta*”.

Câu 4. Em có đồng tình với nhận định của tác giả: Yêu thương không được bày tỏ thì không bao giờ đạt được ý nghĩa đích thực của nó? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2: Theo đoạn trích, người có tình yêu thương chân thật thường nghĩ nhiều đến hạnh phúc của người khác hơn là của bản thân mình.

Câu 3: Tình yêu là tình cảm sâu đậm thanh khiết nhất, tôn quý nhất, vĩ đại nhất trong tâm hồn, nó đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm tâm hồn, là ngọn lửa nâng cao tinh thần, nhân cách.... Ngọn lửa ấy sưởi ấm ta bằng sức nóng, nó giúp cuộc sống của chúng ta ngày một ý nghĩa hơn

Câu 4: Trình bày quan điểm của em, lý giải hợp lý.

- Đồng tình:

- Lý giải:

+ Tình yêu thương cần được bày tỏ để phát huy tác dụng của nó, tạo sự lan tỏa, động lực cho mọi người.

+ Khi bày tỏ tình yêu thương cả người cho và người nhận mới đều nhận được giá trị toàn diện nhất của nó.

4. Viết kết nối với đọc

Trên “con đường” đi tới tương lai của bản thân, “tấm bản đồ” có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).

Gợi ý làm bài

Trên “con đường” đi tới tương lai của bản thân, “tấm bản đồ” có vai trò xác định phương hướng, mục tiêu, tránh lầm đường lạc lối. “Tấm bản đồ” ở đây chính là cách chúng ta nhìn nhận cuộc sống, mà cuộc sống thì bao gồm người khác và bản thân mình. Nếu ta có một “tấm bản đồ” cho rằng cuộc sống là những lo âu, bấp bênh, nguy hiểm. Thái độ của chúng ta sẽ là sợ hãi, đề phòng. Nếu ta có một “tấm bản đồ” cho rằng cuộc sống này tuyệt đẹp, là một món quà đáng trân trọng, chúng ta sẽ có thái độ sống tích cực. Thường, con người sẽ cảm thấy hạnh phúc khi có những suy nghĩ, thái độ tích cực. Tuy nhiên, “tấm bản đồ” ở đây phải là tấm bản đồ do mỗi người tự tạo ra cho mình, nó là riêng, là duy nhất. Bởi, ta không sống cuộc đời của ai khác mà là của chính mình.

ÔN TẬP VĂN BẢN: HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC

(Huỳnh Như Phương)

I. Tác giả tác phẩm

1. Tiểu sử

- Huỳnh Như Phương (1955), quê ở Quảng Ngãi

2. Sự nghiệp

- Là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu phê bình văn học

- Phong cách: Không rộn ràng khái niệm, không rộn ràng thuật ngữ, giáo sư Huỳnh Như Phương chinh phục người đọc bằng những nhận định sắc bén nhưng điềm đạm với một kiểu văn phong mềm mại nhưng quả quyết.

- Tác phẩm chính: *Dẫn vào tác phẩm văn chương* (1986); *Trường phái Hình thức Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn học* (2008); *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019)...

c. Tóm tắt

Có một lần Thánh Au-gu-xtinh do nghe giọng nói thì thầm của một em bé: “Hãy cầm lấy mà đọc” mà được thúc đẩy đi sâu vào nghiên cứu triết học và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại. Vượt qua tính chất huyền bí của câu chuyện, lời mời gọi trân trọng người ta đọc một cuốn sách. Con người không ăn có thể chết nhưng người không đọc cũng có thể “chết” dần. Không phủ nhận vai trò của sách trong bối cảnh ngày càng tăng của các phương tiện hiện đại. Chữ nghĩa mang lại kiến thức, văn hóa cho con người, chứa đựng nhiều điều kì diệu của nhân loại. Nền giáo dục không khuyến khích con người đọc sách là nền giáo dục phiến diện. Lâu nay chúng ta thường nghe những báo động về sự sa sút văn hóa đọc. Sách sinh ra là dùng để đọc, không phải để trưng bày. Hãy cầm sách lên và đọc.

II. Tìm hiểu chi tiết văn bản

1. Giá trị của “hãy cầm lấy và đọc”

- Câu chuyện kết nối dẫn dắt vào vấn đề rất hay, độc đáo
 - Lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để lập luận để khẳng định vai trò của sách:
 - + Lời nói của thầy giáo khi trao sách cho trò
 - + Lời nói gần gũi của cha mẹ khi trao sách cho con cái
 - + Lời chia sẻ ý nghĩa của một người bạn muốn giới thiệu cuốn sách hay
 - + Sách giữ vai trò quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống
 - + Mang hồn của dân tộc, bản sắc văn hóa
 - + Chứa đựng những bí ẩn của thiên nhiên, vũ trụ, xã hội, con người ...
 - + Mang đến cho con người nhiều cung bậc cảm xúc
- *Thông điệp của tác giả qua tác phẩm rất hay, ý nghĩa.*

2. Thực trạng của việc đọc sách hiện nay

- Sự xuất hiện của In-tơ-nét và sách điện tử:
 - + Con người không chỉ nhìn chữ mà đọc
 - + Nhìn vào màn hình chiếu
 - Cách khắc phục của sự sa sút văn hóa đọc:
 - + Hai yếu tố sách và người đọc tác động qua lại lẫn nhau
 - + Người ham đọc và có sách hay để đọc
 - Cách kết thúc vấn đề hay, ý nghĩa:
 - + Sách sinh ra để mang đến tri thức cho con người
 - + Là sự kết tinh của tinh hoa văn hóa của nhân loại
 - + Tác giả kêu gọi mọi người nên đọc sách nhiều hơn
- *Hãy cầm sách lên và đọc chúng đừng để những cuốn sách trở thành “vật cổ”.*

3. Tổng kết

a. Về nội dung

Văn bản đề cập tới nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người và nêu giải pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hóa đọc.

b. Về nghệ thuật

- Cách lập luận sắc bén
- Đưa ra câu chuyện kết nối
- Đưa ra dẫn chứng thuyết phục

II. Luyện tập

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản Bản “Hãy cầm lấy và đọc” thuộc thể loại gì?

- A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Thuyết minh

Câu 2. Giá trị của “Hãy cầm lấy và đọc” là

- A. Lời chia sẻ ý nghĩa của một người bạn muốn giới thiệu cuốn sách hay
 B. Sách giữ vai trò quan trọng không thể thiếu trong cuộc sống
 C. Mang hồn của dân tộc, bản sắc văn hóa, Chứa đựng những bí ẩn của thiên nhiên, vũ trụ, xã hội, con người ...

D. Tất cả các nội dung trên

Câu 3. Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì?

- A. Bàn luận về vấn đề giáo dục của gia đình và nhà trường

B. Bàn luận về vai trò của việc đọc sách.

- C. Bàn về các món ăn truyền thống
 D. Bàn về vai trò và tác dụng to lớn của việc học.

Câu 4. Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản.

- A. Đọc là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần.
 B. Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.
 C. Đọc sách là đọc thế giới và đọc cả tâm hồn con người.

D. Các nội dung trên đều đúng

2. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. [...] Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn nhu cầu đó nữa, thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị: Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình.

Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong mỗi năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công cuộc lớn.

(Theo Nguyễn Ngọc, Một đề nghị, tạp chí Điện tử Tiasang.com.vn, ngày 19-7-2007)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2: Vì sao tác giả cho rằng: “Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa”?

Câu 3: Theo anh/ chị việc nhỏ và công cuộc lớn mà tác giả đề cập đến trong đoạn văn là gì?

Câu 4: Thông điệp mà tác giả gửi gắm qua đoạn trích?

Câu 5: Hãy viết một bài văn ngắn (Khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần đọc hiểu: “ Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ”.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2: Lí do vì không đọc sách thì đời sống tinh thần của con người sẽ nghèo đi, cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng.

Câu 3:

- Việc nhỏ là vận động đọc sách và gây dựng tủ sách trong mỗi gia đình, mỗi người có thể đọc từ vài chục dòng mỗi ngày đến một cuốn sách trong một năm.

- Công cuộc lớn: Đọc sách trở thành ý thức, thành nhu cầu của mỗi người, mỗi gia đình trong xã hội, phấn đấu đưa việc đọc sách trở thành văn hóa quốc gia, dân tộc.

Câu 4:

- Thông điệp: Từ việc khẳng định đọc sách là biểu hiện của con người có cuộc sống trí tuệ, không đọc sách sẽ có nhiều tác hại tác giả đã đưa ra lời đề nghị về phong trào đọc sách và nâng cao ý thức đọc sách ở mọi người.

Câu 5: “Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ”

a. Giải thích: Nhu cầu trí tuệ thường trực là nhu cầu thường xuyên, cần thiết để mở rộng tri thức và tầm hiểu biết...

b. Bàn luận những tác dụng to lớn của việc đọc sách:

- Văn hóa đọc gắn liền với chữ viết, qua quá trình đọc con người sẽ suy nghĩ, phân tích, tổng hợp, tư duy, biến tri thức thành của mình và trở thành vốn kiến thức để vận dụng vào cuộc sống.

- Đọc sách giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết về đời sống, xã hội, con người và nhận thức thức chính mình.” Sách mở rộng ra trước mắt ta những chân trời mới”.

- Việc đọc sách tác động mạnh mẽ tới tư tưởng, tình cảm và thái độ, góp phần hoàn thiện nhân cách và làm giàu đời sống tinh thần của con người. “ Mỗi cuốn sách nhỏ là một bậc thang đưa ta tách khỏi phần con để đến với thế giới Người”.....

- Phê phán thực trạng xuống cấp của văn hóa đọc trong thời đại ngày nay đặc biệt là đối với giới trẻ: Văn hóa đọc dần mai một không chỉ gây tổn thất cho việc truyền bá tri thức mà còn làm mất dần đi một nét đẹp có tính biểu hiện cao của văn hóa.

- Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến, rút ra bài học nhận thức, hành động: Những việc làm thiết thực của cá nhân và cộng đồng trong việc nâng cao, phổ biến văn hóa đọc.

c. Rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân

- Cần có phương pháp đọc để có thể hiểu được thông điệp mà tác giả muốn truyền tải qua cuốn sách.

- Dành ra thời gian mỗi ngày để đọc sách, vừa giúp chúng ta nâng cao hiểu biết và giúp thư giãn sau một ngày học tập và làm việc căng thẳng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Độc phần trích sau và trả lời các câu hỏi

....Mới đây các giáo sư tâm lí học ở Trường Đại học York và Toronto đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.

Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc.

Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành những đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

(Trích Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn- Dân trí)

Câu 1. Phần trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Câu 2. Trong phần trích trên, theo nghiên cứu của các giáo sư tâm lí học, việc đọc sách văn học có tác dụng gì với con người?

Câu 3. Em có nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam (đặc biệt là giới học sinh) trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay?

Câu 4. Hãy nêu chính xác tên một cuốn sách văn học, hoặc một tác phẩm văn học em đã được học, được đọc (có tên tác giả). Viết 5 đến 6 câu văn chia sẻ về tác dụng của cuốn sách (tác phẩm) đó đối với bản thân em?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt: Nghị luận

Câu 2. Việc đọc sách có tác dụng:

- + Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.
- + Những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ.
- + Những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hòa, thân thiện hơn, thậm chí trở thành những đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn

Câu 3. Nhận xét gì về văn hóa đọc sách của giới trẻ Việt Nam (đặc biệt là giới học sinh) trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay:

- + Giới trẻ hiện nay còn thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách, không dành thời gian để đọc sách.
- + Giới trẻ không mặn mà với các loại sách văn học , không quan tâm và không biết đến các tác phẩm văn học kinh điển nổi tiếng của Việt Nam và thế giới.
- + Một số học sinh đọc theo phong trào, chưa xác định được mục đích đúng đắn của việc đọc sách.
- + Đọc sách chưa có sự lựa chọn, một số còn lựa chọn “sách đen”(Sách tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy, sách có nội dung bạo lực ...) để đọc, tiêm nhiễm vào đầu óc những tư tưởng thiếu trong sáng, lành mạnh.
- + Nhiều người trẻ cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ovr thời đại công nghệ thông tin phát triển như vũ bão hiện nay lên mạng đọc nhanh và dễ hơn.

+ Xu hướng đọc theo cách “ *mì ăn liền*”, đọc nhanh , đọc ngắn và ít có thời gian suy ngẫm đang là trào lưu thịnh hành của giới trẻ.

+ Giới trẻ hiện nay hờ hững với văn hóa đọc vì điện thoại và Internet. Nói cách khác văn hóa đọc của giới trẻ hiện nay đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự bùng nổ thông tin, với sự xuất hiện của các loại hình đa phương tiện ...v.v..

Câu 4 * Các yêu cầu cụ thể:

- Nêu chính xác tên một cuốn sách văn học, hoặc một tác phẩm văn học em đã được học, được đọc (có tên tác giả).

- Viết đúng số lượng từ 5 đến 6 câu văn chia sẻ về tác dụng của cuốn sách (tác phẩm) đó đối với bản thân em.

Cần nêu các tác dụng cụ thể dựa trên các khía cạnh sau:

+ Tác dụng về việc cung cấp tri thức hiểu biết.

+ Bồi dưỡng tâm hồn, rèn giũa nhân cách, đạo đức.

+ Rèn luyện ngôn ngữ, giao tiếp, tư duy..

+ Nâng cao kỹ năng sống.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.

Sứ mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế để như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bùng nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời.

[...]

Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

*(Kazuko Watanabe, *Mình là năng việc của mình là chói chang*, Vũ Thùy Linh dịch, NXB Thế giới, 2018)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong câu văn: Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.

Câu 3. Nêu hàm ý của câu: Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

Câu 4. Em có đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa.” không? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.

Câu 2.

"Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa" bên vệ đường."

Phép tu từ được sử dụng trong câu văn: điệp từ "Có những...cũng có những...". Liệt kê những cuộc đời khác nhau của hoa.

Câu 3. Hàm ý của câu: Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu:

Dù ta không có ưu thế được như nhiều người khác, cho dù ta sống trong hoàn cảnh nào thì cũng hãy bung nở rực rỡ, phô hết ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời, hãy luôn nuôi dưỡng tâm hồn con người và làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

Câu 4. Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả: "Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa".

Vì:

Mỗi người là một đóa hoa tuyệt vời trên thế giới này, tựa như mỗi một món quà độc đáo. Mỗi người đều có năng lực và phẩm chất tốt đẹp riêng của mình để làm đẹp cho cuộc đời.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại. Chúng ta mong tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xoá bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giật lùi, làm kẻ lạc hậu...

(Bàn về đọc sách của Chu Quang Tiềm)

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Trong đoạn văn tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3: Xác định phép liên kết được sử dụng trong hai câu văn sau: *Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.*

Câu 4: Trình bày nội dung của đoạn văn trên?

Câu 5: Từ đoạn văn được trích dẫn ở trên, em có suy nghĩ gì về việc đọc sách của học sinh hiện nay? (Viết khoảng 10 câu).

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Nghị luận.

Câu 2. Trong đoạn văn tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận: phân tích.

Câu 3. Các phép liên kết được sử dụng trong hai câu văn là phép nối (từ nối "Bởi vì") và phép lặp từ ngữ (từ "học vấn").

Câu 4. Nội dung chính của đoạn văn: Bàn về mối quan hệ chặt chẽ giữa học vấn và việc đọc sách.

Câu 5. Có thể dựa trên cơ sở các ý chính sau để triển khai đoạn văn của riêng mình:

- Sách là một phương tiện dùng để ghi chép, lưu giữ và lưu truyền tri thức trong xã hội loài người. Sách đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tri thức. Mỗi quyển sách là một động lực phát triển văn minh xã hội.
- Ngày nay, do nền công nghệ thông tin phát triển mạnh, sách đã bị xem thường. Xu hướng toàn cầu hóa diễn ra ồ ạt, khiến cho học sinh ngày nay không chịu đọc sách. Một thực tế cần phải xác nhận là học sinh ngày nay không còn yêu mến sách nữa. Việc đọc sách của học sinh vì thế cũng rất hạn chế.
- Ngày nay, nhờ các thành tựu của nền khoa học kỹ thuật, các phương tiện truyền thông và thiết bị điện tử gần như đã thay thế vai trò của sách. Con người đã tiến hành ghi chép và lưu trữ tri thức vào các bộ nhớ điện tử.
- Học sinh Việt Nam ngày nay không có hứng thú đọc sách. Ngoài những quyển sách bắt buộc phải đọc học sinh ít quan tâm đến sách khác.
- Học sinh thường hay đọc các loại truyện tranh có nội dung nhảm nhí, vô bổ mà ít tìm đến các loại sách khoa học.
- Công nghệ điện tử số làm cho hình thức và phương thức đọc sách có nhiều thay đổi. Việc đọc sách ngày nay không nhất thiết là đọc trang sách in hay ngồi trong phòng. Học sinh có thể đọc trang sách điện tử bất cứ lúc nào và bất cứ đâu.
- Sự phát triển rầm rộ của các ngành công nghệ giải trí với những chương trình mới lạ, đặc sắc thu hút học sinh theo dõi. Từ đó học sinh lơ là việc đọc sách.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

... Nói tới sách là nói tới trí khôn của loài người, nó là kết tinh thành tựu văn minh mà hàng bao thế hệ tích lũy truyền lại cho mai sau. Sách đưa đến cho người đọc những hiểu biết mới mẻ về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về những đất nước và những dân tộc xa xôi.

Những quyển sách khoa học có thể giúp người đọc khám phá ra vũ trụ vô tận với những quy luật của nó, hiểu được trái đất tròn trên mình nó có bao nhiêu đất nước khác nhau với những thiên nhiên khác nhau. Những quyển sách xã hội lại giúp ta hiểu biết về đời sống con người trên các phần đất khác nhau đó với những đặc điểm về kinh tế, lịch sử, văn hoá, những truyền thống, những khát vọng.

Sách, đặc biệt là những cuốn sách văn học giúp ta hiểu biết về đời sống bên trong tâm hồn của con người, qua các thời kì khác nhau, những niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ, những khát vọng và đấu tranh của họ. Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình, hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này, hiểu mỗi người có mối quan hệ như thế nào với người khác, với tất cả mọi người trong cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại này. Sách giúp cho người đọc hiểu được đâu là hạnh phúc, đâu là nỗi khổ của con người và phải làm gì để sống cho đúng và đi tới một cuộc đời thật sự.

Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng. Ta đồng ý với lời nhận xét mà cũng là một lời khuyên bảo chí lí của M. Gorki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”. Vì thế, mỗi chúng ta hãy đọc sách, cố gắng đọc sách càng nhiều càng tốt.

(Bàn về việc đọc sách - Chu Quang Tiềm)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong trích đoạn trên.

Câu 2. Đoạn trích tập trung vào vấn đề chủ yếu nào?

Câu 3. Vì sao tác giả bài viết lại cho rằng: “Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình”?

Câu 4. Thông điệp nào từ đoạn văn có ý nghĩa quan trọng nhất với anh/chị?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức nghị luận.

Câu 2. Đoạn văn tập trung bàn về tác dụng của sách và việc đọc sách.

Câu 3. Tác giả cho rằng: “Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình”, vì:

- Sách giúp con người tự nhận thức về mình: hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này, hiểu mỗi người có mối quan hệ như thế nào với người khác, với tất cả mọi người trong cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại này.
- Sách giúp con người nhận thức về cuộc sống con người: Sách giúp cho người đọc hiểu được đâu là hạnh phúc, đâu là nỗi khổ của con người, phải làm gì để sống cho đúng và đi tới một cuộc đời thật sự.

Câu 4. Có thể chọn một trong những câu quan trọng trong đoạn như:

- Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng.
- “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống”.
- “Mỗi chúng ta hãy đọc sách, cố gắng đọc sách càng nhiều càng tốt”.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

“Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần. “Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngâm kỹ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách. ... Đọc ít mà đọc kỹ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm mất hoa, ý loạn, tay không mà về.”

(Bàn về đọc sách của Chu Quang Tiềm)

Câu 1. Ở phần trích trên, tác giả đã đưa ra lời khuyên gì về việc đọc sách?

Câu 2. Trong câu văn “Đọc ít mà đọc kỹ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm mất hoa, ý loạn, tay không mà về”, tác giả đã sử dụng phép tu từ gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng phép tu từ ấy trong đoạn trích.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của một nét nghệ thuật đặc sắc trong câu văn sau: “Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần”.

Câu 4. Vì sao tác giả cho rằng: “Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ”

Câu 5. Đọc sách là một con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Em hãy trình bày suy nghĩ (Khoảng 1 trang giấy thi) về vấn đề đọc sách trong hoàn cảnh thế giới công

Gợi ý trả lời

Câu 1. Lời khuyên của tác giả: Chọn sách mà đọc và đọc cho kĩ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm.

Câu 2. Trong câu văn đó, tác giả sử dụng phép tu từ so sánh và ẩn dụ (*đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tay châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm mắt hoa, ý loạn, tay không mà về*).

Hiệu quả nghệ thuật: Diễn tả một cách hình ảnh và sinh động hệ quả của việc đọc nhiều mà không nghĩ sâu thì dù sách có hay, có bổ ích thì cũng chẳng thu nhận được điều gì giá trị. Từ đó người đọc nhận thức được không nên đọc qua loa, đại khái.

Câu 3. Trong câu: “*Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần*” sử dụng biện pháp so sánh nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đọc sách cho kĩ để tiếp thu được hết những tinh hoa chứa đựng trong một quyển sách.

Câu 4. “Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ” vì:

- Nếu không chọn cho tinh dễ bị chạy theo số lượng, đọc mà không hiểu được bao nhiêu; đồng thời lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách “vô thưởng vô phạt”.
- Đọc ít mà đọc kĩ thì sẽ tập thành “nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy...” học vấn mới được nâng cao.

Câu 5. Yêu cầu nội dung: Các ý cơ bản:

* **Tầm quan trọng của đọc sách:** Dù xã hội có phát triển đến đâu thì đọc sách vẫn giữ vai trò quan trọng. Đọc sách là con đường quan trọng tiếp nhận, chiếm lĩnh tri thức của nhân loại sách bồi dưỡng tâm hồn hướng con người đến những điều tốt đẹp...

* **Trong hoàn cảnh công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay:**

- Không ít người tỏ ra thờ ơ với việc đọc sách các thư viện vắng người, cửa hàng sách ế ẩm nhiều quyển sách có giá trị nhưng chỉ phát hành với số lượng ít ỏi.
- Thay vì đọc sách, người ta tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng hoặc qua các thiết bị nghe nhìn hiện đại: Ti vi, đài, điện thoại thông minh có kết nối internet... so với việc đọc sách báo, các phương tiện nghe nhìn ấy có những lợi thế hơn và phù hợp, thuận tiện hơn với nhịp sống hiện đại.

* **Hệ quả của việc ít đọc sách:**

- Mất đi cơ hội được tiếp cận và chiếm lĩnh kho tàng tri thức đồ sộ, phong phú của nhân loại kiến thức bị hạn chế. Mạng Internet có khối lượng thông tin lớn, nội dung phong phú, nhanh và cập nhật nhưng khi đọc xong, thông tin đọng lại trong người đọc không được bao nhiêu. Người đọc không thể “gặm nhấm”, “nhâm nhi” từng câu văn cũng như linh hồn mà tác giả gửi gắm vào đó giống như đọc sách truyền thống.
- Mất đi cơ hội để bồi dưỡng, nâng cao đời sống tâm hồn...

Hiện nay, KHCN phát triển, sách mềm, sách điện tử đã ra đời song không nhiều, nội dung chưa phong phú. Vì vậy, việc đọc sách mềm và sách điện tử không thể thay thế cho việc đọc sách giấy.

* **Giải pháp:**

- Xã hội cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giới thiệu sách.

- Thư viện trường học cần bổ sung đầu sách với nội dung đa dạng, phong phú, hấp dẫn, phù hợp với nhu cầu, sở thích của học sinh.
- Cá nhân cần tạo thói quen đọc sách hàng ngày chọn sách hay, phù hợp với mục đích, nhu cầu đọc kỹ, suy ngẫm để tạo thành kiến thức, nếp nghĩ cho bản thân.
- Người đọc cần phải biết kết hợp hài hòa giữa văn hóa đọc truyền thống và văn hóa đọc hiện đại để đạt được hiệu quả cao nhất.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

LÁ THƯ CHO ĐỜI SAU

Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc chắn cả. Vì vậy, hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết.

Cuộc sống luôn ẩn chứa những bài học mà chúng ta cần nắm bắt để trau dồi và hoàn thiện mình hơn. Bức tranh đẹp nhất luôn là tác phẩm mà chưa người họa sĩ nào hoàn thành. Vì vậy, hãy cứ mạnh dạn vẽ nên bức tranh ấy. Kỷ lục thể thao vĩ đại nhất là kỷ lục chưa được tạo lập, do đó, hãy biết ước mơ làm nên những việc lớn. Hãy sống mỗi ngày như thế đó, đó là ngày cuối cùng ta được sống trên thế gian này. Khi từ giã cõi đời, con người ta thường không hối tiếc về những điều mà mình làm, mà lại tiếc nuối về những điều chưa làm được. Hãy sống sao cho khi mất đi, ta có thể mỉm cười mãn nguyện.

Cuối cùng, tôi phải thú nhận rằng tôi chẳng hiểu mấy về những cấu trúc nguyên tử hình thành nên vật chất và con người. Điều tôi biết, chỉ đơn giản, kết quả của sự kết hợp tế bào, nhiễm sắc thể, gen di truyền... phức tạp ấy từng là con người rất khác nhau. Và rằng, sự có mặt của mỗi người chúng ta trên thế giới này đều có một ý nghĩa nhất định nào đó. Một khi thời gian sống của ta không còn nữa, chẳng ai khác có thể lấp được khoảng trống mỗi chúng ta để lại phía sau mình.

Xuất phát của chúng ta về mặt sinh học có thể giống nhau, nhưng mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình. Đó sẽ là điều gì thì tùy vào chính bạn.

(Trích “Hạt giống tâm hồn”, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr.140,141)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Tìm trong đoạn trích lí do tác giả khuyên: “hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết”?

Câu 3. Nội dung của đoạn trích trên là?

Câu 4. Xác định trạng ngữ trong câu: “*Khi từ giã cõi đời, con người ta thường không hối tiếc về những điều mà mình làm, mà lại tiếc nuối về những điều chưa làm được.*” được dùng để chỉ gì trong các đáp án sau?

Câu 5. Em có đồng ý với ý kiến “*mỗi người có quyền và khả năng riêng để tạo sự khác biệt độc đáo cho mình*” không? Vì sao? (Vận dụng)

Câu 6. Qua văn bản trên em hãy rút ra cho mình bài học trong cuộc sống.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là Nghị luận

Câu 2. Lí do tác giả khuyên: “hãy không ngừng tìm kiếm và học hỏi về những điều mình chưa biết” là vì: Tri thức là vô hạn nên chẳng ai có thể biết được tất cả một cách toàn diện và chắc

chấn cả.

Câu 3. Nội dung của đoạn trích trên là: Ý thức chia sẻ, giúp đỡ mọi người.

Câu 4. Trạng ngữ là : “*Khi từ giã cõi đời,*” chỉ phương tiện

Câu 5. Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.

Lí giải phù hợp. Có thể HS diễn đạt theo ý sau:

-Vì sao em đồng ý? (vì mỗi người là một cá thể riêng biệt, có sở thích, khả năng riêng, có quyền tạo dựng phong cách riêng của mình, miễn nó không đi ngược chuẩn mực xã hội...)

-Vì sao em không đồng ý?(vì mỗi cá nhân là một tế bào của xã hội, nếu chúng ta quá khác biệt so với cái chung sẽ dễ bị tách ra khỏi tập thể....vv)

Câu 6. Học sinh nêu được cụ thể bài học rút ra từ văn bản. Ví dụ:

-Nên nâng cao ý thức học hỏi xung quanh, có ước mơ, phấn đấu để đạt được mơ ước, biết cách thể hiện bản thân...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

SÁCH KỂ CHUYỆN ... HAY SÁCH CA HÁT

.....(1) Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách, sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gũi biết bao. (2) Là một thằng bé con bị công việc ngà độn làm cho kiệt sức, luôn luôn phải hìng lấy những lời chửi mắng đả đôn, tôi trịnh trọng hứa với mình là lớn lên, tôi sẽ giúp mọi người, hết lòng phục vụ họ.

(3) Như những con chim kỳ diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người tảo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. (4) Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái (5). Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý đến vô số chuyện bực bội trong cuộc sống.

(6) Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát về cuộc sống ấy...

(M.Gorki, Dẫn theo Tạ Đức Hiền, Tập làm văn THPT, Nxb Giáo dục, 1998)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt cho đoạn trích trên ?

Câu 2: Dựa vào văn bản, em hãy chỉ ra 02 tác dụng của việc đọc sách.

Câu 3: Xác định và nêu tác dụng của phép liên kết trong 02 câu sau:

(3) Như những con chim kỳ diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người tảo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. (4) Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái.

Câu 4: Em có đồng tình với ý kiến “Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên,

tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người” không? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Văn bản trên thuộc kiểu văn bản thuyết minh.

Câu 2: Dựa vào văn bản có thể chỉ ra 2 tác dụng của việc đọc sách đó là:

- Sách kể những câu chuyện hay về con người, khiến con người trở nên gần gũi với nhau hơn.
- Sách ca ngợi, mang lại cái nhìn tích cực về một cuộc sống đa dạng, phong phú, lành mạnh tươi đẹp, giúp ta quên đi những căng thẳng, bức bối trong cuộc sống.

Câu 3:

Câu 4 : Học sinh tự trả lời lí giải thuyết phục

ÔN TẬP VĂN BẢN: NÓI VỚI CON

(Y Phương)

I. Kiến thức trọng tâm

1. Tác giả:

-Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Y Phương ra nhập ngũ năm 1968, phục vụ trong quân đội đến năm 1981, chuyển công tác về Sở văn hoá Thông tin Cao Bằng. Từ năm 1993, ông được bầu là Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng. Thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy hình ảnh của con người miền núi.

2.Tác phẩm:

- Bài thơ “Nói với con” rất tiêu biểu cho hồn thơ Y Phương: yêu quê hương, làng bản, tự hào và gắn bó với dân tộc mình.
- Mượn lời nói với con, nhà thơ gọi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người, gọi về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương mình.

- Bố cục:

+ Phần 1: (Từ đầu đến “ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời”): Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.

+ Phần 2: (Phần còn lại): Lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.

=> Với bố cục này, bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống. Bài thơ đã vượt ra khỏi phạm vi gia đình để mang một ý nghĩa khái quát: Nói với con nhưng cũng là để nói với mọi người về một tư thế, một cách sống.

3. Gợi ý phân tích bài thơ:

a. Mở đầu bài thơ, bằng những lời tâm tình với con, Y Phương đã gọi về **cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người**.

- **Cội nguồn của hạnh phúc con người chính là gia đình và quê hương** - cái nôi êm đềm từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.

- Ngay từ bốn câu thơ đầu tiên người cha đã gợi ra một hình ảnh đầm ấm của gia đình qua cách nói thật lạ:

*Chân phải/ bước tới cha
Chân trái/ bước tới mẹ
Một bước / chạm tiếng nói
Hai bước / tới tiếng cười.*

Nhịp thơ 2/ 3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được lấy lại, tạo ra một âm điệu tươi vui, quấn quýt: *chân phải - chân trái*, rồi *một bước - hai bước*, rồi lại *“tiếng nói - tiếng cười”*.... Ta rất dễ hình dung một hình ảnh cụ thể thường gặp trong đời sống: đứa con đang tập đi, cha mẹ vây quanh mừng vui, hân hoan theo mỗi bước chân con. Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chú, nâng niu, đón nhận. Cả ngôi nhà như rung lên trong “tiếng nói, tiếng cười” củ cha, của mẹ. Tuy nhiên, đằng sau lời nói cụ thể đó, tác giả muốn khái quát một điều lớn hơn: con sinh ra trong hạnh phúc (cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới. Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời) và lớn lên bằng tình yêu thương, trong sự nâng đỡ, vỗ về, mong chờ của cha mẹ. Những hình ảnh ấm êm với cha và mẹ, những âm thanh sống động, vui tươi với tiếng nói tiếng cười là những biểu hiện của một không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt, hạnh phúc tràn đầy. Hình ảnh ấm lòng này muôn thuở vẫn là khát vọng hạnh phúc của con người. Đó sẽ là hành trang quý báu đối với cuộc đời, tâm hồn con.

- Bên cạnh tình cảm gia đình thấm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.

+ Ở khổ thơ tiếp theo này, tác giả đã sử dụng những cách nói, những hình ảnh của người miền núi - nơi sinh dưỡng của chính mình - để nói những điều chân thực về quê hương rừng núi:

*“Người đồng mình yêu lắm con ơi!
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát.”*

- Y Phương có cách gọi rất độc đáo về những con người quê hương: “người đồng mình”, một cách gọi rất gần gũi và thân thương. Cách gọi ấy gắn liền với lời đối thoại tha thiết “con ơi”.

- Người cha đã có cách lí giải rất cụ thể của người dân tộc khiến người con có thể hiểu được: Người đồng mình đáng yêu như thế nào. Họ sống rất đẹp. Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của “người đồng mình” - người bản mình- người buôn làng mình được gợi lên qua các hình ảnh đẹp, đậm sắc màu dân tộc. Tài liệu của Nhung tây Họ làm một cách nghệ thuật từ cá dụng cụ lao động để bắt cá thường ngày : “đan lờ cài nan hoa”. Trong căn nhà của họ, lúc nào cũng vang lên tiếng hát: “vách nhà ken câu hát”. Những động từ “đan, ken, cài” rất gợi cảm bên cạnh giúp cho người đọc hình dung được những công việc cụ thể của con người trên quê hương còn gợi ra tính chất gắn bó, hoà quyện, quấn quýt của con người và của quê hương, xứ sở. Tài liệu của Nhung tây

- Cuộc sống lao động ấy, sinh hoạt gia đình đầy niềm vui ấy được đặt trong cả một quê hương giàu đẹp, nghĩa tình. Quê hương của “người đồng mình” với hình ảnh rừng, một hình ảnh gắn liền với cảnh quan miền núi:

“Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng”.

Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh “gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi”, những bí mật của rừng thiêng..... Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất. Hoa trong “Nói với con” có thể là hoa thực - như một đặc điểm của rừng - và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mỹ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương với con. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “con đường cho những tấm lòng”. Điệp từ “cho” mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn cũng như lối sống của con người. . Tài liệu của nhung tây => Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình” Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

b. Lòng tự hào về vẻ đẹp của “người đồng mình” và mong ước của người cha.

- Người đồng mình không chỉ “yêu lắm” với những hình ảnh đẹp đẽ, giản dị gợi nhắc cội nguồn sinh dưỡng tâm hồn, tình cảm, lối sống cho con người mà còn với những đức tính cao đẹp, đáng tự hào. Trong cái ngọt ngào kỉ niệm gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất cao đẹp của con người quê hương.

+ Tổ hợp từ “người đồng mình” được lặp lại ba lần đã gây ấn tượng không phai mờ về con người quê hương. Lời gọi con thật tha thiết, lời nhắn nhủ thật chân thành: “*Người đồng mình thương lắm con ơi!*”

Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “thương lắm con ơi”, đó là tình cảm yêu thương, yêu thương một cách xót xa. Người cha đã lần lượt ngợi ca những phẩm chất dễ thương của “người đồng mình” với cách nói vừa rất cụ thể của người dân miền núi: “*Cao đo nỗi buồn. Xa nuôi chí lớn*” vừa mang sức khái quát. Lấy sự từng trǎ (buồn) để đo chiều cao, lấy chí lớn để đánh giá độ xa.

+ Những hình ảnh cụ thể của thiên nhiên như : “sông, suối, thác, ghềnh” đã được người cha dùng với tính chất biểu trưng cho khó khăn, gian khổ và sức mạnh vượt khó khăn gian khổ của những con người của quê hương. . Tài liệu của nhung tây

+ Người đồng mình không sợ gian khổ, nghèo đói. Sự chấp nhận gian khổ ấy thể hiện trong điệp ngữ “*không chê*”, “*không lo*” và cách nói tha thiết: “*vẫn muốn*”. Và ông đã tự ví “người đồng mình” mạnh mẽ, hồn nhiên như sông như suối qua các hình ảnh cụ thể “*đá, thung, những thác những ghềnh ...*”, dù có lên thác, xuống ghềnh vẫn không nhụt chí khí. Cặp từ trái nghĩa “*lên, xuống*” đã làm mạnh thêm sự diễn đạt này. Dù quê hương vất vả, nhọc nhằn, dù “người đồng mình” có thể có nỗi đau buồn rất lớn nhưng những người con của quê hương không bao giờ quay lưng lại với nơi mình đã từng chôn rau, cắt rốn, cha mẹ đã từng cấy xới

vun trồng. Và phải chăng chính cuộc sống nhọc nhằn đầy nỗi khổ đau ấy lại khiến cho “chí lớn” thêm lên, thêm mãnh liệt? Tài liệu của Nhung Tây

- Gửi trong những lời tự hào không dấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thủy chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương.

- Phẩm chất của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong nhưng rất đúng với người miền núi:

“ Người đồng mình thô sơ da thịt.

Chẳng mấy ai nhỏ bé được đâu con”

+ Đó là những con người sống giản dị mà mạnh mẽ, hồn nhiên mà mộc mạc. Người miền núi tuy có thể mộc mạc, thô sơ da thịt, có thể không biết nói khéo, không biết nói hay... nhưng ý nghĩ của họ, phẩm chất của họ thì thật là cao đẹp. Chính cái hồn nhiên mộc mạc ấy lại chứa đựng sức sống mạnh mẽ của dân tộc ; giàu chí khí, niềm tin, không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí và đặc biệt là khát vọng xây dựng quê hương. Ý chí và mong ước ấy được cô đúc trong hai câu thơ vừa có hình ảnh cụ thể lại vừa hàm chứa ý nghĩa sâu sắc:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục.

+ Việc “ đục đá” là khó, là đòi hỏi nghị lực, nhưng người quê hương ta đã làm, vẫn làm để làm rạng rỡ quê hương. Chính những đức tính tốt đẹp cùng với sự lao động cần cù, nhẫn nại hàng ngày đã tạo nên sức mạnh để làm nên quê hương với truyền thống với phong tục tập quán tốt đẹp. Người cha đã tâm sự với con về tất cả những gì tốt đẹp nhất của người quê hương, nơi con đang sinh sống, cái nôi đang nuôi con khôn lớn, trưởng thành. Tài liệu của Nhung Tây

* Nói với con là lời thủ thỉ tâm tình của người cha với con về quê hương, 1 quê hương nhọc nhằn vất vả đã nuôi dưỡng chí lớn cho những đứa con. Quê hương với sức sống giản dị mà mãnh liệt, hồn nhiên mà mạnh mẽ. Tất cả được thể hiện qua thể thơ tự do với những từ ngữ, hình ảnh mộc mạc, cụ thể nhưng lại có sức khái quát sâu sắc. Gửi trong những lời tự hào không dấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thủy chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương. Face book Nhung Tây 0974862058

- Không chỉ gửi mong ước của mình đầy tự hào, kết thúc bài thơ, người cha còn bộc lộ trực tiếp niềm mong ước này trong lời thủ thỉ dặn dò con thiết tha, chân tình, trìu mến trong tiếng gọi “con ơi!” và lời nhắn nhủ “nghe con”. Song cái điều người cha nói với con thì thật là ngắn gọn, hàm súc mà sâu sắc, đồng thời lại có chút nghiêm nghị của mệnh lệnh trái tim:

“Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

- Câu thơ ngắn lại như khắc sâu, có câu chỉ có hai tiếng. Điều mà người cha muốn khuyên con qua cách nhắc lại một phẩm chất của người đồng mình đã nêu ở trên: nghĩa là phải sống cho cao đẹp. Trong những lời thơ cuối cùng ấy, người cha dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên

đường đời, tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của “người đồng mình”. Con sống được như thế chính là con phát huy được truyền thống tốt đẹp của cha ông, của quê hương yêu dấu.

II. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Cách gọi “Người đồng mình” trong bài thơ Nói với con dùng để chỉ:

- A. Những người ở cùng một làng.
- B. Những người ở cùng xã.
- C. Những người ở cùng nhà.

D. Những người sống cùng miền đất, quê hương.

Câu 2: Câu thơ "Người đồng mình thương lắm con ơi" (Nói với con - Y Phương) có sử dụng thành phần biệt lập nào?

- A. Thành phần gọi - đáp.
- B. thành phần tình thái.
- C. Thành phần cảm thán.
- D. Thành phần phụ chú.

Câu 3: Dòng nào không nói đúng nghệ thuật của bài thơ “Nói với con” (Y Phương) ?

A. Sử dụng rất nhiều từ mượn và từ láy tượng hình

- B. Sử dụng nhiều hình ảnh cụ thể giàu chất thơ
- C. Có giọng điệu thiết tha , tình cảm
- D. Có bố cục chặt chẽ , hợp lí , dẫn dắt một cách tự nhiên

Câu 4: Bài thơ “Nói với con” của Y Phương đã giúp em hiểu về điều gì ?

- A. Vẻ đẹp của rừng núi
- B. Sức sống của người miền núi
- C. Tâm hồn của người miền núi
- D. Sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của người miền núi**

Câu 5: Nhận xét nào đúng về nhà thơ Y Phương?

- A. Thơ của ông mang âm hưởng dân ca Nam Bộ.
- B. Đó là một hồn thơ thiết tha yêu mến cuộc sống nhưng cũng đầy đau đớn, giằng xé.
- C. Có phong cách triết lí và đậm chất suy tưởng.

D. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

Câu 6: Bài thơ Nói với con được làm theo thể thơ gì?

- A. Năm chữ
- B. Lục bát
- C. Tám chữ
- D. Tự do**

Câu 7: Dòng nào dưới đây nêu đúng những đức tính tốt đẹp của người đồng mình?

- A. Cần cù, chịu khó, anh dũng, bất khuất
- B. Bền bỉ, nhẫn nại, chịu đựng, hi sinh
- C. Hồn nhiên, mộc mạc, nghĩa tình, giàu chí khí**
- D. Thẳng thắn, trung thực, bền bỉ, dẻo dai

Câu 8: Bài thơ “Nói với con” của Y Phương , gợi nhắc chúng ta điều gì ?

- A. Phải biết ơn cha mẹ
- B. Phải biết ơn những người đã giúp đỡ mình
- C. Phải biết giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình
- D. Phải có tình cảm gắn bó với truyền thống , với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống**

Câu 9: Từ “nhỏ bé” trong câu thơ “Người đồng mình thô sơ da thịt- Chẳng có ai nhỏ bé đâu con” được dùng theo nghĩa nào?

- A. Nghĩa ẩn dụ
- B. Nghĩa thực
- C. Nghĩa so sánh
- D. Nghĩa cụ thể

Câu 10: Cụm từ "lên thác xuống ghềnh" là:

- A. Tục ngữ B. Quán ngữ C. Ca dao **D. Thành ngữ**

Câu 11: Hai câu thơ sau thể hiện điều gì?

"Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát"

A. Tình yêu thương của cha mẹ với con cái.

B. Cuộc sống lao động cần cù và vui tươi của con người quê hương.

C. Tinh thần đoàn kết của "người đồng mình" trong cuộc sống.

D. Cuộc sống gắn liền với thiên nhiên của "người đồng mình".

Câu 12: Bài thơ "Nói với con" có giọng điệu như thế nào?

A. Sôi nổi, mạnh mẽ

B. Ca ngợi, hùng hồn

C. Tâm tình tha thiết

D. Trầm buồn, suy tư

2. Dạng Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn.
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.*

(Trích *Nói với con*, Y Phương - SGK Ngữ văn 9, tập II-NXBGDVN -2016- trang 12).

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích trên. « *Người đồng mình* » được nhà thơ nói đến là những ai?

Câu 2. Qua đoạn trích, em thấy cuộc sống của người đồng mình hiện lên như thế nào?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau:

*Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc*

Câu 4. Xác định thành ngữ trong đoạn thơ trên. Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào?

Câu 5. Suy nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn của người đồng mình được thể hiện qua đoạn trích trên. Trình bày trong một đoạn văn khoảng 6-8 câu.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Thể thơ của đoạn trích trên: Thơ tự do

- "Người đồng mình" là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.

Câu 2: Qua đoạn trích trên em thấy "người đồng mình" là những con người miền quê, tình cảm chân thành mà sâu sắc, họ không hề sợ hãi hay nhụt chí trước những khó khăn của quê hương còn đói nghèo đang đeo bám nhưng họ vẫn cố gắng vươn lên trong cuộc sống. Họ

không ngại khó, ngại khổ, sống với cái nghèo nhưng không chê quê hương nghèo khó => sức sống mạnh mẽ, mãnh liệt của con người nơi đây đồng thời muốn khen ngợi tinh thần, bản lĩnh của những con người quê hương mình.

Họ luôn là những con người bằng xương thịt “thô sơ da thịt” thật giản dị, chân thật nhưng không bao giờ nhỏ bé, với quyết tâm đó người đồng mình mong muốn xây dựng quê hương giàu mạnh hơn. Niềm tự hào cùng với sự cần cù, chăm chỉ sẽ giúp họ thành công.

Câu 3: Hai biện pháp tu từ:

- So sánh: *Sống như sông như suối*

Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sông trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Tương phản: *Lên... xuống...*

Phép tương phản nhấn mạnh nỗi khó nhọc trong cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc của người đồng mình.

Câu 4 : Thành ngữ có trong đoạn thơ trên là “Lên thác xuống ghềnh”, nhấn mạnh nỗi vất vả, khó nhọc trong cuộc sống làm ăn của “người đồng mình”.

Câu 5:

a. Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước

- Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: “Người đồng mình thương lắm con ơi! / Cao đo nỗi buồn / Xa nuôi chí lớn”.

- Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

+ Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn

“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh / Sống trong thung không chê thung nghèo đói / Sống như sông như suối / Lên thác xuống ghềnh / Không lo cực nhọc”

- “Đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói” => Gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc => Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ => Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc kĩ đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

“Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

*Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng*
(Nói với con - Y Phương)

Câu 1. Trong đoạn thơ trên, người cha đã nói với con về điều gì?

Câu 2. Cách miêu tả bước chân con “chạm tiếng nói”, “tới tiếng cười” có gì đặc biệt?

Câu 3. Theo em “Người đồng mình” được nói đến trong đoạn thơ trên là ai? Cách gọi “người đồng mình” của Y Phương có gì sâu sắc?

Câu 4. Hai câu thơ “*Đan lờ cài nan hoa – Vách nhà ken câu hát*” sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 5. Trong câu thơ: *Rừng cho hoa*

Con đường cho những tấm lòng

các từ “rừng, hoa, con đường” được hiểu theo những nghĩa nào?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Người cha đã nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương.

Câu 2. Cách miêu tả bước chân con đặc biệt như sau:

- Tác giả đã dùng hình ảnh cụ thể, chuyển đổi cảm giác giàu chất thơ kết hợp với nét độc đáo trong tư duy, cách diễn đạt của người miền núi để nói khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười.

- Làm cho câu thơ có nhịp điệu, hình ảnh độc đáo.

Câu 3. “Người đồng mình” được nói đến trong đoạn thơ là những người cùng làng, cùng bản, cùng nơi sinh sống. Cách gọi độc đáo đó đã thể hiện tình cảm cộng đồng gần gũi, ấm áp.

Câu 4. Hai câu thơ sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ. Tác dụng: làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho lời thơ. Cụ thể:

- Câu thơ “*Đan lờ cài nan hoa*”: gợi vẻ đẹp của người đồng mình trong công việc. Họ không chỉ cần cù, chăm chỉ lao động mà còn tài hoa, khéo léo, như gửi cả tâm hồn vào những việc làm, những sản phẩm trong cuộc sống hàng ngày của họ.

- Câu thơ “*Vách nhà ken câu hát*”: gợi tả cuộc sống lao động của người đồng mình luôn tràn ngập niềm vui, niềm hạnh phúc.

Câu 5. Các từ: rừng, hoa, con đường có thể được hiểu theo 2 nghĩa:

- Nghĩa thực: chỉ sự vật cụ thể

- Nghĩa ẩn dụ: chỉ quê hương

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.”

(Y Phương, *Nói với con*, Ngữ văn 9, NXB Giáo dục năm 2013)

Câu 1. Tìm thành phần gọi- đáp trong những dòng thơ trên ?

Câu 2. Theo em, việc dùng từ phủ định trong dòng thơ “*không bao giờ nhỏ bé được*”, nhằm khẳng định điều gì?

Câu 3: Người cha muốn khuyên con điều gì qua 4 câu thơ cuối ?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Thành phần gọi- đáp là “Con ơi”

Câu 2. Việc dùng từ phủ định trong dòng thơ “ không bao giờ nhỏ bé được” nhằm khẳng định:

- Khi lớn lên, bước vào cuộc sống, người con không bao giờ được nhụt chí, nản lòng trước những khó khăn, thách thức, vất vả và phải có bản lĩnh, nghị lực vượt qua mọi khó khăn đó
- Người con phải tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương để tiếp nối, phát huy và luôn tự tin bước vào cuộc đời.

Câu 3: Bốn câu cuối ngắn lại như khắc sâu, có câu chỉ có hai tiếng. Điều mà người cha muốn khuyên con qua cách nhắc lại một phẩm chất của người đồng mình đã nêu ở trên: nghĩa là phải sống cho cao đẹp. Trong những lời thơ cuối cùng ấy, người cha dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên đường đời, tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của “người đồng mình”. Con sống được như thế chính là con phát huy được truyền thống tốt đẹp của cha ông, của quê hương yêu dấu.

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc kĩ phần trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con
Lúc đau buồn và khi sóng gió
Giữa giông tố cuộc đời
Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*

*Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên
Mẹ dành hết tuổi xuân vì con
Mẹ dành những chăm lo tháng ngày
Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

*Mẹ là ánh sáng của đời con
Là vầng trăng khi con lạc lối
Dẫu đi trọn cả một kiếp người
Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru...*

(Trích lời bài hát Con nợ mẹ, Nguyễn Văn Chung)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt ?

Câu 2: Chỉ ra các từ láy có trong phần trích ?

Câu 3: Trong khổ thơ thứ hai xuất hiện biện pháp tu từ gì ?

Câu 4: Các từ *vì, và, để* trong phần trích thuộc từ loại gì ?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

Câu 2. Từ láy: vỗ về, nhẹ nhàng.

Câu 3. Biện pháp tu từ: Điệp ngữ (*Mẹ dành*).

Câu 4. Các từ *và, vì, để* là: Quan hệ từ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các yêu cầu bên dưới

*Cha lại dắt con đi trên cát mịn,
Ánh nắng chảy đầy vai
Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời
Con lại trở cánh buồm xa hỏi khẽ:
“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,
Để con đi!”*

(Trích Những cánh buồm - Hoàng Trung Thông)

Câu 1. Em hãy giải thích nghĩa của từ đi trong câu thơ “Để con đi”. Từ “đi” được dung với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Câu 2. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ:

*Cha lại dắt con đi trên cát mịn,
Ánh nắng chảy đầy vai*

Câu 3. Em cảm nhận được gì trong lời nói ngây thơ của người con nói với người cha trong đoạn thơ:

*Con lại trở cánh buồm xa hỏi khẽ:
“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,
Để con đi!”*

Câu 4. Truyện dân gian gồm những thể loại nào? Nêu tên những truyện mà em biết để minh họa cho những thể loại đó?

GỢI Ý TRẢ LỜI:

Câu 1.-đi (Để con đi...) Chỉ hoạt động của người đến một nơi khác, hoặc tiến đến một mục đích, một kết quả nào đó...không kể bằng cách gì, phương tiện gì.

-Dùng theo **nghĩa chuyển**

Câu 2- Biện pháp tu từ sử dụng trong đoạn thơ:

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Ánh nắng **chảy** đầy vai.

- Tác dụng:

+ Gợi tả sinh động hình ảnh ánh nắng hiện hữu như một thứ chất lỏng thành dòng, thành giọt chảy tràn xuống cảnh vật, con người. Giúp người đọc hình dung cảnh hai cha con dắt nhau đi trên bãi biển vào một buổi sáng đẹp trời với ánh nắng mềm mại, dịu dàng và tràn ngập khắp nơi làm sáng đẹp lên hình ảnh của họ.

+ Cảm nhận tình cảm cha con ấm áp và niềm vui sướng của người con đi dạo bên cha.

+ Thấy được sự quan sát, cảm nhận tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu quê hương đất nước với những cánh buồm tuổi thơ của tác giả.

Câu 3: Lời nói ngây thơ của người con với cha trong đoạn thơ:

*“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,
Để con đi ...”*

- Cảm nhận được:

+ Một ước mơ rất trong sáng, đẹp đẽ đáng trân trọng và ngợi ca.

+ Ước mơ đó gắn liền với cánh buồm trắng, với khát vọng đi xa đến những nơi chưa biết, đến những chân trời mới.

+ Đó là ước mơ của một tâm hồn trẻ thơ, ham hiểu biết muốn khám phá, chinh phục những bí ẩn của thế giới.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Hai cha con bước đi trên cát
Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh
Bóng cha dài lênh khênh
Bóng con tròn chắc nịch,*

*Sau trận mưa đêm rả rích
Cát càng mịn, biển càng trong
Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng
Nghe con bước, lòng vui phơi phới.*

(Trích “Những cánh buồm”, Hoàng Trung Thông)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2: Chỉ ra các hình ảnh trong đoạn thơ trên.

Câu 3: Các hình ảnh ấy có tác dụng như thế nào?

Câu 4: Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ láy có trong đoạn thơ.

Câu 5: Từ “*nghe*” trong dòng thơ “*Nghe con bước lòng vui phơi phới*” có thể thay thế bằng từ khác được không? Hãy chỉ ra sự tinh tế của nhà thơ trong việc sử dụng từ “*nghe*”.

Câu 6: Hình ảnh cha và con trong đoạn thơ khơi gợi trong em những suy nghĩ, cảm xúc gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên: Biểu cảm

Câu 2:

+ Hình ảnh thiên nhiên với sắc màu, hình ảnh, ánh sáng...: *Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh, cát càng mịn, biển càng trong, trận mưa đêm rả rích, ánh mai hồng.*

+ Hình ảnh con người: *Bóng cha dài lênh khênh - Bóng con tròn chắc nịch,*.

Câu 3:

- Các hình ảnh thơ mở ra trước mắt người đọc một không gian trong trẻo, vô tận của đại dương. Có màu bình minh tinh khôi rực rỡ, hòa cùng màu xanh của nước biển. Không gian ấy gợi lên cái xốn xang, bồi hồi, vui vẻ cho lòng người.

- Hình ảnh cha và con nắm tay dạo trên bờ biển, đắm mình trong không gian trong lành, tươi vui của thiên nhiên đủ để gợi đến hạnh phúc đơn sơ, giản dị.

Câu 4:

- Các từ láy: *rực rỡ, lênh khênh, rả rích, phơi phới.*

- Tác dụng:

+ Góp phần miêu tả không gian thiên nhiên đẹp đẽ, thoáng đạt sau đêm mưa cùng niềm vui của người cha khi cùng con dạo bước trên bờ biển.

+ Làm cho cách diễn đạt sinh động, gợi cảm.

- *Rực rỡ*: dùng để chỉ vẻ đẹp của ánh mặt trời. Mặt trời sớm mai chiếu ánh sáng lấp lánh, vàng rực lên biển xanh. Vẻ đẹp ấy tượng trưng cho tương lai tươi sáng, rộng mở của con.

- *Lênh khênh*: từ láy tượng hình dùng để diễn tả cái bóng cao lớn của cha, qua đó nói lên vai trò che chở, bảo vệ và nâng đỡ để con trưởng thành.

- *Rả rích*: từ láy tượng thanh dùng để tả trận mưa đêm, mưa nhiều, không ngớt

- *Phơi phới*: chỉ sự hứng khởi, đón chờ, mong đợi; có tác dụng nhấn mạnh niềm vui trào dâng trong lòng người cha khi thấy con tiếp bước mình thực hiện ước mơ.

Câu 5:

- Có thể kết hợp từ “*nhìn*” với *con bước lòng vui phơi phới*.
- Tuy nhiên, nhà thơ sử dụng từ *nghe* với dụng ý thể hiện tình cảm gắn bó máu thịt giữa cha và con. Hành động của cha không phải là một hoạt động vật lý của giác quan. Cha đã “nghe con bước” bằng trái tim đầy yêu thương.

Câu 6:

- Hình ảnh bóng cha cao lớn, bóng con thấp tròn chắc nịch gợi liên tưởng đến sự từng trải trong cuộc đời của cha, tương phản với sự thơ ngây, trong trẻo của con.
 - Hình ảnh “Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng” thể hiện tình yêu con rất riêng của người cha. Hình ảnh đó cũng thể hiện niềm tin tưởng của người cha vào tương lai ngời sáng của con. Có cha dìu dắt, con nhất định sẽ vững bước và trưởng thành. Cha dắt con đi hay chính quá khứ dìu bước cho hiện tại, lớp trước nâng bước cho lớp sau.
- => Đoạn thơ gợi tình cảm cha con thiêng liêng, niềm tin tưởng vào sự tiếp nối của thế hệ sau với thế hệ trước.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Cánh cò công nắng qua sông
Chở luôn nước mắt cay nồng của cha
Cha là một dải ngân hà
Con là giọt nước sinh ra từ nguồn.
Quê nghèo mưa nắng trào tuôn
Câu thơ cha dệt từ muôn thặng trầm
Thương con cha ráng sức ngâm
Khổ đau hạnh phúc nảy mầm thành hoa.
Lúa xanh xanh mướt đồng xa
Dáng quê hòa với dáng cha hao gầy
Cánh diều con lướt trời mây
Chở câu lục bát hao gầy tình cha.
(Lục bát về cha, Thích Nhuận Hạnh)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của khổ thơ trên?

Câu 2: Nội dung chính của bài thơ là gì ?

Câu 3. Thông điệp mà bài thơ gửi gắm đến bạn đọc là gì?

Câu 4: Em hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh có trong hai câu thơ sau:

Cha là một dải ngân hà.

Con là giọt nước sinh ra từ nguồn

(Trình bày bằng một đoạn văn từ 3– 5 câu)

Câu 5: Nêu suy nghĩ của em về vai trò của người cha trong gia đình. (Trình bày bằng một đoạn văn từ 5– 7 câu)

Gợi ý trả lời

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của khổ thơ trên là Biểu cảm

Câu 2: Nội dung chính của bài thơ là:

- Ca ngợi tình yêu thương và đức hi sinh, dành tất cả vì con của cha.

Câu 3. Bài thơ thể hiện niềm xúc động, sự thấu hiểu, yêu kính, biết ơn cha sâu nặng. Đó cũng là truyện thống đạo lí của dân tộc Việt Nam về đạo làm con đối với đấng sinh thành. Ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng cao quý, đáng trân trọng.

Câu 4. Biện pháp tu từ so sánh:

So sánh: Cha là một dải ngân hà

Con là giọt nước sinh ra từ nguồn

Tác dụng: Dải ngân hà rất rộng lớn và bao la. Giọt nước đối với dải ngân hà ngoài kia thì vô cùng nhỏ bé. Nhưng giọt nước cũng phải sinh ra từ nguồn. Con là giọt nước nhỏ bé mà tinh khiết được sinh ra từ nguồn cội sáng đẹp là cha. So sánh như vậy để khẳng định công lao to lớn, sự vất vả hi sinh của người cha. Qua đó cũng thể hiện tình yêu và sự biết ơn của con đối với người cha kính yêu của mình. Niềm tự hào, hạnh phúc vì là con của cha.

Câu 5. Cha là trụ cột gánh vác mọi trọng trách của gia đình (Làm những việc nặng nhọc, lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống gia đình)

Cha là chỗ dựa vững chắc lớn lao về mặt tinh thần (cứng cỏi, tâm hồn cao thượng..)

Cùng với mẹ, cha tạo ra mái ấm hạnh phúc mang đến sự hoà thuận trong gia đình

Con cần phải yêu kính, hiếu thuận với cha mẹ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Đọc bài thơ Cái cầu của nhà thơ Phạm Tiến Duật và trả lời các câu hỏi:

*Cha gửi cho con chiếc ảnh cái cầu
Cha vừa bắc xong qua dòng sông sâu;
Xe lửa sắp qua, thư cha nói thế,
Con cho mẹ xem - cho xem hơi lâu.
Những cái cầu ơi, yêu sao yêu ghé,
Nhện qua chum nước bắc cầu tơ nhỏ,
Con sáo sang sông bắc cầu ngọn gió,
Con kiến qua ngòi bắc cầu lá tre.
Yêu cái cầu vòng khi trời nổi gió
Bắc giữa trời cao, vệt xanh vệt đỏ,
Dưới gầm cầu vòng nhà máy mới xây
Trời sắp mưa khói trắng hơn mây.
Yêu cái cầu tre bắc qua sông máng
Mùa gặt con đi đón mẹ bên cầu;
Lúc hợp tác từng đoàn nặng gánh
Qua cầu tre, vàng cả dòng sâu
Yêu cái cầu treo lối sang bà ngoại
Như vồng trên sông ru người qua lại,
Dưới cầu nhiều thuyền chờ đá chờ vôi;
Thuyền buồm đi ngược, thuyền thoi đi xuôi
Yêu hơn, cả cái cầu ao mẹ thường đãi đỗ
Là cái cầu này ảnh chụp xa xa;*

Mẹ bảo: cầu Hàm Rồng sông Mỏ

Con cứ gọi cái cầu của cha.

(Phạm Tiến Duật, Văng vẳng quầng lửa - Thứ NX8 Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 5 - 6)

Câu 1. Bài thơ kể về một câu chuyện. Đó là câu chuyện gì và người kể là ai?

Câu 2. Từ “cái cầu của cha” bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác. Hãy liệt kê và nêu hình dung của em về những cây cầu đó.

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng để biểu đạt tình cảm của bạn nhỏ dành cho những cây cầu? Em hãy chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 4. Theo em, bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu nào? Vì sao?

Câu 5. Tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu thể hiện điều gì?

Câu 6. Hình ảnh người cha và người mẹ xuất hiện trong bài thơ gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Đọc bài thơ, ta như được nghe một câu chuyện. Người kể xưng "con", kể cho mẹ nghe chuyện về những cây cầu sau khi nhận “thư cha” kèm theo bức ảnh chụp cây cầu mà người cha mới xây xong. Cây cầu của cha gợi lên trong người con hình ảnh về những cây cầu gắn với bao kỉ niệm đẹp đẽ, thân thương.

Câu 2. Từ "cái cầu của cha", bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác như.

- Cầu tơ nhỏ con nhện bắc để qua chum nước.
- Cầu ngọn gió con sáo bắc để sang sông.
- Cầu lá tre con kiến bắc để qua ngòi.
- Cầu vòng bắc ngang trời khi trời nổi gió.
- Cái cầu tre bắc qua sông máng.
- Cái cầu treo lối sang bà ngoại.
- Cái cầu ào mẹ thường đãi đỗ.

Những cây cầu nối đôi bờ xa cách, giúp những con người, những miền quê gắn gũi nhau hơn. Những cây cầu cũng tô điểm thêm cho vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Với bạn nhỏ, những cây cầu nhỏ bé cũng là nơi ghi dấu bao kỉ niệm thân thương về gia đình, người thân.

Câu 3. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ, lặp đi lặp lại từ yêu (6 lần). Biện pháp tu từ này đã nhấn mạnh tình yêu tha thiết của bạn nhỏ dành cho những cây cầu.

Câu 4. Trong lời kể của bạn nhỏ, cây cầu nào cũng có vẻ độc đáo, đáng yêu riêng. Nhưng bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu trong bức ảnh của cha, là "cái cầu của cha". Đối với mẹ, đó là cầu Hàm Rồng bắc qua sông Mã - cây cầu đóng vai trò và cũng quan trọng: chi viện cho miền Nam kháng chiến, Chiếc cầu là chứng nhân của biết bao chiến công anh hùng của quân và dân tỉnh Thanh Hoá nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung trong những năm tháng chiến tranh. Đối với bạn nhỏ thì đó là cây cầu của cha, do chính cha bắc cho xe lửa chạy qua sông sâu. Điều đó khiến cây cầu vốn xa lạ trở nên gần gũi và thân thương. Nói tình yêu quê hương, đất nước bắt nguồn từ tình yêu đối với những điều bình dị nhất là vì vậy.

Câu 5. Hình ảnh những cây cầu giản dị thân thương, mộc mạc, chân chất gợi nhắc những kỉ niệm chứa đựng tình cảm của bạn nhỏ đối với cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước. Vì vậy,

tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu cũng thể hiện tình yêu, niềm tự hào về cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước.

Câu 6. - Hình ảnh người cha xuất hiện trong bài thơ là một người đi xây cầu, góp phần xây dựng Tổ quốc. Vì tính chất công việc, vì tính thần trách nhiệm với công cuộc kiến thiết đất nước, người cha thường xuyên phải xa nhà, Nhưng ông luôn dành tình cảm cho gia đình. Mỗi lần hoàn thành công việc, người cha không quên chia sẻ niềm vui, niềm tự hào với những người thân trong gia đình qua những bức ảnh, những lá thư.

- Người mẹ là một nông dân, sống ở nông thôn, nhiệt tình tham gia lao động sản xuất, chẳng quản các công việc đồng áng nặng nhọc của hợp tác xã. Đó cũng là một người mẹ giàu tình yêu thương, luôn chăm lo cho gia đình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

DẶN CON

*Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn.*

*Nhà mình sát đường, họ đến
Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào.*

*Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán.*

*Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vẫn xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...*

(Trần Nhuận Minh)

Câu 1: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ?

Câu 2: Cho biết thái độ của người cha trong bài thơ qua cách nói với con: *Con không được, con không bao giờ được, con phải?*

Câu 3: Tìm ít nhất 03 từ Hán Việt được sử dụng trong bài thơ? Vì sao tác giả lại dùng từ “hành khất” mà không dùng từ “người ăn mày” trong câu thơ đầu?

Câu 4: Theo em người cha muốn dặn con điều gì?

Gợi ý đáp án

Câu 1:

- Thể thơ: sáu chữ
- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2:

- Qua cách nói với con: *Con không được, con không bao giờ được, con phải*, thể hiện thái độ nghiêm khắc của người cha với con, mong muốn con mình thấu hiểu và sống đúng với đạo lí làm người.

Câu 3:

- Từ Hán Việt: *Hành khất, nhân gian, thiên hạ*.
- Tác giả lại dùng từ “*hành khất*” mà không dùng từ “*người ăn mày*” vì:
+ “*Hành khất*”, “*ăn mày*”: đều chỉ người kém may mắn trong cuộc sống, phải đi lang thang xin ăn.
+ Từ “*Hành khất*” là một từ Hán Việt thể hiện thái độ tôn trọng của tác giả đối với những người không may cơ nhỡ trong cuộc sống.

Câu 4:

- Người cha muốn nói với con: Cần tôn trọng, đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người không may mắn trong cuộc sống.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 10

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Bao nhiêu khổ nhọc cam go
Đời cha chở nặng chuyển đồ gian nan!
Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi
Cha như biển rộng mây trời
Bao la nghĩa nặng đời đời con mang!
(Ngày của cha - Phan Thanh Tùng)*

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên ?

Câu 2: Trong câu thơ “*Cha như biển rộng mây trời*” tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào? Biện pháp đó có tác dụng gì?

Câu 3: Hai câu thơ sau thể hiện tình cảm gì của người cha?

*“Nhưng chưa một tiếng thở than
Mong cho con khỏe, con ngoan vui rồi”*

Câu 4: Em hãy cho biết thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn thơ trên?

Câu 5: Trình bày ngắn gọn suy nghĩ của em về vai trò của người cha trong gia đình?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là Biểu cảm

Câu 2: Trong câu thơ “*Cha như biển rộng mây trời*” tác giả sử dụng biện pháp so sánh. Tác dụng: Làm nổi bật công lao của người cha

Câu 3: Hai câu thơ sau thể hiện sự hi sinh của người cha dành cho con.

Câu 4:

- Hãy biết trân trọng những hi sinh, những yêu thương của cha dành cho con,...

Câu 5:

- Học Sinh bộc lộ tự do suy nghĩ của bản thân về vai trò của người cha, có thể diễn đạt theo các ý sau:

- Cha là trụ cột trong gia đình, là chỗ dựa vững chắc cho mọi thành viên

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 11

SANG NĂM CÒN LÊN BẢY

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

*Sang năm con lên bảy
Cha đưa con đến trường
Giờ con đang lon ton
Khắp sân vườn chạy nhảy
Chỉ mình con nghe thấy
Tiếng muôn loài với con
Mai rồi con lớn khôn
Chim không còn biết nói
Gió chỉ còn là cây
Đại bàng chẳng về đây
Đậu trên cành khế nữa
Chuyện ngày xưa, ngày xưa
Chỉ là chuyện ngày xưa.
Đi qua thời ấu thơ
Bao điều bay đi mất
Chỉ còn trong đời thật
Tiếng người nói với con
Hạnh phúc khó khăn hơn
Mọi điều con đã thấy
Nhưng là con giành lấy
Từ hai bàn tay con.*

(Vũ Đình Minh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên ?

Câu 2. Trong hai câu thơ: “Đi qua thời ấu thơ/ Bao điều bay đi mất”, theo em “bao điều bay đi mất” mà nhà thơ nói với con là gì ?

Câu 3. Qua đoạn thơ, người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ già thời thơ ấu?

Câu 4. Lời của người cha tâm sự với con trong bài thơ được thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh như thế nào ?

Câu 5. Nêu nội dung chính của bài thơ.

Câu 6. Từ nội dung của bài thơ, em hãy viết 5-7 câu nêu suy nghĩ của em về vai trò của tình cảm gia đình đối với mỗi con người.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên là: Biểu cảm

Câu 2. Trong hai câu thơ: “Đi qua thời ấu thơ/ Bao điều bay đi mất”, theo em “bao điều bay đi mất” mà nhà thơ nói với con là:

- Sự vô tư, ngây thơ, trong sáng, hồn nhiên và cả những giận hờn, những đòi hỏi vô lí của tuổi thơ.

Câu 3. Qua đoạn thơ, người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ già thời thơ ấu - Con sẽ bước vào đời thực có nhiều thử thách nhưng cũng rất đáng tự hào và con phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình.

Câu 4. Lời của người cha tâm sự với con trong bài thơ được thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh: Ngôn ngữ thơ mộc mạc, bình dị, gần gũi hình ảnh trong sáng, phù hợp với tâm hồn trẻ thơ.

Câu 5. Nội dung bài thơ

Bài thơ là khúc tâm tình người cha muốn nhắn nhủ với con: Khi con lớn 7 tuổi, con sẽ đi học, những truyện cổ tích và thế giới trẻ thơ sẽ nhường bước cho một thế giới mới, nhiều khó khăn nhưng cũng thú vị mà con sẽ khám phá, con phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ của chính mình

Câu 6. Gia đình có vai trò quan trọng trong cuộc đời mỗi con người, là điểm tựa tinh thần giúp con người yêu đời, lạc quan, tiếp thêm sức mạnh giúp chúng ta có động lực vươn lên trong cuộc sống...

- Gia đình là cái nôi cơ sở nền tảng bồi dưỡng để hình thành nên nhân cách con người.

- Xã hội phát triển thì có rất nhiều mối quan hệ nhưng không có mối quan hệ nào đáng giá bằng tình cảm gia đình, nó luôn chiếm vị trí cao trong đời sống tinh thần của con người.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 12

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

*Không có gì tự đến đâu con
Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa
Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa
Mùa bội thu trái một nắng hai sương.
Không có gì tự đến, dầu bình thường
Phải bằng cả đôi tay và nghị lực.
Như con chim suốt ngày chọn hạt
Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kỳ.
(Không có gì tự đến đâu con - Nguyễn Đăng Tấn)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.

Câu 2. Bài thơ là lời nhắn nhủ của ai nói với ai?

Câu 3. Trong câu thơ “Mùa bội thu trái một nắng hai sương”. Thành ngữ “ Một nắng hai sương” có ý nghĩa gì?

Câu 4. Em hiểu như thế nào về câu thơ: Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa?

Câu 5. Ý nghĩa của cách kết thúc bài thơ: Nhớ nghe con!

Câu 6. Em có cảm nhận gì về nỗi lòng của cha mẹ được gửi gắm qua đoạn thơ?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ Biểu cảm

Câu 2. Bài thơ là lời nhắn nhủ của: Cha mẹ dành cho con cái

Câu 3. Trong câu thơ “Mùa bội thu trái một nắng hai sương”. Thành ngữ “ Một nắng hai sương” có ý nghĩa: Sự lao động vất vả, dãi nắng dầm sương của người làm nghề nông.

Câu 4. Câu thơ: Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa được hiểu là:

Muốn có được quả ngon, ngọt thì cần phải trải qua những ngày tháng vất vả, chăm sóc cây mới có được thành quả. Muốn có quả ngọt, thành công, chúng ta cần có sự kiên trì, bền bỉ, quyết tâm để thực hiện lý tưởng, mục tiêu của mình.

Câu 5. Hình thức: Câu thơ chỉ có ba tiếng ngắt ngọn, kết thúc bằng dấu chấm than thể hiện ý nghĩa cầu khiến.

Ý nghĩa: Câu thơ ngắn gọn, khác biệt, tạo ấn tượng và sự chú ý của người đọc

Là kết tinh những lời răn dạy về những điều tốt đẹp của cha mẹ bằng kinh nghiệm sống và tất cả tình yêu thương dành cho con, mong con khắc ghi và trưởng thành.

Câu 6. - Trình bày bằng một đoạn văn (có độ dài khoảng 5-7 câu)

- Có thể trình bày một số điều sau:

Qua những lời thơ nhẹ nhàng như một bài hát du dương, gợn chạm vào tâm hồn người đọc để qua đó cũng là những lời răn dạy con, nhẹ nhàng và sâu lắng của cha mẹ.

+ Cha mẹ khuyên con hãy rèn luyện đức tính kiên trì, bền bỉ, mạnh mẽ, quyết tâm, nghị lực... trong hành trình trưởng thành của mình. Có trải qua gian lao, khổ cực, thử thách mới có được thành công, cuộc sống sẽ mỉm cười với con, cho con “ quả ngọt” nếu con chịu khó tôi luyện, vun trồng, chăm sóc.

+ Chính con là người tạo nên thành quả chứ thành quả không tự đến với con.

+ Bất cứ điều gì cũng cần thời gian, cần những sự cố gắng vun đắp nên từng chút một, thành công không đến trong phút chốc hay tự nhiên mà có được.

+ Lời khuyên, lời nhắn nhủ của cha mẹ chân thành, đúng đắn đã định hướng cho con những phẩm chất tốt đẹp. Qua đó ta thấy được tình yêu thương, lòng bao dung, ân cần, sự quan tâm của cha mẹ đối với con cái.

4. Dạng viết ngắn

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ LIÊN KẾT, THUẬT NGỮ

I. LÝ THUYẾT

1. Biện pháp liên kết và từ liên kết

a. Khái niệm liên kết

- Văn bản không phải là một phép cộng đơn thuần của các câu. Giữa các câu trong văn bản có những sợi dây liên hệ chặt chẽ. Những sợi dây liên hệ đó kéo dài từ câu nọ sang câu kia tạo nên một mạng lưới dày đặc, trong đó mỗi câu riêng biệt gắn bó chặt chẽ với những câu còn lại. Mạng lưới các mối liên hệ giữa các câu trong một văn bản như thế gọi là tính liên kết của nó.

- Liên kết là quan hệ giữa hai yếu tố ngôn ngữ mà muốn hiểu nghĩa cụ thể của yếu tố này thì phải tham khảo nghĩa của yếu tố kia, và trên cơ sở đó hai câu chứa chúng liên kết được với nhau.

Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về mặt nội dung (phục vụ chủ đề chung của văn bản hay đoạn văn - liên kết chủ đề) và hình thức (phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lý - liên kết lô-gíc).

II. Một số biện pháp liên kết chủ yếu

Các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chủ yếu sau:

1. Phép lặp từ ngữ: Là việc lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước.

Ví dụ:

Tiếng hát của các em lan trên các cánh đồng bay theo gió. Tiếng hát trong như những giọt sương trên bờ cỏ.

(Nguyễn Thị Ngọc Tú, Buổi sáng)

- **Phép đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng:** là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.

Ví dụ: Phép đồng nghĩa:

Nó (ngôn ngữ) là cái “cây vàng” trong câu thơ của Gót; câu mà Lê-nin rất thích, và tôi cũng rất thích. Nhà thơ lớn của nhân dân Đức đã viết: “Mọi lí thuyết, bạn ơi, là màu xám. Nhưng cây vàng của cuộc sống mãi mãi xanh tươi

(Phạm Văn Đồng, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt).

Ví dụ: Phép trái nghĩa:

Con chó của anh chưa phải nhịn bữa nào. Nhưng xác người chết đói ngập phố phường.

(Nam Cao, Đôi mắt)

Ví dụ: Phép liên tưởng:

Mưa vẫn ồ ạt như vỡ bờ đập. Anh chớp loé lên soi rõ khuôn mặt anh trong một giây.

(Nguyễn Kiên, Anh Keng)

Người ta không dắt Nghiêu về đơn vị mà dẫn anh đến trạm xá y sĩ Hoàng xem xét vết thương kĩ lưỡng.

(Nguyễn Trung Thành, Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc)

2. Phép thế: Là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.

Ví dụ:

+ Chín giờ có chuyên tàu ở Hà Nội đi qua huyện. Đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

(Thạch Lam, Hai đứa trẻ)

+ Nước ta là một nước văn hiến – Ai cũng bảo thế.

(Nguyễn Công Hoan, Công dụng của cái miện)

3. Phép nối: Là việc sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.

Ví dụ:

+ Hai mẹ Bọ Muồm cứ vừa đánh, vừa kêu, làm cho họ nhà Bọ Muồm ở gần đấy nghe tiếng.

Thế là, cả một bọn Muồm lóc nhóc chạy ra,

(Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí)

+ Cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi, cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi.

(Hồ Chí Minh, Đạo đức cách mạng)

2. Khái niệm thuật ngữ

a. Khái niệm: Thuật ngữ được đề cập khá rõ ràng, cụ thể ở trong sách giáo khoa ngữ văn 9 đó là: các từ vựng biểu thị các khái niệm trong một số lĩnh vực như khoa học, công nghệ. Thuật ngữ đặc thù riêng và không thể thiếu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Ví dụ:

- Các định nghĩa về Lực là gì, thế nào là trọng lực, Lực ma sát... là các khái niệm trong Vật Lý

- Các khái niệm trong địa lý như: Xâm thực, Dân số, Cơ cấu...

b. Đặc điểm của thuật ngữ

- Thuật ngữ ít được sử dụng, chúng cũng không có tính phổ biến.
- Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị cho 1 khái niệm và mỗi khái niệm chỉ diễn tả cho 1 thuật ngữ.
- Các thuật ngữ không bị thay đổi ở các ngôn ngữ khác nhau, có nghĩa là thuật ngữ mang tính quốc tế.
- Không như các từ khác, thuật ngữ không mang sắc thái biểu cảm.

Xây dựng thuật ngữ thế nào?

Các thuật ngữ đều có những quy tắc riêng đảm bảo sự chính xác, duy nhất trong các ngành nghề khoa học, công nghệ.

- Tính chính xác: 1 thuật ngữ sẽ biểu thị cho 1 khái niệm duy nhất, vì vậy sẽ không có sự đồng âm, nhiều nghĩa.
- Tính quốc tế: các thuật ngữ có thể sử dụng ở bất kì đâu trên thế giới, đơn giản vì thuật ngữ có tính quốc tế.
- Tính hệ thống:
 - + Nội dung: 1 thuật ngữ tương ứng với 1 khái niệm, chúng còn có quan hệ với thuật ngữ khác.
 - + Hình thức: Phải có kết cấu hoàn chỉnh (ví dụ từ loại một nghĩa, dấu câu chuẩn)

Các lưu ý:

- Mặc dù mang ý nghĩa đặc biệt và tính khoa học, nhưng nó vẫn nằm trong hệ thống ngôn ngữ chung, vì vậy có vốn từ vựng chung và có thể chuyển hóa qua lại với các lớp nghĩa khác.
- Thường thì thuật ngữ chỉ dùng trong các ngành đặc thù nhưng vẫn có những thuật ngữ được sử dụng rộng rãi, phổ biến. Và cũng có những từ ngữ đang dùng trong cuộc sống hàng ngày trở thành thuật ngữ.

Ví dụ:

- + Com-pu-ter hay internet là những thuật ngữ trong ngành công nghệ thông tin nhưng lại được sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày.
- + Các từ thông thường trong ngôn ngữ hàng ngày như nước, muối, không khí lại được đưa vào như một thuật ngữ trong ngành hóa học.
- Không phải một thuật ngữ chỉ dùng cho một lĩnh vực, mà còn có thể dùng cho nhiều ngành khác nhau. Thậm chí là có thể mượn thuật ngữ của một ngành khác để biểu thị một định nghĩa mới.

Ví dụ: Vi-rút là thuật ngữ dùng trong ngành sinh học chỉ một dạng cá thể sống gây bệnh. Ngoài ra nó còn được dùng trong tin học chỉ những chương trình hay mã đoạn lây nhiễm từ ổ, file...

- Thuật ngữ yêu cầu tính chính xác phải tuyệt đối cao nên cần lưu ý khi sử dụng, phải nắm được khái niệm trong từng lĩnh vực cụ thể, tránh gây nhầm lẫn, khó hiểu.

Các ví dụ về thuật ngữ

Học sinh có thể tìm thêm nhiều hơn các ví dụ về thuật ngữ trong sách giáo khoa, sách tham khảo. Một vài ví dụ như sau:

Hoán dụ được định nghĩa là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác, giữa chúng có mối quan hệ hoặc có điểm tương đồng với nhau với mục đích giúp cho sự biểu đạt, diễn tả cảm xúc tốt hơn.

=> Hoán dụ là thuật ngữ trong môn Ngữ Văn.

Axit là các hợp chất hóa học có thể hòa tan trong nước, axit có đặc trưng bởi vị chua, viết công thức tổng quát là HxA .

=> Axit thuật ngữ môn Hóa học.

Số thực bao gồm tập hợp các số vô tỉ với tập hợp số hữu tỉ.

=> Số thực là thuật ngữ môn toán học.

Xentimet là đơn vị đo khoảng cách thường dùng, 1 xentimet bằng 1/100 mét.

Xentimet là thuật ngữ toán học.

II. LUYỆN TẬP

Bài 1: Tìm các thuật ngữ và sắp xếp vào các lĩnh vực cụ thể:

- Lĩnh vực văn học: Cốt truyện, từ láy, từ cảm thán, hoán dụ...
- Lĩnh vực sinh học: di truyền, biến dị, đột biến gen...
- Lĩnh vực địa lý: Dân số, Xâm thực, bức xạ mặt trời...
- Lĩnh vực Toán học: phương trình, góc phân giác, tam giác đều...
- Lĩnh vực Vật lý: Am-pe kế, lực Ác-si-mét, Tốc độ, Gia tốc...

Bài 2: Tìm một số thuật ngữ mô phỏng thuật ngữ nước ngoài hoặc mượn nguyên thuật ngữ nước ngoài

- Thuật ngữ mô phỏng nước ngoài:

+ Sofeware: phần mềm => trong lĩnh vực tin học

+ Sufixe: Hậu tố => trong lĩnh vực Ngữ Văn

+ Ultrasound: Siêu âm => trong lĩnh vực y học

- Thuật ngữ mượn nguyên nước ngoài: calci, sulfure (trong hóa học); Calxium, axit amin (trong sinh học)...

Bài 3. Vận dụng kiến thức đã học ở các môn Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí, Toán học, Sinh học, Vật lý, Hóa học để tìm thuật ngữ thích hợp vào mỗi chỗ trống. Cho biết mỗi thuật ngữ vừa tìm được thuộc thuật ngữ khoa học nào?

Gợi ý trả lời

- Lực: tác dụng đẩy kéo của vật này lên vật khác
- Xâm thực: quá trình phá hủy lớp đất đá phủ trên mặt đất do các tác nhân như gió, sóng biển, băng hà, nước chảy...
- Hiện tượng hóa học: hiện tượng sinh ra chất mới
- Di chỉ: dấu vết người xưa đã cư trú và sinh sống
- Thu phấn: hiện tượng hạt tiếp xúc với nhị hoa
- Lưu lượng: lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một điểm nào đó, trong một giây đồng hồ
- Trọng lực: lực hút của trái đất
- Khí áp: sức nén của khí quyển lên bề mặt trái đất
- Thị tộc phụ hệ: dòng họ trong đó người đàn ông có quyền hơn người phụ nữ
- Đường trung trực: đường thẳng vuông góc với đoạn thẳng tại điểm giữa đoạn ấy

Bài 4. Căn cứ vào cách xác định của sinh học, hãy định nghĩa thuật ngữ cá. Có gì khác nhau giữa nghĩa của thuật ngữ này với nghĩa của từ cá theo cách hiểu thông thường của người Việt.

- Cá: là những động vật có dây sống, phần lớn là ngoại nhiệt (máu lạnh), có mang (một số có phổi) và sống dưới nước.

- Trong cách hiểu thông thường của người Việt: Cá (cá sấu, cá voi, cá heo) đều không thở bằng mang nhưng vẫn được gọi là cá. Cách hiểu này không chặt chẽ như trong thuật ngữ.

Bài 5.

Sắp xếp thuật ngữ sau vào các lĩnh vực tương ứng: từ ghép, phương trình, truyện cổ tích, động vật, cách mạng, đồng bằng, mặt trận, hình vuông, loài, sinh sản, đại số, số từ, đất liền, vô sản, phương trình, hữu cơ, chiến tranh, kháng chiến, tiểu thuyết, khí hậu, sáng tác, tế bào.

- Ngữ văn
- Lịch sử
- Toán học
- Sinh học
- Địa lí

Gợi ý trả lời:

- Ngữ văn: từ ghép, truyện cổ tích, số từ, tiểu thuyết, sáng tác
- Lịch sử: cách mạng, mặt trận, chiến tranh, kháng chiến, cách mạng vô sản
- Toán học: phương trình, hình vuông, đại số
- Sinh học: động vật, loài, sinh sản, hữu cơ, tế bào
- Địa lí: đồng bằng, đất liền, khí hậu

BÀI 8: RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

*** Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống**

- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận
- Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận.
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ.

*** Văn bản: Trường học đầu tiên**

- Bài viết nêu vấn đề: vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.
- Ý kiến của người khác thu hút sự chú ý: Gia đình là trường học đầu tiên của mỗi người.
- Người viết tán thành với ý kiến đó. (Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí).
- Lí lẽ: Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thuở ấu thơ, tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên.
- Bằng chứng:
 - + Người viết nhớ lại một kỉ niệm: giơ 4 ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp.

*** Thực hành viết theo các bước**

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài

- Đề tài được chọn phải thoả mãn các điều kiện: phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết, có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá; có thể xác định thái độ dứt khoát đối với vấn đề đó.

Ví dụ:

- Thành công và thất bại.
- Ham mê trò chơi điện tử.
- Đồ dùng bằng nhựa.

b. Tìm ý

- Vấn đề bàn luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?
- Giải thích thế nào là trò chơi điện tử.
- Trình bày thực trạng ham mê trò chơi điện tử.
- Nguyên nhân hiện tượng ham mê trò chơi điện tử.
- Hậu quả ham mê trò chơi điện tử.
- Lựa chọn nên hay không nên ham mê trò chơi điện tử.
- Những lí lẽ và bằng chứng: trong cuộc sống, ...

c. Lập dàn ý

- Dàn ý là kết quả của việc sắp xếp hợp lí các ý đã tìm được ở trên, phân bổ chúng vào từng phần khi viết bài.

*** Dàn ý mẫu tham khảo:** Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

1. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?

2. Thân bài:

a. Giải thích

- + Trò chơi điện tử là gì
- + Hiện tượng học sinh quá đam mê trò chơi điện tử

b. Thực trạng

- + Học sinh ham mê trò chơi điện tử bỏ bê học tập, nói dối phụ huynh
- + Ham mê trò chơi điện tử trên diện rộng, học sinh bắt chước nhau
- + Các quán net mọc lên như nấm từ cổng trường cho đến các khu dân phố, mở cửa 24/7 luôn sẵn sàng phục vụ

c. Nguyên nhân

- + Do mãi chơi
- + Do quá căng thẳng việc học tập
- + Do bị dụ dỗ

d. Hậu quả

- + Học hành chểnh mảng
- + Nói dối để được đi chơi điện tử
- + Hành vi ăn cắp, ăn trộm tiền để đi chơi điện tử
- + Đàn đúm, đua đòi, tốn thời gian tiền bạc, dễ bị lừa bởi tội phạm công nghệ cao

e. Mở rộng vấn đề: Chơi giỏi game cũng là nghề kiếm tiền

3. Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận

2. Viết bài

- Triển khai các ý đã có trong dàn ý.

Bài mẫu tham khảo:

Xã hội công nghệ hóa, hiện đại hóa góp phần mở rộng loại hình giải trí của giới trẻ. Bên cạnh viết trò chuyện, tâm sự với bạn bè, giới trẻ có thể chọn cách giải khuây bằng trò chơi điện tử, được coi là một hình thức giải trí vừa hấp dẫn, vừa đỡ tốn kém. Nhưng trên thực tế lại cho thấy, cách giải tỏa stress lợi bất cập hại này đã và đang là vấn đề nhức nhối, khi ngày càng nhiều bạn học sinh nghiện trò chơi điện tử đến mù quáng.

Trò chơi điện tử, một loại giải trí công nghệ cho phép người chơi lựa chọn nhiều hình thức chơi như nông trại, đối kháng,....sử dụng hệ thống thiết bị máy tính, qua đó những người chơi có thể tương tác với nhân vật. Hình thức phổ biến nhất của trò chơi điện tử là trò chơi đối kháng với đồ họa bắt mắt, cách thức chơi phong phú, hấp dẫn với nhiều mức độ. Bắt nguồn từ một trò giải trí lành mạnh, giúp người chơi giải tỏa căng thẳng mệt mỏi, nâng cao tinh thần đồng đội, nhưng sự làm dục, đam mê quá đà đến từ phía các bạn học sinh vô hình chung khiến điện tử trở thành một định nghĩa rất tiêu cực, đặc biệt là trong mắt các bậc phụ huynh.

Hiện nay, trò chơi đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của các bạn trẻ trên toàn thế giới. Bất kì nơi nào, bất kì ở đâu, các quán cho thuê máy tính để chơi game với cái giá vài nghìn đồng, hay còn gọi là quán net, cũng hoạt động hết sức công khai và rầm rộ. Trong quán net thậm chí còn phục vụ cả đồ ăn thức uống, chỗ ngủ qua đêm cho những thượng đế được hoàn toàn tập trung vào công cuộc "cứu thế giới". Từ cổng trường tập trung nhiều học sinh đến những con ngõ nhỏ hẻo lánh, hình thức kinh doanh này đều có đất làm ăn. Với bản tính tò mò, muốn tìm hiểu, thử nghiệm cái hay, cái mới, cùng áp lực học tập từ trường lớp, các bạn học sinh tìm đến trò chơi điện tử với mong muốn xây dựng hình tượng và có cơ hội thể hiện bản thân qua game.

Việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ dẫn tới hành động như gian lận, trốn học lên ra quán net, nhịn ăn sáng để có tiền chơi game, thậm chí là lừa đảo, ăn cắp tiền đi chơi. Chơi với một nhóm bạn nghiện game, chắc chắn học sinh cũng sẽ đua đòi giống nhau, dẫn đến một hệ thống bao che, dối trá để được cùng nhau trốn lọt. Cách đây gần một thập kỉ, cụm từ "cứu net" đã mang lại nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với các bậc phụ huynh khi những thành phần bất hảo như My Sói, Hùng Gấu cầm đầu nhóm học sinh lớp 8, lớp 9 đi gây sự, đánh nhau, bắt ép những học sinh cả nam và nữ không đủ tiền trả tiền net, ép nữ sinh bán dâm trả nợ. Đã có biết bao nhiêu nạn nhân của băng nhóm xã hội đen mới lớn này, và hơn thế nữa, những học sinh được cứu net lại quay lại làm đồng bọn, tay sai cho dân anh chị để được bảo kê, lên mặt với đời.

Nghiện trò chơi điện tử bắt nguồn từ bản thân ý thức mỗi học sinh. Có những bạn vì học hành áp lực, quá căng thẳng mệt mỏi hoặc cảm thấy bản thân bất tài, vô dụng thường tìm đến game như một con đường giải thoát. Sau một màn hình máy tính, các bạn được thoải mái, mặc sức đâm chém, xây dựng cả một đế chế cho mình. Nằm bắt được tâm lý này, các nhà phát triển game không ngừng trau chuốt hình ảnh, đồ họa, mở thêm nhiều cấp độ mới, đồ dùng, trang thiết bị ảo mà phải dùng tiền mới mua được, khiến các bạn ngày càng hiểu thẳng, lún sâu vào con đường nghiện ngập. Sự mãi chơi, bị dụ dỗ bởi bạn bè xấu cùng tính hấp dẫn của trò chơi điện tử khiến hiem học sinh nào có thể từ chối được. Giống như một loại ma túy tinh thần, các bạn chơi game sẽ không thể sống nếu không được chơi, được thỏa mãn đam mê giao đấu, chiến thắng trong thế giới ảo.

Hậu quả của việc nghiện game đã quá rõ ràng. Từ thể chất, các bạn học sinh sẵn sàng bỏ ăn, bỏ ngủ, nhịn ăn sáng lấy tiền chơi game, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Về mặt tinh thần,

người chơi game quá nhiều thường có dấu hiệu ảo tưởng, choáng váng do tiếp xúc với máy tính quá lâu, không thể phân biệt thật giả. Chấn hấn không ai quên được vụ án thương tâm tại An Giang, cháu cất cổ bà ngoại vì nghĩ bà có thể hồi sinh như trong trò chơi điện tử. Đó là dấu hiệu của bệnh tâm thần phân liệt, con người không thể sống là chính bản thân mình. Ngoài ra, những sự việc như ăn cắp ăn trộm, cướp của giết người để có tiền chơi game, những người nghiện game tập trung sống thành bầy đàn, quan hệ tập thể, ăn uống và phóng uế tại chỗ,... vẫn ngày ngày được đưa lên các mặt báo để cảnh tỉnh về việc nghiện game vô độ. Ai dám khẳng định bản thân sẽ không bao giờ có thể nghiện game và chỉ chơi một lần cho biết? Sức hấp dẫn của trò chơi điện tử có thể đánh gục bất cứ một ai đã sa chân vào nó. Ngoài ra, việc tương tác với những người chơi khác trên mạng rất dễ dẫn đến việc bị dụ dỗ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì nhẹ dạ cả tin, cung cấp thông tin cá nhân mà không hề đề phòng rủi ro có thể gặp phải.

Nghiện game là một căn bệnh, muốn chấm dứt cần có sự can thiệp về tâm lý của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Các bậc phụ huynh cần quản lý giờ giấc và thói quen sinh hoạt của con em chặt chẽ, nhà trường cần quán xuyến, đồng thời tổ chức những trò chơi, giao lưu hoạt động thể chất lành mạnh thu hút sự chú ý của các em. Đặc biệt, mỗi học sinh cần tự có ý thức tiết chế bản thân, tìm đến game với đúng mục đích giải trí, tăng cường tư duy của nó. Game không có tội, người nghiện game mới có tội nên hãy nhìn lại bản thân, uốn nắn và điều chỉnh kịp thời trước khi quá muộn.

Phải thừa nhận, trò chơi điện tử có cả mặt lợi và mặt hại, tuy nhiên, việc quá đam mê điện tử thì hoàn toàn sai, nhất là lứa tuổi học sinh, độ tuổi còn cần tập trung rèn luyện kỹ năng sống và học tập. Là công dân toàn cầu tương lai, là mầm non của xã hội, đừng núp mình và làm nô lệ cho công nghệ, hãy chinh phục game và áp dụng nó vào đời sống, để trò chơi điện tử trở thành đúng bản chất giải trí lành mạnh ban đầu.

3. Chỉnh sửa bài viết

Rà soát, chỉnh sửa các phần, các đoạn của bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:

Nội dung rà soát	Hướng dẫn chỉnh sửa
Ý kiến về vấn đề đời sống đã nêu rõ ràng chưa?	Nếu ý kiến chưa nêu rõ trong phần mở bài thì phải bổ sung.
Đã khẳng định được sự tán thành ý kiến chưa?	Nếu sự tán thành ý kiến thể hiện chưa rõ thì phải chỉnh sửa về cách diễn đạt.
Việc tán thành ý kiến đã có sức thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu có phù hợp với nội dung nghị luận không?	Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục.
Đã rút ra được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa?	Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn mờ nhạt.
Việc sử dụng từ ngữ, câu văn, cách liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài đã đạt yêu cầu chưa?	Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc.

BÀI 8 HƯỚNG DẪN NÓI, NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG

1. Trước khi nói

a. Chuẩn bị nội dung nói

a. Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống là nêu lên những suy nghĩ của người nói trước một vấn đề trong đời sống, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình, nhằm thuyết phục người nghe.

- Vấn đề nêu lên để trao đổi có thể lấy từ cuộc sống hằng ngày như:

+ Thế nào là lòng nhân hậu, vị tha?

+ Thế nào là lòng dũng cảm?

+ Tình cảm và giáo dục trong gia đình có vai trò quan trọng như thế nào?

Ví dụ:

+ Các vấn đề được gợi ra từ nhân vật Mên, Mon (Bầy chim chìa vôi); An, Cò (Đi lấy mật); nhân vật “tôi”, người cha (Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ): tình yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống, tình yêu thương loài vật,...

b. Tập luyện

- Để có bài nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp.

- Cần nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói. Hiểu được việc trình bày của mình được người nghe đánh giá như thế nào sẽ giúp em tập luyện tốt hơn.

+ Giới thiệu được vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học.

+ Thể hiện ý kiến của người nói về vấn đề được trao đổi.

+ Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

+ Nói rõ và truyền cảm.

+ Sử dụng phù hợp các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...).

+ Mở đầu và kết thúc bài nói hợp lí. Có thể tạo sự chú ý với người nghe bằng cách mở đầu theo cách riêng của em như kể một câu chuyện ngắn, dẫn một câu nói nổi tiếng, nêu một kết quả khảo sát hay nghiên cứu,

2. Trình bày bài nói

Với tư cách người nói, em cần lưu ý:

- Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị.

- Nhấn mạnh ý kiến riêng của mình về vấn đề đời sống.

- Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe.

Với tư cách người nghe, em cần lưu ý:

- Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn.

- Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói.

- Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói.

Bài nói mẫu tham khảo

1. Mở đầu bài nói

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.....học sinh.....

Trong những tiết học trước chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu các nhân vật trong tác phẩm văn học rất phong phú, đa dạng: Con người, loài vật, đồ vật, cây cối,... Các nhân vật đều được nhà văn sáng tạo nên để gửi gắm tình cảm và suy ngẫm về cuộc sống, qua đó tác động đến tình cảm và nhận thức của người đọc. Nhân vật để lại cho tôi nhiều ấn tượng nhất là nhân vật người cha trong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”. Đó là một nhân vật tích cực, có sức ảnh hưởng lớn bởi qua nhân vật này người đọc sẽ thấy được phương pháp giáo dục tích cực. Vậy phương pháp ấy là gì kính mời cô và các bạn theo dõi.

2. Nội dung bài nói

Trước hết, chúng ta cần hiểu phương pháp giáo dục là cách thức, đường lối có tính hệ thống để có thể giảng dạy, truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả nhất, người học tiếp thu đạt hiệu quả cao. Người cha trong tác phẩm “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” đã dạy con mình bằng phương pháp thực hành. Để dạy cho người khác về các loài hoa, chúng ta có thể cung cấp thông tin, tri thức về loài hoa đó, hoặc tìm kiếm qua mạng, qua sách báo... Người cha dạy cho con mình về các loài hoa bằng cách là yêu cầu con nhắm mắt, chạm vào các bộ phận của cây và nhận biết. Ban đầu còn sai còn nhầm lẫn, dần dà người con cũng nhận diện hết được các loài hoa trong vườn. Khi đã thành thạo, người cha tăng mức độ khó lên là yêu cầu con nhắm mắt và ngửi hương các loài hoa để nhận biết. Hai cha con cùng nhau luyện tập cho đến khi người con nhận biết hết thì thôi.

Mỗi phương pháp học tập đều sẽ đem lại cho con người một hiệu quả nhất định. Phương pháp học bằng thực hành được gọi ra từ câu chuyện trên đem lại nhiều lợi ích. Việc học tập kết hợp với thực hành sẽ giúp con người hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về vấn đề được tìm hiểu. Bản thân chủ thể lĩnh hội kiến thức trực tiếp thực hành sẽ nhớ kĩ và lâu hơn so với việc chỉ học lí thuyết chung chung qua sách vở. Việc thực hành, áp dụng những kiến thức sách vở vào cuộc sống giúp chúng ta rút ra những bài học thực tiễn để hoàn thiện công việc của mình và rút ngắn khoảng cách đến thành công.

Người cha đóng vai trò là người hướng dẫn, người gợi mở con đường tiếp cận tri thức cho người con. Người con dựa vào sự hướng dẫn đó và tự lực rèn luyện để đạt được kết quả như mong đợi. Cách dạy con của người cha rất đúng với phương pháp giáo dục hiện đại là hướng đến phát triển năng lực của học sinh, lấy học sinh làm trung tâm.

Trong thực tế, phương pháp dạy và học thực hành đã được quan tâm và chú trọng, người học rất hứng thú với phương pháp này bởi được trải nghiệm, được cảm nhận thực tế chứ không phải lí thuyết suông. Tuy nhiên phương pháp này còn tồn tại là tốn nhiều thời gian và tất cả người học không thể thực hành cùng lúc đối với những lí thuyết yêu cầu kĩ thuật.

3. Kết thúc bài nói

Trên đây là bài chia sẻ của tôi về một vấn đề cuộc sống được gợi ra từ nhân vật văn học, cụ thể là phương pháp giáo dục thực hành được gợi ra từ nhân vật người cha trong truyện Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

4. Sau khi nói

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
------------	-----------

Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách : - Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận. - Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của người nói - Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: - Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ. - Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. - Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.
--	---

=====

BÀI 9: HÒA ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Ôn tập các văn bản thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng, phương tiện của các ngôn ngữ, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn văn bản.
- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc, một luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản và mục đích của nó.
- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin: Hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của một số từ có yếu tố Hán Việt.
- Biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

B. NỘI DUNG

ÔN TẬP VĂN BẢN: THỦY TIÊN THẮNG MỘT

(Thơ- Mát L. Phrit- Man)

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Thơ- Mát L. Phrit- Man sinh năm 1953
- Ông là nhà báo Mỹ, đã 3 lần được trao giải Pu-lít-zơ
- Tác phẩm chính: *chiếc Léch-xốt và cây ô liu*(1999), *Thế giới phẳng*(2005-2007),...

2. Tác phẩm

1. Thể loại: Chính luận

2. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác

- Nằm ở mục 5 phần 2 của cuốn sách *nóng, phẳng, chật*(2008)

- Đây là một tác phẩm nổi bật của Thomas L.Friedman: can đảm, sắc sảo, hiện đại và đầy ắp những nhận thức đáng ngạc nhiên về sự thách thức và hứa hẹn của tương lai.

3. Phương thức biểu đạt: Nghị luận

4. Tóm tắt tác phẩm Thủy tiên tháng Một

- Tác phẩm bàn về sự khác thường của thời tiết “ sự nóng lên của Trái Đất” thông thường hoa Thủy Tiên nở vào tháng 3 năm nay lại nở vào đầu tháng một. Đồng thời tác giả đưa ra dẫn chứng, giải thích của sự xuất hiện đồng thời hai thái cực

5. Bố cục tác phẩm Thủy tiên tháng Một

- Phần 1 Từ đầu...*cắt cỏ trong sân nhà tôi*: giải thích nhan đề

- Phần 2 Tiếp theo...*sự bất thường của trái đất năm 2007*: hiện tượng nóng lên của Trái Đất

- Phần 3 Còn lại: trích dẫn làm rõ vấn đề đang nói, thực trạng của vấn đề cực đoan

II. Tìm hiểu chi tiết Thủy tiên tháng Một

1. Hiện tượng Trái Đất nóng lên

- Sự biến đổi khác thường của thời tiết

+ Thông thường hoa thủy tiên nở vào tháng 3 năm nay nở vào đầu tháng 1

+ Nhiệt độ trung bình chỉ cần tăng lên một chút là thời tiết cũng thay đổi rất nhiều

+ Trái Đất nóng hơn, tốc độ bốc hơi nước thay đổi là nguyên nhân xuất hiện những trận mưa bão lớn

- Tác giả đã giải thích sự khác nhau về khí hậu ở hai thái cực

+ Ấm ướt hơn, khô hạn hơn

- Sự nhầm lẫn khi dùng thuật ngữ” sự nóng lên của Trái Đất”

+ Nó gợi lên một sự đồng nhất từ từ xảy ra , chủ yếu muốn nhắc đến nhiệt độ hiện tượng đó hoàn toàn không xảy ra vấn đề gì

+ Nhưng thực tế khí hậu của Trái Đất đang diễn ra khác hẳn

+ Nhanh hơn tốc độ biến đổi của tự nhiên

+ Làm ảnh hưởng trực tiếp lên đời sống con người tiêu cực nhiều hơn tích cực

- Tác giả làm rõ vấn đề bằng đưa ra dẫn chứng minh họa của trang CNN. Com

2. Thực trạng vấn đề hiện nay

- Tác giả đã dẫn chứng hàng loạt các tài liệu để thấy rõ thực trạng vấn đề

- Hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra đến tận mùa hè 2008

+Thành phố Xi-đa Ra-pít bị lụt

+ Mực nước sông lên đỉnh điểm 9,1m, chưa bao giờ thấy

- Vấn đề thiên tai thay đổi do trái đất nóng lên đáng báo động

+Thường khi phá kỉ lục, bạn chỉ có thể vượt qua mức cũ từ 2,5cm đến 5cm

+ Tuy nhiên hiện nay cao tới 1,8m

→ Hiện tượng trái đất nóng lên đang rất cấp bách, sự biến đổi này diễn ra rất rõ rệt, và ngày càng nghiêm trọng.

3. Đánh giá

a. Giá trị nội dung

- Bàn về vấn đề” Trái Đất nóng lên”

b. Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng biện pháp lập luận, chứng minh, giải thích

- Thành công trong lối sử dụng từ ngữ linh hoạt

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản Thủy tiên tháng 1 thuộc thể loại nào?

- A. Tản văn B. Tuỳ bút C. Truyện trinh thám **D. Chính luận**

Câu 2. Phương thức biểu đạt của văn bản là:

- A. Tự sự **B. Nghị luận** C. Biểu cảm D. Miêu tả

Câu 3. Sự bất thường của trái đất được tác giả thông qua những dẫn chứng nào?

- A. Nhiệt độ trung bình Trái Đất tăng sẽ dẫn đến hiện tượng thời tiết bất thường: nóng, hạn hán, bão, lũ lớn hơn
B. Những bông hoa thủy tiên ở Bet-the-xđa, bang Ma-ri-lan vốn thường nở vào tháng Ba thì năm nay lại được nở từ đầu tháng Một là sự bất thường.
C. Nhiệt độ trung bình chỉ cần tăng lên một chút là thời tiết cũng thay đổi rất nhiều

D. Cả ba nội dung trên

Câu 4. Dựa vào trải nghiệm riêng của em, hãy bổ sung bằng chứng cho sự bất thường của trái đất?

- A. Sự gia tăng tần suất và cường độ của các đợt nắng nóng khắc nghiệt
B. Lượng mưa lớn
C. Hạn hán xảy ra nhiều hơn

D. Cả ba nội dung trên

Câu 5.

2. Ngữ liệu Đọc Hiểu SGK

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NGUYÊN NHÂN KHIẾN CHO TRÁI ĐẤT NÓNG LÊN

Hiện tại, Trái Đất nóng lên chủ yếu là do con người tạo ra thông qua các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá...) cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.

Một số hoạt động chính là nguyên nhân khiến cho Trái Đất nóng lên:

Hiệu ứng nhà kính

Các hiện tượng hiệu ứng nhà kính tăng lên rõ rệt trong thời gian gần đây đã làm thủng tầng ô-dôn... Những nơi bị thủng hoặc mất đi tầng ô-dôn thì nơi đó đất đai sẽ bị sa mạc hóa không còn tác dụng cân bằng hệ sinh thái như hiện tại thành ra ban ngày nóng, ban đêm lạnh.

Quá trình công nghiệp hóa

Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô...) cũng đã thải ra một lượng lớn khí các-bô-níc. Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.

Rừng bị tàn phá

Nếu như khí các-bô-níc thải ra thì theo quy luật tự nhiên sẽ được cây xanh quang hợp để cung cấp lượng ô-xi cần thiết cho con người. Tuy nhiên, số lượng cây xanh đã bị tàn phá hết nên đã

không thể phân giải hết lượng khí các-bô-níc trong môi trường khiến cho Trái Đất càng ngày càng nóng lên rõ rệt. Diện tích rừng bị tàn phá ngày càng rộng nên tia nắng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất không có tầng lá xanh của cây chặn lại nên khi chiếu xuống mặt đất sẽ hình thành nên những vùng đất khô cằn, nóng như hoang mạc. Mùa mưa không có rừng để giữ nước lại nên sẽ gây lũ lụt còn mùa khô thì xảy ra hạn hán.

(Theo LV, quangnam.gov.vn)

Câu 1. Theo văn bản, các nguyên nhân chính khiến Trái Đất nóng lên là gì?

Câu 2: Từ được in đậm trong câu: “Khi lượng khí **các-bô-níc** có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất” có nguồn gốc từ ngôn ngữ nào?

Câu 3. Giải nghĩa của từ hoang mạc trong văn bản trên có nghĩa là

Câu 4: Nội dung chính của đoạn văn trên là gì? Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô...) cũng đã thải ra một lượng lớn khí các-bô-níc. Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.

Câu 5. Theo em, thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản trên là gì?

Câu 6. Em có thể làm gì để góp phần hạn chế hiện tượng Trái Đất nóng lên? (Viết câu trả lời từ ba câu đến năm câu văn).

Gợi ý trả lời

Câu 1: Nguyên nhân làm cho trái đất nóng lên: Do hiệu ứng nhà kính; quá trình công nghiệp hóa; rừng bị tàn phá.

Câu 2. Từ được in đậm trong câu: “Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất” có nguồn gốc từ Tiếng Anh.

Câu 3. Từ Hán Việt hoang mạc trong văn bản trên có nghĩa là: Vùng đất hoang rộng lớn, khí hậu khô hạn, hầu như không có cây cối và người ở.

Câu 4: Nội dung của đoạn văn trên là: Quá trình công nghiệp hóa là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

Câu 5: Các hoạt động của con người có ảnh hưởng nghiêm trọng tới Trái Đất và chính môi trường sống của chúng ta.

- Cần chung tay bảo vệ môi trường.

Câu 6: Tích cực trồng cây, không xả rác bừa bãi; tiết kiệm điện, tuyên truyền, vận động mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường,...

- Học sinh có thể đưa ra các giải pháp khác nhau nhưng phù hợp, có hiệu quả thì ghi điểm tối đa.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Giờ đây, loài người thống trị hầu khắp hành tinh đến mức chúng ta đang đẩy các động thực vật hoang dã ra khỏi bề mặt Trái Đất. Chúng ta đã sử dụng hơn một nửa đất đai của thế giới cho lương thực, thành phố, đường sá và hầm mỏ; chúng ta sử dụng hơn 40% sản lượng sơ cấp của hành tinh (tất cả mọi thứ chế biến từ thực vật và động vật); và chúng ta kiểm soát 3/4 lượng

nước ngọt. Con người hiện là loài động vật lớn với số lượng nhiều nhất trên Trái Đất và đứng thứ hai trong danh sách đó chính là những con vật được chúng ta nhân giống để phục vụ mình. Những thay đổi trên cấp độ hành tinh giờ đây đang đe dọa gây tuyệt chủng cho 1/5 sinh vật, gấp khoảng một nghìn lần tỉ lệ tuyệt chủng tự nhiên - chúng ta đã mất một nửa số động vật hoang dã chỉ trong vòng 40 năm qua...

(Nhiều tác giả, *Thế giới sẽ ra sao?* NXB Dân trí, Hà Nội, 2020, tr, 38 - 39)

Câu 1. Phần trích trên cung cấp cho người đọc những thông tin chính nào?

Câu 2. Tác giả đã chứng minh “sự thống trị hầu khắp hành tinh” của loài người theo cách nào?

Câu 3. Xác định trạng ngữ trong câu sau và cho biết trạng ngữ đó được dùng để làm gì ?

“Giờ đây, loài người thống trị hầu khắp hành tinh đến mức chúng ta đang đẩy các động thực vật hoang dã ra khỏi bề mặt Trái Đất”

Câu 4. Bằng trải nghiệm của bản thân hoặc qua sách, báo, và các phương tiện thông tin khác, em hãy kể 2 đến 3 hậu quả do hiện tượng biến đổi khí hậu gây ra.

Câu 5. Giả sử, em là một tình nguyện viên tham gia chiến dịch bảo vệ môi trường, em hãy đề xuất những việc làm có ý nghĩa góp phần bảo vệ môi trường?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phần trích trên cung cấp cho người đọc những thông tin về: Địa vị thống trị của con người trên Trái Đất và những hậu quả mà địa vị đó gây ra cho đời sống của muôn loài.

Câu 2. Tác giả đã chứng minh “sự thống trị hầu khắp hành tinh” của loài người theo cách: Liên tục đưa ra những số liệu cụ thể và các so sánh có độ xác thực cao.

Câu 3:

“Giờ đây, loài người thống trị hầu khắp hành tinh đến mức chúng ta đang đẩy các động thực vật hoang dã ra khỏi bề mặt Trái Đất”

Trạng ngữ: Giờ đây => Chỉ thời gian

Câu 4: Kể 2 đến 3 hiểm họa từ thiên nhiên do hiện tượng biến đổi khí hậu mà em đã chứng kiến hay biết qua sách, báo, và các phương tiện thông tin khác:

+ Hiện tượng mưa lũ ở miền Trung kéo dài bất thường năm 2021.

+ Hiện tượng siêu bão hàng năm.

+ Hiện tượng nắng hạn kéo dài và nắng nóng bất thường.

Câu 5. Những việc làm nhỏ nào mà lại có ý nghĩa lớn góp phần bảo vệ môi trường:

- Hãy sử dụng xe đạp đến trường thay bằng việc đi lại bằng phương tiện xe máy, ô tô.

- Hạn chế và tiến tới không sử dụng bao bì ni lông và ống nhựa, chai nhựa,...

- Tham gia chăm sóc cây xanh ở trường và ở nhà.

- Sẵn sàng tham gia dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, trường học,...

- Bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển kinh tế.

- Dùng các chai lọ nhựa qua sử dụng để trồng cây xanh nhỏ, tạo cảnh quan xanh sạch đẹp cho ngôi trường, ngôi nhà của mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

THẾ GIỚI RA SAO NẾU KHÔNG CÓ CÂY XANH?

Trong một năm, một cây ra lá khi trưởng thành sẽ sản sinh ra ngày càng nhiều oxi, đủ cho 10 người thở. Ai cũng biết tầm quan trọng, sự thiết yếu của oxi đối với cuộc sống của con người.

Nhưng đó chỉ là yếu tố cần. Yếu tố đủ cho sự sống bao gồm nhiệt độ, khí hậu, không khí trong lành... cũng phụ thuộc lớn vào mật độ cây xanh trên thế giới. Tuy nhiên, rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi. Ước tính có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm. Nạn phá rừng xảy ra do tình trạng gia tăng dân số và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ngày một nhiều. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí. Hệ thực vật trên Trái Đất đã khiến cuộc sống của chúng ta dễ chịu hơn, nhất là việc cung cấp bóng râm trong những ngày oi nóng. Có một điều không ai phủ nhận là sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất. Dù không tạo ra tuyết trong ngày nắng nóng nhưng có cây xanh là có sự khác biệt. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 – 1,5°C trong thế kỉ qua, một phần nguyên nhân từ sự sụt giảm diện tích rừng trên toàn cầu.

Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu. Lá cây giúp điều hoà, làm mát không khí qua quá trình thoát hơi nước, giúp tăng độ ẩm trong không khí. Với mắt người, thoát hơi nước ở cây là các quá trình vô hình, nhưng theo điều tra địa chất của Mỹ một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon (hơn 151 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm. Quá trình này cực kì hữu ích trong việc giảm mưa bão vì nó trả lại độ ẩm cho bầu khí quyển. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh thì cư dân giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh như một chiến lược tạo bóng mát cho ngày hè cũng như cản gió lạnh vào mùa đông. Cây xanh có tác dụng hấp thụ bớt lượng nhiệt phát sinh từ các hoạt động của đô thị (xe cộ, giao thông, điều hoà nhiệt độ, máy làm mát). Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự nóng dần lên của Trái Đất.

Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.

Tóm lại, không phải ngẫu nhiên những nơi sạch nhất và đáng sống nhất, trong mắt nhiều người tựa “thiên đường” lại được thiết kế để con người có thể sống hài hoà với màu xanh của cỏ cây.

(Theo Thu Thủy - songmoi.vn)

Câu 1. Tại sao văn bản trên được coi là văn nghị luận?

Câu 2: Bằng chứng cụ thể của người viết Nếu không có cây xanh sẽ như thế nào/?

Câu 3. Tâm quan trọng của cây xanh được thể hiện qua câu văn nào?

Câu 4. Qua câu: “Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh””, tác giả muốn khẳng định điều gì?

Câu 5. Vấn đề chính của văn bản mà tác giả đặt ra qua đoạn trích trên là gì?

Câu 6: Viết khoảng 2 câu văn mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh..." trong đó có sử dụng từ Hán Việt.

Câu 7: Hãy viết ra 2 việc làm cụ thể mà em và mọi người có thể làm được để bảo vệ môi trường.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên là văn nghị luận: Vì nêu được nguyên nhân cây xanh bị chặt phá

Câu 2. Câu 4: Bằng chứng cụ thể của người viết: Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây

xanh giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng.

Câu 3: Tầm quan trọng của cây xanh được thể hiện qua câu văn: Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

Câu 4. Cây cối rất quan trọng đối với việc hô hấp của con người.

Câu 5. Vấn đề chính mà tác giả đưa ra là: Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

Câu 6. - HS viết tiếp ý đã cho, đủ 2 câu

- Trong 2 câu văn có sử dụng từ Hán Việt

Câu 7. HS kể tên được 2 việc có thể làm để bảo vệ môi trường, câu trả lời có thể có các ý như sau:

- Trồng cây, trồng hoa quanh nhà, hai bên đường...

- Phân loại, xử lý rác thải ... không vứt rác bừa bãi...

- Không vứt rác bừa bãi, chặt phá cây xanh...

- Sử dụng tiết kiệm giấy, vở...

- Không (hoặc hạn chế) sử dụng bao bì ni lông, đồ dùng bằng nhựa

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu tổ quốc. Có thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách. Người ta giờ đây đã hiểu lòng yêu của mình lớn đến nhường nào”

(Lòng yêu nước - I.Ê-ren-bua)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản trên?

Câu 2. Trong đoạn văn bản trên, câu nào là câu nêu luận điểm? Các câu còn lại trong đoạn văn có quan hệ như thế nào với câu nêu luận điểm?

Câu 3. Từ văn bản đoạn văn trên, em hãy trình bày ngắn gọn (khoảng 4 đến 5 câu) suy nghĩ của em về lòng yêu nước?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Đoạn văn có phương thức biểu đạt chính là nghị luận (chính luận)

Câu 2. - Câu nêu luận điểm: “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu tổ quốc”

- Các câu còn lại dẫn dắt và đưa dẫn chứng làm sáng rõ nội dung luận điểm.

Câu 3. - Học sinh trình bày suy nghĩ về lòng yêu nước (từ 4 đến 5 câu) chân thành, tự nhiên. Giáo viên cần tôn trọng những suy nghĩ của học sinh.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Cuộc sống riêng không biết gì hết ở bên kia ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống nghèo nàn, dù nó có đầy đủ tiện nghi đến đâu đi nữa. Nó giống như một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng. Mảnh vườn này có thể làm chủ nhân của nó êm ấm một thời gian dài, nhất là nếu lớp rào bao quanh không còn làm họ vướng mắt nữa. Nhưng hễ có một cơn dông tố nổi lên là cây cối sẽ bị bật khỏi đất, hoa sẽ nát và mảnh vườn sẽ xấu xí hơn bất kì một nơi hoang dại nào. Con người không thể hạnh phúc với một hạnh phúc mỏng

manh như thế. Con người cần một đại dương mệnh mệnh bị bão táp làm nổi sóng, nhưng rồi lại phẳng lì và trong sáng như trước. Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân, không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thêm muốn.

(Theo A.L.Ghec-xen, 3555 câu danh ngôn, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên?

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên.

Câu 3. Về bề ngoài đẹp đẽ của “cuộc sống riêng không biết gì hết ở bên kia ngưỡng cửa nhà mình” được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh so sánh nào? Tác dụng của phép so sánh đó.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận.

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên: khẳng định cuộc sống riêng không biết đến điều gì xảy ra ở bên ngoài ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống sai lầm/bác bỏ một quan niệm sống sai lầm: sống bó hẹp trong ngưỡng cửa nhà mình.

Câu 3. Hình ảnh so sánh: Với một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng

- Tác dụng: việc sử dụng phép so sánh khiến đoạn văn trở nên sinh động, truyền cảm, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao chứ không khô khan như khi chỉ sử dụng lí lẽ thuần túy.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

HAI BIỂN HỒ

Người ta bảo ở bên Palextin có hai biển hồ... Biển hồ thứ nhất gọi là biển Chết. Đúng như tên gọi, không có sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ này. Nước trong hồ không có một loại cá nào có thể sống nổi mà người uống cũng bị bệnh. Không một ai muốn sống ở gần đó. Biển hồ thứ hai là Galilê. Đây là biển hồ thu hút khách du lịch nhiều nhất. Nước ở biển hồ lúc nào cũng trong xanh mát rượi, con người có thể uống được mà cá cũng có thể sống được. Nhà cửa được xây cất rất nhiều ở nơi đây. Vườn cây ở đây tốt tươi nhờ nguồn nước này.

Nhưng điều kỳ lạ là cả hai biển hồ này đều được đón nhận nguồn nước từ sông Jordan. Nước sông Jordan chảy vào biển Chết. Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ, nên nước trong biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Galilê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Jordan rồi từ đó mà tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muôn thú và con người.

Một định lý trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình: Một ánh lửa chia sẻ là một ánh lửa lan tỏa. Một đồng tiền kinh doanh là một đồng tiền sinh lợi. Đôi môi có hé mở mới thu nhận được nụ cười. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới ngập tràn vui sướng.

Thật bất hạnh cho ai cả cuộc đời chỉ biết giữ cho riêng mình. “Sự sống” trong họ rồi cũng chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết!

(Theo Quà tặng cuộc sống – Ngữ văn 7, tập 2, NXBGD 2016, tr10-11)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên? Dựa vào đâu mà em xác định được như vậy?

Câu 2. Câu cuối của văn bản sử dụng biện pháp tu từ gì? Tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 3. Em có đồng tình với quan niệm Bàn tay có rộng mở trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2. – Biện pháp tu từ so sánh: “sự sống” trong họ rồi cũng sẽ chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết.

- Tác dụng: Nhấn mạnh sự hủy hoại vô cùng to lớn đối với cuộc sống của những người mà “cả cuộc đời chỉ biết giữ cho riêng mình”, chỉ có lòng ích kỉ, không biết chia sẻ.

Câu 3. - HS khẳng định quan điểm đó là đúng.

- HS lí giải được: Trong cuộc sống hàng ngày, con người có những mối quan hệ, những giao tiếp, những sinh hoạt luôn “cho” và “nhận”. Nếu biết cho đi, biết chia sẻ với người khác thì cuộc đời của chúng ta sẽ tốt đẹp, ý nghĩa, hạnh phúc hơn nhiều lần bởi hạnh phúc không phải chỉ nhận lấy mà còn là biết cho đi.

4. Dạng Viết ngắn

ÔN TẬP VĂN BẢN: LỄ RỬA LÀNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ

(Phạm Thùy Dung)

I. KIẾN THỨC CHUNG

a. Xuất xứ

Văn bản được in trong Tạp chí Di Sản xuất bản tháng 12/2009.

b. Bố cục

- Phần 1 (Từ đầu... *lễ rửa làng rất độc đáo, thú vị*): lời mở đầu dẫn dắt vào vấn đề nói đến

- Phần 2 (Còn lại): miêu tả về lễ rửa làng của người Lô Lô

c. Thể loại: Báo chí.

d. Tóm tắt nội dung văn bản

Tác phẩm giới thiệu về lễ rửa làng của người Lô Lô bao gồm thời điểm diễn ra lễ hội, những việc cần chuẩn bị cho ngày lễ, các món đồ lễ, thành phần tham dự và những quy định nghiêm ngặt.

II. NỘI DUNG

1. Lễ hội rửa làng của người Lô Lô

- Thời gian diễn ra lễ

+ Cứ 3 năm một lần

+ Lễ hội diễn ra vào cuối tháng hoặc tháng 6

- Chuẩn bị:

+ Chọn ngày tổ chức lễ

+ Chọn thầy cúng

+ Phân công sắm sanh đồ lễ

+ Ngày trước diễn lễ chuẩn bị thữ hương, chén nước, giấy trúc, con gà trống

- Đoàn người thực hiện lễ cúng bao gồm thầy cúng chính, thầy cúng phụ, một số nam chính hỗ trợ
- Chi tiết các món đồ lễ:
 - + Chiêng trống rộn ràng nhằm đánh thức những điều ngủ quên, tà khí sợ hãi bay xa
 - + Con dê để xua đuổi tà ma
 - + Con gà trống trắng, rượu ngô, hạt ngô, cỏ, kiếm gỗ, kiếm sắt, ba cành lau, ba cành đào, ba cành mận, miếng vải đỏ, đôi sừng trâu, cây tre to
- Quy định sau lễ cúng 9 ngày người lạ mới được bước vào làng
- Nếu chẳng may có người lạ vào làng dân làng phải sửa soạn lễ cúng lại

2. Ý nghĩa của lễ rửa làng

- Dân làng cảm thấy tin tưởng vào tương lai phía trước
- Mang đậm bản sắc văn hóa cộng đồng
- Đây là tín ngưỡng dân gian, nét đẹp truyền thống làm giàu bản sắc dân tộc Việt Nam

3. Tổng kết

a. Nội dung

Văn bản nói về nét đẹp truyền thống trong phong tục “Lễ rửa làng” của người Lô Lô. Từ đó thấy được bản sắc văn hóa độc đáo của cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam.

b. Nghệ thuật

- Miêu tả rõ nét về lễ hội
- Mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô thuộc thể loại gì

- A. Tản văn B. Chính luận C. Báo chí D. Tùy bút

Câu 2. Thời gian diễn ra lễ rửa làng

- A. Cứ ba năm một lần B. Cứ 4 năm một lần
C. Cứ 5 năm một lần D. Cứ 6 năm một lần

Câu 3. Lễ rửa làng cần chuẩn bị những gì?

- A. Chọn ngày tổ chức lễ
B. Chọn thầy cúng, Phân công sắm sửa đồ lễ
C Ngày trước diễn lễ chuẩn bị thữ hương, chén nước, giấy trức, con gà trống. Đoàn người thực hiện lễ cúng bao gồm thầy cúng chính, thầy cúng phụ, một số nam chính hỗ trợ

D. Cả ba nội dung trên

Câu 4. Quy định sau lễ cúng mấy ngày người lạ mới được bước vào nhà

- A. Sau 7 ngày B. sau 8 ngày
C. Sau 9 ngày D. Sau 10 ngày

Câu 5. Ý nghĩa của lễ rửa làng

- A. Dân làng cảm thấy tin tưởng vào tương lai phía trước
B. Mang đậm bản sắc văn hóa cộng đồng
C. Đây là tín ngưỡng dân gian, nét đẹp truyền thống làm giàu bản sắc dân tộc Việt Nam

D. Cả ba nội dung trên

2. Ngữ liệu ngoài chương trình.

3. Ngữ liệu Đọc hiểu ngoài chương trình

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Lễ hội “nghinh Ông” ở xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những lễ hội thờ cúng cá voi được xác định đã có lâu đời, ít nhất là từ đầu thế kỉ trước. [...] Tại xã Cần Thạnh, trước ngày lễ hội người ta đã tạm ngưng mọi việc đi biển để lo trang trí ghe thuyền cũng như chuẩn bị các điều kiện khác cho lễ hội. Từ chiều ngày 15 tháng 8 đến sáng ngày 16 tháng 8 âm lịch, quanh khu vực Lăng Ông (nơi thờ cá voi), người ta đã tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, trò chơi dân gian sôi nổi... Khoảng 9 giờ ngày 16 tháng 8, nghi thức chính của lễ hội bắt đầu bằng “Lễ nghinh (rước) Ông” trên biển với hàng trăm chiếc ghe (thuyền) được trang hoàng cờ hoa rực rỡ và có bày hương án cùng các lễ vật như heo quay (với đủ cả “bộ đồ lòng”), xôi, gạo, muối, hoa, trái, nhang, đèn và vàng bạc,... Trong đó, chiếc ghe của chủ lễ phải là ghe lớn nhất và được trang hoàng đặc biệt nhất: rồng được vẽ hai bên thành ghe, hoa (vạn thọ) trang trí bốn góc mũi ghe, cờ nước và nhiều cờ ngũ hành ở trước và sau ghe, những hoành phi đề chữ to “Cung nghinh Ông Thủy Tướng” “Hiển hách anh linh” và “Quốc thái dân an”. Trên ghe, bên cạnh bàn hương án có linh vị thờ Ông là các lễ vật, các đồ khí tự... và túc trực chung quanh là Ban tế lễ, Ban nhạc lễ cùng các lễ sinh... Tất cả đều mặc lễ phục trang trọng. Chờ đợi thì chiếc ghe của chủ lễ đi thêm một đoạn rồi dừng lại giữa biển để làm “Lễ cúng Ông”. Sau ba hồi trống nổi lên, vị chủ lễ bắt đầu thực hiện việc tế tự theo nghi thức cổ truyền Nam Bộ như dâng hương, dâng rượu, dâng trà, đọc văn tế (trước kia sau khi làm lễ xong người ta còn ném các lễ vật xuống biển để “cúng” những người chết biển...). Sau đó, kết thúc “Lễ cúng Ông” trên biển trước đây phải là những tràng pháo ròn rã, là hiệu lệnh để tất cả các ghe thuyền cùng tiến ra đón “Ông” và cùng “Ông” diễu hành quay trở về bờ. Không khí lúc này thật rộn ràng bởi tiếng pháo, tiếng chiêng, tiếng trống vang động cả một vùng biển trời dày đặc những thuyền ghe lớn nhỏ xen cài vào nhau. [...]

Từ bến tàu trở về Lăng Ông lại tiếp tục diễn ra “Lễ rước Ông” rất long trọng với múa lân (sau này có cả múa rồng) cùng tiếng nhạc, tiếng pháo từng bùng và đông nghịt người kéo theo đoàn rước giữa những bàn hương án toả nhang khói mù mịt hai bên đường đi. Sau khi làm lễ an vị Ông tại lăng, lễ tế Tiên Hiền, Hậu Hiền diễn ra và tiếp theo, ngay tối hôm đó (tức ngày 16 tháng 8, khoảng 12 giờ khuya), lễ “Chánh tế” được cử hành với các nghi thức và lễ vật tương tự như trong lễ Ki Yên của cung đình Nam Bộ. Sau đó là phần “Hát bội”. Chen kẽ giữa các nội dung trên là phần tế lễ tự do cho khách thập phương, và đương nhiên không thể thiếu những buổi liên hoan ăn uống, sinh hoạt văn nghệ vui vẻ tại lăng hoặc tại các gia đình ngư dân.

(Huỳnh Quốc Thắng, Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ, Viện Văn hoá và NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2003, tr. 105 - 109)

Câu 1. Có thể xem đoạn trích trên là một văn bản thông tin độc lập. Theo em, “văn bản” này có thể xếp cùng loại với văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô được không? Vì sao?

Câu 2. Xác định mạch triển khai thông tin được thể hiện trong đoạn trích. Hãy so sánh cách triển khai ở đây với cách triển khai của văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô.

Câu 3. Các luật lệ của lễ hội nghinh Ông ở xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đã được tác giả giới thiệu như thế nào?

Câu 4. Theo hiểu biết của em, lễ hội thờ cúng cá voi thể hiện nét đẹp gì trong đời sống của cư

dân vùng duyên hải Việt Nam?

Câu 5. Nêu đánh giá khái quát về sức hấp dẫn riêng của loại văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động được thể hiện đoạn trích trên và qua văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô.

Câu 6. Trong đoạn trích, ngoài các địa danh, tác giả còn viết hoa một số từ, cụm từ khác. Đó là từ, cụm từ nào? Lí do những từ, cụm từ đó được viết hoa là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Có thể xem đoạn trích là một văn bản thông tin độc lập. Xét về mục đích viết và nội dung thông tin, “văn bản” này hoàn toàn có thể được xếp cùng loại với văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô vì cả hai đều viết về lễ tục, có phần giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ phải được tuân thủ trong quá trình thực hành lễ tục.

Câu 2. Vì giới thiệu về lễ tục - một loại hoạt động diễn ra theo các bước được quy định chặt chẽ - nên thông tin trong đoạn trích chủ yếu được triển khai theo trình tự thời gian. Đây cũng là cách triển khai đã được tác giả văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô chọn lựa. Cũng như văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, các thông tin trong đoạn trích còn được tổ chức theo bố cục: Giới thiệu về tục (xuất xứ, không gian, thời gian tiến hành, đối tượng tham gia,...)

Thuật lại diễn biến của lễ tục (các nghi thức, lễ vật, các bước tiến hành, các hoạt động bắt buộc và tự do,...) → Đánh giá chung về lễ tục (ý nghĩa, tác dụng, ảnh hưởng,...). Cần lưu ý: Việc đánh giá chung về lễ tục ở đoạn trích có phần mờ nhạt so với văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, do đoạn trích được lấy từ một cuốn sách mà phần đánh giá về các lễ tục nằm ở một đoạn khác.

Câu 3. Các luật lệ của lễ hội nghinh Ông ở xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đã được tác giả giới thiệu rất cụ thể:

- Các đồ lễ (khí tự) phải được chuẩn bị đầy đủ, công - Ngày, giờ làm lễ phải được xác định rõ ràng

- Trình tự tiến hành lễ và các nghi thức phải được thực hiện đúng. - Nơi nào làm lễ gì phải được phân định rõ.

Câu 4. Lễ hội thờ cúng cá voi được ngư dân nhiều vùng duyên hải miền Trung và miền Nam Việt Nam tổ chức hằng năm. Tuy mỗi nơi có cách tiến hành riêng nhưng tinh thần chung toát lên từ tất cả các lễ hội đó vẫn là niềm biết ơn đối với sự hào phóng của Mẹ thiên nhiên cũng như sự hỗ trợ to lớn của một số lực lượng tự nhiên đã giúp con người vượt qua nhiều hoạn nạn (cá voi hay cá Ông được xem là hiện thân của sự hỗ trợ ấy đối với những người lao động trên biển). Qua các lễ hội này, có thể thấy người dân lao động xưa, cụ thể là ngư dân, luôn muốn duy trì nếp sống hài hoà với tự nhiên, tôn trọng và nương theo quy luật của tự nhiên để xây dựng một cuộc sống yên bình, hạnh phúc.

Câu 5. Qua đoạn trích và qua văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô, có thể thấy loại văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động hoàn toàn có thể hấp dẫn được người đọc. Sự hấp dẫn đó một phần do cái lạ của trò chơi hay hoạt động đưa lại (cái lạ thường gây tò mò), một phần do cách viết của các tác giả tạo nên. Trong cách viết, điều đáng nhấn mạnh là các tác giả thường kết hợp một cách nhuần nhị lối trình bày khúc chiết và lối miêu tả cụ thể; trong khi liên tiếp đưa ra những thông tin khách quan vẫn không quên

chêm vào một số lời bình luận, phân tích hợp lí,... Ở nhiều văn bản, việc in kèm các bức ảnh minh hoạ sống động cũng khiến người đọc có được những ấn tượng tốt đẹp.

6. Trong đoạn trích, ngoài các địa danh, tác giả còn viết hoa một số từ, cụm từ khác như: Ông, Lãng Ông, Lễ hội nghinh Ông, Lễ nghinh Ông, Lễ cúng

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Làng Vân¹ bị vây bọc quanh bởi nhiều con sông; và tôi nghĩ rằng đây là một thế đất cần thiết cho sự giữ bí quyết, bởi vì cho đến nay, chưa ai bắt chước được rượu làng Vân cả. Một đoàn những cụ già y phục đáng lễ hội đứng chờ chúng tôi, vẽ thành một hàng dài vui mắt ngay trên nền chiếu hoa trải thành hai hàng trên thềm nhà; trên đó bày đủ các thức ăn để nguôi chừng đã lâu do chúng tôi đến trễ. Chúng tôi rủ nhau ngồi xuống chiếu trước những chai rượu Vân trong suốt. Một người nhà bưng ra những chiếc mâm đồng vàng ánh như còn mới, trên đó có chạm hoa văn nhỏ bằng đầu kim găm, lấm chấm phủ kín cả mặt đồng. Mỗi mâm có một cụ già bê từng món thức ăn đặt lên mâm đồng và hạ thấp ngọn măng sông² xuống (bây giờ, tôi mới để ý căn nhà được thắp sáng bằng đèn măng sông). Bóng tối trở nên đậm đặc hơn, và tôi không biết chủ nhà đang bày ra trò vui nào đây. Cụ già quay lại lấy một chai rượu Vân chừng một lít đổ đầy mặt đồng và châm lửa, hoá ra đó là một cách hâm thức ăn. Phức một tiếng, ánh

lửa bốc thành ngọn đồng loạt trên những chiếc mâm đồng; ngọn lửa len lỏi qua những bát thức ăn vẽ thành những lượn sóng màu xanh biếc trên mặt thực khách.

Đã lâu rồi nhưng tôi không thể nào quên bữa tiệc hôm ấy ở làng Vân, với những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối, trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai³ nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại. [...] Và trong không gian đó, tôi nghe lan toả một giai điệu quan họ⁴, và “người ở đừng về”⁵ đã nói với tôi một điều gì đó, giống như một điều nguồn cội thuộc văn hoá dân tộc.

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, Rượu làng Vân, in trong Miền gái đẹp, NXB Thuận Hoá, Thừa Thiên - Huế, 2001, tr. 28 - 30)

Câu 1: Nét sinh hoạt nào của cư dân làng Vân được nói tới trong đoạn trích?

Câu 2: Nêu những chi tiết miêu tả nét văn hoá độc đáo của làng Vân trong đoạn trích.

Câu 3: Khung cảnh bữa tiệc đón khách ở làng Vân được miêu tả như thế nào?

Câu 4: Đọc đoạn trích, em cảm nhận được gì về thái độ ứng xử với văn hoá vùng miền của tác giả?

Câu 5: Rượu làng Vân là loại rượu quê khá nổi tiếng. Có nhiều làng quê trên đất nước Việt Nam là những làng nghề chuyên sản xuất những sản phẩm truyền thống. Kể tên và chia sẻ nét văn hoá độc đáo của những làng nghề mà em biết.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Nét sinh hoạt nào của cư dân làng Vân được nói tới trong đoạn trích?

Đoạn trích chủ yếu miêu tả một buổi tiếp khách của cư dân làng Vân. Ở vùng Kinh Bắc xưa, đón khách, tiếp khách thể hiện phong tục của làng xã. Chính vì vậy, qua việc tiếp khách, ta có thể nhận ra những phong tục độc đáo, sự hiếu khách của người dân địa phương.

Câu 2: Nêu những chi tiết miêu tả nét văn hoá độc đáo của làng Vân trong đoạn trích.

Em hãy tìm những chi tiết miêu tả nét văn hoá em cho là độc đáo của làng Vân. Ví dụ: trang phục tiếp khách, cách hâm nóng thức ăn, hát quan họ,...

Câu 3: Khung cảnh bữa tiệc đón khách ở làng Vân được miêu tả như thế nào?

Đoạn trích miêu tả một khung cảnh rất đặc biệt. Có một số yếu tố tạo dựng khung cảnh, nhưng yếu tố ánh sáng được chú trọng, kèm theo đó là âm thanh. Ánh sáng đèn được giảm tối đa để bồng lên ánh sáng của các mâm rượu. Ánh sáng nhảy múa trên gương mặt thực khách. Trong không gian đó, văng lên tiếng hát quan họ. Ngoài ra còn có những chai rượu Vân, những chiếc mâm đồng và hoạt động của con người.

Câu 4: Đọc đoạn trích, em cảm nhận được gì về thái độ ứng xử với văn hoá vùng miền của tác giả?

Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường là người vùng khác, đến làm khách ở làng Vân. Ông biểu lộ sự háo hức, thích thú trước những nét văn hoá của vùng này. Thái độ tôn trọng, đề cao những nét văn hoá đó thể hiện cái nhìn rộng mở của nhà văn: biết trân trọng sự khác biệt, yêu thích những nét văn hoá truyền thống độc đáo của các vùng miền.

Câu 5: Rượu làng Vân là loại rượu quê khá nổi tiếng. Có nhiều làng quê trên đất nước Việt Nam là những làng nghề chuyên sản xuất những sản phẩm truyền thống. Kể tên và chia sẻ nét văn hoá độc đáo của những làng nghề mà em biết.

Trên đất nước Việt Nam có hàng nghìn làng nghề truyền thống. Làng nghề là làng chuyên về một nghề, phần lớn là nghề thủ công (làm tranh dân gian, làm đồ gỗ, làm nón, làm tò he, thêu, làm tương, làm gốm,...). Làng Vân có nghề nấu rượu từ sắn, gạo. Em hãy tìm hiểu thêm trên in-tơ-nét, sách báo, tài liệu hoặc quan sát ở địa phương để kể về những làng nghề như thế.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“... Như vậy là trước ngày ông Táo lên châu Trời hai tháng thì đã có một phái đoàn điều tra xuống dưới trần để xem xét tình hình rồi, các ông Táo của các gia đình gan có bằng gan có tía cũng không dám khai gian nói bậy.

Nói câu này, nhất định có người sẽ bảo là mình nịnh vợ, nhưng có thế nào cứ nói thế, không sao: tôi thích nghe những truyện truyền kì như thế nhưng từ buổi di cư vào miền Nam ít được ai nói tới, thành thử lắm khi cũng nhớ, mà đời hình như cũng kém thơ mộng đi một chút. Có lẽ cũng chính vì thế mà ăn mười tám, mười chín cái tết ở đây, vào ngày ông Táo châu trời, không thấy ai cúng cá chép, mình có khi cảm thấy như nhớ cái gì đẹp lắm mà mất đi không còn thấy nữa. Tôi nhớ Bắc Việt vào những ngày hai mươi ba tháng chạp, tiễn ông Táo lên Thiên Đình, cái không khí nó khàng khác chớ không như thế này... Từ sáng tinh sương, chưa bước chân xuống giường, tôi đã nghe thấy rao ới ở khắp các nẻo đường: “Ai mua cá ông Táo không?”, “Cá ông Táo không nào”. Nghe như thế, tự nhiên lòng mình bồng nao nao vì biết rằng có cá ông Táo là sắp đến Tết rồi. Không thể nào nằm được nữa. Mình ra xem thì thấy những bà bán hàng gánh hai cái thùng sơn đi vắt vẻo đôi tay, như chạy, để bán vội cho hết hàng, kéo còn phải về sớm để sửa sửa tiễn ông Công lên châu Trời tâu việc hàng năm của mỗi gia đình. Ông Công đó là thần Trương Đoàn hay Tử Quách, chỉ phụ trách riêng về việc bếp núc, còn Thổ Địa trông nom việc nhà, Thổ Kỳ có nhiệm vụ coi về chợ búa và tăng gia sản xuất cho đàn bà.

Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ là ba nhân vật trong truyện truyền kì “hai ông một bà” mà dân gian đều biết: hai ông là Trọng Cao và Phạm Lang, còn một bà là Thị Nhi cùng chết trong một đồng rơm. Để kỉ niệm ba người cùng chết một lần vào ngày gần tết, dân chúng làm cái bếp ghép bằng ba hòn gạch đều nhau bắt góc. Ở giữa, có để một hòn đá: đó là tên đầy tớ xông vào đâm cháy để cứu chủ không được mà cũng bị chết lây. Thường thường, ai cũng tưởng lễ tiễn ông Táo là ngày lễ cuối cùng trong một năm, thật ra sau đó hai ngày còn lễ tiễn ông vải, lễ tạ trường và lễ tất niên.

Trong lễ tiễn ông vải, người ta đem hết cả những chân nhang trong một bát hương đốt quanh năm ra đổ xuống sông hồ hay đốt đi và thay tro khác vào bát hương. Nhân lúc con cháu dọn dẹp, bày biện lại bàn thờ, ông vải thừa dịp đi chơi vài ngày để chờ lễ Giao Thừa lại trở về ăn tết với con cháu trong nhà.

(Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1999)

Câu 1: Trong đoạn trích trên, tác giả đã tái hiện một trong các tục lệ nào của dân tộc ta vào những ngày giáp Tết?

Câu 2: Trong đoạn trích, lễ tiễn ông vải, người ta thường làm những công việc gì?

Câu 3: Xác định Trạng ngữ trong câu văn: “Từ sáng tinh sương, chưa bước chân xuống giường, tôi đã nghe thấy rao ới ở khắp các nẻo đường: : “Ai mua cá ông Táo không?”, “Cá ông Táo không nào”. “ ? và cho biết trạng ngữ đó bổ sung ý nghĩa gì cho câu văn ?

Câu 4. Từ “tiễn” trong câu “Trong lễ tiễn ông vải, người ta đem hết cả những chân nhang trong một bát hương đốt quanh năm ra đổ xuống sông hồ hay đốt đi và thay tro khác vào bát hương.” mang ý nghĩa gì?

Câu 5. Cho biết thái độ, tình cảm của tác giả đối với truyền thống của dân tộc được thể hiện qua đoạn trích:

Câu 6. Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu: “... Như vậy là trước ngày ông Táo lên châu Trời hai tháng thì đã có một phái đoàn điều tra xuống dưới trần để xem xét tình hình rồi, các ông Táo của các gia đình gan có bằng gan cóc tía cũng không dám khai gian nói bậy” là gì?

Câu 7. Từ nội dung của đoạn trích trên, hãy kể một số việc làm của gia đình em trong lễ cúng ông Công ông Táo.

Câu 8. Em cảm nhận gì về những truyền thống của dân tộc ta từ những phong tục đẹp được nói tới trong đoạn trích?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Trong đoạn trích, tác giả đã tái hiện một trong các tục lệ: Cúng ông Công, ông Táo trong những ngày giáp tết.

Câu 2. Trong đoạn trích, lễ tiễn ông vải, người ta thường làm những công việc: Thay bát nhang, bày biện bàn thờ

Câu 3. Trạng ngữ “Từ sáng tinh sương” bổ sung ý nghĩa gì trong câu văn: Từ sáng tinh sương, chưa bước chân xuống giường, tôi đã nghe thấy rao ới ở khắp các nẻo đường: “Ai mua cá ông Táo không?”, “Cá ông Táo không nào” ?

Câu 4. Từ “tiễn” nghĩa là Đưa ông bà tổ tiên

Câu 5. Thái độ, tình cảm của tác giả đối với truyền thống của dân tộc được thể hiện qua đoạn trích: Thể hiện thái độ Trân trọng, tự hào

Câu 6. Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu: “... Như vậy là trước ngày ông Táo lên châu Trời hai tháng thì đã có một phái đoàn điều tra xuống dưới trần để xem xét tình hình rồi, các ông Táo của các gia đình gan có bằng gan cóc tía cũng không dám khai gian nói bậy” là:

Làm nổi bật sự trung thực của các ông Táo .

Câu 7. - sửa soạn bàn thờ ông Táo, chuẩn bị mâm lễ, đưa ông Táo vào ngày hai mươi ba tháng Chạp...

- Ý nghĩa của tục lệ này: thể hiện một nét văn hóa đẹp, cầu mong sự bình an của mỗi gia đình...

Câu 8. HS trả lời hợp lí, thuyết phục những cảm nhận của mình về truyền thống của dân tộc VN.

- Dân tộc ta có truyền thống, đạo lí rất nhân văn...

- Tự hào...

- Yêu mến, trân quý hơn những giá trị tốt đẹp đó...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc văn bản sau và trsr lời các câu hỏi:

LỄ HỘI NGHINH ÔNG Ở SÓC TRĂNG

Sóc Trăng là vùng đất gắn kết truyền thống văn hóa ba dân tộc, mỗi địa phương có tiềm năng phong phú, đa dạng về lễ hội và mỗi lễ hội đều mang sắc thái độc đáo riêng. Một trong những lễ hội tiêu biểu đó là Lễ hội Nghinh Ông thuộc huyện Trần Đề. Có truyền thống từ rất lâu đời, Lễ hội không chỉ mang yếu tố tôn giáo cổ truyền đậm nét dân gian mà còn có tính nhân văn sâu sắc. Lễ hội Nghinh Ông còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc biệt, có sức hấp dẫn và lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội, trở thành một nhu cầu, một món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của nhân dân địa phương.

Theo thống kê, nhân dân Kinh Ba sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt cá và tổng số lượng tàu thuyền là 334 chiếc, trong đó có 200 tàu đánh bắt xa bờ với công suất 90 mã lực. Sản lượng hải sản đạt trên 30.000 tấn/năm. Hàng năm, cứ vào ngày 21 đến ngày 23/3 ÂL ngư dân xứ biển Kinh Ba, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề lại từng bừng tổ chức lễ hội Nghinh Ông (gồm có hai phần chính là phần lễ và phần hội).

Vào sáng ngày 21/3 ÂL nhân dân vùng biển Kinh Ba cùng đông đảo du khách gần xa đã hội tụ về Lăng Ông để bắt đầu lễ hội. Đoàn Đào Thầy (hầu Ông) tiến hành những nghi thức lễ truyền thống sau đó tham gia diễu hành cùng đoàn múa lân rồi lên thuyền ra biển cúng Ông. Thuyền chính sẽ xuất phát đầu tiên theo sau là hàng trăm chiếc thuyền đánh cá của những ngư dân mang theo rất nhiều du khách. Trên đường ra biển, đoàn tiến hành các nghi thức cúng vái, cầu cho mưa thuận gió hòa, ngư dân có mùa bội thu... Tùy thuộc vào khả năng của từng người mà lễ vật cúng cũng có thể khác nhau nhưng chủ yếu vẫn là heo quay, vịt luộc, rượu, trái cây cùng hoa tươi,... Sau khi cúng vái xong, đại diện Đoàn nghi lễ sẽ xin keo, xin thành công có nghĩa là Ông đã chứng cho tấm lòng thành của ngư dân. Thuyền chính sẽ phát tín hiệu để các thuyền khác cùng quay vào bờ.

Đến bờ, Đoàn nghi lễ sẽ diễu hành và hầu Ông về Lăng. Đúng 7 giờ 30 phút, đoàn sẽ thực hiện các nghi thức rước Ông vào lăng rất trang trọng với phần nghi lễ: nhạc lễ, múa lân và dâng lên Ông những sản vật mà ngư dân đã thu hoạch được. Đến 9 giờ 30 phút là Lễ cúng Tiên sư, 12 giờ 30 phút là Lễ cúng Tiên giàng và 13 giờ 30 phút làm Lễ cúng Ông, là kết thúc phần lễ. Lúc này Ban trị sự Lăng Ông phân công người mang những lễ vật đã cúng xong ra tiếp đãi quan khách đến thấp nhang cho Ông, mọi người quây quần với chén trà, ly rượu thể hiện tình đoàn kết, khăng khít của nhân dân trong vùng, tính phóng khoáng và lòng mến khách của ngư dân nơi đây. Song song với Lễ thì những hoạt động của Hội cũng diễn ra rất sôi nổi và đầy hấp dẫn thu hút đông đảo mọi người tham gia với những trò chơi dân gian, thi đấu thể thao như: kéo co,

bóng chuyền, bi sắt, ... Vào các buổi tối ở Lăng Ông còn tổ chức hát bội, đèn ca tài tử phục vụ các nhu cầu vui chơi giải trí của nhân dân và du khách. Kết thúc Lễ hội là cảnh đưa đoàn tàu thuyền ra khơi trong niềm hân hoan của ngư dân địa phương và du khách.

Nội dung trong lễ hội vừa quảng bá hình ảnh về văn hóa, về đời sống mọi mặt của địa phương, vừa có dịp để giao lưu, học hỏi các tinh hoa văn hóa đem đến từ phía du khách. Đến với Lễ hội Nghinh Ông, du khách được hòa mình vào trong không gian văn hóa đặc sắc, cô đọng, cảm nhận các giá trị văn hóa của cư dân địa phương. Đồng thời du khách cũng có thể tham quan Cảng cá Trần Đề, thưởng thức những đặc sản của địa phương và mua những hải sản tươi sống về làm quà cho gia đình và người thân. Lễ hội Nghinh Ông, được sự tổ chức chu đáo của Ban trị sự Lăng Ông, cùng sự hỗ trợ tích cực của các ban ngành địa phương huyện Trần Đề đã giúp cho lễ hội thành công tốt đẹp, thu hút hàng ngàn du khách trong và ngoài tỉnh.

Nguồn: <https://dulichsoctrang.org/bai-viet/145/le-hoi-nghinh-ong---soc-trang.kvn>

Câu 1: Văn bản trên có những đặc điểm cơ bản của thể loại văn học nào?

Câu 2. Từ “ Ông” ở trong văn bản dùng để chỉ ai?

Câu 3. Nhận xét nào sau đây đúng với văn bản trên?

Câu 4. Tại sao nói: Lễ hội Nghinh Ông còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng **đặc biệt**.”

Câu 5. Nhan đề của văn bản cho em biết thông tin gì mà văn bản muốn truyền đạt đến?

Câu 6. Nhìn vào hai bức hình trong văn bản cho em những suy nghĩ gì?

Gợi ý đáp án

Câu 1. Văn bản trên thuộc văn bản thông tin

Câu 2. Từ “Ông” chỉ loài cá Ông được tôn vinh là thần.

Câu 3. Cung cấp thông tin, giới thiệu lễ hội Nghinh Ông ở Sóc Trăng.

Câu 4. Vì nó sức hấp dẫn và lôi cuốn mọi tầng lớp xã hội tham gia, Thể hiện tình đoàn kết, khăng khít của nhân dân trong vùng

Câu 5. nêu đúng trọng tâm của nhan đề.

Thông tin hướng đến nhan đề

Câu 6. Học sinh có thể nêu lên những suy nghĩ cá nhân khác nhau: Nội dung hướng đến niềm tự hào văn hóa lễ hội, đa dạng, nhiều màu sắc của vùng biển Sóc Trăng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).

Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.

Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giầy để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.

Phần rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, ... của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích, ...

Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi

khác.

Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Đến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. Đây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.

[Lễ hội đền Hùng | Cổng Thông Tin Điện Tử Phú Thọ \(phutho.gov.vn\)](http://phutho.gov.vn)

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản gì?

Câu 2. Loại bánh mang biểu tượng của ngày giỗ tổ là ?

Câu 3. Đền Hùng nằm ở tỉnh nào của nước ta?

Câu 4. Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta?

Câu 5. Hiện nay những lễ hội mang ý nghĩa tốt đẹp ấy đang dần bị mai một, theo em là một học sinh em cần làm gì để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản thông tin

Câu 2. Loại bánh mang biểu tượng của ngày giỗ tổ là: Bánh chưng bánh giày

Câu 3. Đền Hùng nằm ở tỉnh Phú Thọ.

Câu 4. Lễ hội Đền Hùng có ý nghĩa sau

Lễ hội Đền Hùng còn gọi là Giỗ Tổ Hùng Vương, là một lễ hội lớn nhằm tưởng nhớ và tỏ lòng biết ơn công lao lập nước của các vua Hùng, những vị vua đầu tiên của dân tộc. Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày mùng 10-3 âm lịch hàng năm tại Đền Hùng, Việt Trì, Phú Thọ.

Câu 5. HS nêu được những việc cần làm để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

4. Dạng viết ngắn

a. Viết kết nối đọc

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về những giá trị sống được bộc lộ qua lễ rửa làng của người Lô Lô.

Gợi ý trả lời

- Giới thiệu chung về trò chơi hay hoạt động.
- Nêu thời gian, địa điểm diễn ra trò chơi/hoạt động và những công việc cần chuẩn bị.
- Miêu tả/giới thiệu chi tiết về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi/hoạt động.
- Nêu ý nghĩa của trò chơi/hoạt động.

Đoạn văn tham khảo

Mỗi một dân tộc đều có những truyền thống, tập tục riêng thể hiện thế giới niềm tin và văn hóa của mình. Đối với người Lô Lô, lễ rửa làng là một lễ hội hết sức có ý nghĩa. Lễ rửa làng của người Lô Lô nhằm làm cho làng trở nên khang trang, sạch sẽ. Việc "rửa" làng là một cách để tẩy uế những điều xấu, cũ; đồng thời làm mới và chào đón, kêu gọi những điều tốt đẹp sẽ đến. Lễ rửa làng của người Lô Lô đã thể hiện ước muốn vụ mùa bội thu, mưa thuận gió hòa, mang lại bình yên, ấm no cho bản làng. Lễ hội của người Lô Lô không chỉ có phần "lễ", mà còn có phần "hội". Sau khi lễ xong, người dân lại cùng nhau ăn uống vui vẻ, tạo ra sự hòa thuận trong bản làng và cầu chúc cho nhau. Có thể thấy lễ rửa làng của người Lô Lô là một tín ngưỡng dân

gian và nét đẹp truyền thống góp phần làm giàu có thêm cho bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam.

ÔN TẬP VĂN BẢN: BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO

(Nguyễn Vĩnh Nguyên)

I. KIẾN THỨC CHUNG

1. Tác giả

- Tên: Nguyễn Vĩnh Nguyên
- Năm sinh: 1979
- Quê quán: Ninh Thuận

Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh năm 1979 tại Khánh Hòa, lớn lên tại Ninh Thuận, tốt nghiệp Sư phạm Ngữ văn Đại học Đà Lạt khóa 1997 - 2001. Anh sống và làm việc tại Sài Gòn. Anh không chỉ là nhà báo, nhà văn mà còn là tác giả của nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết. Ngoài các tập truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết, anh còn chuyên tâm thực hiện loạt sách về Đà Lạt.

- Ông là một người say mê Đà Lạt và cũng là tác giả của nhiều cuốn sách viết về Đà Lạt. Các đầu sách về Đà Lạt anh đã viết như: *Với Đà Lạt, ai cũng là lữ khách* (tản văn, năm 2014), *Đà Lạt, một thời hương xa* (du khảo, 2016), *Đà Lạt, bên dưới sương mù* (biên khảo, 2019), *Ký ức của ký ức* (tiểu thuyết, 2019). Anh còn lập một fanpage chuyên về Đà Lạt, là nơi trao đổi những thông tin văn hóa, lịch sử, những câu chuyện về thành phố.

+ Ông là nhà thơ, nhà văn, nhà báo tài năng

- Thể loại sáng tác: Tản văn, du khảo, báo chí,...

- Tác phẩm tiêu biểu: Tản văn *Với Đà Lạt, ai cũng là lữ khách*, du khảo *Đà Lạt, một thời hương xa*, biên khảo *Đà Lạt, bên dưới sương mù*,...

2. Tác phẩm

- *Thể loại*: Tản văn

- *Nhan đề*: *Bản tin về hoa anh đào* viết về hững thông tin xoay quanh hoa anh đào.

Hoàn cảnh sáng tác: Theo Nguyễn Vĩnh Nguyên, *Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 29-31.

- Văn bản được trích từ thiên tùy bút “Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt” trong tập bút “Thương nhớ mười hai”.

Được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả sống ở vùng kiểm soát của Mỹ – Ngụy, xa cách quê hương đất Bắc. Nhà văn đã gửi gắm vào trong trang sách nỗi niềm thương nhớ da diết quê hương, gia đình và lòng mong mỏi đất nước hòa bình, thống nhất.

- *Bố cục*: 3 phần

+ Phần 1: câu mở đầu và hai đoạn văn tiếp đó: *Giới thiệu về người bạn kí giả với những bản tin về hoa anh đào.*

+ Phần 2: Ba đoạn văn kế tiếp: *Cảm nhận và hình dung về tình thế khó xử của người viết tin.*

+ Phần 3: Hai đoạn văn cuối cùng: *Suy ngẫm từ những bản tin về hoa.*

* Tóm tắt: Anh bạn tôi là kí giả ở Đà Lạt, có đóng góp nhiều điều cho chuyện lớn của thành phố nhưng với tôi điều nể phục lớn nhất của anh là những bản tin nhỏ về hoa anh đào đều đặn xuất hiện hằng năm khi Đà Lạt giao mùa đông – xuân. Bản tin thường xuất hiện trên tờ báo T vào đúng cái mùa mà những người yêu Đà Lạt đang ngất ngây trong cái lạnh tháng Chạp. Có

năm, bản tin được viết trong niềm hân hoan hứng khởi báo tin hoa sẽ nở rộ; có năm bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lợi, có năm bản tin chỉ kể về một vài gốc hoa anh đào cổ thụ. Với nhiều người bản tin đó có thể tạo cảm giác lạc lõng, nhưng với người “sốc hoa” thì điều quan tâm là một bản tin về hoa liệu có giải quyết được gì? Thoạt đầu, anh đã lo sợ về những khó khăn của thưở ban đầu, nhưng vượt qua chướng ngại về tâm lý để viết nên cảm nhận về hoa đào. Đối với tôi, bản tin xuất hiện trên trang báo mỗi năm vô cùng ý nghĩa để hiểu rằng hoa cỏ cũng cần được truyền thông, nâng niu theo một cách tự nhiên nhất.

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

1. Bản tin hoa anh đào

Nhan đề: gọi cho người đọc liên tưởng tới những mẫu tin đăng trên báo, với hình ảnh hoa anh đào trong ngày lập xuân.

Bản hoa anh đào

- Thời gian: xuất hiện vào đúng mùa mà những người yêu Đà Lạt đang phát điên lên vì nhớ núi đồi và cái lạnh tháng Chạp.

- Nội dung:

+ Viết như bài thơ với niềm hứng khởi, hân hoan báo tin rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới, trên những con dốc, ngọn đồi.

+ Có năm bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lợi.

+ Có năm chỉ nói về một vài gốc đào cổ thụ vừa bị người ta đốn hạ.

2. Tình yêu hoa anh đào

- Bỏ qua những trần trở, nhà báo đã đặt bút viết để chuyển tải những cảm nhận đầy tinh tế về hoa đào.

- Đối với tác giả, bản tin về hoa đào xuất hiện thường nên trên các tờ báo là điều ý nghĩa bởi hoa cỏ cũng cần được truyền thông, nâng niu theo cách thể tự nhiên nhất.

3. Đánh giá

a. Giá trị nội dung

Tác phẩm đã cho người đọc thấy được tình yêu lớn lao của tác giả đối với hoa đào Đà Lạt.

Qua bài viết, người đọc cảm nhận được vẻ đẹp, hồn cốt của hoa đào mà nâng niu, trân trọng sắc đẹp của tự nhiên hơn.

b. Giá trị nghệ thuật

- Lời văn nhẹ nhàng, tinh tế, tình cảm, giàu hình ảnh.

- Câu văn giàu cảm xúc, lột tả được hết diễn biến tâm lý của tác giả.

- Dẫn chứng, liên hệ phong phú cuốn hút người đọc

III. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Tác giả của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" có quê ở đâu?

A. Ninh Bình

B. Bắc Ninh

C. Ninh Thuận

D. Bình Thuận

Câu 2: Tác giả của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" đã xuất bản nhiều cuốn sách viết về nơi nào?

A. Đà Nẵng

B. Sapa

C. Đà Lạt

D. Huế

Câu 3: Văn bản "Bản tin về hoa anh đào" trích từ đâu?

A. Ở lưng chừng nhìn xuống đám đông

B. Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách

C. Khu vườn lưu lạc

D. Động vật trong thành phố

Câu 4: Thể loại của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" là gì?

- A. Báo B. Truyện ngắn **C. Tản văn** D. Thơ

Câu 5: Phương thức biểu đạt chính của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" là gì?

- A. Thuyết minh** B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Tự sự

Câu 6: Phần 1 văn bản "Bản tin về hoa anh đào" viết về cái gì?

- A. Đặc điểm của bản tin hoa anh đào
B. Cảm xúc vừa tác giả về bản tin của các loài hoa

C. Giới thiệu về bản tin hoa anh đào

- D. Các câu chuyện gắn với hoa anh đào

Câu 7: Giải nghĩa từ "viễn mơ" trong bài "Bản tin về hoa anh đào". (Dựa vào SGK trả lời)

- A. Mơ mộng, xa thực tế
B. Anh bạn thân thiết
C. Có quan hệ thân thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến.
D. Ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn.

Câu 8: Giải nghĩa từ "Thiệt thân" trong bài "Bản tin về hoa anh đào".

- A. Mơ mộng, xa thực tế
B. Anh bạn thân thiết
C. Có quan hệ thân thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến.
D. Ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn.

Câu 9: Giải nghĩa từ "Sốc hoa" trong bài "Bản tin về hoa anh đào".

- A. Mơ mộng, xa thực tế
B. Anh bạn thân thiết
C. Có quan hệ thân thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến.
D. Ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn.

Câu 10: Giải nghĩa từ "Anh bạn thiết" trong bài "Bản tin về hoa anh đào".

- A. Mơ mộng, xa thực tế
B. Anh bạn thân thiết
C. Có quan hệ thân thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến.
D. Ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn.

Câu 11: Tác giả của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" là ai?

- A. Nguyễn Vĩnh Nguyên** B. Nguyễn Thùy Dung
C. Nguyễn Minh Hiền D. Giản Thanh Sơn

Câu 12: Tác giả của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" sinh năm bao nhiêu?

- A. 1979** B. 1989 C. 1999 D. 1969

Câu 13: Nhan đề "Bản tin về hoa anh đào" có thể gợi lên ở người đọc những suy đoán gì về nội dung của bài?

- A. Suy đoán bài sẽ tập trung miêu tả về hoa anh đào.
B. Suy đoán văn bản có nội dung liên quan đến một bản tin viết về hoa anh đào, về ý nghĩa của bản tin hoa anh đào đó, những con người gắn với bản tin đó,...

C. Suy đoán văn bản có nội dung liên quan đến một bản tin viết về hoa anh túc, về ý nghĩa của bản tin hoa anh túc đó, những con người gắn với bản tin đó,...

D. Suy đoán văn bản có nội dung liên quan đến một bản tin viết về hoa cẩm chướng, về ý nghĩa của bản tin hoa cẩm chướng đó, những con người gắn với bản tin đó,...

Câu 14: Trong văn bản "Bản tin về hoa anh đào", sự đồng điệu trong tâm hồn của tác giả và nhân vật trong tản văn được thể hiện qua các chi tiết nào?

A. Tác giả đánh giá và cảm nhận được những bản tin của nhân vật giống như bài thơ, thấy niềm hứng khởi, hân hoan trong những bản tin, hay việc tác giả cảm nhận được những khó khăn của nhân vật khi bắt đầu viết các về bản tin về hoa anh đào.

B. Tác giả đồng cảm với nhân vật khi cho rằng thông tin về hoa anh đào cũng cần phải được chấp nhận bình đẳng với mọi thông tin khác trên đời bởi vì nó là một trong những nhân tố quan trọng nhưng lặng lẽ làm nên diện mạo Đà Lạt.

C. A và B đều đúng.

D. A và B đều sai.

Câu 15: Nêu khái quát thông điệp mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua "Bản tin về hoa anh đào".

A. Con người hiện đại nên chú ý trân trọng cây cỏ, thiên nhiên nhiều hơn, bởi nó là thứ làm cho cuộc sống của con người trở nên cân bằng, thoải mái.

B. Hy vọng những bản tin về sự rối rắm hỗn loạn của xã hội được giảm thiểu trên các tờ báo nhật trình; thay vào đó là thông tin về các loài hoa, những mùa hoa thân yêu để góp phần thanh lọc và giúp tâm hồn con người đẹp đẽ hơn.

C. A và B đều đúng.

D. A và B đều sai.

Câu 16: Giải nghĩa từ "kí giả" trong bài "Bản tin về hoa anh đào".

A. Người viết văn

B. Người viết báo, nhà báo

C. Người sáng tác thơ

D. Người sáng tác âm nhạc

Câu 15: Giá trị nghệ thuật của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" là gì?

A. Lời văn nhẹ nhàng, tinh tế, tình cảm, giàu hình ảnh.

B. Câu văn giàu cảm xúc, lột tả được hết diễn biến tâm lí của tác giả.

C. Dẫn chứng, liên hệ phong phú cuốn hút người đọc.

D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 17: Trong văn bản "Bản tin về hoa anh đào", những từ ngữ nào thể hiện trực tiếp ý kiến đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào?

A. Kể lể, thông điệp giá trị, ý nghĩa.

B. Bài thơ, hứng khởi, hân hoan, kể lể, thông điệp giá trị, ý nghĩa.

C. Hứng khởi, hân hoan, kể lể, thông điệp giá trị.

D. Bài thơ, hứng khởi.

Câu 18: Vì sao tác giả của văn bản "Bản tin về hoa anh đào" lại cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào, người bạn của mình đã phải vượt qua nhiều "khó khăn", "chướng ngại"?

A. Vì hoa anh đào rất hiếm.

B. Vì rất khó để theo dõi quá trình sinh trưởng của hoa anh đào

- C. Vì với nhiều người, đó là thứ xa xỉ viễn mơ. Nó cũng có thể bị lạc lõng ngay trên trang báo bảo vì nó không phải là thông tin giật gân, thông tin được nhiều người ưa chuộng.
- D. Vì những người viết không thật sự yêu thích hoa anh đào.

2. Ngữ liệu Đọc Hiểu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Anh bạn tôi là kí giả ở Đà Lạt.

Nhiều năm viết báo với trách nhiệm và sự dấn thân anh đã đóng góp nhiều điều cho chuyện đại cục của thành phố. Nhưng với riêng tôi điều đáng nể phục ở anh lại không chỉ nằm ở những loạt phóng sự điều tra gay cấn, những kỉ sự đường xa đầy phiêu lưu, những tiếng nói phản biện xã hội từ hiện trường đời sông, mà nơi những bản tin nhỏ vẽ hoa anh đào đều đặn xuất hiện hằng năm khi Đà Lạt giao mùa Đông - Xuân.

Bản tin vẽ hoa anh đào thường xuất hiện trên tờ báo T vào đúng cái mùa mà những người yêu Đà Lạt đang phát điên lên vì nhớ núi đồi và cái lạnh tháng Chạp. Có năm, bản tin được viết như một bài thơ, với niềm hứng khởi, hân hoan, loan báo rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới, trên những cơn dốc, ngọn đồi A., B, C; có năm, bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lợi nhưng cũng có năm bản tin kể về một vài gốc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường nào đó trong thành phố vừa bị đốn hạ

Với nhiều người, đó là thứ xa xỉ viễn mơ. Bản thân cái bản tin đó cũng có thể tạo cảm giác lạc lõng ngay trên trang báo, giữa cái thời ai cũng mong chờ báo chỉ đem lại các thiết thân, cái giật gân, cái chạm vào toán tính mu sinh thường nhật"! Những độc giả bị "sốc hoa" này sẽ hỏi ngay, một bản tin hoa nở, hoa tàn thì liệu có giải quyết được điều gì.

[...] Tôi đã hình dung cái khó khăn của thuở ban đầu, khi ý tưởng viết một bản tin về hoa vừa đến trong đầu người viết. Rõ ràng ngay lập tức anh sẽ tự hỏi, đó có phải hoặc có nên là một bản tin? Hẳn anh bạn thiết của tôi đã ngồi hàng giờ ở cái quán cà phê quen thuộc dưới sừng một cây anh đào nào đó và ưu tư nhiều lắm, như thế hoàng tử bé với nỗi băn khoăn vô hạn trước một nường!/? hoa kiểu điểm đơn độc tro gai giữa tình cầu" bé nhỏ, vì chàng không biết làm sao để ngỏ lời với nàng theo cách thế tự nhiên nhất. Trong đầu anh bạn hẳn sẽ rộn ràng như những trang văn của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri nhưng rồi lại phải trở về thực tại với một quyết định cực cùng cách mạng: phải làm cho hiện thực vẽ hoa đào được chấp nhận bình đẳng với mọi thông tin khác trên đời.

(Trích Bản tin về hoa anh đào - Nguyễn Vĩnh Nguyên SGK Ngữ văn 7 KNTT trang 87)

Câu 1: Xác định thể loại của văn bản trên?

Câu 2: Nội dung của đoạn trích trên xoay quanh vấn đề gì?

Câu 3: Nhan đề văn bản "Bản tin về hoa anh đào" gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 4: Vì sao tác giả lại cho rằng để viết về một bản tin về hoa anh đào, người bạn cuuar mình đã phải vượt qua nhiều "khó khăn", "chướng ngại"?

Câu 5: Qua đoạn trích tác giả đã nêu lên cách sống và thái độ nào về cách ứng xử với thiên nhiên của con người trong cuộc sống hiện đại?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Thể loại: Tản văn

Câu 2: Nội dung bài Tản văn sẽ viết về những thông tin xoay quanh hoa anh đào.

Câu 3: Nhan đề: gọi cho người đọc liên tưởng tới những mẫu tin đăng trên báo, với hình ảnh hoa anh đào trong ngày lập xuân.

Câu 4: Tác giả lại cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào, người bạn của mình đã phải vượt qua nhiều “khó khăn”, “chướng ngại” vì trong cuộc sống hiện đại ngày nay, ai cũng mong chờ được đọc trên báo những tin tức xã hội thiết thân, chạm vào toan tính mưu sinh hàng ngày. Chính vì thế nên những bản tin về hoa anh đào có thể sẽ không được mọi người quan tâm.

Câu 5: Qua bài viết tác giả cho biết rằng con người trong cuộc sống hiện đại vì quá mải mê kiếm tiền, bon chen giữa bộn bề cuộc sống mà quên mất đi vẻ đẹp của thiên nhiên: vẻ đẹp của hoa anh đào.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Cuối cùng anh đã vượt qua những chướng ngại đầu tiên trong tinh thần để mạnh dạn ngòi vào bản viết, truyền tải cái cảm nhận đầy tình tể về thực tại có hoa nơi thành phố bình yên trở thành một thông điệp giá trị cần chia sẻ với nhiều người

Bản tin về tình trạng hoa đào mỗi năm một lần, xuất hiện trên tờ báo T, với nội dung, là điều vô cùng ý nghĩa. Ý nghĩa trong bình diện tư duy trong nghề báo thì đã rồi, nhưng lớn lao hơn, đó là nó đã truyền đi một lối nghĩ khác, để hiểu rằng hoa cỏ - những nhân vật chính lặng lẽ lắm nên nhan sắc Đà Lạt, cái hiện thực về xã hội thiên nhiên đó - cũng cần được truyền thông. nâng rúu theo cách thể tự nhiên nhất, nghệ thuật nhất, chứ không nhất thiết thông qua những cuộc vận động ròn ràng nhất thời [... |

Tôi đã nghĩ đến một ngày nào đó, những bản tin về st tôi tâm hồn loạn của xã hội loài người được giảm thiểu trên các tờ nhật trình chuyên về chính trị xã hội, thay vào đó là thông tin về tình trạng của những loài hoa, những mùa hoa nơi thánh phố tôi yêu. Khi đó, tâm hồn con người sẽ được thanh lọc, tốt lành biết mấy.

(Nguyễn Vĩnh Nguyên, Với Đà Lạt ai cũng là khách, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2013, tr 29 - 31)

Câu 1: Em hãy nhận xét về ý kiến đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào?

Câu 2: Em hãy cho biết Sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn?

Câu 3: Theo em thông điệp mà tác giả muốn gửi tới qua văn bản này là gì?

Câu 4: Nêu suy nghĩ của em về điều mong muốn mà tác giả thể hiện ở đoạn cuối văn bản?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Tác giả yêu mến và trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên. Ông luôn mong muốn rằng một ngày nào đó những bản tin về hoa anh đào sẽ xuất hiện nhiều hơn trên báo, giúp cho tâm hồn con người thanh lọc, tốt lành hơn.

Câu 2: Sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn:

+ Tác giả thấu hiểu được những khó khăn, trở ngại khi người bạn của mình viết bản tin về hoa anh đào

+ Đồng thời, ông trân trọng sự mạnh mẽ vượt qua chướng ngại tinh thần đó của bạn mình. Ông cũng mong rằng sau này những bản tin về hoa anh đào sẽ xuất hiện nhiều hơn nữa trên báo.

Câu 3: Thông điệp chính mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua tản văn *Bản tin về hoa anh đào* là: Người đọc hãy tạm gác lại những lo toan, bận bịu của cuộc sống hiện đại và cùng nhau dành thời gian yêu thiên nhiên hơn, ngắm nhìn và cảm nhận vẻ đẹp của cỏ hoa nơi thành phố mình yêu.

Câu 4: Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả thể hiện ở đoạn cuối văn bản. Quả thực trong xã hội hiện đại ngày nay, gánh nặng “cơm áo gạo tiền” đã làm con người ta bận rộn và tất bật, không có thời gian để ngắm nhìn và cảm nhận thiên nhiên tươi đẹp. Chúng ta hãy tạm gác lại những âu lo, dành một chút thời gian để ngắm nhìn và yêu thiên nhiên hơn nữa, để cho tâm hồn mình được thanh lọc và tốt lành hơn.

3. Ngữ Liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

ĐÀ LẠT VÀ TÔI

(Chu Văn Sơn)

Tôi đồ rằng, do bất bình trước cái việc tạo hoá đã ném mình vào nằng nung khiến thân nhiệt lúc nào cũng nồng nã vã sáng, xứ nhiệt đới này đã gồng mình cướp lại bằng được một phần ôn đới rồi đem về cất giấu tận trên cao nguyên Di Linh làm của để dành. Vì thế mà có Đà Lạt. Đà Lạt được giấu kín như thế hàng kỉ nguyên sau mây mù và rừng núi rậm rạp. Kín đến nỗi chính xứ nhiệt đới cũng từng quên mất nó. Chỉ đến khi một người Pháp tốt bụng là Yersin kiên nhẫn dò tìm và phát hiện ra, thì Đà Lạt mới được khua dậy, được dắt tay ra khỏi lãng quên. Lập tức người Pháp ở Đông Dương chọn đây làm nơi nghỉ dưỡng khi không thể về bản quốc.

Lên đây, họ cảm thấy được hồi hương ngay tại xứ người. Người Việt xem Đà Lạt như một ôn đới gần, một ôn đới nằm gọn trong vòng tay nhiệt đới. Từ Hà Nội bay vào hay Sài Gòn bay ra, họ đều cất cánh từ mùa hạ, sau vài tiếng đồng hồ, đáp cánh xuống mùa thu. Người bị ngập đầu trong guồng quay công việc tìm về đây cho ngày cuối tuần thư giãn, y như thói sắt nung được nhúng vào nước lạnh.

Người cầm tù trong nhịp sống tĩnh tại, thời gian biểu quần quanh, tìm về đây như một dịp thau chua rửa mặn, được sống những nhu cầu khuất lấp trong mình. Có phải ngàn thông là một bộ lọc tận tụy vô tư cho Đà Lạt không Bao bọc Đà Lạt trong lòng mình, ru vỗ Đà Lạt trong cái nội xanh đời đời của mình, thông cao nguyên cứ lặng thầm lọc nóng thành mát, đục thành trong tục thành thanh, ồn ã thành êm ả, nhiệt đới thành ôn đới...

[...]Mỗi ngày cơ đến từ vùng thấp đang lan tràn và lăm le đánh chiếm nổi miền cao này. Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiều loạn, quay cuồng chả đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả. Sự cách li có là phòng tuyến lâu dài? Sự ẩn dật có thể là trường thành chống đỡ và cách sống chậm nữa, liệu có thể là lá mộc che giữ cho sự bình yên này mãi không? Tôi đọc ra niềm lo âu trong mỗi tiếng thở dài của rừng thông về đêm và những thoáng rừng mình kín đáo từ những đoá hoa hồng, lay ơn, cẩm tú cầu khi những tia nắng đầu tiên gọi về một ngày mới.

Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ. Chẳng thế mà, đang nghi ngút toả lên yên ả vậy, sao chốc chốc làn hương lại chợt ngừng, chợt ngơ ngẩn bởi những thoáng gió lạ lúc nắng mai? Chỉ Đà Lạt mới biết hằng đêm, mỗi khi tiếng chuông điểm canh trên thiền viện ngân trong thanh vắng, thì cũng là lúc ngàn thông vào thiền định trong một lễ cầu an mệnh mong thầm nguyện cầu cho xứ sở yên hàn.

(Trích Đà Lạt và tôi, in trong cuốn Tự tình cùng cái đẹp của Chu Văn Sơn, NXB Hội Nhà văn, 2019, tr.38 - 49)

Câu 1. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2. Vẻ đẹp của thiên nhiên của Đà Lạt theo quan điểm của người viết gắn liền với khí hậu gì?

Câu 3. Xác định từ Hán Việt trong câu “Lên đây, họ cảm thấy được hồi hương ngay tại xứ người.” ?

Câu 4. Xác định phó từ trong câu văn “Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ.” Và cho biết phó từ đó bổ sung ý nghĩa gì?

Câu 5. Đoạn trích trên thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của người viết?

Câu 6. Em có đồng tình với tác giả khi cho rằng: *Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiều loạn, quay cuồng chả đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả. Sự cách li có là phòng tuyến lâu dài? Sự ẩn dật có thể là trường thành chống đỡ và cách sống chậm nữa, liệu có thể là lá chắn che giữ cho sự bình yên này mãi không? Vì sao?*

Câu 7. Theo em, để bảo vệ bình yên cho các danh lam thắng cảnh ở nước ta khỏi sự xô bồ, hỗn tạp cần có giải pháp gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Văn bản được kể theo ngôi thứ nhất

Câu 2. Vẻ đẹp của thiên nhiên của Đà Lạt theo quan điểm của người viết gắn liền với khí hậu ôn đới.

Câu 3. Từ Hán Việt trong câu “Lên đây, họ cảm thấy được hồi hương ngay tại xứ người.” là: hồi hương.

Câu 4. Phó từ “những” trong câu văn “Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ.” bổ sung ý nghĩa về lượng.

Câu 5. Đoạn trích trên thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của người viết: Yêu thích vẻ đẹp bình yên của Đà Lạt và hi vọng sự bình yên đó không bị sự hỗn tạp và xô bồ xâm lấn.

Câu 6. Học sinh đưa ra được ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình và lí giải hợp lí.

Câu 7. Có hệ thống những quy định rõ ràng đối với du khách khi tham quan cần giữ gìn quang cảnh, môi trường tĩnh lặng.

- Khuyến khích, tuyên dương những hành động bảo vệ môi trường, danh lam thắng cảnh.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

...Những năm tháng xa quê, giông tố cuộc đời tưởng chừng cuốn bay tất cả nhưng trong tâm tư tôi những dòng sông quê menh mông vẫn cuộn cuộn chảy, những dòng kinh xanh biếc vẫn lặng lẽ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mù khói rạ, thơm vị lúa lụi và trắng xóa sương mù sau tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thăm thẳm canh khuya. Tôi yêu nắng chiều tà trải màu vàng tái trên rẫy khoai mì, nghiêng nghiêng bên triền núi...

(Mai Văn Tạo Tản văn - Nguồn sách Nâng cao Ngữ Văn 7, trang 212)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính.

Câu 2. Đoạn văn trên được biểu cảm theo cách nào?

Câu 3. Trong đoạn trích, từ nào thuộc từ láy toàn bộ?

Câu 4. Đoạn văn biểu đạt tình cảm gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Biểu cảm.

Câu 2. Đoạn văn trên được biểu cảm theo cách: trực tiếp

Câu 3. Từ láy toàn bộ: cuồn cuộn, mù mù, thăm thăm.

Câu 4. Đoạn văn biểu đạt tình cảm: nỗi nhớ và tình yêu thiết tha, nồng hậu đối với mảnh đất quê hương.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

TIẾNG CHIM TRONG THÀNH PHỐ

(1) Hà Nội những năm vừa tiếp quản thập niên 50, 60 là một sân chim vô cùng phong phú. Kể cả những tháng ngày chiến tranh bom đạn cũng không bao giờ vắng tiếng chim. Trên những vòm lá cổ thụ là nơi trú ngụ của hàng đàn chim khuyên lớn. Hừng sáng, những chú chim trống đua nhau hót sổng gọi bạn. Tiếng hót râm ran hàng tiếng đồng hồ. Con chim vào loại bé nhất trong các loài chim ấy không ngờ có giọng hót lạnh lót vang xa đến thế. Lũ chim sẽ bị đánh thức hòa giọng chành chọe dăm dứt rời chỗ ngủ. Những con chích chòe than đậu chót vót trên ngọn cây cất tiếng hót từng hồi dài. Phía vườn Bách Thảo lạch xạch tiếng con chim dẻ quạt luồn lách trong những tầng cây thấp cất tiếng hót trong veo mảnh mai tơ tóc. Hòa giọng lanh chanh sắc nhọn của bầy chim bạc má thoăn thoắt chuyền cành. Những cây cổ thụ trong các đình chùa là nơi trú ngụ của những con chim cú mèo. Ban đêm, chúng lặng lẽ liệng cánh rất thấp dọc theo các con phố tối đèn tìm bắt chuột.

Tháng ba, hoa gạo nở đỏ rực bên hồ Hoàn Kiếm, Bảo tàng lịch sử, Miếu Hai Cô góc Văn Miếu. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hòa Bình xôn xao trò chuyện. Chúng còn nán lại sang hết tháng tư khi những quả đa chín vàng rượi quanh hồ. Tháng mười một, mùa quả nhội chín, chim héc có cái mỏ đỏ chót âm ỉ kéo về phố hàng đàn. Những quả nhội chín chớm chua màu cát là thức ăn loài chim này rất thích. Những con phố Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Phan Chu Trinh lúc ấy trồng chủ yếu loại cây này.

Quanh năm trên những cây cổ thụ trong thành phố không lúc nào ngớt tiếng chim cu gáy gọi bạn. Chúng chọn những hàng cây lớn ven sông Hồng phía đường Yên Phụ và khu bệnh viện Hữu Nghị làm nơi tá túc. Là nơi có khoảng cách gần nhất để vượt sông sang những bãi bồi ngô lúa bờ bên kia. Ngoài bãi sông trong những tầng cây thấp là tiếng con chim gọi vẹt chập chờn theo tiếng sổng. Loài chim này rất hiếm khi có thể nhìn thấy chúng. Nhưng tiếng hót đặc biệt đúng giờ và đúng nơi cứ như thể chúng vĩnh viễn có mặt ở đấy. Đầu hè là tiếng chim sơn ca tha thiết tìm bạn trên những dải cát hồng bãi giữa. Giọng sơn ca thỉnh thoảng vút cao giữa tầng không trong vắt như nhạc xuống từ trời. Con chim xấu mã này có một giọng ca tuyệt vời nhất trong toàn bộ thế giới chim cảnh.

Chim chào mào dạn người sống khắp nơi trong thành phố. Công viên vườn hoa nào cũng rất sẵn. Lũ chào mào hoẵng huýt coi tất cả cây cối như nhà riêng của chúng.

Mùa di trú, chim sâm cầm, le le kéo về đậu trên mặt nước Hồ Tây thành những mảng lớn lênh đênh trên sóng. Đàn chim rét mướt giữa sương khói mặt hồ ẩn hiện thần tiên trong

những lau lách lan man bên bờ. Cuối bãi sông Hồng kéo dài về phía Hà Nam là những con giang, con sếu co ro một chân im lìm soi bóng nước như bức tượng xám...

(2) Những cánh chim trong thành phố được thành thoi bay lượn vui vầy cho đến khoảng giữa những năm 60 của thế kỉ trước. [...]

Chim khách và chim quạ biến mất hoàn toàn cho đến tận bây giờ không chỉ ở Hà Nội. Lác đác còn lại vài con chim cu gáy sợ sệt hiếm khi nghe thấy giọng. Những chim nhỏ cũng lần lượt vào nôi bởi số lượng đông đảo. Chào mào và chim sẻ trải qua giai đoạn khốc liệt này chỉ còn rất thưa thớt.

Hồ Tây với việc xây dựng ô ạt trong những năm gần đây không chỉ mất đi cảnh quan ven hồ. Đàn chim di trú cũng chỉ còn lác đác lai vãng năm về năm không. Ngoài đê sông Hồng đã trở thành phố phường, không bao giờ còn nghe thấy tiếng con chim gọi vẹt nữa. Mấy cây gạo ven hồ Hoàn Kiếm và Văn Miếu đã không còn. Lũ sáo đá, sáo nâu nhiều năm rồi biệt tích.

Người Hà Nội không thể thiếu tiếng chim. Nạn săn bắn đã được kiểm soát chặt chẽ từ hơn chục năm rồi. Nhưng thật lạ, những loài chim tưởng như rất dạn người không quay về nữa. Người Hà Nội chơi chim cảnh nuôi nhốt trong lồng. Tiếng hót sung mãn của con sơn ca, con vành khuyên, con chào mào nuôi nhốt nghe ra vẫn có âm hưởng ai oán thế nào?

(Theo Đỗ Phấn)

Câu 1. Nêu nội dung chính của phần (1), (2) trong văn bản trên ?

Câu 2. Tác giả sử dụng cách thức nào để miêu tả các loài chim trong thành phố ?

Câu 3. Qua văn bản trên, có thể thấy tác giả là người như thế nào?

Câu 4. Thông điệp chính mà tác giả muốn chuyển đến bạn đọc qua văn bản *Tiếng chim trong thành phố* là gì?

Câu 5. Theo em, cần có những biện pháp nào để bảo vệ các loài chim.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Nội dung chính của phần (1) trong văn bản là: Tái hiện một thời thành phố Hà Nội có đầy tiếng chim.

- Nội dung phần (2): Phản ánh hiện trạng Hà Nội bây giờ đã vắng đi rất nhiều tiếng chim.

Câu 2. Tác giả sử dụng cách thức nào để miêu tả các loài chim trong thành phố: Liệt kê tên các loài chim

Câu 3. Qua văn bản trên, có thể thấy tác giả là người: Có hiểu biết phong phú và rất yêu quý tiếng chim.

Câu 4. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm: Thành phố Hà Nội cần có chính sách và quy định để bảo vệ các loài chim trong thành phố. Mỗi người dân cũng cần có ý thức để bảo vệ các loài chim.

Câu 5. Những biện pháp để bảo vệ các loài chim:

- Không săn bắt các loài chim quý hiếm.
- Xây dựng khu bảo tồn các loài chim quý hiếm.
- Bảo vệ môi trường sống của các loài chim.
- Tăng cường bảo vệ và chăm sóc các loài chim.
- Hạn chế săn bắt và nuôi chim làm cảnh.

- Tuân theo các biện pháp và tuyên truyền các biện pháp này cho người thân và hàng xóm để bảo vệ các loài chim.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

SÔNG HƯƠNG

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh gồm nhiều đoạn mà mỗi đoạn đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau: màu xanh thẫm của da trời, màu xanh biếc của lá cây, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước.

Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm.

(Theo: Đất nước ngàn năm)

Câu 1: Sông Hương đã được miêu tả ở những thời điểm nào?

Câu 2. Văn bản thuộc thể loại nào?

Câu 3 Các cụm từ sau: *một bức tranh phong cảnh, những tiếng ồn ào* là cụm từ nào?

Câu 4. Phân tích cấu tạo câu văn được in đậm trong phần trích?

Câu 5. Câu văn: “*Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm*” khẳng định điều gì?

Câu 6. Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn “*Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng*”?

Câu 7. Từ văn bản trên hãy viết đoạn văn (5 - 7 câu) cảm nhận về vẻ đẹp của sông Hương?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Sông Hương đã được miêu tả ở những thời điểm: Mùa hè đến, những đêm trăng sáng.

Câu 2. Văn bản thuộc thể loại: Tản văn

Câu 3 các cụm từ sau: *một bức tranh phong cảnh, những tiếng ồn ào* là cụm từ: Cụm danh từ

Câu 4: *Những đêm trăng sáng, dòng sông // là một đường trăng*

TN

CN

VN

lung linh dát vàng.

Câu 5. Câu văn: “*Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm đềm*” Khẳng định ý nghĩa của sông Hương trong cuộc sống của thành phố Huế.

Câu 6: Tác giả đã sử dụng thành công biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: “*Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng*” nhằm gợi tả vẻ đẹp lung linh, huyền ảo, kì diệu của sông Hương vào những đêm trăng sáng. Dòng sông lúc này đã trở thành dòng trăng lấp lánh, dòng trăng huyền thoại. Bp so sánh còn làm cho ngôn ngữ thêm mượt mà, giàu sức biểu cảm.

Câu 7: Hs tự viết đoạn văn Có thể Tham khảo đoạn văn sau

Viết về dòng sông quê mẹ, [Tế Hanh](#) có bài thơ "Nhớ con sông quê hương", Hoài Vũ có bài "Vàm cỏ Đông", Vũ Duy Thông có bài "Bè xuôi sông La"... Đó là những bài thơ hay mang nặng tình quê hương. Đoạn trích “ Sông Hương” (trích “Đất nước ngàn năm”) cũng cho ta nhiều thương mến bởi vẻ đẹp trong những thời khắc khác nhau của Hương Giang. Sông Hương nổi bật với vẻ đẹp biến hoá theo thời khắc trong ngày, theo mây trời, theo cảnh vật hai bên bờ: Khi thì tươi mát với những màu xanh “*xanh thắm của da trời, màu xanh biếc của lá cây, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước*” khi lại đột ngột biến thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường. Vẻ đẹp ấy khiến ta nhớ đến vẻ duyên dáng của “ Dòng sông mặc áo” (Nguyễn Trọng Tạo). Đẹp nhất là khi “*Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng*” lúc này, sông Hương có dịp phô diễn hết vẻ dịu dàng, mềm mại, lung linh, huyền ảo, thanh mát khiến ta như lạc vào miền thơ của ca dao cổ tích. Dòng sông quê hương xứ Huế mộng mơ – dòng sông mang trong mình chất thơ, chất hoạ, chất nhạc luôn ru vỗ con người Huế đậm nghĩa tình. Đoạn trích đã thể hiện một cách thẩm thiết tình yêu dòng sông nơi chứa chan bao tình cảm mến yêu - Tình cảm trong sáng ấy đã chan hòa với tình yêu quê hương [đất nước](#) của tác giả.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

MÙA PHƠI SÂN TRƯỚC

Hồi con nít thích đi xe đạp về nhà ngoại bằng con đường xóm cặp mé sông Rạch Rập. Đường đất dầm dãi suốt một em cần: mùa mưa, chúng' gió chướng thổi về mới ráo tạnh bùn lầy. Đến Chạp thì những chân trâu cũng bị bôi xóa hết, có thể đạp xe thông dong mà đã đời nghiêng ngó.

Mùa Chạp đi bầy cây số không nghe mỏi. Gió chướng khoác lên làng mạc một vẻ mơ màng, đường uốn lượn theo sông, và dòng chảy đó thắm suốt thoát ẩn thoát hiện sau những lùm cây hoang dại. Dọc đường thấy Tết lấp ló khắp nơi, trên sân nhà người, trên những giàn phơi.

Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rất sân đất, nên nhà nào cũng cặm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chim trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củ, hay gối, chiếu. Những ngày hừng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó ngóng nắng, khi cảm mốc, khi thì mở bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mở cơm nguội hay mở lá dừa khô dùng để nhen lửa, mấy trái đậu bắp giả làm giống cho mùa sau,... Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lung. Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giàn, lúa khô đem vô bồ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xấp nước lúa rảy" đã lấm tẩm xanh. Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.

Càng gần về cuối năm gian phơi càng bận rộn. Dầu dãi oằn mình suốt năm, giờ trên giàn bày ra những món ngon chuẩn bị cho cuộc hội hè. Bánh phồng vừa quét xong, củ kiệu mới trộn đường xong, mứt gừng mới ngào nửa lửa,... thứ nào cũng ưa nắng. Nhưng cá khô mới là ưa nắng nhứt hạng, mới cần thứ nắng róng róng như thắp lửa, thứ nắng như chảy trên đầu. Mùa Chạp cả làm địa người ta lớp rọng lớp làm mắm để ăn dần dần cho tới mùa lúa sau, mở xẻ làm

khô ăn Tết. Mùa địa kéo dài cả tháng nghĩa là lúc nào giã phơi cũng đầy những con cá nầm nhuộm nắng cho đỏ au da thịt.

Mùa Chạp thế nào cũng gặp người ta ép chuối khô. Chuối xiêm chín cây sẵn ngoài vườn, lột vỏ phơi một nắng, rồi đem ép mỏng. Không như cá khô rủ rê bọ ruồi nặng đến mức phải đốt nhang cắm nơi đầu gió để xua đuổi chúng, mật chuối tươm ướt rượt chỉ mê dụ quặng rũ lũ ong. Kéo tới dập dùi, lão đảo bay đầu như say, những con ong sa đà ở giã phơi cho đến khi những miếng chuối ép mỏng bắt đầu khô quắt, vàng óng như vua nướng trên than hồng. Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me.... đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời. Vậy là nước miếng mình tứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mới gọi trong sân thiên hạ. Đang thèm tô cơm nguội chan nước dừa ăn với khô lóc nướng thì bỗng nghĩ giờ phải có thịt kho Tàu để ăn với dưa kiệu nhà kia, rồi cái hủ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng xắt mịn thì mâm mứt tắc" đỏ au đang kia làm mình làm chết một cách lim dim như tụi kiến Chân rồ rồ không mồi, nhưng tâm rã rời, cứ chạy theo đeo đuổi một trên những giàn phơi. Hụt hơi, chơi với. Có lần về nhà kêu má Tết này làm những món này nấy, những món mà mình nhìn thấy mang theo trên suốt chặng đường từ nhà ngoại về. Má cười, người ta có đâu có nghĩa là mình phải có.

(Nguồn In-ter-nét)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại gì?

Câu 2. Từ “má” là từ địa phương của miền nào?

Câu 3. Chủ đề của văn bản là gì?

Câu 4. Xác định nội dung của văn bản trên?

Câu 5. Xác định phó từ trong câu “Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mới gọi trong sân thiên hạ.” Và cho biết phó từ đó bổ sung ý nghĩa gì?

Câu 6. Nhận xét về chất trữ tình trong văn bản.

Câu 7. Văn bản giúp em hiểu gì về tình cảm của người viết với quê hương.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại tản văn

Câu 2. Từ “má” là từ địa phương của miền nam

Câu 3. Chủ đề của văn bản là: Kỉ niệm quê hương, về thiên nhiên cảnh vật

Câu 4. Giá trị nội dung của văn bản là: Văn bản đã ghi lại cảm xúc của tác giả khi nhớ về tuổi thơ đạp xe về nhà ngoại: đâu đâu cũng thấy người ta phơi đồ trên sân.

Câu 5. Phó từ trong câu “Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mới gọi trong sân thiên hạ.” là: những bổ sung ý nghĩa về lượng.

Câu 6. Nhận xét về chất trữ tình trong văn bản:

- Chất trữ tình nhẹ nhàng

- Chất trữ tình góp phần thể hiện cảm xúc của tác giả, tạo cho bài văn mạch chất trữ tình nên thơ.

Câu 7. Văn bản giúp em hiểu về tình cảm của người viết với quê hương:

- Văn bản cho thấy sự gắn bó sâu nặng của tác giả - người con xa quê - với quê nhà. Đó là cảm xúc hoài niệm nhớ nhung về tuổi thơ, tình cảm yêu quê hương tha thiết. Với nhà văn, những hình ảnh, đặc trưng của quê hương luôn khắc ghi trong tâm trí.

BÀI 9 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ

A. Mục tiêu cần đạt

HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng

- HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

Phẩm chất:

- Thái độ học tập nghiêm túc.

B. Nội dung

I. Lí thuyết

Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét

- Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.

- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

II. Bài tập

Bài 1

Tìm từ Hán Việt trong những câu dưới đây (trích tùy bút *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới). Xác định nghĩa của các từ Hán Việt đã tìm được và nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên các từ đó.

a. Tre ấy trông thanh cao, giản dị ... như người.

b. Dưới bóng tre xanh, ... người dân cày ... dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.

c. Tre là cánh tay của người nông dân.

d. Tre là thẳng thắn, bất khuất.

Gợi ý trả lời

a. Từ Hán Việt: thanh cao, giản dị

- Thanh cao: trong sạch và cao thượng (trong sạch, cao: vươn lên, thanh cao: trong sạch vượt trội)

- Giản dị: không cầu kì, phức tạp, rườm rà (giản: gọn, sơ lược, không phức tạp; dị: dễ dàng)

b. Từ Hán Việt: khai hoang

- Khai hoang: khai phá vùng đất chưa được con người sử dụng (khai: mở, mở rộng, phát triển; hoang: vùng đất chưa được con người sử dụng)

c. Từ Hán Việt: nông dân

- Nông dân: người lao động sản xuất nông nghiệp (nông: nghề làm ruộng; dân: người sống trong một khu vực địa lí hoặc hành chính)
- d. Từ Hán Việt: bất khuất
- Bất khuất: không chịu khuất phục (Bất: không, khuất: khuất phục, bất khuất: không chịu khuất phục)

Bài 2. Em hiểu như thế nào về nghĩa của các yếu tố Hán Việt tạo nên từ tín ngưỡng được dùng trong văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô? Theo em, khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách nào?

Gợi ý trả lời

Theo em hiểu tín có nghĩa là uy tín, chữ tín, lòng tin...; ngưỡng là tôn kính, kính ngưỡng... Hai yếu tố này hợp thành tín ngưỡng mang nghĩa chỉ niềm tin của con người được thể hiện thông qua những nghi lễ gắn liền với phong tục, tập quán để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân, cộng đồng.

- Theo em, khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách:

- + Tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. Ví dụ: tín ngưỡng tách thành tín và ngưỡng.
- + Tiếp đó, dựa vào từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách trên vào các nhóm khác nhau. Ví dụ tín có: tín tâm, uy tín, tín nghĩa, chữ tín; ngưỡng có: kính ngưỡng, ngưỡng mộ...
- + Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.

Bài 3: Bản sắc, ưu tú, truyền thông là các từ có yếu tố Hán Việt. Lập bảng theo mẫu được gợi ý sau đây để xác định nghĩa của chúng:

Từ cần xác định nghĩa		Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự	Nghĩa của từng yếu tố	Nghĩa chung của từ
Bản sắc	Bản	bản chất, bản lĩnh, bản quán, nguyên bản,...	Bản:...	Bản sắc:...
	Sắc	sắc thái, sắc độ, sắc tố,...	Sắc:...	
Ưu tú	Ưu	...	...	...
	Tú	...	...	
...		...	...	...
		...	...	

Gợi ý trả lời

Từ cần xác định nghĩa		Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự	Nghĩa của từng yếu tố	Nghĩa chung của từ
Bản sắc	Bản	bản chất, bản lĩnh, bản quán, nguyên bản,...	Bản:...	Bản sắc: tính chất riêng tạo thành đặc điểm chính.

	Sắc	sắc thái, sắc độ, sắc tố,...	Sắc:...	
Ưu tú	Ưu	ưu điểm, ưu tú, hạng ưu, ưu ái,...	ưu: tốt,, giỏi, cái ở phía trên	ưu tư: lo nghĩ.
	Tú	tư duy, tâm tư, tương tư, vô tư, tư tưởng,..	tư: suy nghĩ, ý niệm, nhớ nhung, hoài niệm	
Truyền thông	Truyền	truyền đạt, truyền hình, truyền khẩu, truyền kỳ, truyền miệng, truyền thuyết,...	truyền: lan rộng, đưa từ chỗ này đến chỗ khác	truyền thông: hoạt động trao đổi thông điệp trong một nhóm người hoặc một cộng đồng để tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau hoặc hiệu biết về một sự kiện, sự việc, con người.

Bài 4. Tìm các từ Hán Việt trong các câu sau:

1. Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều

Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu.

(Huy Cận)

2. Nồn nà sương ngọc quanh thềm đậu

Nắng nhỏ băng khuâng chiều lỡ thì

Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;

Cành biếc run run chân ý nhi.

(Xuân Diệu)

3. Sương nương theo trăng ngừng lưng trời;

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

(Xuân Diệu)

4. Tắm thân xiêm áo sao mà nhẹ

Cái giá khoa danh ấy mới hời.

(Nguyễn Khuyến)

5. Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp

Con thuyền xuôi mái nước song song

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củ một cành khô lạc mấy dòng

(Huy Cận)

6. Gà gáy một lần đêm chưa tan,
Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thăm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.

(Hồ Chí Minh)

7. Thỉnh thoảng nàng trắng tự ngân ngơ
Non xa khởi sự nhạt sương mờ
Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vắng người sang những chuyến đò.

(Xuân Diệu)

8. Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

(Bà Huyện Thanh Quan)

9. Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.

(Bích Khê)

10. Vô tâm – nhưng giữa bài thơ dịu
Anh với em như một cặp vầng.

(Xuân Diệu)

11. Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.

(Hồ Chí Minh)

12. Biển đã rộng nhưng trời còn mênh mông hơn. Trời đã mênh mông nhưng thấm gì so với lòng người vô biên vô tận! Nhìn vào đâu mà thấy nhiều ánh sáng hoặc nhiều bóng tối bằng nhìn vào lòng người.

(V. Huy-gô)

13. Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài.

(Hồ Chí Minh)

Gợi ý trả lời

Bài 4. Từ Hán Việt được in đậm sau:

1. Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa **vãn** chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót
Sông dài trời rộng bến **cô liêu**.

(Huy Cận)

2. Nồn nà sương ngọc quanh thềm đậu
Nắng nhỏ băng khuâng chiều **lữ thì**
Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;
Cành biếc run run chân **ý nhi**.

(Xuân Diệu)

3. Sương **nương** theo trăng ngừng lưng trời;
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

(Xuân Diệu)

4. Sóng gợn **tràng giang** buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại **sầu** trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng

(Huy Cận)

5. Tắm thân **xiêm** áo sao mà nhẹ
Cái giá **khoa danh** ấy mới hời.

(Nguyễn Khuyến)

6. Gà gáy một lần đêm chữa tan,
Chòm sao đưa **nguyệt** vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thăm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió **hàn**.

(Hồ Chí Minh)

7. Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ
Non xa **khởi sự** nhạt sương mờ
Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vắng người sang những chuyến đò.

(Xuân Diệu)

8. Lối xưa xe ngựa hồn **thu thảo**,
Nền cũ **lâu đài** bóng **tịch dương**.

(Bà Huyện Thanh Quan)

9. Ô hay! Buồn **vương** cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.

(Bích Khê)

10. **Vô tâm** – nhưng giữa bài thơ dịu
Anh với em như một cặp vầng.

(Xuân Diệu)

11. **Đồng bào** ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.

(Hồ Chí Minh)

12. Biển đã rộng nhưng trời còn mênh mông hơn. Trời đã mênh mông nhưng thăm gì so với lòng người **vô biên vô tận**! Nhìn vào đâu mà thấy nhiều ánh sáng hoặc nhiều bóng tối bằng nhìn vào lòng người.

(V. Huy-gô)

13. Nước nhà cần phải **kiến thiết**. Kiến thiết cần phải có **nhân tài**.

(Hồ Chí Minh)

Bài 5. Điền các từ ngữ Hán Việt: thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng vào chỗ trống trong các câu sau cho thích hợp :

- a) *Nhân dân ta đã đạt được nhiều... trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.*
- b) *Nhà trường đã khen thưởng các em học sinh có... học tập tốt.*
- c) *Nhân dân Việt Nam cương quyết bảo vệ các... của cách mạng.*
- d) *Chúng tôi đã dùng nhiều biện pháp kỹ thuật đối với khu đất này, nhưng đến nay vẫn chưa có...*
- đ) *Có chăm chỉ học tập thì... học tập mới cao.*
- e) *Bác Hồ suốt đời ôm ấp một... là nước nhà được độc lập, thống nhất, nhân dân được no ấm, tự do.*
- g) *Con ngoan ngoãn, chăm chỉ, mẹ... nhiều ở con.*

Gợi ý trả lời

Bài 5. Tìm hiểu nghĩa của các từ: *thành tích, thành tựu, thành quả, hiệu quả, kết quả, nguyện vọng, hi vọng* (nên dựa vào các từ điển để tìm hiểu cho chính xác). Tham khảo cách giải nghĩa sau :

- *Thành tích* : kết quả được đánh giá là tốt do nỗ lực mà đạt được. *Thành tích công tác.*
- *Thành tựu* : cái đạt được có ý nghĩa lớn sau một quá trình hoạt động thành công. *Thành tựu khoa học.*
- *Hiệu quả* : kết quả như yêu cầu của việc làm mang lại. *Hiệu quả kinh tế.*
- *Thành quả* : kết quả quý giá đạt được của cả một quá trình hoạt động, đấu tranh. *Thành quả cách mạng.*

- *Kết quả* : cái đạt được, thu được trong một công việc hoặc một quá trình tiến triển sự việc. *Kết quả học tập*.

- *Nguyện vọng* : điều mong muốn. *Nguyện vọng chính đáng*.

- *Hi vọng* : tin tưởng và mong chờ. *Hi vọng có ngày gặp lại*.

Sau khi tìm hiểu nghĩa của từng từ, lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống. Có thể điền như sau :

a) thành tựu ; b) thành tích ; c) thành quả ; d) hiệu quả; đ) kết quả ; e) nguyện vọng ; g) hi vọng

Bài 6. Phân biệt nghĩa của các cặp từ sau và đặt với mỗi từ một câu.

a) *nồng nhiệt* – *nồng hậu*

b) *khẩn cấp* – *khẩn trương*.

Gợi ý trả lời

Bài 6. Dựa vào từ điển để giải nghĩa các từ đã cho.

Tham khảo các câu sau :

- Chúng tôi cảm ơn sự đón tiếp **nồng nhiệt** của các bạn.

- Anh là con người **nồng hậu**.

- Tình hình rất **khẩn cấp**, chúng ta phải chuẩn bị đối phó.

- Chúng ta phải **khẩn trương** triển khai kế hoạch.

Bài 7. Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ

Chiều trời bàng lãng bóng hoàng hôn,

Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn.

Gác mái, ngư ông về viễn phố,

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,

Dặm liễu sương sa khách bước dồn.

Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?

(Bà Huyện Thanh Quan)

a. Tìm các từ Hán Việt có trong bài thơ trên? Giải thích nghĩa của các từ vừa tìm được?

b. Các từ Hán Việt ấy tạo sắc thái biểu cảm gì cho bài thơ?

Gợi ý trả lời

Bài 7.

a. Các từ Hán Việt trong đoạn thơ và giải nghĩa:

- Hoàng hôn: lúc mặt trời vừa lặn, ánh sáng vàng (hoặc đỏ) và mờ dần.

- Ngư ông: người làm nghề đánh cá.

- Mục tử: chỉ đứa trẻ làm công việc chăn gia súc (trâu, bò)

- Lữ thứ: chỗ tạm nghỉ lại của người đi đường xa, thường chỉ nhà trọ, quán nghỉ.

- Hàn ôn: lạnh và ấm, chỉ sự chuyện trò hỏi thăm nhau ghi gặp lại.

b. Các từ Hán Việt này tạo sắc thái trang trọng, cổ kính cho bài thơ, khiến bài thơ phù hợp để diễn tả những nỗi niềm hoài cổ, u hoài trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan.

Bài 8. Trong hai câu văn sau đây, những từ nào là từ Hán Việt? Hãy tìm hiểu nghĩa của chúng.

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên.

(Thân Nhân Trung, Hiền tài là nguyên khí của quốc gia)

Gợi ý trả lời

Bài 8. Những từ Hán Việt trong hai câu văn và nghĩa của chúng là:

- *Hiền tài*: người tài cao, học rộng và có đạo đức.
- *Nguyên khí*: khí chất ban đầu tạo nên sự sống còn và phát triển của sự vật.
- *Quốc gia*: đất nước.
- *Thịnh*: phát triển tốt đẹp.
- *Thế*: tổng thể các mối tương quan tạo thành điều kiện chung cho sự vật, hiện tượng.
- *Suy*: yếu, không phát triển.
- *Thánh đế*: vua tài năng.
- *Minh vương*: chúa sáng suốt.
- *Bồi dưỡng*: làm cho tăng cường sức lực, trí lực hay phẩm chất.
- *Nhân tài*: người tài giỏi.
- *Sĩ*: người trí thức thời phong kiến.

Bài 9. Viết một đoạn văn (từ 10 đến 15 câu) trong đó có sử dụng ít nhất 3 từ Hán Việt có hiệu quả. Gạch chân dưới mỗi từ đó.

(GV hướng dẫn hs tự viết)

BÀI 9: RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

1. Định hướng

a. Khái niệm

- Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi là giới thiệu những quy định mà các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và tuân thủ

b. Mục đích

- Cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động

c. Các thao tác chính

- Xác định hoạt động hay trò chơi cần thuyết minh
- Tìm thông tin về hoạt động hay trò chơi đó ở các nguồn khác nhau; chọn lọc thông tin quan trọng, tập trung vào các thông tin liên quan đến các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi đã xác định
- Xác định bố cục bài văn; lựa chọn trật tự sắp xếp các thông tin chính, chú ý làm nổi bật các thông tin về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi

- Xác định hình thức trình bày: chữ viết kèm theo hình vẽ hoặc tranh, ảnh để giới thiệu, minh họa về quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi
- Có thể trình bày bài văn bằng cách viết tay hoặc thiết kế trên máy vi tính

2. Thực hành

Đề bài: Dựa vào các văn bản đã học (“Lễ rủa làng của người Lô Lô”) hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

a. Chuẩn bị

- Xác định hoạt động hay trò chơi được em thuyết minh về quy tắc, luật lệ
- Xem lại các văn bản đọc hiểu về các hoạt động hay trò chơi đó
- Tìm hiểu thông tin và thu thập tranh, ảnh về hoạt động hay trò chơi mà em định viết bài văn thuyết minh. Tài liệu của Nhung tây

b. Tìm ý và lập dàn ý

*Tìm ý: (trả lời các câu hỏi)

- Đó là hoạt động hay trò chơi gì? Diễn ra ở đâu?
- Mục đích của hoạt động hay trò chơi ấy là gì? Đối tượng tham gia là ai?
- Trình tự tiến hành hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào?
- Có những quy định gì về hoạt động hay trò chơi ấy?
- Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy là gì?

*** Lập dàn ý:**

- Mở bài: Giới thiệu hoạt động hay trò chơi
- Thân bài: Giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của hoạt động hay trò chơi theo một trật tự nhất định
- Kết bài: Nêu giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi

c. Viết

- Viết một đoạn văn(mở bài, kết bài hoặc một ý lớn trong phần thân bài) mà em thấy tâm đắc
- Viết bài văn thuyết minh hoàn chỉnh

d. Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại
- Xem xét bố cục và nội dung các ý nêu trong đoạn văn, bài văn thuyết minh đã hợp lí và đầy đủ chưa
- Rà soát, phát hiện và sửa các lỗi trong trình bày, diễn đạt.

THAM KHẢO ĐẤU VẬT VIỆT NAM LỊCH SỬ RA ĐỜI GẮN VỚI TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA VIỆT

Đấu Vật Việt Nam chính là một nét đẹp trong văn hóa truyền thống, tất cả những ai muốn tham gia sẽ đều có đặc quyền là được thi đấu hết mình và được xem là những đô vật thực thụ. Hình thức thi đấu của môn này còn thể hiện được thực hiện theo “tín ngưỡng”, cầu nguyện cho mọi người sẽ đều gặp được những điều tốt đẹp đến với địa phương mình.

1. Đấu vật là gì?

Khái niệm về môn thể thao đấu vật là môn đối kháng giữa hai người chơi. Nhiệm vụ của họ là cố gắng kiểm soát bằng cách nắm chặt, xoay và ép. Tùy theo quy định của từng luật từng địa phương mà người thắng sẽ thu được nhiều lợi ích. Bằng cách chống lại đối thủ hoặc là đối thủ thua hoặc là bị đẩy ra khỏi đấu trường. Những vận động viên khi tham gia môn thể thao này sẽ được gọi là đô vật. Đây là môn thể thao có lịch sử lâu đời và được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng với phong cách sống khác nhau.

2. Lễ hội đấu vật ở Việt Nam

Tại Việt Nam môn đấu vật là trò chơi dân gian truyền thống phổ biến ở hầu hết các tỉnh phía Bắc. Những làng nghề đấu vật nổi tiếng là : Vị Thanh (Vĩnh Yên), Gia Lâm (Gia Lâm), Mai Động (Hà Nội), Phong Châu, Thục Vu (Nam Định), Đoan Hùng (Vĩnh Phú),... Đây là những địa phương vẫn thường xuyên tổ chức lễ hội đấu vật nhằm tạo ra được sân chơi lành mạnh cho các đô vật. Cũng như là một hình thức tế lễ, cầu nguyện. Tùy từng địa phương khác nhau mà sẽ có hình thức thi đấu cũng như mục đích tổ chức khác nhau.

a. Cách thắng đấu vật

Một trận đấu giữa hai người đánh nhau tại Việt nam ta gọi là keo vật. Những thế để vật đối phương gọi là miếng. Một đô vật giỏi không chỉ cần phải khỏe mà còn phải nhanh nhẹn để có thể thi đấu những pha bất ngờ hạ gục đối phương. Tài liệu của Nhung tây

Theo phong tục Việt Nam, muốn thắng thì phải giành hạ đối thủ bằng cách “lắm lừng trắng bụng” hoặc “ngã ngựa trắng bụng” hay nhấc bổng đối thủ lên.

Hội vật ở Việt Nam thường được bố trí vào tháng Giêng âm lịch. Đấu vật có nhiều giải thưởng phụ và ba giải thưởng lớn. Giải thưởng phụ được gọi là giải hàng được trao cho bất kỳ ai giành được 1 keo vật thắng. Giải thưởng chính hàng năm do một người đảm nhiệm, và điều kiện là giải thưởng đó phải được trao trong thời gian diễn ra lễ hội.

Người chiến thắng phá giải là người đã giành được chiến thắng trước người đã thắng của năm trước. Nhưng phải đánh bại nhiều đô vật tham gia khác mới được gọi là người chiến thắng.

b. Diễn biến của 1 keo vật điển hình

Đô vật tham gia sẽ đóng khố và cởi trần. Trước khi đấu vật, hai đối thủ sẽ cùng nhau lên đài, trình diễn những động tác tay chân để rình miếng của nhau. Sau đó họ lao vào nhau, ôm nhau và vật lộn.

Khi đối thủ đang giằng co, vật nhau thì có hai người làm nhiệm vụ phát cờ, đánh trống rất náo nhiệt. Người đánh trống cầm dùi ghé vào tai vận động viên đánh nhịp ba tiếng một lần như động viên, thúc giục. Vẩy cờ cán dài để ngăn người xem xâm phạm sân, và trong trường hợp khuyến khích người thắng cuộc, họ vẩy cờ theo nhịp trống.

Trong một trận đấu vật, khi đô vật biết mình bị “bắt bài” (lỡ miếng), mặc cho đối thủ vắn vện, đô vật ngay lập tức nằm xuống đất, tránh bị ngã và chỉ khi đối thủ sơ hở mới đứng lên.

Hai kiểu tấn công đối tượng chính của Việt Nam là đệm, ngáng làm đối phương ngã và bóc nâng đối phương lên. Tài liệu của Nhung tây

Đối với ba giải chính thì việc phá xong mỗi giải hay do người giữ giải đã tiến hành vật đủ số người theo lệ quy định. Hoặc có thể là do người phá giải toàn thắng thì những người dân làng sẽ thường đốt 1 bánh pháo toàn hồng để chúc mừng.

(Dẫn theo Bóng đá 365.com)

CA TRÙ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VIỆT NAM TẠI THẾ GIỚI

Ca trù được định hình với tư cách là một thể loại ca nhạc có đặc trưng, phong cách riêng vào khoảng thế kỷ 15. Tùy từng địa phương, từng không gian diễn xướng mà hát Ca trù còn được gọi là hát ả đào, hát cửa đình, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà tơ, hát nhà trò hay hát ca công.

1. Lịch sử

Ca trù được bắt nguồn từ dân ca, dân nhạc cùng với một số trò diễn và múa dân gian. Chính vì vậy, Ca trù là một **bộ môn nghệ thuật tổng hợp** với nét độc đáo là sự phối hợp đa dạng, tinh tế, nhuần nhuyễn giữa thi ca và âm nhạc, đôi khi có cả múa.

Xuất hiện sơ khai vào đầu thế kỷ 11, bắt đầu thịnh hành trong nước từ thế kỷ 15 nhưng đến nửa cuối thế kỷ 20, Ca trù mới được thế giới biết đến lần đầu tiên qua tiếng hát của **nghệ nhân Quách Thị Hồ** (1909 – 2001). Dần dần sau đó, Ca trù còn được nhiều nhạc sĩ, nhạc học gia nước ngoài theo học, tìm hiểu, nghiên cứu và giới thiệu tại nhiều trường đại học nổi tiếng trên thế giới. Trải qua quá trình phát triển thăng trầm cùng với những biến cố của lịch sử, cho tới nay, Ca trù đã đạt đến trình độ thẩm mỹ cao, khẳng định được vị trí quan trọng không chỉ của Việt Nam mà còn của cả nhân loại.

Ca trù hiện có ở 14 tỉnh, thành trong cả nước: miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc); miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình); miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh).

Bên cạnh đó, nhiều nơi trước đây có giáo phường Ca trù ở châu thổ Bắc Bộ hiện vẫn có đền thờ tổ Ca trù như làng Lỗ Khê (xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội) có đình ca công; làng Cổ Đàm (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) có đền Tổ Cô đầu hay đền Bạch Hoa công chúa; làng Phụng Cách (xã Phụng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội) cũng có di tích đền thờ tổ Ca trù.

2. Đặc điểm nghệ thuật của Ca trù

Hát Ca trù có 5 **không gian trình diễn** chính: hát cửa đình (hát thờ), hát cửa quyền (hát cung đình hay hát chúc hỷ), hát tại gia (hát nhà tơ), hát thi và hát ca quán (hát chơi). Mỗi không gian có một lối hát và cách thức trình diễn riêng. Ca trù xưa được tổ chức chặt chẽ thành phường, giáo phường, do trùm phường và quản giáp cai quản. Ca trù có qui định về sự truyền nghề, cách học đàn, học hát, việc cho phép đào nương vào nghề (lễ mở xiêm áo), việc chọn đào nương đi hát thi...

Tham gia biểu diễn Ca trù có ít nhất 3 người: một nữ ca sĩ gọi là “*đào nương*” hay “*ca nương*” hát theo lối nói và gõ phách lấy nhịp (phách là một nhạc cụ làm bằng gỗ hoặc tre, được gõ bằng 2 que); một nam nhạc công gọi là “*kép*” đệm đàn đáy cho người hát (đàn đáy là một loại đàn cổ, dài, có 3 sợi dây tơ và 10 phím đàn); một người điểm trống châu gọi là “*quan viên*”. Trong đó, **ca nương** là một trong 3 thành phần quan trọng. Để trở thành một người ca nương được mọi người công nhận, người nghệ sỹ phải trải qua quá trình học hỏi, luyện tập, trau dồi và vượt qua rất nhiều thử thách.

Trong Ca trù có các thể cách chỉ các làn điệu hát, hình thức diễn xướng múa, diễn, nghi lễ, việc thi cử trong Ca trù. Khi thể cách là làn điệu hát, thì “*thể cách*” hoàn toàn trùng hợp với “*làn điệu*” (ví dụ thể cách Hát nói, Bắc phản,...). **Một điệu có thể là một bài hát nhưng cũng có thể bao gồm nhiều bài**; mỗi bài bao giờ cũng chỉ có một lời ca với tên gọi riêng của nó. Thể

cách cũng chỉ một tiết mục múa hoặc diễn xướng, thậm chí một nghi lễ trong trình diễn Ca trù, một trình diễn kỹ thuật về sử dụng trống hoặc đàn. Trong nghệ thuật biểu diễn Ca trù, số thể cách có sự thêm bớt thành các biến cách, làm phong phú thêm cho thể cách Ca trù. Tư liệu Hán Nôm hiện đã ghi nhận được 99 thể cách Ca trù; có thể chia thành 3 nhóm: nhóm hát thuần túy gồm 66 làn điệu, bao gồm 5 nhóm nhỏ là hát, đọc, nói, ngâm, thống; nhóm kết hợp hát - múa - diễn gồm 19 thể cách; nhóm nghi lễ và trình diễn nghề trong thi cử gồm 14 thể cách.

Trong Ca trù, thơ giữ một vị trí rất quan trọng. Nhiều nhà nghiên cứu âm nhạc cho rằng hát **Ca trù là hát thơ với một hệ bài bản phong phú quy định cho từng lối hát**. Lời lẽ, ca từ của Ca trù mang tính uyên bác, ít lời mà nhiều nghĩa, giàu chất thơ, mang nhiều cảm xúc, trầm ngâm, sâu lắng. Kỹ thuật hát rất tinh tế, công phu, đòi hỏi phải nắn nót, chau chuốt từng chữ. Khi hát, dào dạt không cần há to miệng, không đẩy mạnh hơi từ buồng phổi mà ém hơi trong cổ, ậm ự mà lời ca vẫn rõ ràng, tròn vành rõ chữ.

Ca trù có nhiều điệu hát, thể hát sử dụng các thể thơ quen thuộc và thuần Việt như: lục bát (điệu Bắc phản, Chừ khi, Cung bắc, Nhịp ba cung bắc, Đại thạch, Hăm, Hồng hạnh, Non mai, Thư phòng, Mưỡu, Ngâm vọng, Thống...); song thất lục bát. Ngoài ra còn có các thể thơ 7 chữ và 1 câu lục cuối bài, thể thơ 7 chữ và 1 câu lục bát cuối bài, thể thơ Đường luật, thể phú, thơ Đường luật trường thiên. Đặc biệt, thể hát nói (thơ 8 chữ) là thể thơ dành riêng cho Ca trù. Hát nói có thể coi là một sáng tạo độc đáo của Ca trù bởi trong các làn điệu dân nhạc Việt Nam, chỉ có Ca trù mới hình thành nên thể thơ này. Hát nói sử dụng thể thơ độc đáo không chỉ ở nội dung và hình thức mà còn ở chỗ nó vừa là một điệu hát của Ca trù vừa là một thể loại văn học. Hát nói có một cấu trúc hoàn chỉnh, ổn định và mang tính đặc thù, khu biệt với các thể thơ khác. Trong hát nói, các yếu tố khuôn khổ, câu kết thúc, cách tổ chức vần luật... được quy định rất chặt chẽ. Một bài hát nói không phụ thuộc vào bài nhạc nhất định. Nghệ nhân hát nói, khi biểu diễn, hoàn toàn chịu sự chi phối của lời thơ.

Cùng với thơ, **múa cũng là một trong những nhân tố quan trọng góp phần tạo nên nét đặc sắc, riêng biệt của nghệ thuật hát Ca trù**. Có nhiều điệu múa được sử dụng trong Ca trù như: múa Bài Bông (thường được biểu diễn trong hát cửa đình), múa Đại Thạch (thường được biểu diễn trong hát thờ và hát thi), múa Bỏ Bộ và múa Tứ Linh (chỉ có trong hát thờ)...

3. Giá trị nổi bật của Ca trù

Ca trù đã được Hội đồng thẩm định di sản của UNESCO đánh giá như sau:

- Ca trù đã trải qua một quá trình phát triển ít nhất từ thế kỷ 15 đến nay, được biểu diễn trong không gian văn hóa đa dạng gắn liền, ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Ca trù thể hiện một ý thức về bản sắc và sự kế tục trong nghệ thuật biểu diễn, có tính sáng tạo, được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua các tổ chức giáo phường. Những giáo phường này đã duy trì các cộng đồng có quan hệ mật thiết, tạo nên nét đặc trưng cho Ca trù. Mặc dù trải qua nhiều biến động lịch sử, xã hội nhưng Ca trù vẫn có một sức sống riêng bởi giá trị nghệ thuật độc đáo của nó đối với văn hóa Việt Nam.

- **Ca trù độc đáo ở không gian nghệ thuật riêng, nhạc cụ và thể thơ riêng biệt**. Theo các nghệ nhân dân gian, Ca trù có rất nhiều thể thức hoặc giai điệu khác nhau, mỗi loại này được gọi là thể cách. Kỹ thuật hát rất tinh tế, công phu. Từ Ca trù, một thể thơ độc đáo đã ra đời và có vị trí sáng giá trong dòng văn học chữ Nôm của dân tộc, đó là thể hát nói với hàng nghìn bài thơ chữ Nôm chứa đựng rất nhiều tâm trạng và biến thái tinh tế của tâm hồn Việt Nam qua nhiều

thế kỷ. Về âm nhạc, ba loại nhạc cụ là đàn đáy, phách và trống, trải qua quá trình sử dụng lâu dài đã trở nên những nhạc khí đặc trưng của Ca trù, góp phần đưa Ca trù trở thành một thể loại thanh nhạc kinh điển của Việt Nam. Trên thế giới, ít có một bộ môn nghệ thuật nào mà chỉ có ba người cùng với nhạc cụ đàn đáy, cổ phách, trống châu phối hợp lại mà thành cả thơ, nhạc, tiết tấu, thể điệu... làm mê hoặc lòng người như Ca trù.

Mặc dù Việt Nam đã có nhiều cố gắng và có sự hỗ trợ của một số tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ Ca trù song sức sống của Ca trù hiện nay vẫn chưa phải ở mức cao và vẫn cần phải được bảo vệ hơn nữa để tăng khả năng tồn tại và phát triển. Việc duy trì thường xuyên các buổi biểu diễn Ca trù tại các Câu lạc bộ và nâng cao chất lượng nghệ thuật của loại hình này là vấn đề đặt ra đối với công việc bảo vệ Ca trù. Bên cạnh đó, cần phải nâng cao nhận thức về Ca trù để có thêm nhiều công chúng thưởng thức, khẳng định vị thế trong xã hội hiện đại; đồng thời cần phải hỗ trợ các nghệ nhân lớn tuổi và khuyến khích những ca nương, kép đàn trẻ học hỏi và tham gia truyền dạy Ca trù cho các thế hệ sau.

Với sự đồng thuận, tự nguyện và hiểu biết đầy đủ của các cộng đồng hát Ca trù tại Việt Nam, cùng các kế hoạch hành động, trách nhiệm, cam kết, ủng hộ và hỗ trợ của các cơ quan nhà nước đối với việc bảo vệ Ca trù, ngày **01/10/2009**, tại Abu Dhabi, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất, Ca trù của Việt Nam đã chính thức được ghi danh vào danh sách **di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp của nhân loại**.

(Nguồn internet)

BÀI 9: NÓI VÀ NGHE GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG.

I. LÝ THUYẾT

1. Định hướng

a. Giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi là giới thiệu cho người nghe những quy định của một hoạt động, một trò chơi mà các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và chấp hành

b. Để giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi, các em cần chú ý:

- Lựa chọn một hoạt động hay trò chơi
- Tìm hiểu các quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi đã chọn
- Lập dàn ý cho bài nói của mình
- Trình bày ý kiến theo dàn ý; chú ý đến giọng nói, tư thế, nét mặt, cử chỉ,...
- Đảm bảo thời gian trình bày, biết nhường lời và lắng nghe ý kiến của người khác.

1. Trước khi nói

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết
- Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó
- Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ liên quan đến trò chơi hay hoạt động

b. Tập luyện

- Em có thể tập nói một mình
- Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị

2. Trình bày bài nói

a. Mở đầu

- Hãy thu hút người nghe bằng thái độ hào hứng của em với trò chơi hay hoạt động
- Em hãy đặt câu hỏi cho người nghe

b. Triển khai

- Trình bày theo đề cương đã chuẩn bị
- Trong khi nói, em có thể dùng cử chỉ, điệu bộ

c. Kết luận

- Em khẳng định sự thú vị của trò chơi hay hoạt động
- Em hẹn các bạn cùng tham gia chơi vào một dịp phù hợp

3. Sau khi nói

- Em cùng các bạn và thầy cô trao đổi về bài nói và rút kinh nghiệm

II. THỰC HÀNH BÀI NÓI

BÀI NÓI THAM KHẢO 1

1. Mở đầu bài nói

Chào các bạn thân mến, mình là.... Các bạn đã bao giờ chơi Kéo co chưa? Đây là một trò chơi dân gian vô cùng thú vị.

2. Nội dung bài nói

Sau đây mình xin giải thích cho các bạn về quy tắc của trò chơi kéo co nhé.

Để tổ chức chơi kéo co, người chơi cần chuẩn bị một chiếc dây thừng dài, chắc chắn. Tùy thuộc vào số lượng người chơi để chuẩn bị độ dài của dây cho phù hợp. Phần giữa của sợi dây được buộc dấu bằng vải màu. Cách vạch trung tâm về hai phía khoảng một mét là vạch xuất phát của hai đội. Thông thường, mỗi đội chơi thường có 10-15 người ngang sức ngang tài.

Sẽ có một người được cử ra làm trọng tài, khi tiếng còi cất lên hay có tiếng hiệu lệnh, thì cả hai bên phải dồn hết sức mạnh để kéo dây về phía mình. Bên nào kéo phần vải đã được đánh dấu trên dây về nhiều hơn thì sẽ dành chiến thắng. Khi kéo, cũng có rất nhiều luật lệ được đặt ra cho người chơi, như không được phép nắm, đè lên dây, không được phép gian lận. Thông thường, các đội sẽ có những cách bố trí chiến thuật chơi khác nhau, người đội trưởng thường đứng đầu làm chỗ dựa cho các thành viên. Những tiếng hô vang 1, 2 được vang lên đồng loạt như một biện pháp khích lệ tinh thần cho các thành viên.

Để phân chia thắng bại công minh, trò chơi thường được chia làm 3 vòng thi đấu. Mỗi vòng thi kéo dài có thể chỉ vài giây cho đến vài phút. Trò chơi đòi hỏi sức bền rất lớn, tinh thần đoàn kết của đồng đội. Trong quá trình chơi, tay có thể dễ bị phỏng rộp, đau rát do lực ma sát của dây thừng. Thế nhưng, bỏ qua những mệt mỏi mà cảm giác dành được chiến thắng cũng rất vui vẻ. Trò chơi tuy đơn giản nhưng luôn nhận được sự ủng hộ, hào hứng của cả người chơi và các cổ động viên. Mọi người khi tham gia cổ vũ đều hò hét, khua chiêng đánh trống vang dội để tiếp sức mạnh tinh thần cho người chơi.

3. Kết thúc bài nói

Hiện nay, có rất nhiều trò chơi dân gian đã bị thay thế bởi những trò chơi hiện đại, cuốn hút. Thế nhưng, với mình trò chơi kéo co vẫn mang một nét đẹp văn hóa truyền thống lâu đời, khi nào có dịp, chúng mình cùng chơi kéo co nhé! Trên đây là bài nói của mình. Cảm ơn các thầy cô giáo và các bạn đã nghe!

BÀI THAM KHẢO SỐ 2

1. Mở đầu bài nói

Xin chào các bạn mình là... là học sinh lớp... Hôm nay mình sẽ giới thiệu tới các bạn một trò chơi truyền thống của dân tộc thái, tày, nùng vùng tây Bắc đó là trò ném còn, thường được tổ chức vào mỗi dịp Tết đến xuân về đó là trò chơi ném còn. Ném còn là trò chơi dân gian phổ biến của đồng bào các dân tộc thái, Tày, Nùng ở vùng tây bắc. Vào mỗi dịp lễ hội, Tết, ở địa phương có đông người thái, Tày, Nùng sinh sống thì đều tổ chức trò chơi này với mong ước về một mùa màng bội thu, nhân dân no ấm.

2. Nội dung bài nói

Theo quan niệm của người dân nơi đây, quả còn tượng trưng cho hồn núi, hồn sông, hồn đất và hồn nước. Chính vì vậy quả còn bao giờ cũng làm bằng vải màu đỏ, màu đen, màu xanh và màu trắng. Ngay từ trước lễ hội ném còn, các cô gái khéo tay đã chuẩn bị những quả còn với nhiều múi vải màu xanh đỏ, sặc sỡ được ghép nối với nhau. Bên trong quả còn, họ nhồi thóc, hạt vừng, hạt cải, hạt bông. Những loại hạt này thể hiện khát vọng sinh sôi nảy nở, thóc nuôi sống con người, còn bông cho sợi vải. Thường quả còn chỉ có khoảng 4 - 8 múi, nhưng với người khéo tay, họ có thể may quả còn với 12 múi gồm 12 màu. Họ còn may thêm các tua vải nhiều màu sắc trang trí và giúp định hướng quả còn khi bay. Các tua rua này còn biểu trưng cho những tia nắng, tia mưa cầu mong một năm mới mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu.

Cây còn được làm từ thân cây tre mai có chiều cao khoảng 20 m -30 m, tùy theo lựa chọn của người dân. Ngọn cây còn được uốn thành hình vòng cung có dán giấy đỏ, hồng tâm để người dân có thể tung còn vào vòng tròn đó. Đồng bào Tày, Nùng quan niệm, khung còn một mặt dán giấy đỏ (biểu tượng cho mặt trời), mặt kia dán giấy vàng (biểu tượng cho mặt trăng).

Người chơi đứng đối mặt với nhau qua cây còn. Người tung quả còn bay cao mang đi cái rủi ro, đau ốm, cái úa vàng héo hon của cây trái. Sau khi lên trời quả còn rơi xuống, người đón còn đón lấy cái may mắn, tốt đẹp, xanh tươi về cái phúc, lộc, thọ cho một năm mới thịnh vượng. Chính vì thế khi ném còn, người ném cố tung cao để vượt qua vòng tròn tượng trưng cho mặt trời xua đi mọi điều bất hạnh và người đón còn thể nào cho khéo không để còn rơi xuống đất. Người tung, người bắt rồi tung trở lại, ai cũng được tung và ai cũng được bắt, quả còn phơi phới trên trời cao, bay đi, bay lại như rồng uốn, lượn quanh, một vũ điệu tươi vui tràn đầy hạnh phúc ấm no.

3. Kết thúc bài nói

Với người thái, Tày, Nùng, trò chơi ném còn mang ý nghĩa cầu mùa. Nếu ném trúng vòng tròn và xuyên thủng làm rơi giấy là âm, dương giao hoà, cuộc sống sẽ sinh sôi, mùa màng sẽ bội thu. Đó là trò chơi truyền thống của các dân tộc thái, tày, nùng ở khu vực tây bắc. Hãy chia sẻ với mình những trò chơi truyền thống ở quê hương bạn nhé.

d. Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
- Người nói: Đối chiếu với dàn ý, tham khảo nhận xét của các bạn để kiểm tra + Nội dung và cách thức trình bày quy tắc, luật lệ của hoạt động đấu vật đã đáp ứng được yêu cầu chưa? Cần bổ sung và điều chỉnh những gì?...	- Người nghe: Nhớ được nội dung mà bạn giới thiệu, nhất là các quy định luật lệ của một trận đấu; hỏi lại các điểm chưa rõ, bổ sung thêm các nội dung khác nếu thấy người nói nêu chưa đủ;... Tài liệu của Nhung tây - Rút kinh nghiệm về thái độ khi nghe người

+ Nhận biết các lỗi về nội dung và cách thức trình bày; có hướng sửa chữa các lỗi trong khi phát biểu, giới thiệu.

nói phát biểu, trình bày.

=====

BÀI 10: TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Phát triển kỹ năng tự đọc sách: Đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học.
- Ôn tập đặc điểm của văn bản nghị luận, phân tích một đặc điểm văn học, chỉ ra được các mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.
- Phát triển kỹ năng viết về một nhân vật mà em yêu thích
- Phát triển kỹ năng nói nghe: Trình bày trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.
- Yêu thích đọc sách biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

B. NỘI DUNG

ÔN TẬP VĂN BẢN: VẸ ĐẸP GIẢN DỊ CHÂN THẬT CỦA QUÊ NỘI VÕ QUẢNG

(Trích Võ Quảng, Trần Thanh Địch)

I. Tác giả Tác phẩm

1. Tác giả

- Trần Thanh Địch(1912-2007) là nhà văn, nhà báo, nhà phê bình
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Tác phẩm chính: *Đôi tai mèo*(1973), *Một căn cầu*(1993)

2. Tác phẩm

- + Thể loại: Nghị luận văn học
- + Xuất xứ: Trích từ tác phẩm *Bàn về văn học thiếu nhi*
- + Phương thức biểu đạt: Nghị luận
- + Bố cục tác phẩm Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê Nội (Võ Quảng)
- Phần 1 Từ đầu...*có sức hấp dẫn, và quyến rũ lạ lùng*: Đặt vấn đề bàn luận
- Phần 2 Tiếp theo...*nhân vật trực diện khác*: Bàn về tác phẩm
- Phần 3 Còn lại: Nhận xét về tác phẩm

Tóm tắt:

Tác phẩm bàn về truyện quê nội của tác giả Võ Quảng. Đưa ra lập luận nhận xét về các nhân vật, hoàn cảnh sống của họ, cách nêu bằng chứng làm rõ vấn đề của người viết. Cuối cùng, tác giả nhận xét, bình luận truyện

II. Phân tích văn bản

1. Bàn luận về truyện ngắn Quê nội của Võ Quảng

- Hoàn cảnh sống trong tác phẩm

- + Bối cảnh câu chuyện xảy ra ở khung cảnh quê hương
- + Vùng nông thôn miền trung cạnh sông Thu Bồn
- + Thời gian: Sau cách mạng tháng 8
- + Về cuộc sống của những người nông dân bình thường sau cách mạng
- + Thay đổi nếp sống khác trước
- + Không khí bắt đầu sôi động
 - Thế giới của các nhân vật trong tác phẩm
- + Cục, Cù Lao, bà Kiến, Ông Hai Dĩ, thầy Lê Thảo
- + Họ rất đáng yêu
- + Mỗi nhân vật mang tính cách riêng nhưng họ mang lại sự tích cực cho xã hội
- Tuyển nhân vật thứ hai: chị Ba, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoàn, ông Tư Đàm, cô Tuyết Hạnh
- Tuyển nhân vật thứ ba cũng rất quan trọng và bề thế anh Trâu Bình những chú chó từng nhà

2. Sức hấp dẫn của tác phẩm

- Người kể chuyện vai “tôi” bộc lộ được “ tấm lòng” của tác giả
- + Dễ thủ thi, dẫn dắt được người đọc
- + Nhược điểm là không nhìn được xa
- Tác phẩm làm xao xuyến người đọc
- Hấp dẫn bởi các bức tranh được mô tả qua từng trang khác nhau
- + Tranh tả cảnh đồng bào gọi nhau đi học
- + Trang tả cảnh đóm lửa xoạt lên từ mẩu diêm
- + Trang miêu tả cảnh về bọn chó điên rượt đuổi ông Hai Dĩ
- + Những trang miêu tả bức tranh sông nước.

3. Tổng kết

a. Giá trị nội dung

- Bàn về truyện ngắn *Quê nội* của Võ Quảng

b. Giá trị nghệ thuật

- Cách đặt vấn đề thú vị
- Sử dụng lý lẽ, bằng chứng thuyết phục

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Văn bản thuộc thể loại nào?

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản được trích từ tác phẩm nào?

- A. Đôi tai mèo B. Một căn cầu
- C. Bàn về văn học thiếu nhi D. Vượt thác

Câu 3. Bối cảnh xảy ra câu chuyện ở đâu?

- A. Nông thôn miền trung B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Nông thôn Bắc bộ D. Nông thôn miền nam

Câu 4. Truyện được sáng tác trong khoảng thời gian nào?

- A. Trước Cách mạng tháng 8 B. Sau giải phóng miền nam
- C. Sau cách mạng tháng 8 D. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp

Câu 5. Người viết bàn luận về vấn đề gì?

- A. Người viết tập trung bàn luận về vấn đề vẻ đẹp giản dị và chân thật trong tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng.
- B. Người viết làm rõ khung cảnh làng quê miền trung sau CM tháng 8
- C. Tái hiện lại cuộc sống của người dân Bắc bộ sau CM tháng 8
- D. Tái hiện lại khung cảnh sinh hoạt ở nông thôn miền bắc.

2. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

CHỢ TẾT CỦA ĐOÀN VĂN CỪ

(Vũ Quần Phương)

Năm tháng càng lùi xa bài *Chợ Tết* này càng được yêu mến, nó như tấm ảnh quý ghi lại chân thật những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của quê ta. Mỗi lần đọc, lại như được sống cùng dĩ vãng. Ít có bài thơ nào mà cách miêu tả lại sinh động như bài thơ này. Sinh động, vì chộp được những chi tiết điển hình, vì cái nhìn hóm hỉnh và thấp thoáng cũng có những câu thơ có sức khái quát, có kí thác tâm trạng.

[...] Kết cấu bài thơ rất giản dị, diễn biến theo từng thời gian. Mở đầu là sáng sớm, người ta đi chợ.

*Dải mây trắng đỏ dân trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh
Trên con đường viên trắng mép đồi xanh
Người các ấp từng bừng ra chợ Tết.*

Mấy câu thơ bình thường giới thiệu thời gian, địa điểm. Chúng ta biết thêm đây là phiên chợ Tết vùng đồi, tụ họp dân các ấp. Cảnh những con đường tấp nập người tới chợ có cái nao nức thanh bình. Thơ Đoàn Văn Cừ nhiều màu sắc lắm, chỉ với ba câu thơ đầu đã thấy lần lượt trắng, đỏ, hồng, lam, xanh. Cả bài đếm được hai mươi ba màu.

[...] Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả nắng rất tài, tả được cái động của nắng, trong nắng lại có gió, màu vàng nắng trộn vào màu xanh lúa thành ra màu nắng tía:

Tia nắng tía nhảy hoài trong ruộng lúa.

Nắng không nhảy, nhưng gió thổi, đồng lúa xao động làm cho nắng đang rải trên đó thành nhấp nháy. Cách quan sát tinh vi này gợi nhớ câu thơ Nguyễn Du: “Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông”. Gió thổi đu đưa cành xanh làm màu hoa đỏ khi ẩn khi hiện như đốm lửa khi tắt khi bùng.

[...] Thú vị nhất và cũng tài hoa nhất là bức ảnh:

*Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.*

Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ *gội*, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp thuận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.

[...] Cảnh mua bán được đặc tả, quen thuộc mà cũng lạ lùng:

Con gà trống mào thâm như cục tiết

Một người mua cầm căng dốc lên xem.

Quen thuộc vì ai chẳng từng trông thấy cảnh ấy, nhưng lạ lùng do cách tả: *cầm căng dốc lên xem.*

Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh. Một nỗi buồn lan toả trên cảnh vật. Bài thơ kết thúc trong sự băng khuâng đó: *Lá đa rụng tươi bởi quanh quán chợ.*

(Trích chợ Tết Đoàn Văn Cừ - Vũ Quần Phương)

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

Câu 3. Xác định phó từ trong câu “Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh.” ?

Câu 4. Người viết thích câu thơ nào nhất trong bài “Chợ Tết” . Tác giả đã đưa ra lí lẽ và bằng chứng nào để khẳng định điều đó.

Câu 5. Chia sẻ với bạn bè về nét độc đáo của phiên chợ Tết ở quê hương em.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản nghị luận văn học

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là: Khẳng định bài thơ *Chợ Tết* đã miêu tả một cách sinh động những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ quê.

Câu 3. Phó từ trong câu “Chợ vẫn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh.” là: đã.

Câu 4.

Câu thơ tác giả thích nhất là:

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ

Nước thời gian gội tóc trắng phau phau

Những lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra để khẳng định là:

Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ *gội*, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp thuận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.

Câu 5. HS chia sẻ từ thực tế và cảm nhận của cá nhân. Gợi ý: Nêu tên chợ, đặc điểm của phiên chợ trong những ngày giáp Tết (thời gian, địa điểm, khung cảnh đặc sắc...)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

BẢN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG

(Hoàng Tiến Tự)

Truyện Thánh Gióng là tác phẩm lớn đầu tiên về đề tài giữ nước chống xâm lược. Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.

Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước. Sự phi thường của nhân vật Gióng thể hiện qua

những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược? Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.

Nhìn chung, những yếu tố kì diệu khác thường trong nhân vật Gióng tuy khá nổi bật nhưng cũng không thể lẫn át và thay thế được cái bình thường của con người trần thế. Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định. Căn bản và trước hết, Gióng là một Con Người, một người con của làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu. Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị. Dù có siêu nhiên kì ảo đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ” (dù là mấy tháng), vẫn phải “uống nước, ăn cơm với cà” (dù là mấy nông), vẫn phải mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng (dù là cỡ rộng đến đâu). Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.

Nhân vật Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước. Lực lượng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc bình thường tiềm ẩn trong nhân dân, tương tự như chú bé làng Gióng nằm im không nói, không cười. Nhưng khi có giặc thì tiếng gọi ấy đã tập hợp, thức tỉnh tất cả các lực lượng tiềm ẩn ấy của dân tộc và làm nên Thánh Gióng.

Khi chưa có giặc, Gióng là đứa trẻ nằm im không biết nói. Khi nghe tiếng gọi của non sông, Gióng vụt lớn lên và cất lời nhận nhiệm vụ đánh tan giặc, Thánh Gióng bay về trời. Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng dồi dào ý nghĩa nhân sinh và nên thơ, nên họa biết bao!

(Theo Hoàng Tiễn Tựu, Bình giảng truyện dân gian, NXB Giáo dục, 2003)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?

Câu 2. Văn bản trên gợi em nhớ đến truyền thuyết nào?

Câu 3. Tác giả nhận xét của người viết về nhân vật Thánh Gióng bằng câu văn nào?

Câu 4. Xác định phó từ trong câu “Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.”

Câu 5. Xác định từ Hán Việt trong câu “Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.”

Câu 6. Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng nào?

Câu 7. Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: Nghị luận

Câu 2. Văn bản trên làm em nhớ đến truyền thuyết Thánh Gióng

Câu 3. Nhận xét của người viết về nhân vật Thánh Gióng là: Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.

Câu 4. Phó từ trong câu “Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.” là: những

Câu 5. Từ Hán Việt trong câu “*Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.*” là từ phi thường.

Câu 6. Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng:

Chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược.

Câu 7. Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng:

+ Kiến thức về văn bản Thánh Gióng, hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện *Thánh Gióng*

+ Kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Biết đưa ra ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng để làm rõ ý kiến của mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

THẠCH SANH - TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KỲ TIÊU BIỂU TRONG KHO TÀNG TRUYỆN CỔ DÂN GIAN VIỆT NAM

Thạch Sanh là một truyện cổ tích hội tụ đầy đủ các yếu tố đặc trưng tiêu biểu của thể loại cổ tích thần kỳ trong truyện cổ dân gian của nước ta. Điều dễ nhận thấy nhất ở truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích, đó là: Công thức mở đầu: Ngày xưa ... ở... có một... Công thức kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước. Công thức kể phần kết thúc: Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh.

Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyện cổ tích thần kỳ. Thạch sanh là nhân vật chính diện đẹp nhất, tiêu biểu và hoàn hảo nhất với nhiều mặt hoạt động rộng lớn, nhiều chiến công nhiều loại kẻ thù và nhiều tài năng nhóm chất cao đẹp. Sự ra đời bình thường và khác thường của Thạch sanh là yếu tố kỳ lạ khởi đầu cho mô típ nhân vật chàng dũng sĩ Thạch Sanh vẫn là Thái tử con Ngọc Hoàng được đầu thai vào nhà họ Thạch (ở Cao Bằng) để đến ơn đáp nghĩa cho ông bà Thạch Nghĩa ăn ở có đức, có nhân. Như vậy là chàng có nguồn gốc thần tiên, là "người Trời". Nhưng sau khi đầu thai vào nhà họ Thạch, Thạch Sanh đã sinh ra và lớn lên thành một con người ở cõi trần, trong xã hội phong kiến Việt Nam, có cha mẹ, họ tên, quê hương, nghề nghiệp và vị trí trong gia đình, xã hội rất rõ ràng, cụ thể. Điều này không phải nhân vật có tích nào cũng có, nó làm cho hình tượng nhân vật Thạch Sanh vừa có tính khái quát hóa, vừa giàu tính cụ thể, sống động. Chi tiết đó mở đầu, báo hiệu cho cuộc đời tràn đầy những yếu tố kì lạ, hoang đường của Thạch Sanh. Nguồn gốc thần linh đã tô điểm cho xuất thân cao quý, vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật. Việc thiên thần xuống dạy phép thuật và các môn võ nghệ cho Thạch Sanh là sự chuẩn bị cho chàng đối diện với những thử thách và đã lí giải cho chiến thắng của chàng ở những chặng tiếp theo của câu chuyện.

Kết cấu của truyện "Thạch Sanh" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ. Kết cấu gồm ba phần. Phần đầu nhân vật chính xuất hiện với sự ra đời có yếu tố thần kỳ. Chàng là con Thái tử, được truyền dạy võ nghệ. Phần giữa là cuộc phiêu lưu của nhân vật chính trong thế giới cổ tích. Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách. Phần thưởng là các phương tiện thần kỳ là trợ thủ đắc lực cho nhân vật vượt qua các thử thách nối tiếp sau đó. Phần kết thúc: Đối đời hay là sự thay đổi số phận trong "thế giới cổ tích". Cả hai mô típ thưởng (cho nhân vật chính) và phạt (đối với kẻ ác, lực lượng thù địch) đều xuất hiện hợp lý trong truyện. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được lấy công chúa và lên ngôi vua. Mẹ con Lí Thông tuy được Thạch Sanh tha cho về nhưng đi đến giữa đường bị Thiên Lô đánh chết. Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu"; nghĩa là người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bênh vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan niệm, cũng là triết lý của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.

(Trích Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á, Nguyễn Thị Bích Hà)

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?

Câu 3. Bằng chứng được đưa ra để làm rõ ý kiến "truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích" là những câu nào?

Câu 4. Xác định từ Hán Việt trong câu "Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ."

Câu 5. Xác định phó từ trong câu "Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách."

Câu 6. Tác giả đã nhận xét về kết thúc của truyện như thế nào. Em có đồng tình với nhận xét này không.

Câu 7. Theo em, làm thế nào để bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản nghị luận

Câu 2. Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là Khẳng định Thạch Sanh là truyện cổ tích thần kì tiêu biểu trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam.

Câu 3. Bằng chứng được đưa ra để làm rõ ý kiến "truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích" là:

- Câu mở đầu: Ngày xưa ... ở... có một...

- Câu kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước.

- Câu kết thúc kể phần kết thúc: Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh.

- **Câu 4.** Từ Hán Việt trong câu "Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ." là: Dũng sĩ

- **Câu 5.** Phó từ trong câu "Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách." là: mỗi

- **Câu 6.** Tác giả nhận xét về kết thúc truyện:
- Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu"; nghĩa là người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bên vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan niệm, cũng là triết lý của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.
- Ý kiến của em: HS tự nêu ý kiến của mình.
- **Câu 7.** Để bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục, người viết cần sử dụng những bằng chứng xác thực, thuyết phục, tiêu biểu và phù hợp với lý lẽ.

ÔN TẬP VĂN BẢN: MON VÀ MÊN ĐANG Ở ĐÂU (Theo Nguyễn Quang Thiều)

I. Tác giả Tác phẩm

1. Tác giả

Nguyễn Quang Thiều sinh ngày 13/ 02/1957 tại làng Chùa, xã Sơn Công, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây, nay thuộc Hà Nội

- Ông là một nhà thơ. Ngoài lĩnh vực chính thơ ca tạo nên tên tuổi, ông còn là một nhà văn với các thể loại tiểu thuyết, truyện ngắn, bút ký và tham gia vào lĩnh vực báo chí.
- Quê: Hà Nội.
- Là cây bút đa năng và sung sức, xuất hiện thường xuyên trên văn đàn, báo chí. Ông nhanh chóng nổi lên như một nhà thơ trẻ cách tân hàng đầu thế hệ mình. Bên cạnh thơ, Nguyễn Quang Thiều cũng ghi dấu ấn về văn xuôi, tiểu luận, dịch thuật và góp phần quan trọng quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới.
- Nhiều sáng tác: Thơ tuyển cho thiếu nhi, Những người lính của làng, Người cha, truyện thiếu nhi ...
- Phong cách nghệ thuật: Ông sáng tác về nhiều đề tài với những cách biểu hiện khác nhau và nhiều cung bậc cảm xúc vượt khỏi phạm vi cảm hứng hiện thực hay siêu thực. Ông không mô phỏng, sao chép đời sống để viết thành những vần thơ đầy ẩn ý.
- Tác phẩm chính: *Bí mật hồ cá thần (1998), con quỷ gỗ (2000), ngọn núi bà mù (2001)*

2. Tác phẩm

- + Thể loại: Báo chí (Mon và Mên đang ở đâu thuộc thể loại phỏng vấn)
- + Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác
- *Trích Nguyễn Quang Thiều, Mon và Mên đang ở đâu, tạp chí văn học tuổi trẻ, số 9(482+483)/2021*
- + Phương thức biểu đạt: Tự sự
- *Bố cục: Phần một: Từ đầu đến “bầy chìa vôi non”: Câu chuyện về sự gặp gỡ của tác giả với Mon và Mên
- Phần hai: Còn lại: Ước muốn tiếp nối câu chuyện của cậu bé.
- + **Tóm tắt:** Trong một buổi sớm hè sau cơn mưa, tôi gặp một cậu bé trên triền đê sông Đáy. Cậu bé thắc mắc tôi đã gặp Mon và Mên ở đâu, tại sao lại nghe được tiếng nói chuyện của chim

chùa vôi. Tôi chia sẻ tôi gặp Mon và Mên trong chính tuổi thơ của mình và tôi nghe được câu chuyện về Mon và Mên do trong một chiều mưa lũ trẻ đã nói về bầy chim chùa vôi non ở ngoài bãi sông. Chú bé bày tỏ mong muốn kể tiếp câu chuyện về Mon và Mên, bản khoản về sự trở lại của bầy chim chùa vôi.

III. Tìm hiểu chi tiết Mon và Mên đang ở đâu?

1. Cuộc đối thoại giữa tác giả và cậu bé

- Bối cảnh bên triền sông Đáy
- + Tác giả và cậu bé bàn về truyện ngắn *Bầy chim chùa vôi*
- + Cậu bé phỏng vấn tác giả về nhân vật Mon và Mên
- + Họ đang ở đâu?
- + Họ ở chính trong tuổi thơ tác giả, cùng tuổi của ông
- + Cái tên nhân vật do tác giả đặt
- Chú bé cũng có những người bạn như vậy
- Tác giả là người chứng kiến câu chuyện, sau này làm nhà văn ông đã kể lại
- Trước câu hỏi của cậu bé về hai nhân vật *Mon và Mên đang ở đâu?*
- + Điều này làm tác giả bối rối chính tác giả cũng không có câu trả lời

2. Ý nghĩa của tác phẩm

- Cuộc phỏng vấn của cậu bé với tác giả thật độc đáo
- Đây là trải nghiệm thực tế của tác giả về tuổi thơ mình
- Bầy chim chùa vôi sẽ trở về nếu con người yêu thiên nhiên
- Tác phẩm thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu sắc của tác giả

3. Tổng kết

a. Giá trị nội dung

- Xoay quanh về nhân vật Mon và Mên trong truyện ngắn *Bầy chim chùa vôi*

b. Giá trị nghệ thuật

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất
- Nội dung câu chuyện hấp dẫn
- Lời nói giản dị, gần gũi

II. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

Câu 2. Tác giả Nguyễn quang thiều quê ở đâu?

- A. Nam Định B. Hà Nam C. Hà Nội D. Thái Bình

Câu 3. Bố cục văn bản được chia làm mấy phần

- A. 2 phần B. 3 phần C. 4 phần D. 5 phần

Câu 4. Bối cảnh chung của câu chuyện diễn ra ở đâu?

- A. Bối cảnh bên triền sông Hồng B. Bối cảnh bên triền sông Thương
C. Bối cảnh bên triền sông Đáy D. Bối cảnh bên triền sông Cầu

Câu 5. Ý nghĩa của tác phẩm là gì?

- A. Cuộc phỏng vấn của cậu bé với tác giả thật độc đáo
B. Đây là trải nghiệm thực tế của tác giả về tuổi thơ mình
C. Bầy chim chùa vôi sẽ trở về nếu con người yêu thiên nhiên

D. Cả ba nội dung

2. Ngữ liệu đọc hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Sách mở mang trí tuệ, hiểu biết cho ta, dẫn dắt ta vào những chỗ sâu sắc, bí ẩn của thế giới xung quanh, từ sông ngòi, rừng núi cho tới vũ trụ bao la. Sách đưa ta vào những thế giới cực lớn, như thiên hà, hoặc cực nhỏ, như thế giới của các hạt vật chất.

[...]

Sách đem lại cho con người những phút giây thư giãn trong cuộc đời bận rộn, bươn chải. Sách làm cho ta được thưởng thức những vẻ đẹp của thế giới và con người. Sách cho ta hưởng vẻ đẹp và thú chơi ngôn từ, giúp ta biết nghĩ những ý hay, dùng những lời đẹp, mở rộng con đường giao tiếp với mọi người xung quanh.

Sách là báu vật không thể thiếu đối với mỗi người. Phải biết chọn sách mà đọc và trân trọng, nâng niu những cuốn sách quý.

(Theo Sách giáo khoa Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục, 2011, tr. 23)

Câu 1. Chỉ ra 02 lợi ích của việc đọc sách được nêu trong đoạn trích.

Câu 2. Tìm câu rút gọn có trong đoạn trích trên.

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn: *Sách cho ta hưởng vẻ đẹp và thú chơi ngôn từ, giúp ta biết nghĩ những ý hay, dùng những lời đẹp, mở rộng con đường giao tiếp với mọi người xung quanh.*

Câu 4. Qua đoạn trích trên, em thấy mình cần có thái độ như thế nào đối với sách?

Gợi ý trả lời

Câu 1. HS chỉ được đúng 02 trong số các lợi ích sau của việc đọc sách.

- + Mở mang trí tuệ
- + Đưa ta vào những thế giới cực lớn, như thiên hà, hoặc cực nhỏ,
- + Đem lại cho con người những phút giây thư giãn
- + Sách làm cho ta được thưởng thức những vẻ đẹp

Câu 2.

HS tìm đúng câu rút gọn. Phải biết chọn sách mà đọc và trân trọng, nâng niu những cuốn sách quý.

Câu 3. HS xác định được:

- + Phép liệt kê: hưởng vẻ đẹp và thú chơi ngôn từ, biết nghĩ những ý hay, dùng những lời đẹp, mở rộng con đường giao tiếp với mọi người xung quanh.
- + Tác dụng: Làm nổi bật được những lợi ích/tác dụng/tầm quan trọng của việc đọc sách; từ đó khuyến khích, thôi thúc mọi người có ý thức đọc sách.

Câu 4. HS nêu được thái độ: yêu quý, trân trọng, giữ gìn sách, chăm chỉ đọc sách...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

HAI CON GÀ TRỐNG

“ Có hai con gà cùng một gà mẹ sinh ra và nuôi dưỡng. Khi lớn lên, đủ lông đủ cánh trở thành hai con gà trống, chúng lại hay cãi vã nhau. Con nào cũng tự cho mình là đẹp đẽ, oai phong hơn, có quyền làm Vua của Nông Trại.

Một hôm, sau khi cãi nhau, chúng đánh nhau kịch liệt, định rằng hễ con nào thắng sẽ được làm Vua của Nông Trại. Sau cùng, dĩ nhiên một con thắng và một con bại.

Con gà thắng trận vội nhảy lên hàng rào, vỗ cánh và cất tiếng gáy vang, ca tụng sự chiến thắng của mình. Chẳng ngờ tiếng gáy của con gà làm một con chim ưng khi bay ngang qua đây chú ý đến. Thế là, con chim ưng xà xuống bắt con gà thắng trận mang đi mất. Trong khi đó con gà bại trận vẫn còn nằm thoi thóp thở.”

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2: Xác định biện pháp tu từ có trong văn bản?

Câu 3: Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện bằng đoạn văn ngắn khoảng 12-15 dòng.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt: tự sự

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật nhân hóa

Câu 3.

* **Hình thức:** Đoạn văn khoảng 12- 15 dòng, trình bày mạch lạc...

* **Nội dung:**

- Câu chuyện kể về 2 anh em nhà gà cãi vã, đánh nhau vì tranh nhau làm vua Nông Trại.

- Câu chuyện đề cập đến vấn đề: Tình cảm anh em ruột thịt trong gia đình. Anh em cùng cha mẹ sinh ra phải thương yêu, đùm bọc, nhường nhịn nhau, không nên cãi vã, tranh giành sẽ mang lại hậu quả xấu. Đồng thời, câu chuyện cũng phê phán thói kiêu ngạo, hiếu thắng.

NÓI VÀ NGHE: VỀ ĐÍCH NGÀY HỘI ĐỌC SÁCH

Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã học

Sau khi đọc một cuốn sách, có bao vấn đề đời sống được gợi lên, cần chia sẻ, trao đổi. Trong bài này, em sẽ tập trình bày ý kiến về một vấn đề như vậy.

1. Trước khi nói

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Lựa chọn vấn đề: Trong các vấn đề đời sống mà cuốn sách đã gợi lên, em hãy chọn một vấn đề mà mình có nhiều ý kiến muốn chia sẻ nhất để chuẩn bị bài nói.

- Tìm ý: Để tìm ý cho bài nói, cần tự đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

+ Vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách là gì?

+ Chi tiết, sự việc nào trong cuốn sách cho thấy rõ vấn đề ấy?

+ Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?

+ Hành động của em trước vấn đề cuốn sách đặt ra?

+ Em muốn trao đổi gì với người nghe, với tác giả và những người đọc khác?

- Sắp xếp ý: Sắp xếp các ý đã tìm ở trên theo một trật tự lô-gic và bổ sung, sửa chữa nếu cần để tạo thành đề cương của bài nói với các thông tin cụ thể sau:

+ Tên sách và tác giả của cuốn sách đã gợi lên vấn đề đời sống mà em muốn bày tỏ ý kiến.

+ Vấn đề đời sống mà em muốn bàn.

+ Ý nghĩa của cuốn sách trong việc giúp em có cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về các vấn đề đời sống.

b Tập luyện

Em có thể luyện nói một mình hoặc cùng các bạn trong nhóm. Nếu tập luyện theo nhóm, cần góp ý với nhau về nội dung và cách trình bày để bài nói được xây dựng hoàn chỉnh và khả năng thuyết trình của mỗi người được nâng lên.

2. Trình bày bài nói

- Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong đề cương bài nói.
- Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề.
- Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp.

3. Sau khi nói

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
- Lắng nghe những chia sẻ của người nói và có thể ghi lại những điểm cần trao đổi, tranh luận. - Có thể nêu ý kiến, đặt câu hỏi để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách.	- Lắng nghe ý kiến, câu hỏi mà người nghe nêu ra. - Trả lời để làm rõ hơn vấn đề được nêu hoặc có thể thảo luận để tìm hiểu thêm.

Bài làm tham khảo

1. Mở đầu bài nói

Xin kính chào tất cả quý thầy cô và các bạn. Mình tên là..... Sau đây em xin giới thiệu cuốn sách truyện ngắn “Bầy chim chìa vôi” của tác giả Nguyễn Quang Thiều.

Như chúng ta đã biết nhà văn Nguyễn Quang Thiều có rất nhiều tác phẩm đặc sắc viết cho thiếu nhi. “Bầy chim chìa vôi” là một trong những tác phẩm đó. Truyện gửi gắm nhiều bài học ý nghĩa, sâu sắc.

2. Nội dung bài nói

Các bạn a! Chuyện “Bầy chim Chìa vôi” của tác giả Nguyễn Quang Thiều

Kể về Mon và Mên nhân vật chính trong truyện. Tình huống truyện được tác giả xây dựng khá độc đáo. Khoảng hai giờ sáng, Mon tỉnh giấc rồi quay sang gọi anh trai là Mên. Liên tiếp những câu hỏi như: “Anh bảo mưa có to không?”, “Nhưng anh bảo ước sông có lên to không?” đã bộc lộ được vẻ lo lắng, bồn chồn của Mon. Những câu hỏi dồn dập khiến Mên gắt lên: “Bảo cái gì mà bảo lắm thế”. Nhưng khi nghe Mon nói rằng: “Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất”, Mên cũng hiểu ra. Đáp lại câu nói của em trai, Mên cũng bộc lộ sự lo lắng: “Tao cũng sợ”. Thế rồi, cả hai đều không ngủ được, tiếp tục trò chuyện. Tài liệu của Nhung tây Mon kể cho Mên nghe chuyện mình lén thả con cá bống mà bố đã bắt được. Mên không trách mắng em mà chỉ bật cười khoái chí. Qua chi tiết này, có thể thấy được sự hồn nhiên, thơ ngây của hai nhân vật này.

Sau một hồi bàn bạc, Mon đề nghị ra bờ sông cứu bầy chim chìa vôi. Không ngại mưa gió, nguy hiểm, hai anh em lấy đồ của ông Hảo để đi. Có thể thấy, Mon và Mên là những cậu bé dũng cảm, giàu tình yêu thương loài vật. Cả hai tiếp tục trò chuyện. Khi đến gần bờ sông Mon và Mên lập cập tụt xuống khỏi đò. Mên quấn cái dây buộc đò vào người rồi gò lưng kéo, Mon lội bì bõm phía sau. Cho đến khi hai anh em đưa được con đò trở về chỗ cũ thì trời đã tang tảng

sáng. Cả hai chạy ngược lên đoạn bờ sông đối diện với bãi cát. Mon lại hỏi Mên xem bờ sông đã ngập hết chưa, cánh chim có bay được không. Câu nói của Mon: “Anh ơi, có khi bố dậy rồi đấy” khiến cho cả hai lòng đầy lo sợ. Thì ra, chúng cũng vẫn là những đứa trẻ biết lo sợ bị bố mẹ mắng, vậy mà suy nghĩ và hành động lại thật đáng trân trọng. Tài liệu của Nhung tây Đặc biệt, tác giả đã khắc họa một khung cảnh tuyệt đẹp. Khi bình minh đã đủ để soi rọi những hạt mưa trên mặt sông, cũng là lúc dòng nước khổng lồ đã nuốt chửng phần còn lại của bãi cát. Những cánh chim chìa vôi bé bỏng đã ướt át bắt ra khỏi mặt nước, dương cao đôi cánh bay lên trời cao. Từ chiều qua, nước đã dâng lên nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy con tránh nước đến đó. Những chú chim nhảy đến phần cao nhất của dải cát, nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật sự cứng cáp. Bỗng một con chim đuối sức. Tài liệu của Nhung tây Đôi cánh của nó dừng lại, rơi như một chiếc lá, thế nhưng nó vẫn kiên cường dùng sức lực của chính bản thân mình để bay lên hòa mình với bầy đàn. Hình ảnh cuối truyện Mon và Mên đứng yên không nhúc nhích. Khuôn mặt tái nhợt vì nước mưa hừng lên ánh ngày. Cả hai nhận ra đã khóc từ lúc nào. Đó là giọt nước mắt của sự xúc động, tình yêu thương.

3. Kết thúc bài nói

Truyện ngắn Bầy chim chìa vôi, tác giả Nguyễn Quang Thiều đã gửi gắm thông điệp sâu sắc. Chúng ta hãy sống hòa hợp, gần bó và yêu thương loài vật, có như vậy cuộc sống mới trở lên ý nghĩa và ấm áp biết bao. Trên đây là bài nói giới thiệu về cuốn sách mà em ấn tượng nhất. Em xin trân trọng cảm ơn các thầy/cô và các bạn đã lắng nghe!

=====

ÔN TẬP HỌC KÌ II (LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP)

Đề số 1:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ	3	0	5	0	0	2	0		60
		Tùy bút, tản văn									

2	Viết	Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
		Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử									
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn	3 TN	5TN	2 TL	

			bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. Nhận biết - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tùy bút, tản văn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).				
		Tùy bút, tản văn					

			Thông hiểu: - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tùy bút, tản văn. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn.				
2	Viết	Viết bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn thuyết minh dùng để giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. Giải thích được rõ ràng các quy định về một hoạt động, trò chơi/ hướng dẫn cụ thể	1*	1*	1*	1 TL*

			theo đúng một quy trình nào đó đối với một trò chơi hay một hoạt động.				
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 7

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)

I. ĐỌC HIỂU(6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

ÁNH TRẮNG

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỷ

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

(*Ánh trăng*, Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ *Ánh trăng* được làm theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ B. Tự do C. Năm chữ D. Lục bát

Câu 2. Khi gặp lại vầng trăng trong một tình huống đột ngột, nhà thơ đã có cảm xúc như thế nào?

- A. Rưng rưng B. Lo âu
C. Ngại ngùng D. Vô cảm

Câu 3. Trong bài thơ trên, tác giả nhắc tới những thời điểm nào?

- A. Hồi nhỏ B. Hồi về thành phố
C. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh và hồi về thành phố. D. Hồi chiến tranh.

Câu 4. Từ tri kỉ trong câu “*vầng trăng thành tri kỉ*” có nghĩa là gì?

- A. Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình
B. Biết được giá trị của người nào đó
C. Người có hiểu biết rộng
D. Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình

Câu 5. Từ “ngỡ” trong câu “*ngỡ không bao giờ quên*” đồng nghĩa với từ nào?

- A. Nói B. Bảo C. Thấy D. Nghĩ

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*như là đồng là bể- như là sông là rừng*”?

- A. Nhân hóa B. So sánh C. Nói quá D. Nói giảm, nói tránh

Câu 7. Hình ảnh “*trăng cứ tròn vành vạnh*” tượng trưng cho điều gì?

- A. Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy.
B. Hình ảnh của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, trọn vẹn.
C. Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn.
D. Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng.

Câu 8. Vì sao đến cuối bài thơ, tác giả lại “*giật mình*” ?

- A. Vì tác giả chợt nhận ra sự vô tình của mình và thấy cần phải trân trọng những gì đã qua.
B. Vì tác giả vốn hay bị giật mình trước những tình huống bất ngờ.
C. Vì vầng trăng đã gợi lại kỉ niệm xưa.
D. Vì bất ngờ “*ta*” gặp lại vầng trăng xưa.

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Câu chuyện trong bài thơ *Ánh trăng* muốn nhắc nhở chúng ta điều gì về thái độ sống?

Câu 10. Em hãy tìm một câu tục ngữ diễn tả chính xác nội dung của chủ đề tác phẩm.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II MÔN NGỮ VĂN LỚP 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
1		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Bài thơ gợi lên những suy nghĩ về đạo lý, lẽ sống của người Việt ta. Câu chuyện trong bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên quá khứ, đừng bao giờ trở thành kẻ vô tình, bạc bẽo.	1
	10	Tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”	1
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.</i>	0,25
		<i>c. Thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co. Học sinh có thể thuyết minh theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:</i>	
		- Giới thiệu được trò chơi. - Miêu tả cách chơi (quy tắc). - Miêu tả luật chơi. - Nêu tác dụng của trò chơi. <i>Nêu ý nghĩa của trò chơi.</i>	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt</i>	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, tri thức chính xác, cô đọng,</i>	0,5

		miêu tả sinh động hấp dẫn.	
--	--	----------------------------	--

Đề số 2:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn.	3	0	5	0	0	2	0		60
		Thơ									
		Văn bản nghị luận									
2	Viết	Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
		Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.									
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM
MÔN: NGỮ VĂN 7
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đoạn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn Thơ (thơ bốn chữ,	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. Nhân biết:	3 TN	5TN	2 TL	

		năm chữ) - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. Nhận biết: - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở				
	Văn bản nghị luận					

			rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM

Môn: Ngữ văn lớp 7

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)

I. ĐỌC HIỂU(6.0 điểm)

Đọc câu chuyện sau:

RÙA VÀ THỎ

Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:

- Đồ chậm như sên. Mà mà cũng đòi tập chạy à ?
- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?

Thỏ vênh tai tự đắc:

- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.

Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhõn nhõn trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.

Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cắn cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.

(Câu chuyện Rùa và Thỏ, Theo truyện La Phong-ten)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Truyện *Rùa và Thỏ* thuộc thể loại nào?

- A. Truyền thuyết
- B. Thần thoại
- C. Truyện cổ tích
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Nhân vật chính trong truyện *Rùa và Thỏ* là ai?

- A. Rùa
- B. Thỏ
- C. Rùa và Thỏ
- D. Sên

Câu 3. Thỏ chế giễu Rùa như thế nào?

- A. Bảo Rùa là chậm như sên
- B. Bảo Rùa thử chạy thi xem ai hơn .
- C. Bảo Rùa “Anh đừng giễu tôi”
- D. Bảo Rùa là đồ đi cả ngày không bằng một bước nhảy của Thỏ.

Câu 4. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?

- A. Rùa thích chạy thi với Thỏ
- B. Thỏ thách Rùa chạy thi
- C. Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.
- D. Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

Câu 5. Vì sao Thỏ thua Rùa?

- A. Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.
- B. Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.
- C. Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.
- D. Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

Câu 6: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Đồ chậm như sên.”

A.Nhân hóa

B.Ẩn dụ

C.So sánh

D.Điệp ngữ

Câu 7. Truyện *Thỏ và Rùa* phê phán điều gì?

A.Phê phán những người lười biếng, khoe khoang.

B.Phê phán những người lười biếng khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo.

C.Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.

D.Phê phán những người coi thường người khác.

Câu 8. Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

A.Thỏ đi học muộn.

B.Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo.

C.Thỏ cắm cổ chạy, bị ngã.

D.Thỏ mãi mê bắt bướm, quên đường về.

Trả lời câu hỏi /Thực hiện yêu cầu:**Câu 9.** Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì?**Câu 10.** Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói:“*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”.**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
1		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	B	0,5
	9	Bài học: chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng nhanh mà chủ quan kiêu ngạo. Chỉ cần chúng ta kiên trì chắc chắn thì sẽ thành công.	1
	10	Qua câu nói trên ta nhận thấy Thỏ là kẻ kiêu căng ngạo mạn, chủ quan, coi thường người khác.	1
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.. Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng	0,25

		<i>xe đạp điện và xe máy.</i>	
		c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:	
		- Nêu vấn đề cần nghị luận: <i>Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i> - Người viết tán thành ý kiến đã nêu. - Sử dụng lí lẽ. + <i>Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là việc làm rất đúng đắn vì.....</i> - Nêu bằng chứng : xác thực (số liệu....) - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng - Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.	2,5
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
		e. <i>Sáng tạo</i> : Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.	0,5

Đề số 4:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NƯỚC MẮT CÁ SẤU

Một buổi trưa mùa hè nóng nực. Đang lúc hạn hán kéo dài, có một bác nông dân kéo một chiếc xe chở đồ đi qua ven rừng. Lúc đó, Cá Sấu đang nằm thoi thóp bên đường, tưởng như sắp chết khô đến nơi mất. Trông thấy bác nông dân đi tới, Cá Sấu liền giả bộ khóc lóc van xin:

- Ôi ông ơi, xin ông rủ lòng thương cứu con với! Cánh đầm ven rừng này khô cạn từ lâu rồi. Ông hãy làm phúc chở giùm con đến cánh đầm sâu ở bên kia núi.

Bác nông dân đáp:

- Làm sao ta mang chú đi được! Chú kệnh còng thế kia cơ mà! Ta chịu thôi!

Cá Sấu lại giả tảng, lã chã giọt ngấn giọt dài:

- Ôi ông ơi, ông cứu con làm phúc! Ông cứ đặt con lên xe, rồi chở con đi thôi mà!

Bác nông dân lắc đầu:

- Ta không bê nổi chú lên xe, chú nặng lắm! Vả lại xe ta đã chất đầy các thứ rồi!

Cá Sấu khẩn khoản:

- Hay ông cột chặt con vào gầm xe mà kéo đi vậy? Khi nào đến cánh đầm kia chân núi, ông cởi chèo ra cho con!

Bác nông dân động lòng thương con vật khốn khổ, bèn lấy một cuộn chèo to tướng cột chặt Cá Sấu vào gầm xe, rồi kéo chiếc xe lạch lè nặng gập đôi lúc trước và đi tiếp.

Khi đến khu đầm sâu, mồ hôi nhễ nhại, bác ta cởi dây buộc Cá Sấu ra. Gã Cá Sấu liền há mồm nhe răng chặn ngay bác nông dân lại và trở mặt:

- Này ông, ông hãy để lại xác ở đây cho ta ăn thịt, ta cảm giận ông lắm!

Bác nông dân sùng sốt:

- Sao chú lại cảm giận ta và muốn trả ơn ta bằng cách đó?

Cá Sấu lên giọng:

- Ông đã trói ta chặt quá làm cho suốt quãng đường dài ta nhức nhối khắp cả mình mẩy. Ta phải ăn thịt ông bạn cho bỏ giận. Và lại đã mấy ngày liền ta nằm khô, chẳng kiếm được con mồi nào cả...

Vừa lúc đó, Thỏ Rừng ở đâu chợt đi tới, thoáng nghe câu chuyện, liền hỏi Cá Sấu:

- Sao, ông bạn chuyển này lại muốn ăn thịt cả người nữa cơ à?

Cá Sấu vênh váo trả lời:

- Ủ, tớ nhờ cái nhà bác này chở tớ từ cánh đầm khô cạn bên kia chân núi sang cánh đầm bên này để kiếm ăn. Bác ta đã không thương thì chớ, lại trói chặt tớ vào găm xe đến gãy hết cả xương và suýt nữa thì tắc thở. Tớ phải trả thù!

Thỏ Rừng lại hỏi:

- Bác ta đã trói ông bạn như thế nào? Lại đây tớ xem thử! Là người giữa, tớ sẽ phân rõ phải trái cho cả hai bên!

Thỏ Rừng nói luôn với bác nông dân:

- Bác cầm lấy cuộn chèo và thử trói lại anh bạn này vào găm xe như ban nãy cho tôi xem có đúng như anh ta kể tội bác không?

Bác nông dân lại trói chặt Cá Sấu vào găm xe. Thỏ Rừng giả vờ giật thử sợi dây, rồi hỏi Cá Sấu:

- Có phải ban nãy bác ta đã trói ông bạn như thế này không? Ồ, thế này thì đã chặt gì lắm đâu!

Cá Sấu hấp tấp phân bua:

- Không, không! Nếu chỉ trói như thế này thôi thì tớ nổi giận làm sao được cơ chứ!

Thỏ Rừng liền giúp bác nông dân siết chặt sợi dây chèo hơn nữa, rồi lại hỏi Cá Sấu:

- Thế này đã đúng chưa?

Cá Sấu nhăn mặt xuýt xoa, gật đầu lia lịa:

- Đúng! Đúng như thế đấy! Tớ không tài nào cựa nổi mình nữa! Có thể tớ mới nổi giận và phải trả thù chứ!

Thỏ Rừng quay lại nói với bác nông dân:

- Bây giờ hẳn đã bị trói không cựa nổi mình nữa thì bác còn đợi gì nào? Liệu cái giống bất nhân bất nghĩa này có tha cái mạng cho bác không, nếu bác lại thương hại hẳn như ban nãy? Như sức tỉnh, lập tức bác nông dân vác luôn một tảng đá to tướng nhặt ở ven đầm, vừa đập Cá Sấu vừa hét:

- Nước mắt cá sấu này!... Nước mắt cá sấu này!...

Thế là con Cá Sấu vô ơn, lật lọng đã bị trừng trị đích đáng.

(Câu chuyện Nước mắt Cá Sấu – Truyện cổ tích Khmer)

Câu 1: Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Kết hợp nhiều ngôi kể

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là Cá Sấu. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 3: Trong câu văn: “Một buổi trưa mùa hè nóng nực. Đang lúc hạn hán kéo dài, có một bác nông dân kéo một chiếc xe chở đồ đi qua ven rừng” có mấy phó từ chỉ số lượng?

- A. Một B. Hai C. Ba D. Bốn

Câu 4: Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí?

Trông thấy bác nông dân đi tới, Cá Sấu liền giả bộ khóc lóc van xin

Thỏ Rừng liền giúp bác nông dân siết chặt sợi dây chèo hơn nữa

Gã Cá Sấu liền há mồm nhe răng chặn ngay bác nông dân lại và trở mặt

Bác nông dân động lòng thương con vật khốn khổ, bèn lấy một cuộn chèo to tướng cột chặt Cá Sấu vào găm xe, rồi kéo chiếc xe lạch lè nặng gập đôi lúc trước và đi tiếp.

(5) Bác nông dân lại trói chặt Cá Sấu vào găm xe. Thỏ Rừng giả vờ giật thử sợi dây, rồi hỏi Cá Sấu...

(2) – (4) – (1) – (3) – (5)

(4) – (3) – (2) – (1) – (5)

(5) – (4) – (3) – (2) – (1)

(1) – (4) – (3) – (2) – (5)

Câu 5: Hành động “Cá Sấu nằm thoi thóp, giả bộ khóc lóc, van xin” nhằm mục đích gì?

A. Để sám hối tội lỗi

B. Để giết thời gian

C. Để đánh lừa bác nông dân

D. Để rình con mồi

Câu 6: Việc “Bác nông dân động lòng thương con vật khốn khổ” cho thấy thái độ gì của bác nông dân?

A. Thương loài vật

B. Tự tin

C. Thiếu cảnh giác

D. Kiêu ngạo

Câu 7: Từ “bất nhân” trong câu “Liệu cái giống bất nhân bất nghĩa này có tha cái mạng cho bác không, nếu bác lại thương hại hân như ban nãy” được hiểu như thế nào?

A. Yêu thương con người

B. Không có lòng thương người

C. Lo lắng về tội lỗi đã gây ra

D. Xấu hổ về tội lỗi đã gây ra

Câu 8: Thành ngữ “nước mắt cá sấu” nói đến điều gì?

A. Khóc lóc giả dối hòng che đậy dã tâm

B. Dài dòng văn tự

C. Lúng túng, ấp úng

D. Nói quá sự thật

Câu 9: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

Câu 10: Em có đồng tình với việc làm của Cá sấu trong câu chuyện không? Vì sao?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả).

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5

	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	HS rút ra được bài học phù hợp.	1,0
	10	HS nêu được ý kiến đồng tình / không đồng tình và lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức).	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự: Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sự việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.	0,25
		c. Triển khai vấn đề: HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:	
		- Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc. - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện.	2.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo.	0,5

Đề số 5:

Đọc câu chuyện sau:

RÙA VÀ THỎ

Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:

- Đồ chậm như sên. Mà y mà cũng đòi tập chạy à ?

- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?

Thỏ vênh tai tự đắc:

- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.

Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhón nhó trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhăm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.

Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cầm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.

(Câu chuyện Rùa và Thỏ, Theo truyện La Phong-ten)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Truyện Rùa và Thỏ thuộc thể loại nào?

- A. Truyền thuyết
- B. Thần thoại
- C. Truyện cổ tích
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Nhân vật chính trong truyện Rùa và Thỏ là ai?

- A. Rùa
- B. Thỏ
- C. Rùa và Thỏ
- D. Sên

Câu 3. Thỏ chế giễu Rùa như thế nào?

- A. Bảo Rùa là chậm như sên.
- B. Bảo Rùa thử chạy thi xem ai hơn .
- C. Bảo Rùa: “Anh đừng giễu tôi”
- D. Bảo Rùa là đồ đi cả ngày không bằng một bước nhảy của Thỏ.

Câu 4. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?

- A. Rùa thích chạy thi với Thỏ
- B. Thỏ thách Rùa chạy thi
- C. Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.
- D. Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

Câu 5. Vì sao Thỏ thua Rùa?

- A. Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.
- B. Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.
- C. Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.
- D. Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

Câu 6: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Đồ chậm như sên.”

- A. Nhân hóa
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Điệp ngữ

Câu 7. Truyện Thỏ và Rùa phê phán điều gì?

- A. Phê phán những người lười biếng, khoe khoang.
- B. Phê phán những người lười biếng, khoe khoang, chủ quan, kiêu ngạo.
- C. Phê phán những người chủ quan, ích kỉ.
- D. Phê phán những người coi thường người khác.

Câu 8. Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?

- A. Thỏ đi học muộn.
- B. Thỏ mãi mê bắt bướm, quên đường về.
- C. Thỏ cầm cổ chạy, bị ngã.

D. Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo.

Câu 9. Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì?

Câu 10. Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói: “Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó”.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	-HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Bài học: Chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng, nhanh mà chủ quan kiêu ngạo thì cũng có thể thất bại. Nếu chúng ta kiên trì thì chắc chắn sẽ thành công.	1,0
	10	-HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua câu nói trên ta nhận thấy Thỏ là kẻ kiêu căng ngạo mạn, chủ quan, coi thường người khác.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Nghị luận về những lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.	0.25
		c. Nghị luận về lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: * Mở bài: Nêu vấn đề cần nghị luận: Lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. * Thân bài: Nêu thực trạng của việc thực hiện việc đội mũ bảo hiểm khi tham	2.5

	gia giao thông của mọi người. Nêu những lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông - Sử dụng lí lẽ, bằng chứng khẳng định việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là việc làm rất đúng đắn. - Những tác hại của việc không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông. - Rút ra bài học, lời kêu gọi. * Kết bài: Khẳng định lại ý kiến đã trình bày.	
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Bố cục mạch lạc.	0,5
	e. Sáng tạo: Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.	0,5

Đề số 6.

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

MÙA XUÂN CỦA TÔI

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống.

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi làm cho người ta muốn phát điên lên như thế ấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ li ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thêm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nễn, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lòng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.[...]

(Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Em hãy cho biết đoạn trích trong văn bản “Mùa xuân của tôi” thuộc thể loại văn bản nào?

- A. Tản văn
- B. Truyện ngắn
- C. Tùy bút
- D. Hồi ký

Câu 2: Vũ Bằng đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

- A. Đồng bằng Bắc bộ
- B. Duyên hải Nam trung bộ
- C. Đồng bằng sông Cửu Long
- D. Tây Nguyên

Câu 3: Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ nào: “Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.”

- A. So sánh
- B. Điệp ngữ
- C. Hoán dụ
- D. Ẩn dụ

Câu 4: Nhận xét nào đúng nhất về ngôn ngữ trong đoạn trích trên?

- A. Khoa học, dễ hiểu
- B. Trong sáng, dễ hiểu
- C. Giản dị, sống động
- D. Giàu cảm xúc, tinh tế

Câu 5: Câu văn nào nêu đúng nhất chủ đề của đoạn trích?

- A. Miêu tả cảnh đẹp mùa xuân ở thủ đô Hà Nội.
- B. Cảnh sắc thiên nhiên lúc chuyển mùa.
- C. Khao khát hạnh phúc đôi lứa khi mùa xuân đến.
- D. Vẻ đẹp mùa xuân và tình yêu quê hương, xứ sở.

Câu 6: Đọc đoạn trích, em thấy mùa xuân đã khơi dậy điều gì trong lòng người?

- A. Say sưa, yêu thương, hạnh phúc
- B. Bình yên, tiếc nuối, chờ đợi
- C. Nhớ thương, tiếc nuối, day dứt
- D. Hạnh phúc, tự hào, trẻ trung

Câu 7: Phó từ “vẫn” trong câu văn: Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong [...] biểu thị ý nghĩa gì?

- A. Biểu thị ý nghĩa thời gian
- B. Biểu thị ý nghĩa mức độ
- C. Biểu thị ý nghĩa phương hướng
- D. Biểu thị ý nghĩa sự tiếp diễn tương tự

Câu 8: Công dụng của dấu chấm lửng trong đoạn văn sau: “Mùa xuân của tôi - mùa xuân

A. Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...”

- B. Còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết
- C. Thể hiện chỗ lời bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng
- D. Làm gián nhịp điệu câu văn

Câu 9: Qua văn bản trên, em hãy nêu những đặc trưng khi mùa xuân về trên quê hương em? (HS nêu ít nhất 2 đặc trưng)

Câu 10: Em thường làm gì để cùng gia đình đón Tết vui vẻ? (Hãy nêu ít nhất 02 việc)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Viết một bài văn bày tỏ cảm xúc về một người mà em yêu quý nhất.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	HS trả lời được những nét đặc trưng khi mùa xuân đến ở nơi mình sinh sống. (ít nhất 2 đặc trưng)	1,0
	10	HS nêu được ít nhất 02 việc làm phụ giúp ba mẹ chuẩn bị đón Tết vui vẻ.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm: Trình bày theo cấu trúc 3 phần rõ ràng, hợp lí	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: bày tỏ cảm xúc về 1 người em yêu quý nhất	0,25
		c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí: HS triển khai bài văn theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác biểu cảm, kết hợp miêu tả, tự sự. Sau đây là một số gợi ý:	
		- Giới thiệu về nhân vật biểu cảm. - Lần lượt biểu lộ những tình cảm, cảm xúc chân thật của người viết qua những phương diện: + Biểu cảm về ngoại hình (kết hợp tả, bộc lộ cảm xúc) + Biểu cảm về tính tình, việc làm, sở thích,... (kết hợp kể, tả, bộc lộ cảm xúc) + Kỉ niệm đáng nhớ (kể, tả sinh động bộc lộ cảm xúc) - Khẳng định tình cảm, cảm xúc, ... dành cho nhân vật; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân; mong ước...	2.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn chân thành, giàu cảm xúc,...	0,5

Đề số 7

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi ở phía dưới:

TIỀNG VỌNG RỪNG SÂU

Có một cậu bé ngộ nghĩnh thường bị mẹ khiển trách. Một ngày nọ, giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn: “Tôi ghét người!”. Từ khu rừng liền có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người!”. Cậu hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét cậu.

Người mẹ nắm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói: “Bây giờ thì con hãy hét thật to: “Tôi yêu người!”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người!”. Lúc đó, người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”.

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Trẻ, 2002)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì ?

- A. Nghị luận B. Miêu tả C. Tự sự D. Biểu cảm

Câu 2: Cậu bé trong văn bản là người như thế nào ?

- A. Hay sà vào lòng mẹ để khóc. B. Hay bỏ vào khu rừng rậm chơi.
C. Thích hét lớn mỗi khi giận dữ. D. Ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách.

Câu 3: Người mẹ trong văn bản trên có hành động gì ?

- A. Nắm tay con, đưa con trở lại khu rừng. B. Ôm con vào lòng và an ủi.
C. Trách mắng vì con giận mẹ mà bỏ vào rừng. D. Tìm con khi con bị lạc trong rừng.

Câu 4: Trạng ngữ “Một ngày nọ” trong câu: “Một ngày nọ, giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm.” biểu thị điều gì ?

- A. Thời gian diễn ra hành động của nhân vật.
B. Mục đích của hành động nhân vật.
C. Nơi chốn diễn ra hành động của nhân vật.
D. Nguyên nhân diễn ra hành động của nhân vật.

Câu 5: Vì sao cậu bé lại hoảng hốt quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở ?

- A. Vì cậu bé bị lạc trong rừng và mãi mới tìm được đường về nhà.
B. Vì cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét mình.
C. Vì cậu gặp một con thú dữ trong rừng đuổi theo mình.
D. Vì cậu thấy có lỗi với mẹ và chạy về xin lỗi mẹ.

Câu 6: Vì sao hai câu văn “Cậu hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng sâu lại có người ghét cậu.” được liên kết với nhau ?

- A. Vì dùng từ có tác dụng lặp lại.
B. Vì dùng từ cùng trường liên tưởng.
C. Vì dùng từ có tác dụng thay thế.
D. Vì dùng từ có tác dụng nối.

Câu 7: Người mẹ trong văn bản trên dạy con điều gì ?

- A. Cần có tình yêu thương trong cuộc sống.
B. Không được bỏ chạy vào rừng khi bị mẹ khiển trách.
C. Không được sà vào lòng mẹ khóc khi có điều sợ hãi.
D. Con hãy hét thật to điều con muốn nói.

Câu 8: Vấn đề mà văn bản trên đề cập đến là gì ?

- A. Nếu thù ghét người thì người cũng thù ghét lại.
B. Yêu thương người thì người cũng yêu thương lại.

C. “Cho” và “nhận” trong cuộc sống.

D. Ai gieo gió thì ắt sẽ gặt bão.

Câu 9: Câu nói “Ai gieo gió thì gặt bão” gợi cho em nghĩ đến câu tục ngữ nào? Hãy giải thích ý nghĩa câu tục ngữ đó.

Câu 10: Văn bản trên gửi đến người đọc những thông điệp gì?

II.VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận chứng minh rằng: “Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta”?

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	- Câu nói “Ai gieo gió thì gặt bão” gợi đến câu tục ngữ “Gieo nhân nào gặt quả nấy” - Ý nghĩa câu tục ngữ “Gieo nhân nào gặt quả nấy”: Cho đi điều gì sẽ nhận lại điều đó (khi bạn ở hiền thì gặp lành, khi bạn đối xử không tốt với người khác thì sau này bạn sẽ bị người ta đối xử không tốt lại). Đây là định luật tất yếu của cuộc sống. Vì thế hãy sống tốt với mọi người và với chính mình.	0,5 0,5
II	10	HS có thể rút ra nhiều thông điệp khác nhau, sau đây là gợi ý: - Người mẹ cần có lòng vị tha, luôn yêu thương con. - Trong cuộc sống, hãy cho đi thật nhiều điều tốt đẹp để nhận lại nhiều giá trị tốt đẹp.	0,5 0,5
		VIẾT	4,0
		a.Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần: MB, TB, KB	0,25
		b.Xác định đúng yêu cầu của đề: Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.	0,25
		c. Trình bày ý kiến quan điểm của bản thân: HS trình bày ý kiến chứng minh vấn đề “bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta” có nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau: -Giải thích “rừng” là gì ? - Chứng minh: Bảo vệ rừng chính là bảo vệ cuộc sống của con người: + Bảo vệ rừng là góp phần bảo vệ môi trường sống;	0,5 1,5

	+ Bảo vệ rừng là bảo vệ những nguồn lợi kinh tế to lớn mà rừng đem lại cho con người: Rừng cho gỗ quý, dược liệu, thú, khoáng sản... Rừng thu hút khách du lịch sinh thái. + Rừng đã góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng: Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù. Rừng đã cùng con người đánh giặc. - Ý thức bảo vệ rừng kém sẽ gây hậu quả xấu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống con người. - Mỗi chúng ta hãy tích cực góp phần vào phong trào trồng cây gây rừng để đất nước ngày càng tươi đẹp.	0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

Đề số 8:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Giờ đây, loài người thống trị hầu khắp hành tinh đến mức chúng ta đang đẩy các động thực vật hoang dã ra khỏi bề mặt Trái Đất. Chúng ta đã sử dụng hơn một nửa đất đai của thế giới cho lương thực, thành phố, đường sá và hầm mỏ; chúng ta sử dụng hơn 40% sản lượng sơ cấp của hành tinh (tất cả mọi thứ chế biến từ thực vật và động vật); và chúng ta kiểm soát 3/4 lượng nước ngọt. Con người hiện là loài động vật lớn với số lượng nhiều nhất trên Trái Đất và đứng thứ hai trong danh sách đó chính là những con vật được chúng ta nhân giống để phục vụ mình. Những thay đổi trên cấp độ hành tinh giờ đây đang đe dọa gây tuyệt chủng cho 1/5 sinh vật, gấp khoảng một nghìn lần tỉ lệ tuyệt chủng tự nhiên - chúng ta đã mất một nửa số động vật hoang dã chỉ trong vòng 40 năm qua...

(Nhiều tác giả, *Thế giới sẽ ra sao?* NXB Dân trí, Hà Nội, 2020, tr, 38 - 39)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Phần trích trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A. Ký. C. Nghị luận. B. Truyện. D. Thông tin.

Câu 2: Từ nào sau đây là từ mượn gốc Hán:

- A. Đường sá. C. Thống trị. B. Thay đổi. D. Đất đai.

Câu 3: Phần trích trên cung cấp cho người đọc những thông tin chính nào?

- A. Địa vị thống trị của con người trên Trái Đất và những hậu quả mà địa vị đó gây ra cho đời sống của muôn loài.
B. Những hoạt động của con người trên Trái đất và hậu quả mà những hoạt động đó gây ra cho đời sống muôn loài.
C. Vai trò to lớn của con người trên Trái đất và những việc làm tác động tới đời sống của muôn loài.
D. Sự tuyệt chủng của các loài sinh vật do những hoạt động của con người mang lại.

Câu 4: Tác giả đã chứng minh “sự thống trị hầu khắp hành tinh” của loài người theo cách nào?

- A. Liên tục đưa ra những số liệu cụ thể và các so sánh có độ xác thực cao.
 B. Liên tục đưa ra lý lẽ và dẫn chứng cụ thể xác thực cho thông tin đưa ra.
 C. Dùng lập luận chặt chẽ để làm rõ cho sự thống trị hầu khắp hành tinh của loài người.
 D. Đưa ra những thông tin cơ bản nhất về sự thống trị hầu khắp hành tinh của loài người.

Câu 5. Cụm từ nào sau đây là cụm danh từ?

- A. Đường sá và hầm mỏ. B. Những con vật.
 C. Số lượng nhiều nhất. D. Tuyệt chủng tự nhiên.

Câu 6. Từ “sơ cấp” trong đoạn trích có thể được đặt cùng nhóm với từ nào sau đây (tất cả đều là từ mượn).

- A. Đa cấp. B. Trung cấp. C. Thứ cấp. D. Cao cấp.

Câu 7. Từ nào không thuộc nhóm từ nói về các loài sinh vật?

- A. Động vật. B. Thực vật. C. Trái đất. D. Con vật.

Câu 8. Trạng ngữ trong câu sau được dùng để làm gì ?

“Giờ đây, loài người thống trị hầu khắp hành tinh đến mức chúng ta đang đẩy các động thực vật hoang dã ra khỏi bề mặt Trái Đất”

- A. Chỉ nguyên nhân. B. Chỉ thời gian.
 C. Chỉ mục đích. C. Chỉ phương tiện.

Câu 9. Bằng trải nghiệm của bản thân hoặc qua sách, báo, và các phương tiện thông tin khác, em hãy kể 2 đến 3 hậu quả do hiện tượng biến đổi khí hậu gây ra.

Câu 10. Giả sử, em là một tình nguyện viên tham gia chiến dịch bảo vệ môi trường, em hãy đề xuất những việc làm có ý nghĩa góp phần bảo vệ môi trường?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn nước sạch hiện nay.

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	D	0.5
	2	C	0.5
	3	A	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5
	7	C	0.5
	8	B	0.5
	9	Kể 2 đến 3 hiểm họa từ thiên nhiên do hiện tượng biến đổi khí hậu mà em đã chứng kiến hay biết qua sách, báo, và các phương tiện thông tin khác: + Hiện tượng mưa lũ ở miền Trung kéo dài bất thường năm 2021. + Hiện tượng siêu bão hàng năm. + Hiện tượng nắng hạn kéo dài và nắng nóng bất thường. Lưu ý: Học sinh nêu được 2-3 hiện tượng, GK cho 1.0 điểm, được 1 hiện tượng cho 0.5 điểm.	1.0
	10	Những việc làm nhỏ nào mà lại có ý nghĩa lớn góp phần bảo vệ môi	1.0

		trường: - Hãy sử dụng xe đạp đến trường thay bằng việc đi lại bằng phương tiện xe máy, ô tô. - Hạn chế và tiến tới không sử dụng bao bì ni lông và ống nhựa, chai nhựa,... - Tham gia chăm sóc cây xanh ở trường và ở nhà. - Sẵn sàng tham gia dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, trường học,... - Bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển kinh tế. - Dùng các chai lọ nhựa qua sử dụng để trồng cây xanh nhỏ, tạo cảnh quan xanh sạch đẹp cho ngôi trường, ngôi nhà của mình. Lưu ý: Học sinh nêu được 3-4 việc làm, GK cho 1.0 điểm, được 1-2 việc làm cho 0.5 điểm	
II	VIẾT		4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Ý nghĩa của việc bảo vệ nguồn nước sạch hiện nay. c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	0.25
		1. Mở bài - Cuộc sống sẽ không tồn tại nếu không có nước - Con người đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên đó là nước sạch 2. Thân bài - Thế nào là nước sạch: Là nguồn nước có thể dùng cho sinh hoạt hàng ngày của con người và sản xuất của con người - Vai trò của nước đối với sự sống + Là thành phần chủ yếu của con người và động vật + Là yếu tố không thể thiếu cho sinh hoạt hàng ngày cho sản xuất của con người - Thực trạng nguồn nước sạch đang bị ô nhiễm, đang ngày càng vơi cạn Do chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt môi trường bị mất cân bằng sinh thái... Sông hồ bị ô nhiễm nặng, hạn hán tăng và kéo dài,... - Hậu quả nghiêm trọng của nguồn nước sạch dần cạn kiệt Ảnh hưởng đến sức khỏe của con người: Suy nhược do thiếu nước,... Ảnh hưởng tới sản xuất: Hạn hán, mất mùa, thiếu nước tưới,... - Giải pháp	3.0

	Trước mắt: Tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh Lâu dài: Tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, Trồng rừng, giữ nguyên nguồn nước C. Kết bài - Cạn kiệt nước có thể là thảm họa cho cuộc sống - Trách nhiệm của mỗi người	
	d. Chính tả ngữ pháp đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	e. Sáng tạo trong diễn đạt, lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bài viết lôi cuốn hấp dẫn.	0.25

Đề số 9

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Mỗi lần hái được rau khúc về, bà tôi lấy nước mưa trong bể rửa sạch rau khúc và để cho thật ráo nước mới cho vào cối giã. Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò. Sau đó bà tôi mới trộn rau khúc đã giã với bột nếp và nhào cho thật nhuyễn. Mỗi khi bà tôi nhào bột bánh xong, tôi cũng cúi rạp xuống ghé sát mũi vào cối bột bánh bà hít thật sâu. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những lúc như thế, tôi lại giục bà đồ bánh khúc. Nhưng bà tôi không bao giờ đồ bánh ngay. Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh. Ngày xưa, chả mấy khi có thịt làm nhân bánh như bây giờ. Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thối chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân. Thì thoảng mua được mấy lạng mỡ phần thì bà tôi mới thái một ít để làm nhân bánh. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người. Khi ăn một chiếc bánh khúc như thế, tôi cứ nhai mãi mà không muốn nuốt. Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường. Khi đồ bánh, bà tôi phủ một lớp rau khúc kín mặt chảo bánh để giữ hơi và làm cho chảo bánh đậm thêm hương rau khúc.

(Trích Hương khúc - Tôi khóc những cánh đồng rau khúc, Nguyễn Quang Thiều, in trong Mùi của kí ức, NXB Trẻ, 2017)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn văn bản sử dụng những dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự và thuyết minh. B. Tự sự và nghị luận.
C. Tự sự và miêu tả. D. Tự sự và biểu cảm.

Câu 2. Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích?

- A. Người mẹ. B. Bà và mẹ.
C. Tôi và bà. D. Tôi và mẹ.

Câu 3. Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.
C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3.

Câu 4. Bánh khúc của bà được làm từ những nguyên liệu nào?

- A. Rau khúc và bột nếp.

- B. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh.
 C. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn.
 D. Rau khúc, bột nếp, đậu xanh, mỡ lợn và hành lá.

Câu 5. Tại sao “Bà tôi cứ để cối bột đã nhào kĩ chừng hơn một tiếng mới bắt đầu nặn bánh.”?

- A. Bà dành thời gian chuẩn bị mỡ.
 B. Bà ủ bột bánh cho nở để chất lượng bánh được ngon hơn.
 C. Bà tranh thủ dạy cháu cách làm bánh.
 D. Bà dành thời gian thổi đậu xanh.

Câu 6. Từ “thối” trong câu văn “Bà tôi chỉ dùng một ít nước mỡ trộn với đậu xanh mà quê tôi gọi là đậu tằm được thối chín và giã nhuyễn cùng với hành lá làm nhân.” đồng nghĩa với từ nào sau đây?

- A. Nấu. B. Rán. C. Nướng D. Xào.

Câu 7. Dòng nào nói đúng tác dụng của phép so sánh trong câu văn “Bà tôi giã rau khúc cho đến khi nhuyễn và dẻo như người ta giã giò.”?

- A. Diễn tả thao tác chế biến rau khúc của bà rất kĩ lưỡng, kì công.
 B. Diễn tả độ khó của việc chế biến rau khúc.
 C. Diễn tả các công đoạn chế biến rau khúc của bà.
 D. Diễn tả các công đoạn thưởng thức món bánh khúc.

Câu 8. Vì sao món bánh khúc được coi là một món ăn dân dã?

- A. Nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.
 B. Cách chế biến cầu kì, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.
 C. Cách thưởng thức đơn giản mà vẫn cảm nhận được hương vị của bánh.
 D. Cách chế biến thủ công, nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên, thưởng thức đơn giản, cảm nhận được hương vị của bánh.

Câu 9. Trong cảm nhận của người cháu, món bánh khúc có gì đặc biệt?

Câu 10. Tình cảm của người cháu dành cho bà?

Phần II. Viết (4 điểm)

Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS nêu được sự đặc biệt của món bánh khúc	1,0
	10	- HS nêu được tình cảm của người cháu dành cho bà, của người	1,0

		thường thức dành cho người làm bánh.	
II		Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện mạng xã hội của giới trẻ hiện nay?	4,0
		- Bố cục đủ 3 phần MB-TB-KB - Phần thân bài chia đoạn hợp lý theo luận điểm - Chữ viết sạch sẽ, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả - Đúng kiểu bài văn nghị luận: Luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng lý lẽ phù hợp, lập luận chặt chẽ...	0, 5
		a/ Mở bài: - Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Bên cạnh những mặt tốt mà mạng xã hội mang lại, thì việc lạm dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay. b/ Thân bài – Giải thích: mạng xã hội là gì? là một kênh thông tin xã hội của phương tiện công nghệ. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau. – Thực trạng: + Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game. – Nguyên nhân: Chủ quan: + Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi. + Do không kiểm soát được thời gian, không xác định được mục tiêu... Khách quan: + Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kỹ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách... + Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục... về vấn đề này – Hậu quả: + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau... + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ... – Biện pháp: + Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kỹ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả. + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng	3,25

	xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại. + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm ... để hs sử dụng mạng xã hội đúng cách... c/ Kết bài - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp... - Mở rộng, kết luận lại vấn đề.	
	- Có những dẫn chứng thuyết phục; lập luận thuyết phục, chặt chẽ; có thêm luận điểm mở rộng...	0,25

ĐỀ SỐ 10:

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ

Có một học trò hỏi thầy mình rằng:

- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?

Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:

- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.

Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy. Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:

- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có người hỏi mua với giá một đồng thầy ạ.

Người thầy mỉm cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.

Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:

- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.

Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:

- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tự sự D. Nghị luận

Câu 2. Chủ đề của văn bản trên là:

A. Giá trị cuộc sống B. Lòng biết ơn

C. Đức tính trung thực

D. Lòng hiếu thảo

Câu 3. Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

A. Người học trò

B. Người kể chuyện

C. Hòn đá

D. Người thầy

Câu 4. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.

B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.

C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.

D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

Câu 5. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí

B. Than thở, xem xét, háo hức

C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận

D. Xấu xí, than thở, háo hức

Câu 6. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

A. Hòn đá

B. Người học trò

C. Người thầy

D. Chủ tiệm đồ cổ

Câu 7. Cụm từ ngời cả ngày trong câu văn: Ngời cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng là thành phần mở rộng câu bởi?

A. Trạng ngữ

B. Cụm danh từ

C. Cụm động từ

D. Cụm tính từ

Câu 8. Tác dụng của điệp từ bán, mua trong văn bản trên có tác dụng gì?

A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.

B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.

C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

Câu 9. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5

	9	HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp. HS có thể lựa chọn những thông điệp sau: - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết định được cuộc sống của bạn. - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận.	2,0
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Hình thức: Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát.	0,5
		b. Nội dung:	0,5
		* Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19. * Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí. HS có thể trình bày những ý kiến sau: - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân. + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp - Dẫn chứng: (....) + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân: Giải thích 5K là gì. - Dẫn chứng (...) - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh. + Dẫn chứng: - Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân: - Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh: - Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,... + Dẫn chứng: - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế. + Dẫn chứng: => Bài tỏ suy nghĩ của bản thân. * Kết bài: - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời	2,5
			0,5

		đại dịch Covid 19. - Liên hệ bản thân.	
--	--	---	--

ĐỀ SỐ 11:

I. ĐỌC HIỂU. (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÁNH ĐIỀU TUỔI THƠ

“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh điều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi. Cánh điều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!”. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

(Cánh điều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Câu 1: Cho biết đoạn ngữ liệu trên thuộc thể loại văn bản nào ?

- A. Tùy bút B. Hồi kí C. Truyện D. Tản văn

Câu 2: Nối cột A tương ứng với cột B về đặc điểm thể loại của văn bản:

A	B
1. Tùy bút	A. Các tác phẩm tự sự nói chung có nhân vật, cốt truyện và lời kể.
2. Tản văn	B. Là ghi chép lại bằng trí nhớ những sự việc đã xảy ra đối với bản thân trong quá khứ đã để lại ấn tượng mạnh.
3. Truyện	C. Là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh.
4. Hồi kí	D. Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng, đời sống thường nhật.

Câu 3: Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào?

- A. Dòng sông B. Cánh điều C. Cánh đồng D. Cánh cò

Câu 4: Trong câu “Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ” có cụm từ “một thảm nhung khổng lồ” thuộc cụm từ nào sau đây?

- A. Cụm danh từ B. Cụm động từ C. Cụm tính từ D. Không phải là cụm từ loại

Câu 5: Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ?

- A. Cánh điều mềm mại như cánh bướm
B. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng.
C. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi.
D. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

Câu 6: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Thông qua “Cánh điều tuổi thơ”, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến sống của con người như những cánh điều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.

A. Khát vọng B. Nghị lực C. Niềm vui D. Sức mạnh

Câu 7: Câu "Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh..." cho thấy tâm hồn đứa trẻ như thế nào?

A. Trẻ em sẽ có tâm hồn yếu đuối. B. Trẻ em hay dễ ảo tưởng.
C. Trẻ em thấy bản thân luôn nhỏ bé. D. Trẻ em có tâm hồn mộng mơ.

Câu 8: Nhan đề văn bản nêu lên nội dung gì?

A. Nêu vấn đề cần phải giữ gìn trò chơi dân gian
B. Nêu lên ý nghĩa của cánh điều đối với tuổi thơ
C. Nêu hình ảnh xuyên suốt văn bản
D. Nêu lên ước mơ của con người lúc tuổi thơ.

Câu 9: Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ thường gắn với những trò chơi thú vị? Hãy trình bày cảm nhận về một trò chơi đã gắn bó với tuổi thơ em?

Câu 10: Em có đồng ý với ý kiến sau không: “Cánh điều có thể khơi dậy niềm vui sướng và ước mơ của tuổi thơ”? Hãy nêu vai trò của ước mơ trong đời sống con người.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn cảm nghĩ về mái trường của em.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	1C,2D,3A,4B	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS có thể trình bày những cảm nhận về trò chơi gắn bó với tuổi thơ em ở những ý khác nhau. - GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm. Gợi ý: - Giới thiệu được trò chơi. - Bày tỏ được tình cảm của bản thân với những kỉ niệm gắn bó trò chơi ấy.	1,0
	10	- HS có thể trả lời đồng tình hoặc không đồng tình, nhưng phải lí giải hợp lí. (GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm)	1,0

	- Vai trò của ước mơ: (HS trình bày ngắn gọn theo ý). + Ước mơ tạo cho con người niềm say mê và thích thú theo đuổi công việc của mình. + Là mục tiêu phấn đấu để không bao giờ cảm thấy nhàm chán. + Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng .	
II	VIẾT (Vận dụng cao)	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm: có Mở bài giới thiệu về ngôi trường và tình cảm dành cho trường mình, thân bài triển khai được tình cảm của em về vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp..., kết bài khái quát cảm nghĩ của em dành cho mái trường.	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: cảm nghĩ cá nhân đối với mái trường của em.	0,25
	c. Triển khai các ý cho bài văn biểu cảm. HS triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt cách bộc lộ cảm xúc thông qua vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp... Sau đây là một số gợi ý:	
	- Bộc lộ cảm xúc chung với mái trường của em. - Cảm nghĩ của em qua vài nét ấn tượng về vẻ đẹp của ngôi trường: Hàng phượng vĩ xanh tốt; Những dãy phòng học... - Cảm nghĩ về những kỉ niệm sâu sắc với ngôi trường. Ngày đầu tiên tới trường (bỡ ngỡ, rụt rè...) Kỉ niệm với bạn bè: (chia nhau cái bánh, cái kẹo, giúp đỡ nhau học tập, gắn bó như anh em...) Kỉ niệm với thầy cô: dạy dỗ em nên người, hình thành nhân cách, quan tâm tới học sinh, truyền đạt những kiến thức bổ ích... - Khẳng định tình cảm, cảm xúc của em dành cho mái trường.	2.5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

Đề số 12

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

Không có gì tự đến đâu con
 Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nựa
 Hoa sẽ thơm khi trải qua nắng lửa
 Mùa bội thu trải một nắng hai sương.
 Không có gì tự đến, dầu bình thường
 Phải bằng cả đôi tay và nghị lực.
 Như con chim suốt ngày chọn hạt

Năm tháng bao dung nhưng khắc nghiệt lạ kỳ.

(Không có gì tự đến đâu con - Nguyễn Đăng Tấn)

Câu 1 Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.

- A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Miêu tả

Câu 2. Bài thơ được viết theo thể thơ

- A. Bốn chữ. B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tự do

Câu 3 Bài thơ là lời nhắn nhủ của ai nói với ai?

- A. Cha mẹ dành cho con cái B. Ông bà dành cho con, cháu
C. Anh chị em dành cho nhau D. Thầy cô dành cho học trò

Câu 4. Trong câu thơ “Mùa bội thu trái một nắng hai sương”. Thành ngữ “ Một nắng hai sương” có ý nghĩa gì?

- A. Sự lao động vất vả, dài nắng đêm sương của người làm nghề nông.
B. Muốn mùa bội thu phải trải qua những nhọc nhằn, vất vả
C. Niềm hạnh phúc của người nông dân khi mùa màng tươi tốt
D. Sự đúc kết kinh nghiệm về thời tiết của người nông dân.

Câu 5. Hình ảnh “Đôi tay và nghị lực ” tượng trưng cho điều gì?

- A. Sức lao động của con người
B. Ý chí quyết tâm vượt khó vươn lên của con người
C. Sức mạnh vô biên của con người
D. B và C đúng

Câu 6 Em hiểu như thế nào về câu thơ: Quả muốn ngọt phải tháng ngày tích nhựa?

- A. Muốn có được quả ngon, ngọt thì cần phải trải qua những ngày tháng vất vả, chăm sóc cây mới có được thành quả. Muốn có quả ngọt, thành công, chúng ta cần có sự kiên trì, bền bỉ, quyết tâm để thực hiện lý tưởng, mục tiêu của mình.
B. Quả ngọt sẽ xuất hiện khi chúng ta vun bồi
C. Trải qua thời gian con người sẽ trưởng thành
D. B và C đúng.

Câu 7. Câu thơ “ Chỉ có con mới nâng nổi chính mình” có ý nghĩa như thế nào?

- A. Chỉ có bản thân mình mới làm được mọi việc trong cuộc sống
B. Chỉ có con mới có thể lập nghiệp được trong tương lai
C. Chỉ có con mới có thể trưởng thành
D. Chỉ có ý chí, nghị lực, quyết tâm của con mới giúp con đạt được ước mơ, hoài bão.

Câu 8 Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ “Như con chim suốt ngày chọn hạt”

- A. So sánh B. Ẩn dụ C. Nói quá D. Điệp ngữ

Câu 9. Ý nghĩa của cách kết thúc bài thơ : Nhớ nghe con!

Câu 10 Em có cảm nhận gì về nỗi lòng của cha mẹ được gửi gắm qua đoạn thơ?

II. Phần viết

Viết bài văn biểu cảm về mùa em yêu thích nhất.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
	1	Biểu cảm	0.5
	2	Tự do	0.5

Độc hiểu			
	3	Cha mẹ dành cho con cái	0.5
	4	Sự lao động vất vả, dãi nắng dầm sương của người làm nghề nông.	0.5
	5	Ý chí quyết tâm vượt khó vươn lên của con người	0.5
	6	Muốn có được quả ngon, ngọt thì cần phải trải qua những ngày tháng vất vả, chăm sóc cây mới có được thành quả. Muốn có quả ngọt, thành công, chúng ta cần có sự kiên trì, bền bỉ, quyết tâm để thực hiện lý tưởng, mục tiêu của mình.	0.5
	7	Chỉ có ý chí, nghị lực, quyết tâm của con mới giúp con đạt được ước mơ, hoài bão.	0.5
	8	So sánh	0.5
	9	Hình thức: Câu thơ chỉ có ba tiếng ngắn gọn, kết thúc bằng dấu chấm than thể hiện ý nghĩa cầu khiến. Ý nghĩa: Câu thơ ngắn gọn, khác biệt, tạo ấn tượng và sự chú ý của người đọc Là kết tinh những lời răn dạy về những điều tốt đẹp của cha mẹ bằng kinh nghiệm sống và tất cả tình yêu thương dành cho con, mong con khắc ghi và trưởng thành.	1.0
	10	- Trình bày bằng một đoạn văn (có độ dài khoảng 5-7 câu) - Có thể trình bày một số điều sau: Qua những lời thơ nhẹ nhàng như một bài hát du dương, gợn chạm vào tâm hồn người đọc để qua đó cũng là những lời răn dạy con, nhẹ nhàng và sâu lắng của cha mẹ. + Cha mẹ khuyên con hãy rèn luyện đức tính kiên trì, bền bỉ, mạnh mẽ, quyết tâm, nghị lực... trong hành trình trưởng thành của mình. Có trải qua gian lao, khổ cực, thử thách mới có được thành công, cuộc sống sẽ mỉm cười với con, cho con “ quả ngọt” nếu con chịu khó tôi luyện, vun trồng, chăm sóc. + Chính con là người tạo nên thành quả chứ thành quả không tự đến với con. + Bất cứ điều gì cũng cần thời gian, cần những sự cố gắng vun đắp nên từng chút một, thành công không đến trong phút chốc hay tự nhiên mà có được. + Lời khuyên, lời nhắn nhủ của cha mẹ chân thành, đúng đắn đã	1.0

		định hướng cho con những phẩm chất tốt đẹp. Qua đó ta thấy được tình yêu thương, lòng bao dung, ân cần, sự quan tâm của cha mẹ đối với con cái.	
		a.Yêu cầu về hình thức: - Bài viết có bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy; văn phong trong sáng, có cảm xúc, bài làm có các ý rõ ràng, mạch ý trôi chảy. b. Yêu cầu nội dung: Đảm bảo một số vấn đề cơ bản sau: +) Mở bài - Giới thiệu mùa em yêu +) Thân bài: Em yêu mùa nào trong năm? Vì sao? Mùa ấy đã để lại những cảm xúc, suy nghĩ gì trong lòng em? Mùa ấy có những đặc điểm gì đặc biệt về thời tiết, quang cảnh, cỏ cây hoa lá, con người...? Mùa ấy gắn với kỉ niệm nào khó quên trong lòng em? Ước mong, hi vọng của em khi mùa về? ... +) Kết bài Cảm nghĩ của bản thân về mùa: Yêu mến , trân trọng	

